

HENRY MILLER

ကုမ္မာ ဆမ္မာဓိက ဝါဏ



phương tây

Mùa xuân đen

Black spring

Henry Miller

Dịch giả: Hoàng Uyên Ly



Paris * 08.2025

Bìa : *NXB Phương Tây*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

Mùa xuân đen
Black spring

HENRY MILLER
DỊCH GIẢ: HOÀNG UYÊN LY

PHƯƠNG TÂY
Saigon * 1971

HENRY MILLER đã viết rất nhiều tác phẩm. Tác phẩm này (MÙA XUÂN ĐEN) quan trọng hơn cả.

WEBSTER SCHOTT. Kansas CITY

Nghệ thuật tả thực của MÙA XUÂN ĐEN thật là tuyệt diệu. Là văn, nhưng không khác gì hội họa. HENRY MILLER quả là một tiểu thuyết gia vĩ đại nhất của thế kỷ XX.

MAXWELL GEISMAR

Tác phẩm MÙA XUÂN ĐEN được viết giữa hai cuốn HẠ CHÍ TUYẾN (TROPIC OF CANCER) và ĐÔNG CHÍ TUYẾN (TROPIC OF CARPICORN) nên đã gồm tóm được tất cả những tư tưởng hàm súc của thế-giới-văn-chương HENRY MILLER.

THE NEW YORKER

Những sách của Henry Miller đầu tiên bị liệt vào loại sách cấm bán ở Mỹ vì tính chất sex... và Anti-America... nhưng dân Mỹ lại khoái xem truyện của Henry Miller vì “hay quá” “It’s a dirty book, that’s worth reading.” Và dân Mỹ đã phải mua “giá chợ đen” các sách của Henry Miller xuất bản ở Pháp do các du khách mang về Mỹ..

VĂN HỌC SỬ HOA KỲ

MỤC LỤC

1. Quê nhà yêu dấu	13
2. Mùa xuân đen	51
3. Chiều cuối tuần	82
4. Tiệm thợ may	177
5. Hấn	280
6. Vào đời sống đêm	314
7. Bọn hề	410
8. Sa mạc người	447

QUÊ NHÀ YÊU DẤU

Tôi là con người có tinh thần yêu nước, sinh trưởng ở khu phố Ward 14 tại Brooklyn. Những nơi khác của Mỹ quốc đối với tôi hầu như không có nữa ngoại trừ tư tưởng, lịch sử và văn chương Mỹ thôi. Năm lên 10, tôi phải lìa nơi chôn nhau cắt rốn để thiên cư tới ở gần một nghĩa trang của những người theo đạo Tin Lành hệ phái Luther, một nghĩa trang mồ mả được sắp xếp rất ngay hàng thẳng lối và hoa cúng cho người

quá cố không lúc nào thấy phai tàn. Tuy nhiên tôi đã sinh trưởng ở đường phố, những con đường của thời đại cơ khí văn minh có1 trông những trụ điện bằng sắt rất đẹp và gây niều ảo tượng về đêm...

Sinh ra đời dưới chòm sao Bạch Dương, nên thân thể tôi có vẻ bùng sống, hoạt động, căng đầy nghị lực, làm việc không biết mỏi. lại ở căn nhà số 9, nghĩa là sao Hỏa Tinh chiếu mạng. Sinh trưởng ở đường phố có nghĩa là lang thang suốt đời, là tự do, là lông bông, là tai nạn, là nhiều chuyện tình cờ, là kịch tính và hoạt động và nhất là, nhiều mơ mộng. Sự hòa hiệp của nhiều sự kiện tình cờ xa lạ làm cho cuộc sống lông bông của ta có tính chắc bí nhiệm, huyền mơ. Ta có thể học được ở đường phố đâu là thực chất của con người, nếu không thì mãi về sau này hai thứ tóc trên đầu ta mới

có thể khám phá và hiểu được thực chất đó. Cái gì ở đường phố thênh thang ấy là giả dối, huyền hoặc, nghĩa là tiểu thuyết văn chương! Không có gì đáng gọi là phiêu lưu nếu chưa tắm trong hương vị của phố phường. Dù có lấy máy bay lên những miền địa cực, dù ta có lênh đênh trên biển cả trên chiếc thuyền buồm, dù có đi khắp mọi thành phố, hoặc như anh chàng Kutz một mình một tay chèo ngược dòng sông và đi lang thang đó đây cũng chẳng đi tới đâu cả. Dù công việc của ta có tính cách kích động đến đâu chẳng nữa, dù hoàn cảnh có bi đát, không chịu đựng được, sao đi nữa, thì ta vẫn luôn luôn tìm được một lối thoát, luôn luôn có sự cải tiến, dễ chịu, bù trừ, báo chí để giải khuây và tôn giáo, miễn là một khi ta được tự do, diên khờ, ngây dại, sát nhân...

Những chàng trai lần đầu tiên đi phố bạn gặp, họ sẽ ở kiếp ăn đời với bạn. Họ thực sự là những anh hùng vĩ nhân. Napoléon, Lenin, Capone... tất cả chỉ là tiểu thuyết. Đối với tôi thì Napoléon chẳng ra gì cả, nếu so sánh với Eddie Carney, người đã ban cho tôi cặp mắt đen láy đầu tiên khi vào đời. Chẳng có ai lại có cái vẻ vương giả, huy hoàng, quý phái như Lester Reardon cả, một con người chỉ độc có việc đi ngoài phố cũng đã làm cho mọi người khiếp sợ và cảm phục, Jules Verne chưa bao giờ dẫn ta tới những nơi mà Stanley Borowsky khi trời sấm tối là xắn tay áo lên ra tay hành động. Robison Crusoe so với Johnny Paul thì óc tưởng tượng còn kém xa. Tất cả con trai ở phố Ward 14 vẫn còn những hình ảnh sống đầy thi vị về những con người đó, những con người không phải do trí tưởng tượng sáng tạo ra, họ là những

con người có thật. Tên họ kêu vang như những đồng tiền vàng, Tom Fowler, Jim Buckley, Matt Owen, Rob Ramsay, Harry Martin, Johnny Dunne... tất cả đều chẳng nghĩa lý gì bên những cái tên oai hùng: Eddie Carney hay là vĩ nhân Lester Rardon. Không biết tại sao, ngay cả tên các vị thánh cũng gây ra một cái vị khó chịu trong miệng tôi. Johnny Paul thực sự đã là một Odyssey bằng xương bằng thịt của khu phố Ward 14. Sau này ông ta lại trở thành một bác tài xế xe vận tải thì đó cũng là một điều tôi không sao hiểu nổi.

Dù có một cuộc đổi thay, xáo trộn lớn; thì cũng chẳng ai coi như để ý xem là phố xá có trở thành xấu xa hoặc bẩn thỉu hơn thường không. Nếu có người mở nắp ống cống chính của thành phố lên, ta bịt mũi lại để khỏi ngửi thối. Nếu ta có hắt hơi, thì ta thấy nước mũi dãi

trong khăn tay chứ đâu có thấy mũi. Ai nấy đều có một niềm an tĩnh và an phận thủ thường. Phố xá đầy những tiệm cà phê, những vết chân người, những vết xe đạp, những người đàn bà đi te tái, những con ngựa chạy nước kiệu. Đời sống cứ trôi đi một cách u nhàn; ít ra là ở khu phố Ward 14. Những sáng Chúa nhật, chả có ai mặc áo đẹp cả. Nếu bo Gorman trên thang gác đi xuống với bộ quần áo tã, bụi bám đầy mặt để vái chào vị linh mục “Chào cha ạ!” “Chào bà Gorman!” thì đường phố như sạch trơn tội lỗi. Pat Mc Carren giắt một chiếc khăn nhỏ xinh xắn trong chiếc túi áo veste để sẵn sàng sử dụng trông không khác gì một bông hoa gắn vào ve áo. Bia một khi đã sủi bọt trong ly, người ta thôi không nói chuyện với nhau nữa.

Trong giấc mơ, tôi trở về khu phố

Ward 14 chẳng khác gì kẻ điên khùng trở về với chính những gì ám ảnh mình. Khi tôi nghĩ tới những chiếc tàu chiến vỏ thép xám nằm im trong Quân cảng Hải quân, tôi thấy chúng nằm theo một chiều hướng nào đó và tưởng tượng tôi là một người thợ đúc súng, một nhà hóa học, một nhà thương gia rất nổi tiếng, một người thầu đám táng, một tên bạo dân, một luật sư, một người chuyên cạnh tranh, một vị học giả, một tên vô công rồi nghề, một thằng đầu bò, một tên mặt sắt.

Chỗ nào người khác có thể nhớ lại được tuổi thơ với một căn vườn đẹp đẽ, một người mẹ đầy tình luyện thương, một cuộc cắm trại bên bờ biển thì tôi chỉ nhớ lại thật rõ rệt, thật sống động như khắc bằng acít, những bức tượng xám xịt bồ hóng, những ống khói nhà máy thiếc đứng đối diện với những tấm thiếc sáng

bóng, cong vòng vút bừa bãi ở ngoài đường. Có một số tấm thiếc còn sáng bóng, nhưng một số khác đã rỉ sét, xanh lè, quệt vào là thấy bẩn tay. Tôi nhớ lại những lò rèn sắt đỏ rực, những công nhân rèn sắt đi xuống lò đúc, tay cầm những chiếc xẻng cỡ lớn, trong khi bên ngoài lò có để những xúc than có tay cầm, vô phúc vấp phải không gãy chân cũng gãy cổ. Tôi còn nhớ như in những bàn tay đen đúa của những người thợ đúc sắt, có những mấu chai ăn sâu vào da không có gì có thể tẩy xóa cho sạch được, dù là dùng xà bông, thuốc tẩy, tiền bạc hay tình yêu hoặc sự chết. Giống như các ấn tin đen đã đóng trên người họ. Họ đi xuống lò đúc trông chẳng khác gì những con quỷ có bàn tay đen rồi sau đó với những đóa hoa trên người họ, lạnh lẽo và cứng ngắc trong bộ áo ngày Chúa nhật, ngay cả mưa cũng không làm sạch được

những vết chai sẹo đó. Tất cả những con đã nhân đẹp này sẽ về với Chúa mang theo những bắp thịt gồng lên với bệnh đau lưng và đôi bàn tay đen đúa...

Đối với tôi thì cả thế giới này như thu gọn trong phạm vi của vùng 14. nếu có cái gì xảy ra bên ngoài ranh giới đó hoặc không xảy ra thì cũng chẳng có gì là quan hệ. Nếu cha tôi có vượt ranh giới khu vực này để đi ra ngoài câu cá thì cũng chẳng có gì là thích thú với tôi cả. Tôi chỉ còn nhớ mỗi buổi chiều câu cá về, ông cụ nông nặc mùi rượu, rồi mở chiếc túi màu xanh lá cây thả ra những con quái vật mắt tròn xoe chạy lung tung trên sàn nhà. Nếu có một anh lính chiến nào, tôi chỉ còn nhớ rằng mỗi chiều thứ Bảy anh ta trở về, đứng trước cửa nhà vị mục sư mưa thốc tháo ra rồi cởi áo lau sạch bụi đường và đóng cửa đi... Tôi

còn nhớ Rob Ramsay, con trai vị mục sư. Ai cũng mến anh ta cả, anh ta là cậu con cưng của gia đình, mặc dầu anh ta là con người chẳng ra gì và anh ta cũng biết rõ chuyện đó, nhưng bất xét.

Đối với anh ta thì những ngày Chúa nhật cũng như thứ Tư, ngày nào cũng vậy. Người ta thấy anh chàng đi phố luôn dưới những tấm màn che nắng, áo khoác vắt trên tay, mồ hôi lã dãi trên trán, chân thì lêu khêu run rẩy, bộ áo mặc vừa dài vừa cứng ngắc của một chú lính thủy vừa trên tàu lên bờ sau một cuộc tuần thám dài đằng đẳng. Nhựa thuốc lá dính nhẹp ở mép, thỉnh thoảng lẩm bẩm chửi thề, có đôi khi nói như quát lên, thật ồn ào. Cái vẻ bề ngoài lười biếng, sự vô ưu của con người, những cảnh tồi bại, những tội phạm thánh. Không có người của Chúa lại như cha chàng cả. Không có ai

là người cảm hứng được tình yêu thương đến thế. Sự yếu đuối của người cũng là sự yếu đuối của con người nói chung, người đã mang những nỗi yếu đuối đó một cách nhẹ nhàng và sung sướng, một cách hài hước và vô sĩ như là phường trộm cướp. Ta có thể thấy ông đi trên con đường phố ấm áp lúc mờ sương, lúc các ống ga chính bị xả, không khí đầy mặt trời, tiếng xe rít, tiếng chửi thề tục tĩu, có thể là ông ta quần áo xốc xếch, cửa quần mở tung, hay áo ngoài trắng xóa những đốm bị ối mưa ra. Đôi khi ông ta xông xáo trên đường phố như con bò mộng, lúc đó phố bỗng vắng hoe một cách kỳ ảo, như thể có cái miệng khổng lồ mở rộng ra nuốt hết mọi lời phạm thượng. Chàng khùng Willy Maine có thể cũng đang đứng ở lề đường trước một tiệm vẽ, quần áo dài thậm thụt, liên hồi chửi bới cuộc đời chó má đáng yêu. Họ đang đứng ở đó

dưới tiếng điện nổ lụp bụp khô khan ở ngoài phố vắng cùng với những ống “ga” chính đang nổ tung. Đó là một chuyện làm đau lòng vị mục sư.

Cuộc đời quá khứ của Rob Ramsay là thế đó. Một con người lúc nào cũng chịu chơi hết mình. Anh ta từ chiến tuyến trở về, ngực đeo đầy huy chương, lòng còn sôi sục, say máu chiến đấu. Hắn thổ mửa trước cửa nhà hắn, rồi cởi áo lau sạch những đồ vừa mửa ra. Anh ta cũng có thể quét sạch đường phố nhanh như khẩu súng máy của anh ta. Quét cho sạch! Tiêu diệt cho kỳ hết! Châm ngôn của anh ta là vậy. Rồi chỉ một lúc sau đó, với một cách thiếu húng khởi, vô ưu, vô tư lự, hắn đi hết chiếc cầu đá rồi gieo mình ùm xuống nước.

Tôi còn nhớ anh ta rõ lắm, kể cả căn nhà anh ta ở. Bởi vì, vào những chiều hè

bức sốt, chúng tôi thường tụ tập đông đảo kể cận nhà Rob Ramsay đứng nhìn người ta qua lại trên đường phố để vào một phòng trà ở bên kia đường. Người ta cứ tới tới, lui lui như vậy suốt đêm, chẳng có ai thèm kéo màn che nắng lên nữa. Bỗng, một viên đá từ căn nhà của anh hể tên Bum bay ra. Chung quanh nhà hể Bum là các trà đình, tửu quán, bar. Đêm thứ Bảy nào cũng có một dãy dài những người nối đuôi nhau, tuần tự, đẩy nhau đi, lượn khúc quanh co trước quầy bán vé. Những đêm thứ Bảy, khi các cô gái bạch mi ở «tột đỉnh vinh quang của mình», thì chắc chắn thế nào cũng có những thủy thủ man rợ xông ra khỏi căn cứ Hải quân để vào ôm cứng lấy những cô chiêu đãi ở bar Millie de Léon. Cũng đêm đó, họ cũng lại sẽ đi lang thang ngoài đường phố thật khuya rồi mới tạt về nhà. Rồi họ sẽ lại đứng trong phòng ngủ cạnh

phòng khách, cởi những chiếc quần chật cứng, bó sát ra và người vợ thì cũng đang lột bỏ những chiếc nịt vú ra. Họ gãi lưng cho nhau y hệt những con khỉ, rồi cùng nhau uống la-ve (bia) xùm xụp, rồi cắn tai nhau, ré lên những tiếng cười man rợ không khác gì chất cốt mìn đang xì khói. Tất cả những cảnh đó, từ thềm nhà Rob Ramsay có thể nhìn rõ hết. Ông cụ già vừa đọc kinh vừa lên thang gác có chiếc đèn dầu đang leo lét cháy. Cụ cầu nguyện như thể một con chiên cái tội lỗi đang sám hối vì giờ cuối cùng đã điểm. Đôi khi đọc kinh cầu nguyện mệt rồi, cụ khoác chiếc pyjama vào đi xuống nhà y như một thầy dòng già, lấy cán chổi đập nhẹ vào những cậu thanh niên đang tùm năm tùm ba ở đó.

Từ quá trưa thứ Bảy tới sáng thứ Hai là cả một thời gian dài vô tận. Sự việc

này tan vào sự việc kia. Từ sáng thứ Bảy người ta đã sẵn sàng, sự việc sẽ ra sao chỉ có Chúa mới biết rõ. Ta vẫn chỉ cảm thấy rằng những tàu chiến vẫn bỏ neo ở ngoài vịnh. Người ta vẫn thấy những chiếc cầu tàu đã được chui bóng láng và hạ xuống, cái khối lớn của những quái vật trên biển cả này vẫn nằm lì trên mặt nước bản thủ sáng như gương, nó là một cái khối xa hoa lộng lẫy đối với tôi. Tôi đã mơ ước là chạy trốn, chạy trốn đi những nơi thật xa xôi. Nhưng tôi chỉ đi xa lắm đến bên kia bờ sông, xa hơn về phía Bắc tới Đại lộ thứ 2, đường số 28 đường Belline. Ở đó, tôi đã chơi bản nhạc Valse «Mùa Hoa Cam Nở» và lúc nghĩ lưng chừng, tôi đã rửa mặt trong một chiếc chậu rửa bằng sắt. Chiếc dương cầm đặt ở một góc phòng trà. Các phím đàn đã vàng khè, và bàn đạp không thể dùng được nữa. Tôi mặc quần áo lụa. Mọi việc xảy ra ở

bên kia bờ sông thấy đều rất bản thủ: sàn nhà đầy cát những ngọn đèn dầu oliu, những bức tranh bang mica tuyết như không bao giờ tan trong bức tranh đó cả, những người Hòa Lan khùng khùng, những ly bia lớn cầm trong tay, những chiếc chậu rửa mặt đầy cáu bẩn, người đàn bà từ Hambourg tới, con lừa của bà ta gãi sồn sột vào ghế ngồi, rải rác trên sân nhà đầy những bắp cải thối rữa. Mọi sự việc trong ba phần tư thời giờ cứ tiếp tục hoài như vậy. Tôi đi giữa cha mẹ tôi, một tay trong túi áo của mẹ, một tay trong túi áo của ba. Mắt tôi nhắm nghiền thật chặt và chỉ mở ra để khóc thôi. Tất cả những làn sóng chập chờn đổi thay cùng thời tiết lướt qua trên dòng sông đều hiện rõ trong tâm hồn tôi. Tôi còn như cảm thấy sự trơn trượt của những chiếc cột buồm thật lớn, tôi thường dựa lưng vào đó những khi trời có sương mù hoặc

mưa gió. Nó truyền qua thân xác tôi sự run rẩy của con tàu trong gió lạnh, như thể con tàu đang trượt dốc vậy. Tôi còn có thể hình dung ra được cái thành tàu mố meo đang nằm bênh bồng trên mặt nước cùng với chiếc bánh lái tròn ở đầu tàu, làn nước đen đang tuôn ở bên trong tàu ra rồi chảy tràn lên thành tàu. Trên đầu tôi một bầu hải âu đang kêu khéc khéc, chúng nhào lộn, lượn vòng, gây ra một thứ giọng ồn ào, bắn thủ; mỏ của chúng gại vào nhau gây ra một thứ tiếng xộp xoạp kỳ ảo của một bữa tiệc vô nhân đạo, như thể những cái miệng cam như hến để từ chối, như thể những chân đầy sọc đang quậy trong làn nước đục ngầu.

Người ta cứ vô tình trải qua hết cảnh nọ đến cảnh kia, hết tuổi này đến tuổi

khác, hết cuộc sống này đến cuộc sống kia. Bỗng nhiên, ta lại thấy mình đi phố không biết là thực hay mộng nữa. Lần đầu tiên, ta mới nhận ra rằng thời gian năm tháng đang trôi qua, rằng tất cả những gì đã trôi qua là trôi qua luôn, và ta chỉ còn sống trong ký ức thôi. Rồi bỗng nhiên ký ức ta quay về với lòng mình với một cái gì đó có vẻ kỳ lạ và trong sáng vô cùng. Ta cứ lướt qua những cảnh trí này một cách liên tục, trong mộng mị và mơ màng, khi thì thấy mình đang bát phở, khi thì thấy mình đang nằm với một người đàn bà, khi thì đọc sách, khi thì nói chuyện với một người lạ mặt...

Bỗng nhiên, nhưng luôn luôn với một cái gì có tính cách van lơn cầu khẩn, ghê gớm, luôn luôn với một cái gì có tính cách chính xác dễ sợ, tất cả những hoài niệm này xông xáo, vùng đứng dậy

như những bóng ma quái và thẩm nhập vào mọi thớ thịt của ta. Rồi từ đó, mọi thớ thịt ta như di chuyển trên một mặt phẳng chuyển động: tư tưởng, giấc mơ, hành động và cả cuộc đời chúng ta. Chẳng khác gì một hình đồng dạng, ta rời chỗ này để sang một chỗ khác cũng thấy in hệt. Và từ đó, chúng ta lại như rơi vào một nơi có muôn ngàn mảnh vụn, giống như con rết có những chiếc chân lơ lửng nhẹ trong không khí; chúng ta cứ đi mãi có cảm giác rằng mình đã tham lam uống hết quá khứ, vị lai, mọi vật như tan chìm vào âm nhạc và buồn rầu. Chúng ta gặp lại một thế giới đã được hợp nhất, và để chấp nhận sự chia cách của chúng ta. Khi chúng ta cất bước đi thì vạn sự vật như đều tan nát cùng chúng ta thành muôn ngàn mảnh nhỏ có muôn sắc màu. Cái mảnh lớn của sự trưởng thành, sự thay đổi lớn lao.

Trong lúc còn thanh niên, chúng ta là tất cả, nhưng nỗi sợ hãi và sự đau khổ của trần gian cứ thâm nhập hoài hủy vào con người của ta. Không có biên giới cách biệt giữa niềm vui và nỗi khổ, cả hai hòa nên một, như khi ta vừa tỉnh ngủ đã thấy cuộc sống thực tại như hòa trộn với mộng mị và giấc ngủ. Sáng ngày khi vừa thức dậy, ban đêm chúng ta lại lặn sâu vào lòng đại dương u tối, ta như bám chặt lấy các vì sao và ôm lấy sức ấm nóng còn sót lại lúc ban ngày. Rồi có một lúc, vạn sự vật như bỗng nhiên sụp đổ. Chúng ta sống trong tâm tưởng rất rời rạc, ta không còn đủ lực thưởng thức điệu nhạc man rợ của đường phố nữa, ta chỉ còn như nhớ lại mà thôi. Giống như người chỉ sống cho độc một tư tưởng, chúng ta làm sống lại bi kịch tuổi thanh niên. Hết như con nhện nhả tơ, kết mạng theo đúng một khuôn mẫu đã có sẵn. Nếu ta

có bị xúc động vì một tượng bán thân mập thì chính là bán thân của một gái điểm mập đã cúi xuống ta vào một đêm mưa và trở cho ta biết lần đầu tiên cái vẻ đẹp lạ lùng của những gò bông đảo vĩ đại; nếu ta rung động vì những ánh phản chiếu long lanh trên một vĩa hè ướt sũng nước là bởi vì hồi lên bảy, ta đã bất thần bị một cảm giác đầu tiên của cuộc sống xâm chiếm ta khi ta xoe mắt nhìn một cách vô ưu vào vũng nước phản chiếu ánh mặt trời ngoài đường phố.

Nếu tiếng cửa mở cốt kết làm ta xúc động cũng vì ta nhớ lại có một chiều hè nào đó, khi tất cả mọi nhà lần lượt đóng cửa lại, thì chỗ nào có làn ánh sáng ủa ra để ve vuốt bóng tối, thì chỗ đó y như có những tấm da mạ vàng với những chiếc dây và những chiếc dù óng ánh, rồi có những tiếng ồn ào luôn qua những cánh

cửa rít, giống như cát nhuyễn chảy qua chất ngọc thạch, ở đó tỏa dâng những điệu nhạc đậm dật và mùi thơm của những xác thịt xa lạ đẹp lộng lẫy. Có lẽ khi cánh cửa này hé mở, hiển cho ta một thoáng nhìn về vũ trụ, có lẽ lúc đó tâm hồn ta có cảm tưởng như bị sức nặng nề ghê gớm của tội lỗi đè nặng lên, cùng với những ảo ảnh quay cuồng trong ánh sáng. Chân ta gài gại một cách nhàn nhã trên đồng mặt cửa, tay cầm chiếc ly lạnh cóng, và cũng ở đây, trên những chiếc bàn nho nhỏ, rồi đây, chúng ta phải nhìn vào đó với một niềm khát khao và kính cẩn.

Cũng ở đây, chúng ta sẽ phải cảm thấy rằng, với năm tháng xiềng xích của tình yêu đầu tiên sẽ đến để trói buộc; những vết ban đầu tiên của rỉ sét, những bàn chân đen đúa có móng nhọn của

con gà đá, miếng thiếc tròn sáng vút bừa bãi ngoài phố, những chiếc ống khói bám đầy lớp muội mỏng tro troi trên mái nhà, cây sồi già rít lên trong gió dưới ánh nắng chiều hè, hú thét lên khi trời đổ mưa, trong khi đó, từ dưới đất nóng, các con ốc sên chui lên lổm ngổm thật kỳ lạ, cả bầu không khí bỗng đổi thành màu xanh và đượm mùi hăng hắc như diêm sinh. Ngồi bên những chiếc bàn nhỏ ở đó, vừa khi tiếng gọi đầu tiên cất lên, vừa khi bàn tay vẫy vẫy ra hiệu thì có một cái gì khó chịu quặn lên, gặm nhấm trong ruột, trong gan. Rượu như trở thành chua loét trong bụng, có một cái gì đau đớn bò từ dưới bàn chân thốc lên, đầu thì quay cuồng trong sự buồn rầu, khốn khổ, mỗi đốt xương nóng rực lên như than hồng khi sờ vào chiếc bàn. Cứ thế, lai rai hết chuyện nọ đến chuyện kia, nào chuyện thời thanh niên, nào những

phiên sầu khổ não, nào những đêm man rợ, những cuộc khiêu vũ thân mật kỳ ảo trên những vũng nước ngoài đường, rồi chuyện những người đàn bà cười hi hi khi họ gãi, những tiếng cười hồ hồ khả ố của những tên thủy thủ, một dãy dài những người đang nối đuôi nhau xếp hàng trước quầy bán vé hát, những con tàu đang lướt cạnh nhau trong sương mù và đang chống trả kịch liệt với làn sóng đang ào tới va vào mạn tàu rạt rạt, ào ào. Trong khi đó mãi cao trên cầu Brooklyn, một người đàn ông đang đứng dựa vào lan can trông điệu thiếu nữ, hẳn đang chờ để nhảy tòm xuống. Hoặc có khi hẳn chờ để sáng tác một bài thơ, hoặc chờ để máu chảy hết khỏi mạch máu bởi vì nếu hẳn tiến một chân kia lên nữa thì e rằng nổi đau khổ vì tình yêu của hẳn sẽ giết hẳn... Tất cả cứ như tiếp nối mãi mà trôi đi vậy.

Cái chất liệu của mộng mị chính là sự đau khổ khi phải chia lìa. Ước mơ vẫn hiện hữu khi thân xác đã bị chôn vùi. Chúng ta đi bộ trên phố phường cùng với hàng ngàn đôi chân và đôi mắt, với một cái vùi có nhựa dính nhạt nhanh cho kỳ hết bất cứ cái gì dù là nhỏ nhất, cùng những hoài niệm trong quá vãng. Mở hoác miệng, ngửa cổ ta uống đêm thâm vào rồi cả một biển máu ngợp chìm vào giấc mộng tuổi thanh xuân. Chúng ta uống rồi lại uống, uống như không bao giờ hết khát. Chúng ta chả bao giờ sống toàn bị những sống từng mảnh vụn của cuộc sống. Những mảnh vụn đó ngăn cách nhau bằng tấm màng mỏng manh nhất. Vì thế khi đoàn chiến hạm lướt sóng tập trận ở Thái Bình Dương thì đó là cả một thiên anh hùng ca của tuổi trẻ lóa lên trước mắt ta cùng với giấc mơ một đường phố vắng và những tiếng

chim hải âu khéc khéc đang liệng vòng, nhào lộn, mỏ ngậm những chiếc môi thừa; hoặc đó là giấc mơ toàn nghe thấy tiếng kèn trện và tiếng cờ bay lật phật trong gió lộng, với tất cả những vùng đất lạ trên trái đất đang trôi nổi trước mắt ta, không ngày tháng, vô ý nghĩa, phi lý quay tròn như chiếc bàn ru-lét (roulette) trong ánh sáng đỏ rực của quyền hành và vinh quang.

Vào lúc sáng tinh mơ, nếu đứng trên cầu Brooklyn nhìn xuống những ống khói tàu thủy đen ngòm đang nhả khói, ta sẽ thấy những nòng súng sáng ánh lên cùng với những cúc áo thủy binh, nước chia đôi dưới cái mũi tàu sắc cạnh một cách kỳ lạ, trông như thể nước đã trôi bên dải lụa, tựa như một chất đang nổ bùng và một chất đang xì khói, nước biển cuồng nhiệt nhào lộn đổi từ màu

xanh sậm sang màu xanh da trời với cái vẻ lạnh lẽo của rượu sâm-banh và rượu Gill bị đốt nóng. Mũi tàu xé nước làm đôi như một lời nói hai nghĩa bất tận, thân tàu nặng nề, bênh bồng lay động với cái mũi tàu luôn xẻ nước làm đôi, trọng lượng của tàu là trọng lượng không thể đo lường được của vũ trụ; nó chìm xuống tới một độ áp lực nào ai mà biết, chìm xuống tới địa tầng nào cũng chẳng ai biết nốt; trong các hang động, nước lượn vòng một cách nhịp nhàng, các vì sao như bay lượn ở trên và cứ dần tắt đi, trông gần tựa như tay ta có thể với tới và nắm gọn lấy được nhưng chẳng bao giờ nắm được cả. Khi các vì sao dần tắt từng ngôi, hàng tỷ sao trời, hàng tỷ tỷ vũ trụ đang chìm vào một cái gì vừa đỏ rực lại sáng lên một cách lạnh lẽo chiếu vào bóng đêm kỳ ảo có màu xanh lá cây và màu xanh da trời như nước đá đang tan,

sâm banh đang trào bọt cùng với tiếng kêu náo của loài hải âu, mỏ chúng ngậm đầy tôm biển, những cái mỏ bản thủ của chúng ăn hoài không biết chán dưới những lườn tàu im lặng.

Nếu nhìn từ cầu Brooklyn xuống, ta thấy những đồng bọt sóng hoặc một cái gì gần như dầu gazoan, hoặc một đồng những mảnh vụn nhỏ tí, hoặc như một chiếc bobo không người lái; thế giới trôi qua lộn tung phèo tất cả với những phiền muộn, khổ đau, lửa phiền đốt ruột, làn da ngoài đang nứt nẻ, những con dao nhọn thọc sâu vào sụn và bộ xương tan rã thành một cái gì vô nghĩa.

Từ thế giới cổ sơ, những lời nói điên khờ lướt đến ta cùng với những điểm báo và những dấu hiệu, chữ viết trên tường, những tiếng rít của những cánh cửa phòng khách, những người đánh bài hút

những ống điều bằng đất nung, cái cây trơ trụi bên nhà máy thiếc, những bàn tay đen đến chết vẫn còn đen, khi trên đường phố đêm nhìn cây cầu nổi bật trên nền trời như chiếc thụ cầm, đôi mắt ngái ngủ hoa lên nhìn bức tường trụi hoa; cầu thang sạm đỏ xuống nát vụn, những con chuột chạy lẹ qua trên trần nhà; có tiếng người gọi cửa và có những con vật dài, bò được với những cái vòi ngo ngoe và hàng ngàn những chiếc chân nhỏ rơi từ ống nước xuống trông giống như những giọt mồ hôi, những vị thần sát nhân, vui vẻ cùng với những tiếng rít của gió đêm và những tiếng nguyên rửa của những người có đôi chân nóng rực; những chiếc hòm thấp, nông lòng có những then ngang xuyên qua, mưa bụi buồn thảm rơi xuống trên những thân xác đã giá lạnh, hóa sáp, làm những đôi mắt đã chết lại càng thêm cứng ngắc, làm cho

những mảnh sò cứng của những con sò chết lại càng trở trội thêm.

Chúng ta như thể đi vòng trong một chiếc lồng tròn trên một thế đất chông chênh, biển dâu hoài, những vì sao và mây bay dưới cầu thang tự động, chiếc cửa cứ xoay tròn, không có người đàn ông và đàn bà nào lại không có đuôi, hoặc không có móng vuốt cả, trong khi tất cả các sự vật ta đều thấy viết các chữ A, B, C bằng sắt và bằng manganát già. Ai nấy cứ đi bộ vòng vo trong chiếc lồng tròn tới chỗ có một lò lửa; rạp hát đang cháy bùng lên và các nghệ sĩ cứ tiếp tục gào thét vai trò của mình, ruột thì nổ tung, răng rụng hết ra ngoài, các tiếng rên xiết của những thằng hề òa xuống như gầu tóc đang rơi. Vào những đêm không trăng, chúng ta đi lang thang trong thung lũng đầy miệng núi lửa,

thung lũng của những ngọn núi lửa đã tắt, đầy những chiếc đầu lâu trắng hếu của loài chim không cánh. Ta cứ tiếp tục đi hoài, tìm kiếm một cái trục bánh xe và những chiếc bù loong, nhưng lửa đã cháy tàn và phải tính sự vật được giấu nhem trong cái ngón của bao tay. Thế rồi, bỗng có một ngày xác thịt ta bị hủy hoại, máu dưới lớp thịt đông đặc lại, vũ trụ như bỗng nhiên thét gào thô thảm và bộ xương của thân xác ta chảy mềm ra như sáp. Cái ngày như vậy, có lẽ là ngày lần đầu tiên bạn đụng đầu với Dostoevski. Bạn còn nhớ lại cái mùi cuốn sách còn quện trên tấm khăn trải bàn. Nhìn vào đồng hồ, ta nhận thấy chỉ còn năm phút nữa là phải đi vào cõi đời đời. Bạn đếm các đồ vật trên bàn lò sưởi và lúc đó âm thanh các số đếm là một cái gì hoàn toàn mới lạ trong miệng ta, và vạn sự vật mới, cũ, đã được nhớ tới hoặc đã quên khuấy

đi thì tất cả đều như là lửa và lửa. Giờ đây, mọi chiếc cửa của chiếc lòng tròn đã được mở ra và bất cứ theo cửa nào ra thì cũng bước trên con đường thẳng dẫn ta tới chỗ đời đời, một đường thẳng tắp có những bờ dốc trên đó những kẻ tàn sát đang gào thét và vắn những tảng đá lớn màu xanh chàm quăng xuống ta để cơn giận của họ được vơi đi phần nào. Rẽ làn nước vụt lên không ta thấy những con ngựa trắng men muôn sắc mầu đang dập bước oai hùng sáng như lân tinh cùng đi với Alexandre Đại Đế, cái bụng hiên ngang cột cứng của chúng sáng rực lên với chất đá vôi, mũi của chúng phà ra mùi thuốc phiện. Giờ thì tất cả là tuyết và chấy rận với ban nhạc vĩ đại có bộ phổi của Orion đang rập rình chung quanh các góc của đại dương.

Lúc đó là đúng 7 giờ 5 phút, ở góc đường Broadway và Kosciusko, khi Dostoevski lần đầu tiên xuất hiện trên chân trời mơ mộng của tôi, thì tôi thấy hai người đàn ông và một người đàn bà đang chùng cửa hàng. Từ giữa căng chân trên trở xuống của những chiếc hình nhân, tất cả chỉ là lò xo, những hộp giấy rỗng nằm chồng đống dựa vào cửa sổ giống như tuyết năm rồi... Đó là lý do tại sao tôi lại sức nhớ tới Dostoevski. Chả có gì để mà kiêu hãnh cả. Giống như chiếc hộp đựng giấy cũ rách. Người Do Thái nói tên hắc cho tôi nghe thì có đôi môi dầy. Hắc ta không thể nói được tiếng Vlapos-tok chẳng hạn, hoặc tiếng Carpathians. Nhưng hắc ta có thể nói tiếng Dostoevski một cách tuyệt diệu. Ngay lúc này, khi nói tiếng Dostoevski, tôi vẫn hình dung ra được đôi môi dầy, bập bập của anh ta với dòng nước miếng chảy dài bên mép

như sợi dây cao su khi anh đọc tiếng đó. Giữa hai răng cửa của anh ta có một khe hở bất thường, hẳn nhiên là từ giữa khe đó mà tiếng Dostoevski run run và kéo dài ra với một chút nước miếng mỏng màu sắc như cầu vồng thu gọn cả ánh sáng vàng vọt chiều hôm vào đó. Mặt trời đang xuống trên phố Kosciusko, những cảnh di động trên đầu chúng ta đang tan ra dải sương. Có một thứ tiếng động như khi ta nhai kẹo cao su hoặc như ta đang nghiền nát một vật gì tựa như các hình nhân với đôi cẳng chân bằng lò xo đang nhai sống lẫn nhau. Một lúc sau, khi tôi đi tới miền Houyhms, tôi cũng nghe thấy cái giọng nhai nhóp nhép đó cùng cái giọng đang nghiền nát một vật gì trên đầu tôi và thấy một bãi nước miếng nữa, sùi lên và chảy dài xuống, long lanh dưới ánh sáng chiều tà. Lần này thì do miệng của Gorge khắc ra, một người đang đứng

ở trước mặt tôi, tay cầm một cái roi mây nhỏ, quát tháo; một người Á-rập man rợ đang mỉm cười. Lại một lần nữa, trí óc tôi chẳng khác gì cái tử cung, khi bức tường của thế gian đang sụp đổ xuống. Tên của Swift giống như là đá thật mạnh vào cái vỏ mạ kền của thế gian. Trên sân khấu, có một anh chàng nuốt lửa mặc áo màu xanh lá cây, bộ ruột của anh ta như là được lót lớp vải dầu, hai cái răng trắng ớn đang ngậm vào cái dây cua-roa bôi đầy mỡ đen, nối liền với một hành lang đầy bò hóng bên nhà tắm hơi. Cái dây cua-roa lướt trên một cái khung bằng xương trắng hếu. Con rồng xanh của Swift di chuyển trên những chiếc bánh xe với những tiếng xì xì liên hồi, rồi nó nghiêng cái thân hình nhỏ thó, lùn tịt của một người đang bị nó hút vào như là những mảnh mì ống. Thực quản lồi lên, xếp xuống chung quanh cái xương

bả vai và vùng dưới dái tai, rơi tòm vào cái thùng không đáy dạ dầy, rồi sủi lên ùng ục, lộn lên lộn xuống. Hàm răng ngoác ra, xương hàm tiếp tục chuyển động nuốt sống những thân hình lùn tịt như mì ống đang treo gần mép đồ lừ của con rồng. Tôi nhìn nụ cười trắng hếu của người chào hàng, nhìn nụ cười đầy phấn khởi của anh chàng Ả-rập vụt ra từ miền Đất Hứa trong mơ, rồi tôi bình lặng đứng giữa bụng con rồng mở toang. Đứng trên cái xương sườn đang lên đang xuống của nó, tôi thấy miền đất Houyhms trải dài trước mắt. Tôi nghe trong tai có tiếng hí hí, xì xì như thể tiếng của loài người được tạo bằng nước ê-te. Dây cua-roa đen, bôi đầy mỡ cứ đi lên đi xuống chỗ nhà tắm hơi, giữa những căn nhà trống trải, trên mặt nước phản ánh trời xanh lơ, giữa những chiếc ống điều bằng đất sét và những trái bóng bằng bạc nhảy múa trên

dòng nước đang sục sôi: cái thế giới siêu nhân loại của cây đàn fedora và banjo, của những chiếc khăn bandana lốm đốm nhiều màu sắc, của những chiếc xì-gà màu đen, của những chai rượu bia sủi bọt, những ly nước đường trắng, phở nóng, những vỉ thịt nướng xì xèo, bột sắn và cây xương rồng bụi bậm, phấn hương, hoa giấy confetti, bắp vế trắng muốt của đàn bà, một cái chèo gậy, những chiếc đậu gỗ nét đan dọc, đan ngang, nụ cười bất tuyệt, nụ cười man rợ ma quái của anh chàng Ả-rập, của cái miệng đỏ lừ và ruột gan màu xanh lá cây...Ôi! Thế giới đã bị bóp nghẹt và sụp đổ xuống đâu là những bộ răng khỏe! Ôi thế giới tan vỡ như bột nước bạc, với những chiếc phao câu cá và những chiếc phao cấp cứu, còn đâu là những da sọ màu hồng? Ôi sáng lóa và lóa sáng rồi biến tan, hỡi thế giới

nhấn thín đang tàn mòn, chết lụn, hỡi
vầng trăng chết, mi còn nằm lạnh và
chiếu sáng không?

MÙA XUÂN ĐEN

Căn nhà tôi ở suốt trong những năm quan trọng nhất trong đời chỉ có độc ba phòng. Một phòng, ông ngoại tôi qua đời ở đó. Lúc đám táng, mẹ tôi buồn khổ lắm, thiếu điều là mẹ tôi lăn xả vào kéo xác ông ngoại tôi ra khỏi quan tài. Ông ngoại đã quá vắng trông vẻ buồn cười, trông như cũng đang khóc với nước mắt của cô con gái và đang khóc cho chính đám táng của mình.

Ở một phòng khác, dì tôi đã hạ sinh hai anh em sinh đôi. Dì tôi người nhỏ thó như con cá rô ron, khi nghe được tin dì sinh đôi, tôi tự hỏi: Sao lại sinh đôi? Mà sao không sinh ba? Sinh bốn? Tại sao chỉ có hai thôi? Dì tôi người ốm nhom nhách, da bọc xương, căn phòng lại quá bé nhỏ. Tường quét vôi màu xanh lá cây và góc phòng có một lavabo bằng sắt bần thiu. Tuy nhiên, đó lại là căn phòng duy nhất trong nhà có thể sản xuất ra những đứa trẻ sinh đôi, sinh ba hay những đứa con khờ khờ. Phòng thứ ba, gọi là phòng nhưng thật sự là một góc nhà nơi đó nào tôi bị lên sởi, đậu mùa, nào ban cua, yết hầu và v.v... tất cả những bệnh tật đáng yêu của tuổi thơ làm cho thời gian như dài thêm ra và trở thành một niềm hạnh phúc tối đa, bất diệt cùng những cảnh hấp hối gần thần Chết.

Hóa công quan phòng đã dành cho tôi một chiếc cửa sổ ngay trên đầu giường, có chấn song để tôi có thể bám chặt vào đó. Mồ hôi dính quện vào đó dấy lên như da cóc. Tuy nhiên thời gian lại trôi qua như một dòng sông và mấm sống cứ vươn lên tựa như lúc nào cũng là mùa xuân và nhiệt đới, bàn tay cứ u lên như những miếng thịt bò phi-lê làm bít-tết, chân nặng trĩch hơn chì, có khi lại nhẹ bỗng hơn tuyết. Đôi khi ở đó tôi có cảm tưởng như chân và tay tôi xa cách nhau như một đại dương thời gian hoặc bởi chiều dài rộng của ánh sáng, những cục bấu nhỏ sột soạt như cát trong óc, móng tay móng chân mục nát một cách tự do thoải mái y như cảnh hoang tàn của Athènes. Trong phòng này tôi chẳng nghe thấy gì ngoài những lời nói ngu si, mê muội, khi mỗi lần có một bệnh mới xuất hiện, ba mẹ tôi lo sốt vó cả lên, (Bạn

thử nghĩ xem, hồi còn bé tí, nếu tôi dẫn bạn đến bồn rửa chén rồi nói: bé có thích uống nước bằng ly nữa không, lúc ấy bạn trả lời không và tôi đã ném mạnh cái ly vào bồn rửa chén).

Cô Sonowska thường nhón gót đi nhẹ vào phòng tôi, (Đại tướng Smerdiakow lại nói: đi nhón gót một cách nhẹ nhàng), cô là gái chưa chồng, chả biết bao nhiêu tuổi nữa, nhưng tôi thấy cô thường mặc chiếc áo màu xanh lá cây sậm. Khi đi vào cô mang theo cả cái mùi bơ cũ — bộ phận kín của cô hơi rình xông qua lớp áo của cô — nhưng có điều là cô Sonowska thường mang theo bao đựng đồ kỷ niệm ở Jerusalem: nào là những đinh sắt đã đâm thủng chân tay Chúa, to đến độ lỗ đinh còn mãi ở chân tay Chúa. Đến sau đoàn viễn chinh Thập Tự Quân là thần Chết đen đũi, đến sau Kha Luân

Bố là bệnh hoa liễu, đến sau cô Sonowska là bệnh sùng hoành cách mạc.

Bệnh sùng hoành cách mạc! Cứ tưởng tượng giới này bị bệnh đó thì sẽ ra sao. Chả còn chỗ nào để mà tham khảo ý kiến về bệnh nữa, chả còn đâu là khí thế con người nữa. Thượng Đế có nhẽ cũng bị chứng sốt rét thương hàn. Chả có gì là tuyệt đối ở đời cả, chỉ là những năm đôi tẻ không tiến bộ được chút nào cả. Khi tôi nghĩ tới những thế kỷ mà cả Âu châu bị Tử thần đen đúa ngự trị, tôi mới thấy cuộc đời thật xiết bao tốt đẹp, nếu như chúng ta được xếp đặt đúng vị trí con người của ta. Nhảy múa và sốt nóng lạnh giữa cảnh băng hoại đó! Âu châu sẽ chẳng bao giờ lại múa nhảy một cách ngắt ngư như vậy nữa. Và bệnh hoa liễu! Ghê tởm quá! Nó xuất hiện ở Âu châu và

ở lì đó như ngôi sao mai treo lơ lửng ở chân trời rìa trái đất.

Năm 1927, tôi có lần ngồi ở quán Bronx lắng nghe một người đang đọc cuốn nhật ký của dân làng bẹp. Ông ta vừa đọc lên là đã cười hô hố một mình. Hai cảnh bề ngoài thật khác biệt nhau: một bên là một người đang nằm dưới cái chao đèn, tinh thần căng thẳng đến nỗi chân anh ta thò ra ngoài cửa sổ mà đâu có hay biết còn nửa thân người thì nằm trong cảnh ngất ngậy; còn một bên là một người, cũng chính người đó đang ngồi ở quán Bronx cười ngất nghẹo một mình vì hần chả hiểu mô tê gì cả.

Chà, mặt trời vĩ đại của thần Hoa liễu đang xuống. Mức nhìn rõ, rất kém: tiên đoán cho quán Bronx, cho Mỹ châu và toàn thế giới. Mức nhìn kém, kèm theo

là những trận bão cười. Chả có ngôi sao mới nào xuất hiện trên nền trời cả. Đại họa!... Chỉ là đại họa!

Tôi đang nghĩ tới cái thời Chúa Cứu thế lại tái lâm, lúc đó con người sẽ chiến đấu và sát hại cho Chúa được vinh quang cũng như bây giờ và muôn đời mãi về sau con người đang chiến đấu cho cái ăn và cái mặc. Tôi đang nghĩ tới cái thời chả ai thiết làm việc nữa, và sách vở giữ một địa vị quan trọng thực sự trong đời sống, khi đó có lẽ chả còn cuốn sách nào, ngoài một cuốn sách vĩ đại: cuốn Thánh Kinh. Theo tôi nghĩ thì sách là người và sách của tôi là con người thực của tôi: một con người lộn xộn, cầu thả, vô ưu, khỏe mạnh, dâm dật, hay om sòm la lối, trầm tư, tỉ mỉ quá, trực tính quá. Tôi đang nghĩ rằng vào một tuổi nào đó sắp tới đây, tôi chẳng bị ai dòm ngó nữa. Rồi tiểu sử tôi

tới lúc đó sẽ trở thành một cái gì quan trọng và vết tích tôi để lại trên trái đất sẽ có một ý nghĩa lớn lao. Tôi không thể quên rằng tôi đang làm lịch sử, một lịch sử bên lề cuộc đời giống y như một mụn nhọt sẽ ăn tươi nuốt sống, hết cái lịch sử vô nghĩa khác. Tôi nhìn vào tôi không phải như nhìn vào một cuốn sách, một đĩa hát, một tài liệu nhưng như nhìn vào cả cái lịch sử của thời đại chúng ta, một lịch sử của tất cả mọi thời đại.

Nếu như ở Mỹ tôi không được sung sướng, nếu tôi khao khát được thêm một phòng để ở nữa, một cuộc phiêu lưu nữa, một tự do phát biểu tư tưởng nữa là bởi tôi cần những thứ đó. Tôi ghi ơn Mỹ quốc vì đã giúp tôi thể hiện được những nhu cầu của tôi. Tôi có thể phục vụ lý tưởng của tôi ở Mỹ. Giờ thì tôi chẳng có nhu cầu gì nữa, tôi là con người không quá khú lẩn

vị lai. Tôi hiện đang sống, có thể thôi. Tôi chẳng quan tâm đến điều bạn thích hay không thích. Bạn có tin hay không tin điều tôi nói cũng chẳng hề gì. Lúc nào tôi cũng là vậy, dù lúc này bạn có bỏ rơi tôi ngay đi nữa. Tôi không phải là một cái bình xịt nước thành bụi để bạn xịt ra một làn mây mỏng hy vọng. Tôi thấy Mỹ châu đang gieo rắc tai họa. Tôi thấy Mỹ châu đang như một lời nguyên rửa đen tối lên thế giới. Tôi thấy một đêm dài đang xuống và những nắm độc đang làm độc cho thế giới và làm nó héo úa ngay từ gốc rễ. Vì thế tôi sốt sắng viết ra cuốn sách này như lời tiên báo về chung cuộc có thể là ngày mai hoặc trong vòng 300 năm nữa đây. Cũng vì thế, thỉnh thoảng tôi có những tư tưởng vụt nảy sinh và tôi bó buộc phải khơi lại ngọn lửa không những bằng nguyên những niềm hy vọng mà bằng cả những sự thất

vọng ê chề, bởi lẽ tôi tin rằng không ai có thể nói những điều đó thay cho tôi được. Tôi do dự, ngập ngừng tìm cách diễn tả tư tưởng, thật là một thứ ngô ngọng ma quái. Tôi bị hoa mắt vì sự sụp đổ kinh hoàng của giới.

Chiều nào cũng vậy, sau khi ăn xong, tôi đổ những đồ ăn thừa xuống cho gà ăn. Khi cho ăn xong, tay cầm chiếc giỏ rỗng. Dừng lại chỗ cửa sổ cầu thang nhìn nhà thờ Sacré-Coeur ngất cao trên đồi Montmartre. Và mỗi chiều khi đem đồ ăn thừa xuống, tôi tưởng mình như đứng trên ngọn đồi cao trong một mầu trắng rực rỡ. Không phải nhà thờ Sacré-Coeur đã gợi hứng cho tôi và tôi cũng chẳng nghĩ về Chúa Kitô. Có một cái gì còn lý thú hơn Chúa Kitô, có một cái gì còn vĩ đại hơn nhà thờ Sacré-Coeur, tôi nghĩ tới một cái gì còn vượt ra cả Thượng

Đế Tối Cao đó là chính con người tôi.
Tôi là con người. Hình như như vậy là
quá đủ cho tôi rồi.

Tôi là một con người của Thượng
Đế và là một con người của quỷ sứ. Tôi
phải có bốn phận với cả hai. Không có
cái gì là vĩnh cửu, không có cái gì là tuyệt
đối. Trước mắt tôi là hình ảnh của xác
thịt, là thân tam vị của dương vật và hai
dịch hoàn. Ở bên phải là thần ngôi cha,
ở bên trái chỗ hơi thấp hơn là thần ngôi
con, ở giữa và trên hết cả là thần thánh
linh. Tôi không bao giờ quên được rằng
vị thần tam vị này không phải do con
người tạo dựng nên, rằng nó luôn luôn
bị cảnh biến dịch. Nhưng bao lâu chúng
ta ra khỏi lòng mẹ có đủ tay chân, bao lâu
còn có những vì sao lấp lánh trên đầu,

ta còn được vui sướng đến điên lên giữa lòng cuộc đời, bao lâu còn có cỏ dưới gót chân ta đi, ta còn quyền có một niềm tin tưởng cháy sáng trong tim, thì bấy lâu thân xác này còn dùng để ca lên những bài ca ngất ngây và huyết sáo êm ả.

Hôm nay là ngày thứ Ba hoặc thứ Tư gì đó của mùa Xuân, tôi đang ngồi ở Công trường Clichy dưới ánh nắng chan hòa. Hôm nay còn ngồi đây dưới ánh mặt trời, tôi xin nói với bạn là chả cần gì chửi đời là chó má, đời có đúng hay sai, xấu hay tốt cũng thấy kệ. Đời là thế, vậy là đủ rồi. Đời là cái đời là, và tôi là cái tôi là. Tôi nói như vậy, nhưng không phải giống như một Phật Thích Ca đang ngồi tĩnh tọa tham thiền, nhưng nói một cách bình thản, không có gì là vui, chả có gì là phải suy nghĩ lao lung, cũng chẳng cần phải có sự yên lặng nội tâm. Cái này

ở ngoài cái kia, và cái này ở trong tay tôi, tất cả những cái này, tất cả mọi sự, đó là kết quả của những sức mạnh không cắt nghĩa nổi. Một đồng hỗn mang, hồng hoang, trật tự của nó chả ai hiểu nổi. Vượt ra ngoài sự hiểu biết của trần nhân.

Giống như một kẻ lang thang trong lúc xế tà hay vào lúc bình minh, vào những giờ thật lạ lùng, như không bao giờ có ở trần gian, cảm thấy mình là kẻ cô độc, duy nhất ở trần đời, bỗng tôi cảm thấy mình yếu đuối tới độ khi tôi hòa mình với lũ đông tôi thấy mình không còn là một người nữa, nhưng là như hạt bụi, một bãi nước miếng. Tôi thấy mình là kẻ cô độc trong không gian bao la, bị cái hoang vắng lạnh người vây phủ, một thứ vật có hai chân đi giữa những căn nhà chọc trời, phố xá hoang vu, mọi người đã trốn đi hết, tôi, một mình đi bộ

hát vang và điều khiển thế giới. Tôi không cần nhìn vào ngực để thấy tâm hồn mình phồng lên tràn ngập với tiếng ca hát vang lừng. Nếu nói rằng tôi vừa rời đám đông vì mọi người đã chết hết cả trừ một mình tôi đi bộ một mình trên đường phố hoang vắng, tự đồng hóa với Thượng Đế. Tôi biết như vậy là nói láo. Cái chết hiển nhiên là vẫn trước mắt tôi. Nhưng cái chết của toàn thể vũ trụ, cái chết cứ luôn tiếp diễn, cái chết từ ngoài vào trong, cái chết đi từ chân lên đầu tôi để tiêu hóa con người tôi, cái chết luôn luôn đi trước tôi nửa bước là một cái gì hiển nhiên quá. Vũ trụ là tấm gương phản chiếu chính con người tôi, vũ trụ đang chết cũng như tôi đang chết, một ngàn năm nữa tôi sẽ sống hơn là tôi sống hiện trong lúc này; và cái vũ trụ này trong đó tôi đang dần chết hiện đang sống mạnh mẽ mặc dầu đã chết từ ngàn

nằm về trước đây. Khi vạn vật đã sống trọn vẹn cuộc sống của mình thì chả có gì gọi là chết chóc, hối tiếc, cũng chẳng có một thời xuân huyễn hoặc, mỗi lúc ta sống lại mở ra một chân trời bao la rộng rãi hơn, và không có chuyện gì kể là trốn sống, trừ việc sống trọn vẹn kiếp sống.

Những kẻ mơ màng sống chẳng khác gì thân xác họ đã bị trói ghì vào chiếc ghế điện. Tưởng tượng ra một thế giới mới tức là sống cái thế giới đó hằng ngày mỗi tư tưởng, mỗi liếc nhìn, mỗi bước đi, mỗi ước mơ, mỗi hành động tiêu diệt và sáng tạo đều mới nhưng, cái chết vẫn luôn luôn bước trước ta một bước. Phỉ nhổ vào quá khứ chưa đủ, ta phải hành động như thể là quá khứ đã chết, và tương lai không bao giờ thực hiện được. Cứ tưởng tượng mỗi bước tiến lên phía tiến cuối cùng và cùng bước đó, vũ trụ này sẽ chết

theo ta luôn. Chúng ta hiện đang sống trên trái đất này như không bao giờ có cùng, quá khứ không bao giờ kết thúc, tương lai không bao giờ bắt đầu, hiện tại không bao giờ chấm dứt. Cái vũ trụ, không bao giờ có này ta đang cầm trong tay, ta nhìn thật kỹ, nhưng thật ra nó chẳng phải của chúng ta. Chúng ta là một cái gì không bao lâu nữa sẽ kết thúc, không bao giờ có một hình dạng để nhận định ra, là tất cả nhưng không phải là toàn thể, cái thành phần có nhỏ hơn cái toàn phần bao nhiêu thì một toán học gia siêu đẳng cũng không thể biết nổi.

✱

Cười lên đi! Rabelais đã khuyên ta như vậy. Cười là là liều thuốc thần diệu. Ngoại trừ Chúa Jêsu, khó ai trên đời nắm được đức khôn ngoan mạnh và vui tươi

của Ngài. Làm sao ta có thể được khi dạ dày rách nát? Làm sao ta có thể được một khi đau khổ đã giết chết chúng ta, tạo cho ta một bộ mặt xám ngoét, má hõm, tinh thần buồn chán, trang trọng, đứng đắn, nghiêm khoan, như thiên thần? Tôi đã thấy rằng sự phản phúc đã khởi hứng cho họ. Tôi đã tha thứ cho các mưu mô xảo quyệt của họ. Nhưng để giải thoát khỏi mọi nỗi buồn khổ họ đã tạo ra, thật là một công việc nhiều khê.

Khi tôi nghĩ tới tất cả những kẻ cuồng tín bị đóng đinh thập giá, khi nghĩ tới những kẻ thiếu niềm tin, những đứa diên khờ; tất cả chẳng qua là bị các tư tưởng của chính họ hạ sát họ; Tôi mỉm miệng cười và tự nhủ ta hãy chặn hết mọi con đường giải thoát lại. Hãy đóng cửa thành phố tân Jérusalem rồi bụng hãy áp bụng, ta chia sẻ ngọt bùi, chả cần chi

phải hy vọng đâu xa. Dù là đã được rửa sạch tội lỗi hay chưa, dù là đứa sát nhân hay người giảng Tin Lành, dù những kẻ có bộ mặt xám ngoét, những kẻ có bộ mặt méo xẹo, những kẻ biết trở cờ, chụp cơ hội, những ai ngoan cố ta hãy để cho những người này sống gần với nhau hơn, hãy để bọn họ cùng ngộp thở trong bước đường cùng này. Dù cả cái thế giới này có không hoàn toàn, dù tôi là kẻ ít được học hỏi, hay học hành đầy đủ, nếu tôi trở thành một đứa dị kỳ, khó hiểu, tôi lại được người đời hiểu ngay. Sự khác biệt giữa sự hiểu biết và không hiểu biết nó cũng tế vi như một sợi tóc, như sự khác biệt giữa hai milimét, và khoảng không gian giữa Trung Hoa và Hải Vương Tinh lại càng tế vi hơn. Dù tôi có được mẫu bánh thế nào chẳng nữa thì khẩu phần của tôi vẫn y cựu; chả cần gì phải bàn thêm về sự trong sáng, rõ rệt và v.v...(cái

chữ và v.v... rất quan trọng!). Tâm trí ta hay lầm lỗi vì đó là một dụng cụ rất chính xác, không khác gì muốn dùng sợi chỉ của cây gỗ đào hoa tâm, cây bách hương hoặc gỗ mun vậy! Ta cứ nói về thực tại như thể thực tại là một cái gì đo lường được, hoặc như một bài tập đàn dương cầm, hay một bài học vật lý. Thần Chết áo đen đã xuất hiện khi Thập Tự Quân trở lại. Bệnh hoa liễu đã tới khi Kha Luân Bố trở lại. Thực tại cũng sẽ đến: cái thực tại nguyên sơ. Ông bạn Cronstadt của tôi đã nói như vậy, ông căn cứ vào một bài thơ đã được viết dưới đáy biển...

Để tiên đoán cái thực tại này, ta cũng có thể sai đi tới cả hàng triệu năm ánh sáng. Sự khác biệt là số lượng do các đường phố giao nhau tạo thành, một số lượng là hàm số của vô trật tự được tạo thành do việc ta cố ép mình vào một

khuôn mẫu đối chiếu nào đó. Cái để ta đối chiếu cũng chẳng khác gì việc ta đuổi một người lão bộc sống với ta đã lâu, hoặc là nặn nước mủ khỏi một ung nhọt đã chín mùi. Những tư tưởng trên đây đã nảy sinh tự đường phố trong đầu óc một thiên tài bị chứng động kinh. Bạn đi lang thang cầm một cây đàn guitar đứt dây có như thế mới dễ suy nghĩ bởi lẽ tư tưởng không in sâu vào tim óc ta như là ngôn ngữ. Để nhớ lại một giấc mơ, ta thường phải nhắm mắt lại, không cử động vì chỉ hơi cử động là toàn thể cái tổ chức đó rã rời thành những mảnh vụn. Trên đường phố ta bị muôn ngàn những yếu tố phá hoại, hủy hoại vây phủ tư bề. Tôi để cho vài sự vật phóng những vật tàn phá vào tôi. Tôi cúi gập người xuống để tìm ra những diễn tiến bí mật, để vâng lời hơn là điều khiển. Có những niềm vui vĩ đại trong đời tôi sẽ mất đi mãi mãi. Những

niềm vui đó đã tản mát, phung phí trong những câu chuyện, những hành động và ký ức, giấc mơ. Chưa bao giờ tôi đã thực sự sống cuộc đời của một người chồng, một tình nhân, một người bạn thiết. Bất cứ tôi ở đâu, bất cứ tôi đã tham dự vào một công việc gì, tôi đã sống một lúc nhiều cuộc sống; vì thế, bất cứ tôi là cái gì tôi đã lựa chọn và coi như là chuyện của tôi thì cũng đã tiêu tán đi hết, đã chìm đắm và hòa lẫn với những cuộc sống, những tấn bi kịch trong đời và những câu chuyện của người khác một cách rắc rối như không thể tháo gỡ ra được.

Tôi là một người của một thế giới cổ lỗ, một hạt cây được gió tung gieo nhưng không thể nở ra được trên khoảng đất phì nhiêu đầy năm độc của Mỹ châu. Tôi là cái cây nặng trĩu một quá khứ xa xăm. Tôi bái phục những người Âu châu, những

người trước kia là dân Gôloa (Gaulois), Viking, Hung nô, Tartare. Cảnh vực cho tâm hồn và thể xác tôi phải là Âu châu, nơi có sự nhanh chóng và ung thối. Đối với những chiêm tinh gia nào không thể theo dõi được những sự xuất hiện của các vì sao, tôi xin gởi kèm theo đây đôi lời chỉ dẫn về tử vi bên cạnh cái thế giới của sự chết của tôi. Tôi, con người bị bệnh hạ cam, chòm Sao Giải chiếu mạng. Chòm sao của tôi di chuyển trong những vùng nhiệt đới, tôi thích buôn bán những chất rất dễ nổ, nước hoa, vân thạch, nhũ hương, ngọc bích, những món ăn quý giá như chân nhím... Thiên Vương Tinh cũng chiếu mạng tôi nữa, thành thử tính ưa uống rượu, thất thường, thích ăn dồi heo nóng, tu nước mà uống. Hải Vương Tinh chiếu mạng tổ tiên tôi, thế có nghĩa là tôi được di truyền một bản chất hay thay đổi, thích giễu cợt, anh hùng rơm,

bất thường, thích độc lập và hay hứng lên bất tử. Với cái bộ ngu đần, tôi có thể giả bộ kẻ phách lối, hoặc một thằng hề chẳng kém ai được bẩm sinh là hề. Đây là một bức họa sơ sài, nhớ cái gì nói cái đó thêm vào đó là một mỏ neo, một chiếc chuông rung báo giờ ăn cơm, một chút ria mép, cái phía sau của một con bò cái. Tóm lại, tôi là một đứa du thủ du thực, lãng phí thì giờ. Tôi tuyệt đối chẳng có gì để chứng tỏ rằng tôi có làm việc ngoại trừ tài năng thiên phú của tôi. Rồi có một lúc, con người lang thang có tài lại phải ra đứng ở cửa sổ để mưa những đồ thừa mưa ra. Tôi nghĩ rằng, nếu bạn là một thiên tài, lắm lúc bạn cũng làm như vậy với mục đích để xây dựng một cái thế giới nho nhỏ có thể hiểu được cho chính mình để mình khỏi bị chậm chạp như một chiếc đồng hồ cũ rích. Bạn càng bình tĩnh bao nhiêu, bạn càng chiếm

được cảm tình của người bên cạnh bấy nhiêu, bạn càng ném những đồ thừa thãi ở mạn tàu đi bạn càng dễ chiếm được sự quý mến của người chung quanh. Rồi bạn càng bay lên cao, lên tận tầng tinh khí, rồi hãy buộc hòn đá vào cổ để người nhào xuống đất. Làm như vậy ta sẽ gây ra cảnh tàn phá, đổ vỡ hoàn toàn cái giấc mơ thiên định cùng với chúng sống miệng do việc xúc thuốc bằng thủy ngân gây ra, và vì ban ngày ta cười hô hố quá nhiều. Khi tôi đứng trước bar Little TomThumb, thấy những người khách lạ lộ ba phần tư bộ mặt và như chui từ cửa Địa ngục lên, lèng xèng những dây ròn rọc và dây xích, rồi tiếp đó là những đầu máy xe lửa thở hừng hực rồi những chiếc đàn piano, ống nhổ... tôi tự nhủ : «Thật là vĩ đại! Vĩ đại! Tất cả những đồ lạc xoong này! Tất cả những máy móc này thật là kỳ diệu! Vĩ đại! Đó là một bài thơ được

tôi sáng tạo trong khi tôi đang ngủ».

Điều tôi học được trong nghệ thuật viết chung qui là thế này: đó không phải là điều người ta nghĩ như vậy. Tuyệt đối là lúc nào cũng có một cái gì mới lạ đối với một người. Thí dụ Valparaiso, Valparaiso, mỗi khi nói tiếng đó thì nó có một cái nghĩa hoàn toàn khác biệt với tất cả những gì tôi đã nghĩ trước đó. Nó có thể có nghĩa là một con mẹ chóa người Anh, rãng rụng hết, hoặc là một tên ma cô đứng đang tìm khách làng chơi. Nó cũng có nghĩa là một thiên thần mặc áo lụa mỏng đang đàn tay trên những dây đàn thụ cầm màu đen. Nó cũng có nghĩa là một cung nga thế nữ với một con muỗi đang vo ve bên tai con lừa của cô. Nó có thể chỉ bất cứ cái gì, nhưng luôn luôn là một cái gì khác, hoàn toàn mới. Valparaiso, luôn luôn là năm phút trước khi

lìa đời, một chút bên này của Peru, hoặc có thể là gần đó chỉ có ba phân, đó là cái quạt ta phì phạch trong lòng khoái lạc ngất ngây. Nó có nghĩa như Trimalchio nói «đái nóng, uống lạnh», bởi vì mẹ đất của chúng ở giữa, no tròn như một trái trứng, mẹ có mọi sự tốt đẹp trong mẹ như một chiếc bông ong mật.

✱

Và giờ đây, thưa quý ông, quý bà, giờ tôi đang cầm một cái mở hộp nhỏ xíu và sắp sửa mở một hộp cá sardine. Với chiếc mở hộp bé nhỏ này, ta có thể mở một hộp cá sardine hoặc mở một nhà thuốc. Đó là ngày thứ Ba hoặc thứ Tư mùa xuân gì đó, tôi đã nói với bạn nhiều lần như vậy, mặc dù đó là một mùa xuân nghèo nàn, tồi tàn, gọi lại trong trí óc, hàn thử biểu làm tôi điên lên, khờ khạo

như một con rệp. Bạn nghĩ rằng tôi đang ngồi ở Công trường Clichy cả ba bốn năm trước đây rồi, tôi cũng đã ngồi ở bar Little Tom Thumb, và bị một con cua cắn vào tim, phồi tôi. Tất cả những sự việc đó khởi sự trong xe điện ngầm (hạng I) với câu này «Lúc này, tôi không còn là con người quá khứ của tôi nữa».

Đi lướt qua sân ga, tôi bị hai nỗi sợ bao vây: một là nếu tôi ngược mắt nhìn lên cao một chút thì mắt long ra, thứ đến là sợ rằng hàm rụng ra. Có một sức căng thẳng kỳ lạ mạnh đến độ các khả năng suy nghĩ thỉnh thoảng như bị loãng đi. Ta cứ tưởng tượng cái cảnh cả thế giới cùng bảo nhau nghĩ cùng một ngày. Thật là tịch mịch. Trong ngày đó sẽ có nhiều vụ giết người xảy ra, đến nỗi không còn đủ toa xe lửa để chở xác chết. Đi qua sân ga bằng ngả cửa lớn, tôi ngửi thấy cái mùi

hôi thối lộn mửa từ toa xe chở súc vật ủa ra. Ngày lại ngày, giống nhau như đúc, hôm qua cũng như hôm nay, cứ kéo dài như thế trong ba bốn năm trời, người ta cứ chen chúc nhau ở sân ga trong cảnh đổ mồ hôi, sôi sọ hãi. Thân thể họ tàn phế vô cùng. Đi qua họ, tôi thấy tâm trí tôi sáng suốt vô cùng, tư tưởng tôi trong sáng như gương. Tôi vội vã nói rằng tôi chạy qua họ trong đêm tối hãi hùng. Tôi sợ toát mồ hôi lạnh. Tôi hỗn hển, khát nước. Tôi đang đi bên cạnh họ như những lá thư gửi bằng đường bưu điện. Tôi nghĩ không phải là tôi, nhưng lại là một tên thầy bói có thể nói tiên tri. Tất cả những tư tưởng đó được sẵn sàng niêm phong, đóng triện, cất kỹ. Tư tưởng của tôi chạy thành một sê-ri, giống như các cuộn dây điện, sống vượt ra các ảo tưởng hay là sống với ảo tưởng đây? Đó là cả một vấn đề.

Trong tâm hồn tôi có một viên kim cương không bao giờ biến mất cả. Viên kim cương đó có thể cắt những tấm kiếng ngọt xót giống như tôi trốn lủi trong đêm tối. Đoàn súc vật đang được đưa xuống tàu và kêu be be. Chúng đứng xúm xùm trong đồng phần hôi thối nồng nặc của chúng. Giờ đây tôi mới nghe rõ điệu Tứ khúc La thú trên những phiếm tơ đang hấp hối rỉ rên. Có một thằng điên trong lòng tôi, hẳn đang chơi chướng, suy đi tính lại để cuối cùng chơi một điệu nhạc thật chói tai. Có một cái gì đang bị tiêu diệt không có tính cách mập mờ, khó hiểu. Sau này, tôi mới biết là chẳng có gì bị tiêu diệt cả. Một bánh xe mong manh đang lăn xuống vực thẳm, rơi vào một cái hố không đáy. Tôi, Beethoven, tôi đã sáng tác bài đó, tôi đã hủy bỏ bài đó đi.

Từ giờ trở đi, thưa quý ông bà, quý ông, bà đang đi vào địa phận Mỹ Tây Cơ. Kể từ giờ phút này, mọi cảnh vật đều lạ lùng và đẹp đẽ, vô cùng đẹp đẽ, và lạ lùng và nó cứ càng tăng lên mãi. Kể từ nay không còn có gì phải giặt rửa nữa, không còn có dây đeo quần, không xu cheng, không quần áo lót. Lúc nào cũng là mùa hè và tất cả đều là sự thật nguyên sơ, là thiên nhiên. Nếu là con ngựa, thì đó là con ngựa của cả mọi thời đại. Nếu là chứng kinh phong thì là chứng kinh phong, không phải là điệu nhảy của thánh Vitus. Không còn có những ma cô, dĩ điểm đón đường rước khách, cũng chẳng còn cây sơn chi nữa. Không còn có những con mèo chết ở dưới cống, không còn mồ hôi và toát mồ hôi nữa.

Vì ở Mỹ Tây Cơ, thưa quý ông bà, lúc nào cũng là mặt trời chính Ngọ, cái gì

rực rỡ vẫn là cây vãn anh, cái gì chết là chết và không có chổi lông gà quét bụi. Bạn ngủ trên sàn xi-măng ngon lành như trên ghế nệm. Khi bạn bỗng nhiên trở nên giàu có, bạn là kẻ có vận may. Khi bạn bỗng nhiên trở nên nghèo khổ, đó là điều đúng, khổ sở, cuộc đời thật vô cùng chó đẻ, chẳng còn dạo nhạc, không còn những nốt nhạc duyên dáng, không còn nhịp phách. Dù bạn có nắm được manh mối hoặc không. Hoặc bạn bắt đầu với một điệu nhạc thuần túy hoặc bắt đầu bằng điệu nhạc mê hồn. Nhưng không có Lửa luyện tội cũng chẳng có thuốc trường sinh bất tử. Đó là Bài hát đối ngẫu thứ tư hay là khu phố thứ mười ba gì đó.

CHIỀU CUỐI TUẦN

Đó là một chiều cuối tuần khác hẳn mọi chiều tuần khác, cũng không giống buổi quá trưa thứ Hai hoặc thứ Ba. Chiều đó, tôi đi xe về hướng cầu Neuilly qua cái đảo nhỏ Robinson và những nhà thờ trên đảo mãi cuối đường xa. Trong đền thờ có những bức tượng nhỏ như quả lắc chuông, tôi có cảm tưởng như ở chốn quê hương và hình như có một điều không thể tin được đó là tôi đã sinh ra ở Hoa Kỳ. Mặt nước

phẳng lặng như tờ, những con tàu đánh cá, những cọc sắt đánh dấu eo biển sâu, những chiếc dây kéo nằm thấp dài thượt uốn mình lười biếng, những chiếc xà lan màu đen, những cột chống tàu mầu sáng, trời không bao giờ thay đổi, dòng sông đang uốn khúc lượn vòng, những ngọn đồi như trải dài ra và như không bao giờ vây quanh thung lũng, toàn cảnh trí cứ luôn luôn thay đổi bất tận. Những nhịp sống cứ thay đổi liên li với ngọn cờ tam tài, và tất cả đã dệt nên lịch sử của dòng sông Seine trong tim máu tôi và sẽ luân lưu trong máu huyết những thế hệ đến sau tôi khi họ đi dọc theo những bờ biển này trong một chiều cuối tuần.

Khi lái xe qua cầu Boulogne, dọc đường đưa tới Meudon, tôi đi vòng xuống đồi để tới Sèvres. Đi qua một phố vắng tôi thấy một tiệm nhậu nho nhỏ

nằm giữa một căn vườn; ánh mặt trời xuyên qua kẽ lá và nhảy múa trên mặt bàn. Tôi xuống xe.

Chả có gì tốt hơn việc đọc thơ của Virgil hoặc nhớ lại những bài thơ của Goethe. Tại sao mình lại ăn bữa cơm giá 80đ ngoài trời, dưới tấm vĩa bạt căng che nắng ở quán Issy-les-Moulineaux. Dầu sao thì tôi cũng đã tới Sèvres rồi. Chả sao. Ở đây, tôi nghĩ tới việc viết một cuốn «Nhật Ký của một người điên» mà tôi tưởng là đã gặp ở quán Issy-les-Moulineaux. Vì cái tên điên rõ đó chẳng là ai xa lạ, chính là thằng tôi. Tại sao lại không ăn ở Sèvres mà lại ăn ở quán Issy-les-Moulineaux? Khi cô hầu bàn đem một chai bia tới? Đừng lo gì cả về những điều sai lầm khi bạn đang viết. Những người viết sử sẽ cắt nghĩa được lý do của tất cả những điều sai lầm kia. Tôi đang nghĩ vợ vẫn tới

ông bạn tên Carl, một ông bạn đã bỏ ra bốn ngày tròn để khởi sự tả một người đàn bà. Khi sắp viết anh ta nói rằng: «Tôi không thể làm được chuyện đó! Không thể được.» — «Được! Thế thì để tôi làm cho» — cái anh chàng điên nói như vậy. Hãy bắt đầu! Đó là việc chính yếu thứ nhất. Ta cứ giả sử là mũi cô ta không quăm đi? Giả sử đó là mũi thiên thần, dọc dừa? Có gì khác nhau đâu? Khi khởi họa một người mà đã thấy sai là vì anh không dùng tâm hồn để diễn tả người đàn bà đó. Anh đang nghĩ tới những người đang nhìn vào bức họa hơn là anh nghĩ về người đàn bà đang ngồi để anh họa. Cứ xem như Van Norden, anh này lại là một trường hợp khác. Anh ta đã bỏ ra hai tháng để khởi sự viết một cuốn tiểu thuyết. Mỗi lần tôi gặp anh ta, anh lại có một mẻ đầu mới cho câu chuyện. Hôm qua anh ta hỏi tôi «Anh thấy vấn

đề tôi đặt ra thế nào? Đó không phải là một vấn đề khởi sự sao? Dòng chữ đầu tiên quyết định cho toàn cuốn sách. Đây là dòng đầu tiên tôi viết hôm nọ, anh thử đọc xem: Dante đã sáng tác một bài thơ ở gần một nơi gọi là H-H- gạch ngang một cái, vì tôi không muốn bị lôi thôi với sở Phối hợp Nghệ thuật.» Ta hãy nghĩ về một cuốn sách bắt đầu với chữ H gạch ngang! Một chi tiết bé nhỏ không làm phật lòng những ông sở Kiểm duyệt. Tôi liền gợi ý rằng, khi Whitman sáng tác một bài thơ, đã viết: «Tôi, Walt, hồi 37 cái xuân xanh, tôi rất khỏe mạnh!... Tôi rất sáng suốt với trực giác của tôi... Tôi say mê con người của tôi... dù là trong mộng tưởng. Walt Whitman, một tiêu vũ trụ, con trai của Manhattan, ngỗ nghịch, hỗn láo, ưa đê tam khoái, ăn uống và yêu đương... Thường vặn ốc chìa khóa cửa ra. Tháo tung cả những cánh cửa khỏi

mộng của... Từ đây, hoặc kể từ lúc này trở đi thì lúc nào đối với tôi, cuộc đời vẫn cứ vậy... Tôi hiện hữu như hiện tôi hiện là, thế là đủ...»

Đối với Walt, thì lúc nào cũng là chiều cuối tuần cả. Nếu, diễn tả một người đàn bà mà thấy khó, thì ông đành chịu vậy, và dừng lại ở dòng thứ ba. Thứ Bảy tới, nếu thời tiết đẹp, ông ta sẽ thêm vào hình ảnh người đàn bà đó một chiếc răng ông đã bỏ quên hoặc một chiếc mắt cá chân. Cái gì ông ta cũng đợi được hết, đều chờ dịp thuận tiện mà thi hành. Tôi chấp nhận cuộc đời một cách tuyệt đối. Trong khi đó, ông bạn Carl của tôi, sống dai như con rệp, đang dãi dầm đầy quần vì đã bốn ngày qua mà anh ta mới nặn được mỗi một câu ở thể chối. Anh ta nói «Tôi chả thấy có lý do nào để tôi sẽ không chết cả thì ta ngăn chặn cái công

việc sẽ phải tới làm gì nhỉ!» Rồi anh ta xoa đôi bàn tay, nằm riết trong phòng để ngủ quên chết. «Anh ta sống chẳng khác nào con rệp ẩn trong khe vách.»

Mặt trời nóng gắt đang xuyên nóng qua tấm vải lều. Tôi mừng quỳnh, vì mình đang được chết thật nhanh. Mỗi giây đồng hồ là một bước tới gần cõi trường sinh. Tôi không nghe cái giây đồng hồ vừa tích tích trôi qua... nhưng tôi bám riết vào nó như một người điên, nó không nói gì cả, cứ để mặc... Có gì tốt hơn là đọc thơ của Virgil lúc này không nhỉ? Cái này. Cái lúc này đang lan tỏa và nó không tự định nghĩa như tiếng tích tích của đồng hồ, cũng không như tiếng đồng hồ đánh giờ. Cái lúc muôn thuở này tàn phá mọi giá trị, mọi giai tầng và vạn sự vật khác nhau. Cái này phun lên và bắt nguồn từ một suối nguồn bí mật.

Chả có sự thật nào phải nói lên cả, chả có sự khôn ngoan nào cần được chia sẻ cả. Thế nhưng nó vẫn cứ nói ào ào, huyền thuyên cho mọi người, mọi nơi bằng mọi thứ ngôn ngữ. Hiện tại là một tấm màn mong manh nhất giữa sự điên khờ và lương tri con người. Hiện tại là tất cả vạn việc, nó đơn giản đến nỗi như một lời giễu cợt. Từ đỉnh cao của ngất ngậy, ta lặn tòm xuống một bình nguyên của sức khỏe, rồi ta đọc ngẫu nhiên nào thơ Virgil, nào thơ văn của Dante, của Montaigne và những văn thi sĩ khác...những tác giả đã tới cái khoảnh khắc, cái kỳ gian vươn rộng ra mãi và chỉ nghe biết chứ chả thấy bao giờ. Ta nói chuyện với hết mọi người, nói thao thao bất tuyệt, nói lắm nhảm, đại ngôn. Đây là lúc ta nâng ly rượu lên môi. Thấy tôi làm như vậy, chú ruồi tự đâu bay tới đậu lên mí mắt tôi. Lúc này tôi thấy con ruồi cũng quan

trọng như cái bàn tay nâng ly rượu và ly rượu, hoặc rượu trong ly, hoặc những tư tưởng vươn lên do tửu nhập, hoặc cái chết vì quá chén. Đây là lúc tôi nhận ra rằng cái bảng chỉ đường «Đi Versailles» hoặc «Đi sở An Ninh», bất cứ bảng chỉ đường nào, ta đều không... cần biết, vì có mỗi một nơi ta bắt buộc phải đi tới mà chả cần có bảng chỉ đường để tới. Đây là đường phố vắng hoe từ lâu tôi đã ngồi ở đó, giờ đây nhộn nhịp người người đi lại, và những con đường đông người giờ đây lại đến phiên vắng ngắt. Đây là lúc không tiệm ăn nào thực sự gọi là tiệm ăn mà phải gọi là tiệm giành cướp đồ ăn. Đây là món ăn ngon nhất mặc dầu trước kia là món dở nhất tôi chưa hề đụng đũa. Đây là một món ăn không ai đụng đũa trừ một thiên tài vì nó luôn luôn vừa túi tiền, dễ tiêu, và để lại một dư vị ngon lành. Phó-mát Roquefort, không ngon

sao? — Người hầu bàn hỏi. Ngon tuyệt! Thứ phó-mát ôi nhất, nhiều giò nhất chưa bao giờ người ta chế tạo được ngon lành như vậy. Nó nhung nhúc nào giò của Dante, của Virgil, Homer, Boccaccio, Rabelais, Goethe... tất cả những con giò chưa bao giờ thấy xuất hiện trên mặt đất đều đã chui rúc vào thứ bơ này. Đó là thứ bơ tôi tự chôn tôi trong đó. Tôi, Miguel Feodor François Wolfgang Valentine Miller.

Đường tới gần cầu lát toàn đá cuội. Tôi lái xe thật chậm tới độ sỏi bắn tung cả vào xương sống tôi, bắn cả vào sọ dừa của tôi đang điên điên khùng khùng. Khi qua Sèvres, nhìn bên phải, bên trái, tôi biết là chẳng phải đi qua cây cầu nào nữa dù là cây cầu bắc qua sông Seine, Marne, Oureq, Ande, Loire, Lot, sông Shannon hay Liffey, sông East hay Hutson,

Mississippi, Colorado, Amazon, Orinoco, Jordan, Tigris, Iriwaddy... không đi qua cầu nào mà lại đã đi qua hết mọi cầu đó kể cả những cây cầu bắc qua sông Nile, Danube, Volga, Euphrate. Tôi đã đi qua cầu Sèvres cũng như khi đi qua nhà thờ St. Paul. «Hỡi tử thần! Đâu là lưỡi hái ác độc của người?». Sau lưng tôi là Sèvres, đằng trước tôi là Boulogne, nhưng dòng sông Seine lại dưới chân tôi. Dòng sông ấy phát nguyên từ đâu, quy tụ hàng triệu những dòng nước li ti, nó vọt lên từ hàng tỉ những tia nước nhỏ hợp lại, rồi hợp thành một tấm gương phẳng lặng phản ánh những đám mây lững lờ bay ngang, ghìm lại quá khứ, tiếp tục xô đi đẩy lại và trong khi tôi đi ngang qua tấm gương nước khổng lồ đó, cùng với những đám mây bay ngang qua ghìm lại quá khứ. Những đám mây cứ tiếp nối nhau đi ngang qua tấm gương phản chiếu này,

rồi cả hai như hòa thành một, không biết bao nhiêu thế kỷ đã gặp nhau ở cùng một cùng đích tôi và con sông đang trôi dưới tôi cùng những đám mây đang bay trên đầu tôi, với tất cả những gì đang lướt qua tôi, tất cả hợp thành một chuyển động liên tục. Dòng sông Seine này và tất cả mọi dòng sông Seine nào có cầu bắc ngang thì được coi như một phép lạ đối với một người đi qua cầu bằng xe đạp.

Cái này thì tốt hơn là đọc Virgil...

Hướng về phía St. Cloud, bánh xe lăn rất chậm, chiếc đồng hồ tốc độ lão đảo trong một chiếc hộp xám như một người say rượu. Tôi là người có một áp kế còn nguyên vẹn. Tôi là người ngồi trên cái máy và kiểm soát được nó. Tôi đang lái xe xuống đồi chân đạp mạnh vào thắng. Tôi có thể lái xe hết như lái trên đất nền bằng phẳng, để cho tấm gương lướt qua

tôi và lịch sử dưới chân tôi hoặc ngược lại thế. Tôi đang lái xe dưới ánh nắng gắt gay. Tôi là một con người hiểu biết nhiều nhưng tuyệt nhiên không hiểu gì về hiện tượng ánh sáng. Ngọn đồi St. Cloud nổi bật lên đằng trước mặt tôi về bên trái, cây cối cong mình xuống che nắng cho tôi, con đường phẳng lì tưởng như không bao giờ hết, bức tượng nhỏ vẫn còn nguyên trên chiếc chuông nhà thờ cũng như quả lắc chuông vậy. Mọi Thời Trung Niên nào cũng tốt cả, bất cứ của con người hay của lịch sử. Trời nắng chang chang những con đường dẫn đi tám hướng ngàn phương, đường nào cũng đi xuống đồi cả. Tôi không thể cản đường cho phẳng hoặc san bằng những chỗ lồi lõm. Mỗi lúc xe xóc lên, lại gửi một tín hiệu cho đồng hồ tín hiệu. Tôi để ý tới mọi nơi tôi đi qua: để ghi lại những tư tưởng của tôi, tôi chỉ cần vẽ lại cuộc

hành trình của tôi và cảm thấy lại những chỗ xót này.

Tới cầu St. Cloud, tôi bỗng dừng khựng lại. Tôi chả có gì phải vội vã tôi có cả một ngày để lãng phí. Tôi dựng xe đạp vào một gốc cây và đi tiểu tại một cầu tiêu. Chỗ nào cũng có đá sỏi kể cả cầu tiêu. Khi tôi đứng đó nhìn lên mặt tiền của dãy nhà, có một người đàn bà trẻ dáng đoan trang nghiêng mình ra cửa sổ nhìn tôi. Đã biết bao nhiêu lần tôi đã đứng như vậy trong cái thế giới đầy mỉm cười, duyên dáng này. Mặt trời tỏa sáng chan hòa trên tôi, chim chóc hót líu lo inh ỏi và tôi thấy một người đàn bà từ cửa sổ mở nhìn tôi, nụ cười của bà ta tan vụn ra thành những mụn bánh nhỏ chim chóc mổ nhặt ăn, và đôi khi chúng còn đánh rơi những mụn bánh đó ở cầu tiêu, chỗ này nước chảy róc

rách vui tai và một chàng đàn ông tới đó mở nút quần dốc bầu tâm sự lên những mẩu bánh vụn đó, đang tan rã. Cứ đứng như vậy, với trái tim, nút quần, bông đài mở toang, hình như tôi nhớ lại mọi cầu tiêu tôi đã đi với tất cả những cảm giác khoái thú nhất, những kỷ niệm đắm say mê hồn, không khác gì óc tôi là một cái đi-văng vĩ đại ngổn ngang những gối là gối và đời tôi là một giấc ngủ trưa dài trong một buổi trưa nóng nực và mơ màng. Tôi không ngạc nhiên khi thấy người Mỹ đặt cái bồn tiểu ở trung tâm triển lãm của Paris tại Hội chợ Chicago. Tôi nghĩ rằng nó hợp với chỗ đó lắm chứ chả chơi và lại nước Pháp cũng nhận rằng đó là một quà tặng có giá trị. Thật ra đâu có cần phải cắm lá cờ tam tài trên đó. Cái đó hơi quá đó! Tuy nhiên người Pháp đâu có biết rằng cái bồn tiểu đó là một trong những đồ vật đầu tiên đập vào

mắt một người Mỹ đến viếng gian hàng hội chợ, cái đó làm hấn run lên, làm ấm lòng hấn lên? Làm sao một người Pháp có thể hiểu được sự cảm kích của người Mỹ khi nhìn thấy một bồn tiểu của đàn bà hay của đàn ông, muốn gọi sao cũng được, vì hấn đang sống trong một xã hội mà nhìn trộm khi này khi khác đã trở thành một nhu cầu, hấn cũng biết rằng khi đi tiểu phải đi vào bồn tiểu, không được tiểu nơi công cộng, phải làm nơi kín đáo, tiểu ngoài đường phố hoặc dưới đường xe điện ngấm lại chẳng hợp chút nào cả vì những chỗ đó luôn có những con mắt dòm hành làm ta mất tự nhiên thoải mái.

Tôi là kẻ đi đái nhiều và đái luôn kinh, cái đó là dấu hiệu của một người

có đời sống tinh thần rất mạnh. Dù sao đi nữa, tôi cũng biết rằng tôi đang buồn khổ vô cùng khi tôi thả bộ trên đường phố New York. Luôn luôn cứ lo ngay ngáy không biết là lần tới sẽ dừng lại ở đâu và không biết rằng mình nhịn đói có lâu được không. Vào mùa đông, lúc ta mệt nhoài và đói lả, thế mà được đứng làm một phút trong vài phút tại một trạm xe điện ngầm tiện nghi, ấm áp, thật là thú vị tình thâm. Vào mùa xuân thì sự việc lại khác hẳn. Ta lại thích «làm giấc mộng con» dưới nắng xuân giữa những người trên cao nhìn xuống và mỉm cười với chúng ta. Khi một người đàn bà ngồi xổm để dốc bầu tâm sự trong một bồn tiểu thì đó không phải là cái cảnh đáng ta thưởng ngoạn, không có người đàn ông nào dù có cảm nghĩ thế nào đi cũng không thể chối cãi được rằng cái cảnh người đàn ông đứng sau tấm kiếng đục

nhìn đám đông với nụ cười thỏa mãn, dễ dãi, băng quơ, với cái nhìn đăm đăm, tái hồi, khoái trá mà cho là một việc tốt, được. Giải quyết được «giấc mộng con» là một trong những khoái trá nhất của con người.

Có một số bốn tiểu tôi thường tới để đi như là cái bốn tiểu cũ nát ngoài bệnh viện tâm điên, ở góc phố St. Jacques và phố Abbé-de-l'Épée, ở chỗ nhà máy lớp xe Hutchinson gần vườn Luxembourg góc phố d'Assas và phố Guynemer. Ở đây, vào một đêm xuân thơm nức, bắt xét những biến cố dù là thế nào đi nữa xảy ra, tôi thấy tôi là bạn cố trí của Robinson Crusoe. Suốt một đêm dài trần trọc trong hoài nhớ, khổ sở, sợ hãi, mệt nhọc, những nỗi mệt nhọc sung sướng, những nỗi lo sợ vui vẻ.

Cái bài tựa của một cuốn sách có viết: «Cái lạ lùng của đời sống của người này, tóm lại là người ta thấy hắn còn tồn tại; đời sống của một người hầu như đủ lực làm nhiều chuyện khác nhau.» Hòn đảo bây giờ người ta nhận ra là đảo Tobago, ở cửa biển Orinoco cách Trinidad 30 dặm về hướng Bắc. Ở đó, Crusoé đã sống cô độc từ 8 tới 24 năm, những vết chân trên cát được vẽ lại một cách rất đẹp ở bìa sách. Tên mọi Vendredi, cái dù... Tại sao cái câu chuyện đơn sơ đó lại làm những người ở thế kỷ 18 say mê đến thế? Ta hãy nghe Larousse nói: «... câu chuyện phiêu lưu của một người bị lạc vào hoang đảo, tìm những phương tiện để tự túc, tự tạo cho mình một niềm hạnh phúc tương đối lại được tên Vendredi, một người được Robinson giải thoát khỏi tay dân mọi rợ, đến bổ túc cho... Cái lý thú của câu chuyện không phải là vì truyện nói

lên được một sự thật về tâm lý con người, nhưng ở chỗ nó có nhiều tình tiết tỉ mỉ làm ta có một ấn tượng như là có thật.

Không những Robinson đã tìm được một cách để tồn tại, mà còn tự tạo cho mình một hạnh phúc tương đối. Hoan hô! Một người tự mãn với một hạnh phúc tương đối. Nhưng đó lại là một người Anglo-Saxon! Lại là người tiền Kitô giáo. Hãy hiện đại hóa câu chuyện đó xem sao, Larousse nghĩ ngược lại, chúng ta như một nghệ sĩ muốn tự xây dựng cho mình một vũ trụ thật là một câu chuyện có vẻ khùng, một người đã tự đánh đắm con tàu của mình để sống ngoài thời đại của thế giới hằn đang sinh sống, hằn không thể chia sẻ với người khác dù là với một người mọi rợ. Điều đáng lưu ý là trong khi thực hiện cái giấc mộng điên khùng của hằn, hằn đã tìm ra được một thứ hạnh

phúc tương đối, mặc dù là cô độc trong hoang đảo. Trong tay hắn chẳng có gì cả ngoại trừ một khẩu súng lục cũ rích, một chiếc quần đùi rách, một bàn tay trắng với 25 ngàn năm tiến bộ thời hậu tuần lộc chìm sâu trong nơ-ron của hắn, một quan niệm của thế kỷ 18 về niềm hạnh phúc tuyệt đối! Và khi Vendredi tới, mặc dầu hắn là một người man rợ không nói được tiếng nói của Crusoé, thì cái chu kỳ đã hoàn tất rồi. Tôi thích đọc lại cuốn sách, nhưng phải vào một ngày có mưa. Một cuốn sách quý giá, tuyệt đỉnh của nền văn hóa Faust, những tên tuổi như Rousseau, Beethoven, Napoléon, Goethe đều đã góp mặt. Cả một thế giới văn minh đều thức trắng đêm để đọc cuốn sách đó in bằng 97 thứ tiếng khác nhau. Một bức tranh vẽ được thực tại của thế kỷ 18. Từ đó không còn hoang đảo nào nữa. Từ đó bất cứ con người sinh ra ở

đâu cũng là hoang đảo. Mỗi người là một sa mạc được văn minh hóa, là hoang đảo cho chính mình đã tự làm đắm tàu để trôi giạt lên đó. Hạnh phúc tương đối hay tuyệt đối là ngoài đề. Từ đó mọi người tự trốn mình để tìm một hoang đảo trong tưởng tượng, để sống cái giấc mơ của chàng Robinson Crusoe. Ta hãy dõi theo những cuộc phiêu du cổ điển của Melvilles, Rimbaud, Gaugin, Jack London, Henry James, D.H. Lawrence... cả ngàn ngàn người như họ. Nhưng chả có ai trong bọn họ tìm được hạnh phúc. Rimbaud thì bị ung thư, Gaugin bị bệnh hoa liễu, Lawrence bị dịch tả. Thà không bị bệnh dịch còn hơn! Thà bị bệnh ung thư, hoa liễu, hoặc lao chứ thà không bị bệnh dịch. Bệnh dịch! Bệnh của thế giới tân tiến: chế độ thực dân, thương mại, Thánh kinh phát không, chiến tranh, bệnh tật, chân tay giả, nhà máy, nô lệ,

thiếu vệ sinh, ho lao, thiếu máu, đình công bãi thị, sự liên kết giữa các chủ hãng để đóng cửa xí nghiệp trước sự đe dọa đình công của thợ thuyền, chết đói, tiêu diệt, trống rỗng, không lúc nào ngơi nghỉ, chạy vạy chiến đấu, thất vọng, buồn khổ, tự tử, phá sản, chứng cứng động mạch, chứng cuồng tôn hiếu đại, điên cuồng, bệnh bấu thọt, nha phiến, acid prussic, bom hơi ngạt, bom hơi cay, chó dại, tự kỷ ám thị, say sữaбет nhè, tâm lý liệu pháp, thủy liệu pháp, xoa bóp bằng điện, máy hút bụi, thịt khô để dành, nho khô, bệnh trĩ lậu, chứng hoại thư. Không còn những hoang đảo, không có thiên đàng, không có cả hạnh phúc tương đối nữa. Con người tự trốn mình một cách điên cuồng đến nỗi họ tìm sự cứu rỗi dưới lớp đá băng hoặc trong những cánh đầm lầy nhiệt đới, hoặc giả trèo lên đỉnh Hy Mã

Lập Sơn hoặc làm cho mình ngạt thở ở tầng tĩnh khí...

Cái điều làm cho những người thế kỷ 18 bị mê hoặc ấy là viễn cảnh của chung cuộc. Họ có đầy đủ mọi sự rồi. Họ lại muốn trở lại đường xưa lối cũ, muốn chui vào lòng mẹ một lần nữa.

Đây là phần phụ lục cho LAROUSSE...

Cái điều làm tôi xúc động trong cầu tiêu gần vườn Lục-xâm-bảo so với cái điều cuốn sách gây xúc động thì chẳng nghĩa lý gì; chỉ cái lúc đang đọc sách là đáng kể, cái lúc mà cuốn sách chứa đựng cái lúc xác định thời gian đặt cuốn sách vào một khung cảnh sống động của một căn phòng có ánh sáng mặt trời chan hòa, cùng với cái khung cảnh khi ta mới khỏi bệnh, những chiếc ghế giản tiện, sơ sài, tấm thảm rách mùi nấp bếp và giặt

giữ, cái hình ảnh mẫu hệ to lớn, những chiếc cửa sổ mở ra mặt đường lùa vào đáy mắt ta những bước đi hỗn tạp của những bộ mặt lang thang, dài thượt, của những thân cây đầy bướu, những dây cáp xe điện, chuột chạy trên nóc nhà, những cơn ác mộng tả tơi, nhảy múa trên những dây phơi quần áo, các cửa phòng khách xoay xoay, những chiếc dù trương ra, tuyết đông lại, ngựa trượt chân, những cuộc đua xe, kính cửa sổ lạnh cóng lại, cây cối đâm chồi nảy lộc.

Ít ra, đối với riêng tôi thì câu chuyện Robinson Crusoe chỉ có đó khi tôi thấy nó. Nó tiếp tục còn tồn tại trong cái thế giới đầy ảo tưởng tăng hoài không dứt, một phần đời ta chứa đầy những ảo tưởng. Đối với tôi thì Robinson cũng được liệt vào một loại với tác phẩm của Virgil hoặc là của cái thế giới mấy giờ

rồi? Vì hể khi nào nghĩ tới Virgil thì tôi tự động nghĩ tới — Máy giờ rồi? Đối với tôi Virgil là một anh chàng sói đầu, mắt đeo kiếng cận, ngồi ngựa người ra ghé dựa để lại một vết mỡ trên bảng đen; một anh chàng sói đầu mở ngoác miệng trong cảnh tĩnh tọa và anh ta đã giả bộ như vậy cứ năm ngày một tuần lễ và kéo dài như vậy trong nhiều năm trường. Một cái miệng rộng với bộ răng giả tạo ra một cái cảnh thật vô nghĩa và kỳ quái như sấm ngũ: *rari nantes ingurgite vasto*. Tôi nhớ lại một cách thật sống động cái niềm vui xác xược khi ông ta đọc cái câu này mà theo cái anh chàng đầu sói, mắt ốc nhồi, con trai của một tên «chó chết» thì đó là một câu nói thật vĩ đại. Chúng ta ngâm nga phân tích, rồi lặp lại câu nói theo ông ta, chúng ta có cảm tưởng nuốt câu nói đó như nuốt viên dầu cá thu, ta nhai câu nói đó như nhai một viên thuốc

khó nuốt, chúng ta mở miệng thật rộng như ông ta và làm lại cái phép lạ đó cứ năm ngày một tuần lễ trong vòng một tuần lễ, năm này qua năm khác, giống như những đĩa hát cũ rích để kỳ tới khi Virgil trở thành chính bản thân ta và mãi mãi trở thành đời sống của ta.

Nhưng mỗi lần cái anh chàng mắt ốc nhồi này ngoác miệng ra, và khi câu nói đó loảng xoảng rơi ra, tôi lắng nghe cái điều quan trọng nhất tôi phải nghe lúc này đó là câu nói — Máy giờ rồi? Sắp đến giờ làm toán rồi, sắp tới giờ nghỉ rồi, sắp tới giờ rửa mặt. Tôi là một kẻ sắp sửa chân thành như Virgil và câu nói tuyệt vời: *rari nantes in gurgite vasto*. Tôi nói nhưng không ngậm lên hoặc nhấn mạnh gì cả, không chút lẩn lộn, tiếc nhớ hay hối hận, rồi chui vào phòng tắm thì còn hơn là đọc cả ngàn thi sĩ Virgil, luôn luôn sự

việc đã là thế và sẽ cứ như thế. Lúc nghỉ ngơi, ta trở nên sống động. Lúc đó, ta trở nên con người dễ mến, không có cái gì là thắng thốt, hồi hộp: ta chạy vô chạy ra phòng riêng đóng cửa rầm rầm, bẻ tan cả khóa. Hình như ta bị một nỗi sợ hãi ghê gớm bao phủ. Khi chúng ta lấy đồ ăn ném nhau ào ào, la hét, chửi rửa om sòm, quèo chân nhau té nhào, miệng liên tiếp sủa ra câu— *rari nantes ingurgite vasto*

Không những Robinson đã tìm được một cách để tồn tại, mà còn tự tạo cho mình một hạnh phúc tương đối. Hoan hô! Một người tự mãn với một hạnh phúc tương đối. Nhưng đó lại là một người Anglo-Saxon! Lại là người tiên Kitô giáo. Hãy hiện đại hóa câu chuyện đó xem sao, Larousse nghĩ ngược lại, chúng ta như một nghệ sĩ muốn tự xây dựng cho mình một vũ trụ thật là một câu chuyện có vẻ

khùng, một người đã tự đánh đắm con tàu của mình để sống ngoài thời đại của thế giới hấn đang sinh sống, hấn không thể chia sẻ với người khác dù là với một người mọi rợ. Điều đáng lưu ý là trong khi thực hiện cái giấc mộng điên khùng của hấn, hấn đã tìm ra được một thứ hạnh phúc tương đối, mặc dù là cô độc trong hoang đảo. Trong tay hấn chẳng có gì cả ngoại trừ một khẩu súng lục cũ rích, một chiếc quần đùi rách, một bàn tay trắng với 25 ngàn năm tiến bộ thời hậu tuần lộc chìm sâu trong nơ-ron của hấn, một quan niệm của thế kỷ 18 về niềm hạnh phúc tuyệt đối! Và khi Vendredi tới, mặc dầu hấn là một người man rợ không nói được tiếng nói của Crusoé, thì cái chu kỳ đã hoàn tất rồi. Tôi thích đọc lại cuốn sách, nhưng phải vào một ngày có mưa. Một cuốn sách quý giá, tuyệt đỉnh của nền văn hóa Faust, những tên tuổi như

Rousseau, Beethoven, Napoléon, Goethe đều đã góp mặt. Cả một thế giới văn minh đều thức trắng đêm để đọc cuốn sách đó in bằng 97 thứ tiếng khác nhau. Một bức tranh vẽ được thực tại của thế kỷ 18. Từ đó không còn hoang đảo nào nữa. Từ đó bất cứ con người sinh ra ở đâu cũng là hoang đảo. Mỗi người là một sa mạc được văn minh hóa, là hoang đảo cho chính mình đã tự làm đắm tàu để trôi giạt lên đó. Hạnh phúc tương đối hay tuyệt đối là ngoài đề. Từ đó mọi người tự trốn mình để tìm một hoang đảo trong tưởng tượng, để sống cái giấc mơ của chàng Robinson Crusoe. Ta hãy dõi theo những cuộc phiêu du cổ điển của Melvilles, Rimbaud, Gaugin, Jack London, Henry James, D.H. Lawrence... cả ngàn ngàn người như họ. Nhưng chả có ai trong bọn họ tìm được hạnh phúc. Rimbaud thì bị ung thư, Gaugin bị bệnh

hoa liễu, Lawrence bị dịch tả. Thà không bị bệnh dịch còn hơn! Thà bị bệnh ung thư, hoa liễu, hoặc lao chứ thà không bị bệnh dịch. Bệnh dịch! Bệnh của thế giới tân tiến: chế độ thực dân, thương mại, Thánh Kinh phát không, chiến tranh, bệnh tật, chân tay giả, nhà máy, nô lệ, thiếu vệ sinh, ho lao, thiếu máu, đình công bãi thị, sự liên kết giữa các chủ hãng để đóng cửa xí nghiệp trước sự đe dọa đình công của thợ thuyền, chết đói, tiêu diệt, trống rỗng, không lúc nào ngơi nghỉ, chạy vạy chiến đấu, thất vọng, buồn khổ, tự tử, phá sản, chứng cứng động mạch, chứng cuồng tôn giáo đại, điên cuồng, bệnh bثور thọt, nha phiến, acid prussic, bom hơi ngạt, bom hơi cay, chó dại, tự kỷ ám thị, say sưa bết nhè, tâm lý liệu pháp, thủy liệu pháp, xoa bóp bằng điện, máy hút bụi, thịt khô để dành, nho khô, bệnh trĩ lậu, chứng hoại thư. Không còn

những hoang đảo, không có thiên đàng, không có cả hạnh phúc tương đối nữa. Con người tự trốn mình một cách điên cuồng đến nỗi họ tìm sự cứu rỗi dưới lớp đá băng hoặc trong những cánh đầm lầy nhiệt đới, hoặc giả trèo lên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn hoặc làm cho mình ngạt thở ở tầng tĩnh khí....Tiếng hò hét, huyên náo chúng ta gây ra thật quá lớn lao, sự tàn phá ghê gớm đến độ mỗi khi chúng ta mời một người khách lạ vào phòng tắm ta phải kéo luôn cả giáo sư sinh ngữ đi kèm, hoặc nếu ngày đó chúng ta đi ngoài trời thì phải có ông giáo sư sử địa đi kèm. Họ có thể có một bộ mặt nhẵn nhọt, đứng im trong phòng tắm tay cầm mẫu bánh mì thịt nguội, nhồi bơ, lắng nghe tiếng đấm nhau thùm thụp, tiếng la hét của bọn trẻ nhãi là chúng ta. Lúc họ rời phòng rửa mặt để ra ngoài hút một làn không khí trong lành cho căng buồng

phối, chúng ta hát vang rân và chẳng có ai phiền nhiễu vì chuyện đó, nhưng chắc chắn ai cũng biết rằng đó là một điều kiện mà các giáo sư bàng quan đó phải có đời sống ra người, họ, những người luôn luôn sử dụng phòng toilette và luôn học để biết mình là hạng người gì.

Ôi! Những cuộc giãn xả tuyệt diệu trong nhà cầu. Nhờ vậy mà tôi biết được nào là Boccaccio, Rabelais, Petronius, và tác phẩm *The Golden Ass*. Bạn có thể nói rất đúng khi bảo rằng, các tác phẩm hay tôi đọc được đều diễn ra trong nhà cầu. Tệ nhất là cuốn *Ulysses* và những truyện trinh thám. Có những đoạn hay nhất của *Ulysses* chỉ đọc được trong nhà cầu thôi, nếu ta muốn thưởng thức trọn vẹn hương vị văn chương của cuốn đó.

Nhưng làm như vậy không có nghĩa là phỉ báng tài nghệ của tác giả, ta chỉ cần so tác giả với Abelard, Petrarch, Rabelais, Boccaccio, những thiên tài tuyệt vời, hết sức chân thành, dám chấp nhận phân là phân, thiên thần là thiên thần. Chỉ là người đồng hành khá nhưng không phải là *rari nantes in gurgite vasto*. Và nhà cầu nào càng cũ kỹ, càng hư hại lại càng tốt (đối với cầu tiêu cũng vậy). Thí dụ, để thưởng thức Rabelais như đoạn «làm sao để tái thiết các bức tường thành Paris»... tôi phải tìm ra được một nhà cầu giản dị ở đồng quê, một căn nhà nhỏ làm riêng ra trong một miếng đất trống, có một luồng ánh sáng lọt vào qua chỗ cánh cửa cát hình trăng lưỡi liềm. Không có cái giạt nước, không có dây kéo, không có giấy đi cầu màu hồng, chỉ có một chỗ ngồi chồm hổm và hai chỗ ngồi khác cho hai người khác. Nếu có người cùng đi cầu

với bạn vậy thì thật là tuyệt! Một cuốn sách luôn là một người bạn tốt. Trong nửa giờ bạn ở đó với người-bạn-sách đó— nửa giờ đó sẽ ghi sâu mãi trong trí nhớ bạn suốt đời cuốn sách đó, cùng với hương vị đó! Nếu là một cuốn cuốn sách dày cộm với bạn trong nhà cầu cũng vô hại. Chỉ là những cuốn sách mỏng là hơi phiền. Những cuốn sách làm giấy lau thì tốt nhất. Thí dụ như cuốn Little Caesar đã được dịch sang Pháp ngữ, được xếp vào loại truyện gay cấn, đam mê. Giờ những trang sách đó, hình như tôi có cảm tưởng là lại phải trở về nhà ngồi đọc những tờ báo lớn, nghe radio lải nhải, hoặc đi trên chiếc xe ngựa hai bánh tồi tàn, uống rượu Gin rẻ tiền, tán gẫu với gái tân, hoặc cột những người da đen vào rồi đốt sống. Có một cái gì làm ta bị đi tháo dạ. Ta có cùng cảm giác này khi đọc nguyệt san Atlantic, hoặc những nguyệt

san đại loại, hoặc đọc văn của Huxley, Gertrude Stein, Sinclair Lewis, Hemingway, Dos Passos, Dreiser v.v... Tôi không nghe thấy lòng tôi rộn ràng khi mang những con chim đó vào nhà vệ sinh. Tôi kéo dây và theo cống chúng nhảy xuống mất tiêu, xuống tới sông Seine rồi vào lòng Đại Tây Dương. Có lẽ một năm sau đó chúng lại nổi lênh bệnh trên mặt Đại dương rồi trôi giạt vào bờ Coney Island hoặc Midland Beach hay Miami cùng với những xác sứa chết thối, ốc bươu nhèo nhẹt, cùng những đồ vô dụng, giấy đi cầu màu hồng, những tin tức hôm qua, những cuộc giết người ngày mai...

Chẳng còn cái cảnh nhìn trộm qua lỗ khóa nữa! Không còn cảnh thủ dâm trong bóng tối! Không còn cảnh tự thú trước chốn công cộng! Hãy vứt bỏ hết mọi cánh cửa ở khung cửa! Tôi muốn

có một thể giới trong đó âm hộ được tượng trưng bằng một kẽ nứt đơn giản. Tôi muốn có một thể giới có xương, có thịt, có những màu sắc đơn giản, một thể giới biết sợ hãi và tôn quý cái nguyên ủy như loài vật của mình. Tôi mỗi mong thấy cảnh đầy vui tươi, hoan lạc, không có gì là che giấu, hoặc bị biến thể hoặc lý tưởng hóa. Tất cả đều sáng rõ như ban ngày. Tôi không còn muốn thấy cái cảnh những nàng trinh nữ thủ dâm trong thâm kín khuê phòng, hoặc buồn khổ, nằm không trên chiếc giường vương đầy mụn bánh. Tôi không muốn có những đèn đuốc ma của người Madagasca có tạc hình những con vật đứng chồng chất lên nhau và trên hết là hình Adam Eva. Eva có một kẽ nứt đơn giản, hiển thực giữa đôi chân khép lại. Tôi muốn rằng những ai là ái nam ái nữ thì thực sự là như thế đi, chứ không phải mơ hồ tin mình như vậy

rồi đi lang thang như chó d... với một cái dương vật èo ọt và một âm hộ ráo hoئن. Tôi muốn một đứa trinh khiết cổ điển theo đó thì phần là phần và thiên thần là thiên thần. Thí dụ cuốn KinhThánh theo lối King James thì không phải là cuốn Kinh Thánh của Wycliffe, hoặc bản Kinh Thánh Vulgate, cũng không phải là bản viết bằng tiếng HyLạp, hoặc bản Hebrew, nhưng là bản Kinh Thánh huy hoàng được viết ra trong thời kỳ Anh ngữ đang thời kỳ phôi thai. Khi ngữ vựng chỉ gồm có 20.000 chữ mà đủ lực để xây dựng những tác phẩm để đời. Một cuốn Kinh Thánh viết bằng tiếng Tegalic hoặc Svenska, một cuốn Kinh Thánh viết cho người Hottentot hoặc cho người Trung Hoa, một cuốn Kinh Thánh không được viết bằng thứ ngôn ngữ lắt léo của dân Gaulois thì không phải là Kinh Thánh nữa, đó chỉ là giả mạo, mạo hóa. Bản

Kinh Thánh của King James được cái bọn người nhai cả xương tạo ra. Cuốn đó làm sống lại những cảnh huyền niệm sơ khai, rồi những cảnh hiệp dâm, giết người, dâm dật, chứng kinh phong, bạo dâm, tính kiêu căng, hiếu đại, quỷ sứ, thiên thần rồng, các thầy tu tế, ảo thuật, thần chú, những bệnh hay lây, bùa phép, những cảnh anh em trong nhà giết nhau, thần tử thí vua, con giết cha, tự sát, những trò thôi miên, vô trật tự, mộng du, những tiếng ca, điệu vũ, kịch trường, những lời nói tiên tri, lên đồng, bí thuật của những thuật sĩ, những điều huyền bí quyền hành, tội ác và vinh quang, nghĩa là Thượng Đế. Tất cả đều được đem ra ánh sáng ở cỡ thật khổng lồ, chưa thêm mắm muối, tiêu ớt thật mặn mà đến độ tới thời đại Nước Đà sắp tới cũng không nhạt mùi.

Một cái gì nguyên tuyền cổ điển — hãy đốt đi tất cả những uy quyền chính thức. Vì những thứ uy quyền đó mà những cảnh cổ điển không được sống dậy trọn vẹn đầy đủ, nó ra cái cảnh sống dở cũng như ta đang chết nhưng vẫn chưa chết? Những gì đã làm cho những cảnh đó thoát khỏi sự tàn phá của thời gian, phải chăng đó là muối trộn trong những truyện đó! Khi tôi đọc Petronius hoặc của Apuleius hoặc Rabelais, họ xem ra gần nhau quá. Cái mùi muối của họ! Cái mùi xú uế ở trong chuồng thú của họ. Cái mùi nước đái ngựa, phân sư tử, mùi hôi mồm con cọp và da voi. Tục tũ, dâm dục, nhục tình, ác ôn, buồn bực, điên rồ. Những tên hoạn quan thực sự, những người lại cái chính cống, những dương vật chính hiệu, những âm hộ thực sự, những bữa tiệc thực sự là tiệc. Rabelais tái thiết những bức tường thành Pa-

ris bằng phân người. Trimalchio tự đâm vào cổ mình. Trong vận động trường của Ceasar, những con ác thú ngái ngủ, đang thiếu ngủ nằm dài nhớ cảnh rừng xanh nào là sư tử, hổ lang, chó sói, hổ báo cộp rần, chúng đang nhai xương người rạo rạo. Trong khi đó những vị tử đạo đang hiên ngang đi tới, cái vẻ hiên ngang đần độn, ngu si đang lên đoạn đầu đài ca vang Hallelujah!

Khi đề cập đến vấn đề nhà vệ sinh, tôi lại sống dậy vài giây phút tuyệt vời. Đứng ở cầu tiêu ở Boulogne, bên phải là đồi St. Cloud, người đàn bà đứng ở cửa sổ trên đầu tôi, mặt trời đang tỏa sáng trên mặt sông lặng lẽ, tôi thấy một người Hoa Kỳ lạ lùng là cái thằng tôi đang nói, đang dụ những người Mỹ khác theo tôi. Tôi đang đứng ở một xó đất Pháp nào đó để tiểu tiện, tôi mời họ cùng làm việc

đó như tôi. Tôi chúc họ được khỏe mạnh luôn, thậm không bao giờ bị sạn. Để kỹ hơn, tôi dặn là có một số cầu tiêu tôi đã biết rõ, những cầu tiêu luôn có một người đàn bà mỉm cười nhìn xuống cười tình với ta. Chỗ đó thường có một bức tường đồ, một lầu chuồng cũ kỹ, một mặt tiền của tư dinh, một chỗ có vấy lên đây mầu sắc chẳng lên, một máng cho ngựa ăn, một vòi nước, một chuồng chim câu, một quán sách, một chợ rau... Hình như người Pháp luôn luôn khéo léo tìm được những nơi để đặt cầu tiêu cho thuận tiện. Tôi thường nghĩ tới cái cầu tiêu ở Carcassonne, nếu tôi chọn đúng giờ thuận tiện, thì từ đó tôi có thể nhìn được toàn cảnh thành phố Paris. Cầu tiêu đặt chỗ đó thật tuyệt, dù lúc tâm hồn tôi có nặng trĩu sầu buồn, khi tới đó tôi cũng lấy lại được sinh lực, và phần khởi lạ thường. Rồi lại thấy dâng lên cái niềm kiêu hùng,

dũng mãnh, vương mầu sợ hãi ngập hồn giống như nhà hiệp sĩ thuở xưa mệt mỏi khi dừng lại ở chân đồi chỗ có một dòng suối hiền lặng lẽ, ngược mắt nhìn lên cao hướng về những tháp chuông nhỏ, còn vương vết tích chiến chinh đang nổi bật trên nền trời gió lộng.

Bỗng nhiên tôi lại nghĩ đến một cầu tiêu khác ngay bên ngoài đền Các Đức Giáo Hoàng ở Avignon. Chỉ là một tảng đá đơn giản ném ở một góc nhỏ kỳ thú nào đó mà vào một đêm xuân trông như được bao phủ bằng nhung ren và những hoa confetti. Thời gian trôi đi êm đềm tới độ ta có thể nghe được cả những tiếng tù và tắt nhỏ dần, nghe quá khứ trườn đi như ma quái rồi chìm vào những tiếng chuông ngân dài đang nghiền nát những điệu nhạc đêm. Cứ y như một tảng đá ném bịch trong một góc tối nào đó đang

có những ngọn lửa đỏ lập lòe. Ở đó vào những lúc chiều mát, ta thấy trên những con đường nhỏ quanh co lao xao những hoạt động của những người đàn bà mặc áo bikini hay áo sơ-mi ngắn, đi rong rong trên những thềm nhà, miệng ngậm thuốc lá, tay ngoéo khách bộ hành. Khi đêm xuống, những bức tường trông như ráp liền vào nhau, những con đường nhỏ như chảy dồn vào một cái khe ở đó tụ tập cả một đoàn người hỗn tạp đang tò mò láo liên, khát tình đứng nghệt cả lối đi. Họ cứ lượn đi lượn lại vòng lên vòng xuống chả có chủ đích gì cả, họ cựa quậy như những con tinh trùng đang quấy đuôi đi tìm noãn, và cuối cùng họ bị cái miệng mở toác hoác của nhà thổ nuốt gọn hết.

Ngày nay khi ta đứng ở cầu tiêu bên cạnh Đền Đài đó, người ta chỉ hơi nhận

ra có chút thay đổi. Đền Đài vẫn đứng sừng sững lạnh lùng như nhà mồ trước một công trường rộng mênh mông, trống vắng. Đối diện với Đền Đài đó là một biệt thự trông tức cười có tên là Âm nhạc viện. Hai ngôi nhà đó đối diện với nhau qua một khoảnh đất trống trải. Giáo Hoàng cũng đi hết rồi, nhạc cũng cuốn gói theo. Tất cả màu sắc và ngôn từ của cả một thời huy hoàng cũng chẳng còn nữa. Đối với cái khu vực nhỏ ở đằng sau Âm nhạc viện, ta có thể tưởng tượng được rằng ngày xưa đã có một cuộc sống như vậy sát bên bức tường của Đền Giáo Hoàng. Hồi sinh thời ở ngôi nhà mồ này, tôi tin rằng không có sự ngăn cách nào giữa Đền Đài và những ngả nhỏ quanh co đó. Tôi tin rằng những căn nhà tồi tàn, bé nhỏ, lợp rạ này đã chạy tuốt từ dưới lên tới cổng của Đền Đài. Tôi tin rằng Đức Giáo Hoàng bước ra khỏi căn

phòng huy hoàng của Ngài để đi vào vùng lung linh ánh nắng thì bỗng nhiên Ngài cảm thông được với đời sống chung quanh Ngài. Hãy còn sót lại một vết tích của đời sống vương giả này như những bức họa đời sống ngoài trời, săn bắn, câu cá, đánh bài, đời sống của chim ó, của chó của những người đàn bà và các con cá vàng lóng lánh. Một đời sống Công giáo lan tỏa cùng với những màu xanh cây óng ánh đời sống tội lỗi và ân sủng Chúa, của ăn năn, thống hối, của những màu vàng đậm và màu nâu mạ vàng, của những chiếc áo lễ có vấy vết rượu nho và của những dòng suối có màu da cam hồng hồng. Từ căn phòng mặc áo ở một góc Đền Đài ta có thể phóng tầm mắt nhìn vào những mái nhà không bao giờ quên được của lâu đài Avignon và cây cầu bắc qua sông Rhône bị sập, người ta nói rằng các Đức Giáo Hoàng

đã thảo những chiếu chỉ này trong nhà mặc áo này, các bức bích họa hãy còn mới, tự nhiên và sống động đến độ ngay cả những lăng tẩm này — nghĩa là Đền Đài này — ngày nay xem ra còn có vẻ sống động hơn là đời sống ngoài trời. Ta vẫn còn có thể tưởng tượng thấy vị Cha Chung của Giáo Hội đang ngồi ở bàn viết của Ngài ở đây, với một chiếu chỉ Giáo Hoàng trước mặt, một bình lớn có quai để uống nước ngay chỗ khuỷu tay Ngài. Ta cũng dễ dàng tưởng tượng thấy một thiếu nữ duyên dáng, mập quì dưới đầu gối Ngài, trong khi đó ở dưới kia trong căn nhà bếp thên thưng, những con vật đã được chiên ngon vàng ngậy trên đầu những cây sắt nhọn nướng và các chức sắc cấp dưới của Giáo Hội, những người ăn nhiều, uống nhiều đang ăn uống thỏa sức sau những bức tường lớn đầy tiện nghi và an ninh, không có việc lý giáo,

không có lý sự cùn, không có chuyện đảo điên. Khi thần bệnh tật tới, nó quét suốt lượt từ nhà gianh đến đền đài, từ các linh mục mập mạp tới các bác nhà quê gầy nhom nhom.

Khi Chúa Thánh Linh hiện xuống trên Avignon, Ngài đã ngự xuống ở Âm nhạc viện bên kia đường, Ngài đã đi xuyên tường, xuyên thịt và xuyên qua hết mọi đẳng cấp trong xã hội. Ngài làm cho tất cả được thịnh vượng lên, ở trong những khu đèn đỏ cũng như trong những khu cao tuốt trên đồi. Đức Giáo Hoàng không thể nâng cao gấu áo người lên và khi đi qua không ai được chạm vào gấu áo Ngài. Bên trong và bên ngoài bức tường chỉ là một cuộc sống thôi: đức tín, gian dâm, đổ máu, những sắc màu sơ lậu. Những đam mê đầu tiên. Những bức bích họa kể truyện. Những bức bích

họa đó đã kê ra họ đã sống ra sao mỗi ngày và suốt ngày còn rõ rệt, âm vang hơn là sách vở nữa. Những điều các Đức Giáo Hoàng lảm nhảm trong râu của các Ngài là một chuyện —những điều các Ngài bảo vẽ trên tường lại là chuyện khác. Ngôn từ đã chết cả rồi.

Những trang sau đây có mục đích kể lại sự hình thành của một đại tác phẩm. Đại tác phẩm đang được treo trên tường trước mặt tôi; giờ nó đã khô mầu. Tôi đang viết để ghi lại cái quá trình hình thành của nó bởi lẽ không bao giờ tôi sẽ vẽ được một tác phẩm như vậy nữa.

Ta phải trở lại từng tí một mới được... Vì đã hai ngày qua hình như tôi cứ vật lộn với cái gì đó. Nếu diễn tả bằng lời

nói tôi có thể nói rằng tôi không khác gì một viên đạn dẹp lép. Hình ảnh đó hình như thích hợp lắm vì khi tôi tỉnh giấc mơ sáng nay chỉ còn mỗi một hình ảnh còn sót lại, kéo dài ra mãi đó là hình ảnh thân xác tôi tan tành như một chiếc mũ rách.

Ngày đầu tiên, cuộc chiến đấu hầu như không định nghĩa được. Tuy nhiên nó cũng đủ lực để làm tê liệt. Tôi đội mũ vào rồi đi xem phòng triển lãm tranh Renoir, sau đó đến viện bảo tàng Louvre, rồi từ Louvre đi tới phố Rivoli. Tới đó tôi ngồi uống lave (bia) suốt ba giờ liền, trần trối nhìn những con quái vật đi qua tôi. Sáng hôm sau trở dậy lòng cứ đinh ninh rằng tôi sẽ làm được một cái gì đó. Niềm tin đó báo một điềm lành. Cuốn sổ tay nằm lăn lóc bên cạnh tôi, nhặt lên, lật giở bâng quơ. Tôi lại lật lần nữa, nhưng

lần này chăm chú hơn. Những ghi chú được ghi bằng những dấu hiệu bí hiểm: một câu đơn giản có thể ghi lại một cuộc đánh lộn trong năm. Có vài hàng tôi không thể đoán ra là gì nữa — cuốn những người viết tiểu sử sẽ lo về chuyện đó. Tôi vẫn cứ bị ám ảnh với ý nghĩ rằng hôm nay tôi phải viết một cái gì đó. Tôi vẫn cứ tiếp tục lần giở những trang ghi chú như là học ôn vậy. Tôi cứ tưởng tượng là thế. Như khi thoáng qua những ghi chú này, thì có một cái gì bất thường xảy ra cho tôi.

Cái xảy ra đó là việc tôi đã động cạp tới dì Melia. Giờ đây, đời tôi như nổ bùng lên, giống như suối nóng phun lên từ lòng đất. Tôi đang đi về nhà với dì Melia, và bỗng nhiên tôi thấy dì nổi cơn điên. Dì hỏi tôi về nguyệt cầu. Dì thét lên «Nó ở trên kia kia! Đó đó!».

Khi tiếng đó ré lên với tôi thì khoảng 10 giờ sáng. Từ lúc đó trở đi tới 4 giờ sáng hôm sau, tôi như bị những ma lực vô hình lôi cuốn. Tôi bỏ máy chữ đi và bắt đầu ghi lại những cảm nghĩ của tôi. Từng trang lại từng trang tôi nhớ lại mỗi sự việc đã xảy ra cùng là những nơi đã xảy ra. Cuốn bloc notes giờ đây nằm trơ chẳng còn tờ nào trên sàn. Tôi nằm xoài trên sàn, tay cầm viết chì ghi chú như điên. Cứ thế và cứ thế. Tôi vui sướng như điên nhưng đồng thời cũng lo lắng làm sao. Nếu cứ tiếp tục theo đà này, dám tôi bị khải huyết chả chơi đâu.

Khoảng 3 giờ sáng, tôi định không tuân theo cái thôi thúc đó nữa. Tôi muốn đi ăn. Có thể sau bữa ăn, thôi thúc đó sẽ tiêu tán hết. Tôi đi xe đạp để máu trên đầu rút xuống. Tôi chủ tâm không mang theo cuốn sổ. Nếu cái thôi thúc

đó lại bắt đầu thầy kệ tôi phải đi ăn cái đã. Vào 3 giờ chiều, bạn chỉ có thể ăn đồ nguội thôi. Tôi gọi thịt gà nguội với sốt mayonnaise, ăn như vậy đỡ tốn tiền hơn, nhưng đó chính là điều tại sao tôi phải gọi món đó. Sau một cuộc tranh luận nho nhỏ, tôi gọi rượu Burgundy mạnh thay vì rượu vang thường. Tôi hy vọng nhờ vậy tôi được khuây khỏa được chút nào chẳng. Rượu vang chắc sẽ làm tôi hơi chuẩn choáng. Tôi sắp sửa gọi chai thứ hai và khăn trải bàn đã dày đặc những tờ ghi chú. Đầu óc tôi vô cùng nhẹ nhàng. Tôi gọi phó-mát, nho tươi và bánh ngọt. Hôm nay ăn thấy ngon tuyệt vời. Tuy nhiên, như có một cái gì không trôi xuống dạ dày được, hình như có một ai khác trong tôi đang ăn tất cả những đồ ăn thay tôi. Cuối cùng, phải đứng lên trả tiền. Đứng dõng dạc trả tiền rồi lại leo lên con ngựa sắt đông thẳng. Rồi tôi lại

dùng chân ở một quán café gọi một ly đen. Tôi như thể không còn đủ sức đứng vững. Nhưng có một người nào đó như sai khiến tôi hoài chả đếm xỉa gì đến sức khỏe của tôi. Cả ngày, tôi cứ uống theo điệu đó. Tôi đã đầu hàng từ lâu. O.K. tôi tự nhủ. Nếu hôm nay là cái ý tưởng thì đó là cái ý tưởng. Tàu nữ hoàng, xin tuân lệnh. Và tôi mệt nhọc làm tôi mọi, như thể chính tôi muốn làm như vậy.

Sau bữa cơm chiều, tôi mệt nhoài. Nhưng những ý tưởng đó vẫn cứ xâu xé tôi, nhưng vì mệt quá, mệt đến độ phải ngả lưng, và tôi để mặc những tư tưởng đó ào ào bức bách tôi như tôi bị đấm bóp tôi bởi vậy. Cuối cùng tôi đuối sức tới độ chỉ còn đủ sức lật cuốn sổ lên và nằm nghỉ. Đó là một tạp chí cũ. Có lẽ tôi sẽ có thể tìm được sự an bình trong đó chẳng, Lạ quá, tôi mở ra đúng «Goethe và Ác

quỉ của ông» lên và lễ cuốn tạp chí. Tôi lại cầm bút chì cũng đầy những ghi chú của tôi. Đã nửa đêm. Tôi vô cùng phấn khởi. Sự thúc bách phải viết đã hết. Tôi bây giờ được trả tự do. Tôi vô cùng sáng khoái và tôi lấy làm lạ là sao mình không đạp xe lòng vòng chút nữa trước khi ngồi viết có hay hơn không. Chiếc xe dựng trong phòng của tôi. Chiếc xe bẩn thỉu. Tôi lấy miếng vải rách lau chùi nó, lau sạch từng nan hoa, chùi dầu bóng loáng tất cả. Tôi lau sạch tấm chắn bùn. Quay bánh xe, nó kêu lách tách reo vui. Xe đi êm và lăn tròn. Tôi đạp xe qua Bois de Boulogne...

Khi đang rửa tay, tôi bỗng thấy cái gì cản nhói trong dạ dày. Tôi đói, nên mới ra có sự. Được, giờ đây sự thôi thúc không còn nữa, tôi được tự do muốn làm gì thì làm. Tôi khai chai rượu, cắt miếng bánh mì lớn, ấn vào giữa một

miếng xúc xích lớn. Xúc xích có nhiều tỏi. Tốt. Ở Bois de Boulogne, chả ai để ý tới mùi tỏi cả. Một chút rau nữa, thế là tuyệt. Giờ đây tôi ăn ngẫu nhiên, ngon lành. So với những bữa khác, chưa bữa nào ngon bằng. Rượu nho, mùi tỏi hòa hợp với nhau tuyệt khoái. Ăn xong, hút một điếu thuốc. Có một bài tiểu luận ngay dưới tầm tay đầu đề «Nghệ thuật và Bệnh điên». Cuộc đi dạo đã kết thúc. Dầu sao thì cũng là quá muộn rồi, tôi, không thể viết được nữa. Tôi đang thực sự muốn làm một cái gì à, đúng rồi, tôi muốn vẽ một bức tranh. Vào năm 1927-28 gì đó, tôi đang sắp sửa trở thành họa sĩ. Thỉnh thoảng tôi vẽ một chút, vẽ tranh thủy mặc. Trong nhà thương điên, người ta vẽ những người điên không đầu. Họ vẽ những chiếc ghế, những bức tường, những cái bàn, ván lót giường... một tác phẩm kỳ quái. Nếu chúng ta hằng hái bắt

tay vào việc như những người điên này, thì không biết sẽ làm được những gì trên đời này.

Bức tranh trước mặt tôi do một họa sĩ trọ nhà bác Charenton vẽ; bức họa có một cái gì đặc sắc. Tôi thấy một cậu con trai và một cô con gái quì cạnh nhau, cả hai cầm chung một cái khóa lớn. Thay vì một cái dương vật và một cái âm hộ, họa sĩ lại vẽ một chiếc chìa khóa lớn tra sâu vào lỗ khóa lớn. Hai người xem có vẻ hạnh phúc và có vẻ hơi lơ đãng... Trang 85 có một bức họa phong cảnh. Trông giống như một tác phẩm của Hilaire Hiler vậy. Đó là một bức tranh đẹp hơn hết mọi tác phẩm của Hiler. Bức tranh có một điểm đặc biệt là chỗ phân màu sắc đậm có vẽ hình ba người đàn bà trông hơi méo mó, nhưng không biến dạng lắm. Chỉ có đôi chân làm cho họ có dáng

điều nặng nề thôi. Những phần khác của bức tranh vẽ khá đến nỗi làm ta bị nôn ọe thay vì bị khó chịu. Bên cạnh đó là một thế giới hoàn hảo đến độ không còn ba người đàn bà nữa, những người xem ra quá nặng nề vì đôi chân của mình. Theo tôi thì người điên cũng có quyền có một cái nhìn riêng của họ.

Tôi rất phấn khởi bắt tay vào việc. Đúng y như lúc tôi bị lúng túng vì các tư tưởng. Tôi lưỡng lự sao y một trong những bức tranh này. Nhưng tôi hơi tự thẹn sao y một tác phẩm của người điên là một hình thức tệ nhất của kẻ «đạo» nghệ thuật. Chà, khởi sự, quả là một vấn đề. Bắt đầu bằng con ngựa xem sao. Tôi nhớ mang máng hình vẽ những con ngựa của Etruscan tôi đã thấy ở Bảo tàng viện Louvre. (Ghi chú: trong tất cả những thời kỳ vĩ đại của nghệ thuật, ngựa cũng

rất gần với con người). Tôi khởi sự vẽ; tự nhiên là phải bắt đầu bằng những phần dễ vẽ nhất của con ngựa — dải ngựa. Tiến ra một chút là vẽ cái đuôi, ta sẽ gắn vào sau. Vừa khi bắt đầu vẽ mình con ngựa, tôi thấy là hơi dài quá. Nên nhớ là đang vẽ con ngựa chứ không phải vẽ lá gan. Nhớ mang máng, hình như tôi có xem thấy hình vẽ vài con ngựa xứ lonie trên những bình hoa màu đen có thân mình dài thông thì phải. Rồi những cái chân bắt đầu từ trong thân thể vẽ ra, phác phác vài nét, rồi ta cứ theo tưởng tượng mà thấy. Nghĩ vậy, tôi liền vẽ một con ngựa xứ lonie. Nhưng lại có một khó khăn nữa. Đó là cái chân. Hình dáng chân ngựa ra sao, thật khó kiểm soát được, nếu ta chỉ dùng nguyên trí tưởng tượng. Tôi chỉ có thể nhớ lại được từ chùm lông sau chân nghĩa là chỗ cái móng của nó. Cho thịt vào chỗ móng ngựa, quả là một công việc

hết sức tế nhị. Làm nó nối liền với thân một cách tự nhiên chứ không thể như lấy nhựa dán vào. Con ngựa của tôi đã có năm chân rồi. Việc làm dễ nhất là làm một trong năm cái chân đó thành cái d... ngựa đang cương. Chưa nói xong thì tôi cũng vẽ xong rồi. Giờ đây, con ngựa trông giống như một pho tượng nặng bằng đất sét hồi thế kỷ VI trước Chúa Giáng Sinh. Đuôi chưa được vẽ thêm vào, nhưng tôi để chừa một chỗ đúng ngay chỗ lỗ khu. Đuôi thì lúc nào vẽ vào chả được. Điều quan trọng là phải làm sao nó có vẻ sống động, phải làm cho nó chồm lên. Vì vậy, tôi vẽ hai chân trước nó cong lên. Nửa thân nó trong thế động, còn nửa phần kia trong thế tĩnh. Với một cái đuôi thích hợp, tôi có thể dễ dàng biến nó thành con cangaru. Trong khi tung vó lên bụng nó như bị xệ ra. Tôi vẽ chỗ đó thật kỹ, đến độ trông giống như một cái vồng. Cứ để

ngựa đi theo điệu đó. Nếu vẽ xong mà ngựa không ra ngựa tôi sẽ biến nó thành hình cái vông. (Há chẳng đã có người ngủ trên mình ngựa như tôi đã trông thấy hình vẽ ở một lọ độc bình sao?).

Những ai chưa từng quan sát kỹ đầu ngựa mà phải vẽ mới thật là nhiều khê. Không chừng vẽ thành cái máng ăn. Khi vẽ mắt vào, nhưng phải làm sao cho con ngựa có vẻ cười. Phải làm cho nó có vẻ ngựa chứ không phải người. Về điểm này, phải thú thật là tôi hoàn toàn chán ngấy cái lòng can đảm của tôi. Tôi quyết xóa bỏ hết rồi lại bắt đầu vẽ, vẽ lại hoài hoài. Nhưng tôi ghét cục gôm lắm. Tôi nghĩ thà là biến con ngựa thành một cái dynamo hay một chiếc piano hơn là cứ tẩy tẩy xóa xóa hoài.

Tôi nhắm mắt lại, hết sức bình tĩnh vẽ một con ngựa bằng trí tưởng tượng.

Tôi xoa tay trên cái bờm, trên vai và cạnh sườn con ngựa. Hình như tôi nhớ rất rõ cách con ngựa rung mình ra sao nhất là khi có ruồi bu. Đặc biệt là cảm giác ấm nóng và co giật của những tĩnh mạch. (Ở Chula Vista, tôi quen chải lông con lừa trước khi cưỡi nó ra đồng chơi. Tôi nghĩ, hay mình biến con ngựa thành con lừa cũng hay!).

Vì thế, tôi lại bắt đầu lại. Lần này thì bằng cái bờm. Bờm ngựa là một cái gì hoàn toàn khác hẳn cái đuôi heo hoặc bím tóc của con cá đầu người mình cá. Chirico đã vẽ những chiếc bờm tuyệt diệu trong những bức tranh ngựa của họa sĩ. Valentine Prax cũng vậy. Cũng xin nói là cái bờm không như một làn tóc uốn dợn. Nó cần có cả biển cả và một lô những thần thoại trong chiếc bờm đó. Cái gì tạo thành tóc, răng, móng tay,

không thể gọi là bờm được. Nó là một cái gì riêng biệt... Tuy nhiên, khi tôi rơi vào trạng thái bất như ý như lúc này đây, tôi biết sau này có thể thoát khỏi tình trạng đó, khi tôi tô mầu. Vẽ xong phải tô mầu mới là vẽ. Hội họa là thế giới tư tưởng. (Michelangelo có lý khi chê Da Vinci). Có cái gì có tính cách ghê rợn khủng khiếp, gợi ý hơn là bức họa «Bữa tiệc ly» không? Có cái gì kiêu kỳ hơn bức họa «Mona Lisa» không?

Một chút mầu sắc sẽ đem lại sự sống động cho cái bờm. Tôi thấy cái bụng vẽ hơi trật. Được rồi, chỗ nào nó cong, tôi làm cho nó cong, và ngược lại thế. Giờ đây, con ngựa của tôi bỗng nhiên phi nước đại. Mũi nó phì ra lửa. Nhưng đôi mắt nó trông có vẻ ngờ nghệch và hơi người là đằng khác. Vậy ta phải xóa con mắt nó đi. Như vậy trông nó càng ngày

càng giống ngựa hơn. Nó còn có vẻ thông minh là khác, giống như ngựa Charley Chase trên màn ảnh. Để ngựa nào giống đó, cuối cùng tôi quyết định vẽ thêm những cái vằn. Và như vậy là tôi có thể biến nó thành con ngựa vằn. Giờ thì, đốt hết cả đi, nó trông giống như một tấm giấy bồi. Những sọc rằn đã làm con ngựa như bệt ra, dính nhẹp vào giấy. Tôi nhắm mắt lại, tôi có thể nhớ lại những con ngựa của Cinzano, nó cũng có vằn và đẹp lắm. Có lẽ tôi phải xuống nhà để uống khai vị và xem lại bức tranh ngựa rằn của Cinzano. Có lẽ tôi sẽ thay đổi chút ít. Nếu một người loạn trí mà vẽ được chiếc xe đạp thì hẳn cũng vẽ được một con ngựa chứ. Thật là kỳ thú, tôi thấy đủ loại tranh, nào là nam thần, nữ thần, quỷ sứ, dơi, máy khâu, bình hoa, sông, cầu, khóa và chìa khóa, những kẻ trúng phong, hòm, bộ xương — nhưng

không có một bức tranh ngựa nào hết mới bực. Nếu một người điên đã soạn ra cuốn sách này, ý hẳn anh không muốn ghi lại những nhận xét đích thực sâu xa của mình, và chúng ta sẽ có một nhận xét về cái sự thiếu sót kỳ lạ này. Khi bỏ quên không vẽ một con ngựa thì quả là một cái gì bất xứng hợp. Nghệ thuật của con người phải có ngựa đi song hành. Đó chứng tỏ là người theo phái tượng trưng hoặc là đang có một chút loạn trí. Chúng tôi muốn khảo cứu xem những người điên vẽ con ngựa thành cái gì.

Một lần nữa, tôi lại trở lại chương vẽ phong cảnh ở trang 85. Toàn những tác phẩm tuyệt tác, mặc dầu các đường nét có cứng cõi. (Người điên có một ám ảnh ghê gớm tính cách hợp lý và trật tự như

lối của người Pháp). Từ nay tôi có nhiều điều phải vẽ nào là núi non, cầu cống, sân thượng, cây cối... Cái công trình vĩ đại của người điên đó là cây cầu luôn là cây cầu, cái nhà luôn là cái nhà. Ba người nho nhỏ đang khệnh khạng chống gậy ở hậu cảnh, nhất thiết là không cần cho bức họa, nhất là khi ta họa con ngựa lonie và cho nó một chỗ đứng đáng kể. Tôi đang kiếm một chỗ thuận tiện để đặt con ngựa vào đó. Có một điều đáng ta tò mò, chú ý ở phong cảnh này là có vẽ những bức tường thành kiểu Montauban, đã rùm đổ đó đây. Các bờ thành trông như những tảng đường, các căn nhà có rất nhiều cửa sổ, y như những người trong nhà hết sức sợ hãi trước quang cảnh đó. Có một cái gì rất gợi cảm khi ta bắt đầu họa một bức phong cảnh, tuy nhiên nó như đi ra ngoài mọi thời gian nhất định. Tôi có thể nói đơn giản là nó như nằm ở

một cái vùng đất giữa Giotto và Santos Dumont với một chút thân mật của con đường tráng nhựa. Giờ đây, với phương châm đó dẫn đạo, tôi lấy lại được can đảm và bắt tay vào việc nữa.

Ngay dưới cái d... ngựa, và ngay chỗ mông con ngựa, ngay ở chỗ mà Salvador Dali rất muốn đặt một chiếc ghế kiểu Louis XV, hoặc một chiếc dây đồng hồ, tôi phóng bút vẽ một chiếc mũ cối và một trái dưa. Dưới cái mũ, tôi vẽ thêm bộ mặt người một cách hết sức vô tình vì lúc đó tôi có nhiều ý tưởng lộn xộn quá. Tuy nhiên, tôi đưa ngọn bút xuống theo đường ngoằn ngoèo của nét vẽ. Theo cách đó, tôi vẽ một bộ phận sinh dục của con ngựa thật lớn trong tình trạng cương. Nó là cái chân thú năm, rồi tôi có thể vẽ nó cong lại thành cái tay người. Sao không! Lúc này tôi đã vẽ xong một

người đội mũ cối rộng vành đứng sát bên mông ngựa. Đẹp! Đẹp! Tuyệt vời! Có thể xem nó có vẻ hơi thô kệch, hơi xa tính chất nghệ thuật thuần túy thời Trung cổ, tôi mặc cho cái tính chất bất thường của người điên hướng dẫn cảm hứng tôi. (Lần đầu tiên tôi thấy có một chút nghi hoặc len lén vào tâm tư, đến nỗi tôi không thể nào tập trung tư tưởng được nữa). Nhưng trang 366 viết: «Cuối cùng, với Matisse thì tính chất của đối tượng có thể được bộc lộ một cách hết sức trung thực, không cần phải theo sự chỉ dẫn của tinh thần hoặc sự chính xác của thị quan. Đó là tính cách phát biểu nguyên sơ nhất.» Tiếp tục vẽ... Sau khi hơi bị khó khăn khi vẽ chân người ta, tôi giải quyết bằng cách đặt nửa thân người đó dưới bức tường thành. Người đó đang dựa vào bức thành, có vẻ rất mơ màng, đồng thời tay hấn đang thúc vào

sườn ngựa. (Dọc theo những bờ sông trên đất Pháp, bạn thường hay xô vào những người đang đứng dựa vào những bức tường chắn ở bờ sông họ đang mơ màng. Nhất là sau khi họ đã «xả bình» thật đã). Để rút ngắn công việc và xem còn bao nhiêu khoảng trống nữa trên bức tranh, tôi vẽ rất nhiều những đường ngang dọc để tạo thành một cây cầu đang đổ sập. Việc này ít ra giết được 1/3 bức họa, nếu cứ theo đà này ta vẽ. Giờ tôi lại vẽ sân, bờ dốc thành, ba cái cây, những núi tuyết phủ, nhà và những cửa sổ hợp với những căn nhà. Nó giống như một con đường ngoằn ngoèo. Chỗ nào tảng đá nằm không đúng chỗ tôi vẽ thành một căn nhà, hoặc một mái nhà. Dần dần tôi vẽ lên phần trên bức tranh, chỗ đó may quá, khung ảnh đã bớt nhiều công việc. Chỉ cần thêm vào cây cối và núi đồi là xong. Giờ đây, cây cối lại là

một vấn đề nan giải. Làm sao vẽ thành cái cây chứ không phải là một bó hoa. Tuy nhiên, tôi cũng phải để cho ánh sáng xuyên qua lá cành để bớt được một phần công việc. Thêm một chút mây mỏng, xóa đi vài cái cành lá thừa. (Xóa bỏ luôn luôn là một kỹ thuật tốt để đơn giản hóa vấn đề). Nhưng mây lại trông giống như những tờ giấy bóng mỏng đã làm bay tung những đóa hoa đám cưới. Một đám mây quá mỏng đến nỗi trông không thấy gì cả và cũng không phải như một giấy bóng kiếng nữa. Mọi vật nào có hình thù đều có thể trông thấy được. Michelangelo đã suốt đời tìm kiếm những hình thể trong đá cam thạch, trong thơ văn, trong tình yêu, trong kiến trúc, trong tội ác, trong Thiên Chúa... (Trang 390: «Nếu nghệ sĩ theo đuổi sự sáng tạo đích thực mà chỉ lo tìm đối tượng thì đối tượng đó

có thể bị hy sinh và bị cái thiết yếu của sự sáng tạo chi phối».

Tôi đi tới núi — như Mahomet. Từ nay tôi bắt đầu thực hiện ý nghĩa của sự giải phóng. Một ngọn núi! Núi là cái gì? Đó là một đồng bụi, không bao giờ bị hao mòn, ít ra là nó không có thời gian trong lịch sử. Một ngọn núi thì quá dễ. Tôi muốn vẽ một núi lửa. Tôi muốn có cái cơ để con ngựa của tôi phải hí lên, cất vó lên. Hợ lý! Hợ lý! «Người điên hơi tỏ ra lo lắng, để làm sao cho hợ lý!» (Người Pháp cũng vậy). Vậy thì tôi không phải là một người điên, nhất là không phải là một người Pháp điên. Vì thế, tôi vẽ cái miệng núi lửa trước, rồi vẽ tiếp xuống chân núi để nối với cây cầu và cái nhà ở dưới. Có một điều đúng là tôi vẽ những vết nứt ở sườn núi để diễn tả sự tàn phá do núi lửa gây ra. Đây là một núi

lửa đang phun lửa và sườn núi đang bốc cháy.

Khi tôi đang làm việc, tôi vắt áo sơ mi trên tay tôi. Đúng là một áo sơ mi, vì tôi có thể nhận ra cái cổ cồn của áo và tay áo. Điều cần thiết hơn cả là cái nhãn hiệu Rogers Peet, số 16... Tuy nhiên có một việc bật nổi rõ rệt là cây cầu. Kỳ lạ thật. Nếu bạn vẽ được một đường vòng cung thì phần còn lại của cây cầu coi như tự nhiên xong. Chỉ có một viên kỹ sư mới có thể phá hủy cây cầu.

Càng tiếp tục vẽ hết thì công việc hầu như xong. Tất cả cái phần lơ mờ ở dưới tôi nối lại để vẽ thành một nghĩa trang. Góc cao hơn phía trái, có một lỗ do núi lửa để lại, tôi vẽ một thiên thần. Đó là một cái gì có một bản chất đặc biệt, một phát minh tự nhiên, có tính cách tượng trưng rất cao. Đó là một thiên thần vẻ buồn bã,

bụng to, cánh do bộ xương sườn đỡ lấy. Thiên thần đó xem như bỗng nhiên hiện xuống giữa rừng tư tưởng của tôi và như bay liệng một cách huyền bí trên những con ngựa xú lonie, hiện giờ đã mất về tay con người.

Bạn có bao giờ ngồi ở một ga xe lửa để xem thiên hạ giết thời giờ chưa? Họ có ngồi một cách thảm nảo như những thiên thần bị truất phế, lưng thì còng xuống, bụng phệ ra? Phút giây muôn thuở, họ bị lên án là phải sống mình với mình — tại sao ta lại không thêm đôi cánh cho họ? Tất cả những thiên thần trong nghệ thuật của tôn giáo đều là giả trá cả? Nếu bạn muốn xem thiên thần thực sự, bạn phải đi tới kho tàng Trung Ương hoặc nhà ga St. Lazare. Nhất là nhà ga St. Lazare và phòng Salle des Pas Perdus.

Lý thuyết hội họa của tôi là phải vẽ càng nhanh càng tốt, cần chăm sóc kỹ về màu sắc. Vì thế, tôi là một tay pha màu chứ không phải là một họa sĩ vẽ ngựa. Vậy thì bóp những tuýp màu ra nào. Tôi bắt đầu vẽ cạnh sườn con ngựa bằng màu bóng. Không hiệu quả lắm. Tôi quệt đại một vệt màu đỏ thắm, trên bức tường cạnh đó. Hơi đẹp đẹp và hơi có vẻ Ý quốc. Xét chung tôi không bắt đầu một cách ổn thỏa về màu sắc. Có một khung cảnh của một ngày có mưa làm gây nhớ cảnh Utrillo. Tôi không thích cái cảnh tĩnh mịch đến dần dần của Utrillo hoặc những ngày mưa cùng những con đường ngoại ô của thành phố đó. Tôi không thích cách đàn bà thành phố đó quay ngoắt lưng lại với bạn hoặc... Tôi lấy con dao cắt bánh ra. Tôi định thử lối họa bằng cách phết thật đầy son. Trong lúc bóp màu ở ống màu ra, có một cái gì thôi

thúc tôi phải thêm một con thuyền gondola vào bức tranh. Tôi để chiếc thuyền đó nằm ngay dưới dạ cầu, nó tự động hạ thủy.

Giờ đây, tôi bất thần biết được lý do tại sao muốn vẽ con thuyền gondola. Trong những bức tranh của Renoir tôi xem hôm nọ có một cảnh vẽ thành phố Venise và dĩ nhiên là không thể không có con thuyền gondola. Giờ đây có một cái gì làm tôi hơi xúc động đó là một người ngồi trên con thuyền gondola, rõ rệt là một người đàn ông. Mặc dầu hắn chỉ là một chấm đen nho nhỏ, hơi tách khỏi những chấm khác làm thành ánh sáng mặt trời, biển sóng vỗ bập bênh, những dinh thự đang sụp đổ, những cánh buồm... Hắn chỉ là một cái chấm trong cảnh mầu sắc huy hoàng — tuy nhiên hắn rõ rệt là người. Bạn có thể bảo hắn

là một người Pháp và hẳn là người của năm 1870 hoặc khoảng đó... Đây chưa phải là kết thúc của chiếc gondola. Hai ngày trước khi tôi rời đất Mỹ vào năm 1927-28 gì đó, chúng tôi tụ họp đông đảo trong nhà. Lúc đó nghệ thuật vẽ thủy mặc của tôi vào độ khá nhất.

Cái chứng mê thủy mặc của tôi bắt đầu một cách khá lạ lùng. Vì đói lại lạnh quá sức tưởng tượng, hàng ngày tôi phải lui tới trong nhiều tuần lễ với người bạn tên JOE ở các phòng tắm và cầu tiêu công cộng và ở những nơi nào chơi không tốn tiền. Vào một chiều kia, trên đường trở về nhà xác, chúng tôi thấy một bức vẽ phóng lại bức họa của Turner ở mặt tiền một tiệm tạp hóa. Ấy cũng vì thế mà tôi mê tranh thủy mặc, và đó cũng là một trong những thú vui nhất, hoạt động nhất trong thời kỳ bế nhất của đời tôi.

Cả hai chúng tôi bỏ bữa bãi trên sàn đầy những bức họa, tôi không nói quá. Hễ khô đến đâu, chúng tôi lại treo lên tới đó. Ngày hôm sau, chúng tôi hạ loạt đó xuống để treo một loạt khác lên. Hết mặt phải chúng tôi lại vẽ sang mặt trái những bức họa cũ, rồi lại xóa đi hết. Có khi phải dùng dao cạo mầu đi và trong lúc thí nghiệm, bỗng chúng tôi khám phá ra nhiều chuyện rất đổi ngạc nhiên. Chúng tôi lại tìm ra được cách tạo được một bức họa bằng café xay nhỏ và vụn bánh, than và cục kim sa. Chúng tôi để những bức họa ướt sũng hàng giờ trong phòng tắm, dùng bàn chải chải mầu đi, sau đó mang bức họa lại gần mở chiên trứng gà đang nóng để nó bắn vào. Turner bắt đầu công việc họa như thế vào mùa đông giá buốt năm 1927-28 gì đó.

Hai đêm trước khi ra đi, có một số

họa sĩ đến nhà để xem xét công việc chúng tôi làm. Họ là những họa sĩ nhà nghề và cũng chẳng thêm để ý gì tới công việc của những người tài tử như chúng tôi. Như thường lệ, các bức thủy mặc chờ khô nằm ngổn ngang trên sàn. Để làm một thí nghiệm cuối cùng, chúng tôi đi chân không trên những bức họa đó rồi rót rượu vang từng chút một theo bước chân đi. Không hiểu cái kết quả do những gót bàn chân tạo ra cùng với rượu đổ trên cao từ năm phân mét ra sao. Chúng tôi lại càng thấy phấn khởi. Có hai người bạn chúng tôi đang dùng bút vẽ trên tường. Một người bạn khác đang đun café để mong vẽ được những bức họa mới. Còn một số thì đang uống café.

Trong giữa bữa tiệc trà thân mật — chừng 3 giờ chiều — vợ tôi bước vào.

Nàng gọi riêng tôi ra rồi đưa cho một tấm vé tàu thủy. Nàng có vẻ hơi buồn. Tôi nhìn trần trời:

– Để làm gì vậy em?

Nàng trả lời:

– Anh phải đi ngay!

Tôi trả lời:

– Nhưng anh đâu có muốn đi. Anh thấy hoàn toàn sung sướng ở đây mà!

Nàng nói một cách chua chát:

– Em biết thế rồi!

Dẫu sao thì tôi cũng phải đi. Và khi vợ chồng chúng tôi dừng lại ở Thames, trong đầu óc tôi chỉ quay cuồng có mỗi một ý tưởng là làm sao phải xem bằng được phòng triển lãm tranh ở Tate. Cuối

cùng chúng tôi đã tới đó và đã được nhìn tận mắt những bức họa thời danh của Turner. Có cái điều may là từ đó tôi đắm say mê lối vẽ thủy mạc. Turner quả thực là một họa sĩ trứ danh về bộ môn thủy mạc. Tác phẩm luôn được sáng tạo dưới ánh sáng ngọn đèn dầu. Tôi thực sự ghét cay đắng việc phải giả biệt London, thủ đô này làm tôi sống dễ chịu biết bao. Dầu sao, khi bị loại bỏ Southampton, tôi tự nghĩ “vòng tròn đã khép kín rồi, từ mặt tiền tiệm tạp hóa cho tới đây”.

Tuy nhiên cứ tiếp tục... con thuyền gondola này sắp trở thành một trở ngại đây. Nhưng trước hết phải lau sạch bức tường đã. Cầm con dao cắt bánh mì, tôi nhúng sâu vào thùng sơn rồi quét vào các cửa sổ nhà. Jesu lạy Chúa, tức thời cả nhà như bùng lửa ngọn. Nếu tôi thực sự điên, hoặc không giả vờ điên, thì tôi sẽ

vẽ thêm lính chữa lửa vào bức tranh, rồi vẽ những nét chéo nhau để thành những chiếc thang chữa lửa. Cơn điên của tôi đã mặc hình thức một đám cháy. Tôi sẽ biến cả căn nhà thành ngọn lửa hồng. Trước hết là bằng màu đỏ thắm sau đó đỏ son, cuối cùng màu đỏ máu. Bức tranh này được quyết định lấy tên là bức «một cuộc hiến tế thiêu sinh».

Kết quả của chủ định đó là tôi đã làm cháy xém cái lưng con ngựa. Giờ thì nó không còn là ngựa hoặc ngựa vằn nữa, nó trở thành con rồng nuốt lửa. Chỗ đuôi ngựa bây giờ trở thành bó pháo bông và từ chỗ đó tới chỗ khu của nó, thì con ngựa lonie không còn giữ được tư thế của nó nữa. Dĩ nhiên tôi có thể vẽ nó thành một con rồng thực sự. Nhưng việc

biến đổi đó và trét mầu lên làm tôi bực mình. Nếu ta bắt đầu vẽ một con ngựa thì phải là vẽ con ngựa bằng không thì xóa cho bằng hết. Một khi ta đã phác họa hình thể một con vật thì phải vẽ đến nơi đến chốn mới được.

Tôi dùng một màu xanh đậm và xanh chàm tôi xóa tuốt con ngựa đó đi. Chắc chắn là trong trí óc tôi con ngựa vẫn còn chỗ đó. Người ngoài có thể nhìn vào những đồng mầu trệt lên nhau này và nghĩ — vẽ gì mà kỳ quái. Nhưng tôi biết rằng dưới lớp mầu đó là con ngựa. Dưới bất cứ một cái gì cũng có một vài con vật nào và đó là một ám ảnh to lớn nhất, sâu xa nhất của con người. Khi tôi thấy con người ngồi lên chỗ có ánh sáng như những bông hoa quỳ, tôi tự nhủ : “Hãy vươn lên, hỡi đứa con hoang, mi tưởng mi hay lắm, nhưng trong thâm tâm mi

chỉ là một con rùa, một con chuột bạch”. Người Hy Lạp rất mê ngựa, và họ ước mong được sống cảnh đấu người mình ngựa thay vì sống như Titan. Chà, ta lại phải nói quá nhiều về thần thoại.

Nếu bẩm sinh bạn là người đã khoái vẽ thủy mạc, thì mọi việc xảy ra đều y theo ý Trời. Nếu bạn được truyền là phải vẽ một hàng rào nghĩa trang thành một mầu vàng sáng, bạn sẽ thấy thích thú làm, chả kêu ca gì. Chỉ cần xem rằng cái mầu đó so với cái của chính mầu sậm hơn có quá sáng không. Có lẽ có một sự biên minh kín đáo nào đó chăng. Và thực ra khi tôi vẽ cái mầu vàng sáng này — mầu vàng tôi coi là mầu đẹp nhất trong các mầu vàng — tôi sung sướng, tôi vui mừng. Có một cái gì tiêu điều, chán chường ảm đạm, nặng nề cứ rút dần đi mãi. Tôi không lạ rằng, dù đó là nghĩa trang ở đời

Cypress, một nơi tôi đã đi qua lòng đầy chán ngán, phiền buồn từ bao năm rồi. Từ nghĩa trang đó, tôi nhìn xuống những con đường xe lửa cong queo gặp nhau ở sân ga, nơi tôi đã từng đứng đó khắc nhỏ vật. Hoặc là nghĩa trang St. John, với những bức tượng thiên thần bằng chì trông phát ngấy. Ở đó tôi đã làm phu đào huyệt. Hoặc là nghĩa trang Montparnasse vào mùa đông trông như vừa trải qua một trận bão thép. Nghĩa địa, đất thánh nghĩa trang... Chúa ôi! Tôi từ chối không muốn được nhận chôn trong nghĩa trang. Tôi không muốn nhìn thấy bất cứ một kẻ ngu ngốc nào đứng trên thây tôi với những giọt lệ, vẻ mặt buồn thảm. Tôi chẳng muốn chút nào cả. Khi những tư tưởng này đang lướt qua đầu óc, tôi đã vô ý làm bắn cái cây và sàen đất vì một bàn chải khô. Cây bây giờ lấp lánh như mới được mặc một bộ áo bằng vỏ

cứng. Cành cây lổm đổm màu bạc, màu lam ngọc. Nếu tôi không thể đóng đinh vào tay, thì tôi cũng có thể phủ lên thân xác của các vị tử đạo những vết máu đỏ tươi. Trên bức tường đối diện có treo bức tranh vẽ cảnh hoang dã xứ Ethiopia. Thân thể Chúa Cứu Thế bị đóng đinh, nằm dài trên sàn có phủ những vết máu. Những người Do Thái khát máu, đen đúa, người Ethiopia đang dùng những chiếc đinh sắc đóng đinh Ngài. Bọn chúng có cái vẻ sung sướng một cách man rợ. Tôi mua bức tranh vì có những vết máu bắn ra đó, tại sao thì tôi cũng chẳng biết nữa. Chỉ bây giờ tôi mới rõ lý do. Và chỉ bây giờ tôi mới nhớ lại một bức tranh nào đó treo ở hầm rượu của ông Bowery nhan đề “Thần Chết giáng xuống loài rệp”. Tình cờ, tôi gặp một người điên. Cuộc viếng thăm có tính cách nghề nghiệp nên chẳng thú vị gì. Đã quá trưa lâu lắm

và những con đường hoang vắng, bắn thủ ở Bowery bị trệt những tảng đờm. Ngay dưới công trường Cooper, ba tên du thủ du thực đang nằm ườn ra dưới cột đèn theo kiểu Breughel. Gió đang lùa mạnh qua chiếc cửa tò vò. Một giọng hát siêu phàm, kỳ lạ đang cất vang lên giữa đường phố, giống như một người đang khéo léo tìm cách để thoát một cảnh sợ hãi ghê gớm. Bên trên cái cửa xiêu xiêu của hầm rượu, có bức tranh «Thần Chết giáng xuống loài rệp» đó, có một người đàn bà nằm trần truồng, tóc bạch kim, xoa trên vai đang nằm dài trên giường và gối. Cái giường như đang bênh bồng trong không gian và có một người đàn ông đang lượn múa chung quanh, tay cầm một món đồ chơi của trẻ em như ống chích. Hắn có cùng một cái vẻ si mê như những người Do Thái với những chiếc đinh sắt lớn. Bức tranh có lắm tấm

những vết máu. Để diễn tả con vật không cánh đầu tiên trên thế giới chuyên hút máu, bụng bị bóp nhẹp đó là con rệp màu đỏ nâu hoa pha cái mùi hăng hắc làm cho nhà cửa giường chiếu thối tha lên, nó có cái tên khoa học ghê tởm *Cimex lectularius*. Tôi đang cầm một bàn chải khô quét những vết bẩn vào thân cây. Những đám mây bị những con rệp bao phủ, núi lửa đang phun cũng đầy rệp, rệp đang bò lổm ngổm xuống dốc núi đá vôi rồi xuống trầm mình trong dòng sông. Tôi giống như chàng thanh niên đang lang thang trên tầng lầu hai trong một bài thơ của Ivanovich, hoặc như một chàng kia lẩn qua lẩn lại trên nệm giường, anh chàng bị ám ảnh vì cảnh đời khốn cực, đói khát, rách nát, phá sản, hoàn toàn thất vọng, mọi sắc đẹp đều ở ngoài tầm tay của chàng. Cả đời tôi như bị gói trọn trong chiếc khăn tay bẩn thỉu và hầm

rượu Bowery, nơi đây tôi đi qua lại hằng ngày, rồi năm này qua năm khác, một lô những vết sẹo của nó không bao giờ mất đi được. Nếu tôi có được cái tên thì tên đó là Cimex Lectularius. Nếu tôi có được cái nhà thì đó là cái khe chiếc kèn trombone. Nếu tôi có được đam mê thì đó là đam mê tắm rửa thật sạch sẽ.

Giờ đây, tôi cầm bút vẽ như điên, tôi nhúng vào mọi thứ màu, hết màu nọ đến màu kia, tôi bắt đầu quệt vào các cổng nghĩa địa. Tôi quệt đi quệt lại tới khi phần dưới bức họa dấy lên như một lớp sô-cô-la, và bức họa tỏa một thứ mùi thuốc màu hăng hắc. Khi cái cổng nghĩa địa hoàn toàn bị hủy, tôi ngồi bệt xuống đất, lòng vui băng khuâng, rồi rãi chả có việc gì phải làm.

Bỗng nhiên tôi có một cảm hứng thật sự. Tôi cầm bức họa nhúng vào chậu rửa

chén, rồi lấy bàn chải móng tay cọ đi cọ lại, chải sạch mầu đi. Rồi để bức tranh lộn ngược xuống để mầu cô đọng lại. Rất thận trọng, tôi trải bức tranh đó sát lên mặt bàn giấy. Tôi dám nói với bạn, đó là một đại danh họa! Tôi đã khảo cứu tác phẩm đó cả ba giờ liền... Bạn có thể nói đó là một cái gì tình cờ mà có được đại danh họa này. Đúng. Nhưng bài Thánh Thi số 23 chẳng cũng thế là gì. Con chim nào cũng lạ lòng và gọi thi tứ cả. Cái hiện trước mắt tôi là kết quả của vô số những sai lầm, rút lui ý kiến, tẩy tẩy, xóa xóa, ngập ngừng, do dự. Nó cũng là kết quả của sự chắc chắn. Bạn có thể tin là như vậy được. Tin ở chiếc bàn chải móng tay, tin ở nước, tin ở mọi người và mọi vật. Tin tưởng Dante, Spinoza, Hieronymus Bosch, tin ở tiền mặt, ở công ty nặc danh, tiền nợ, sổ nhật ký: Dì Melia. Cứ thế. Ta lại vẽ một chiếc cân thiên bình. Bạn hãy

móc một xu ra đi. Nếu bạn có thể móc một xu ra để mua một cuốn sách, bạn có thể làm như vậy được lắm. Nhưng bạn không mặc cả với một đồng xu trong hiện tại. Không có máy móc nào đủ tinh vi để làm giả những đồng xu này vì nó có đầu mà làm giả. Thế giới của thực tại và thế giới của làm bạc giả thì ở đằng sau lưng chúng ta. Thoát khỏi thế giới khả giác, ta phát minh ra một thế giới bất khả giác.

Khi bạn có thể vẽ một chiếc cân thiên bình, bạn sẽ không bao giờ vẽ được bức tranh. Giờ đây, bạn có một cái gì không sờ mó được, một cái gì tình cờ rồi ngủ gục suốt đêm trên cuốn sổ cái mở toang. Trên tay bạn có một dấu trừ. Tất cả những ngày tháng sống động, vui vẻ đều dán lên dấu trừ. Nếu bạn thấy cộng thì cũng như là bạn chẳng có gì cả. Bạn có một cái gì

có tính cách tưởng tượng, từng lúc gọi là cái «cân thiên bình». Không bao giờ có cái cân thiên bình cả. Chỉ là một sự lừa bịp trắng trợn, giống như chiếc đồng hồ chết hay một cuộc hưu chiến. Bạn đung vào chiếc cân thiên bình để thêm vào đó một trọng lượng giả tưởng vào, và tạo ra cái lý do cho cuộc sống của bạn.

Tôi không bao giờ vẽ được chiếc cân thiên bình. Và như vậy tôi có lý do để tiếp tục. Tôi đã để cả cuộc đời lên bàn cân đó, nhưng nó cũng chẳng thêm ra được cái gì cả. Để chẳng được gì cả, bạn phải vút ra ngoài vô số những bộ mặt. Đúng vậy, trong phương trình sinh tồn, dấu hiệu của tôi là vô cực. Đi tới chỗ chẳng chỗ nào cả, bạn phải đi tất cả những nơi nào đã biết trên vũ trụ: bạn phải ở mọi nơi để chẳng ở nơi nào cả. Để có sự hỗn loạn, ta phải triệt hạ tất cả những gì là trật tự.

Để trở thành điên, ta phải có đủ mọi sự tráng kiện tinh thần. Tất cả những người điên — tác phẩm của họ đã gợi hứng cho tôi đều đã có một sự ổn kiện tinh thần tới độ lạnh lùng. Họ đã chẳng chỉ vẽ cho tôi được điều gì cả vì cái kim trên cân thiên bình của họ chỉ sai hết, những tính toán của họ là vô nghĩa, vì các hình vẽ đã sai lạc hết. Cuốn sổ gáy mạ vàng họ trao lại cho chúng ta có một vẻ đẹp đáng sợ như những cây bị giam hãm trong bóng râm.

Danh họa của tôi cũng không khác gì những mảnh móng tay gãy. Giờ bạn đang nhìn ngắm nó, tôi hỏi thật bạn, bạn có thấy trong đó những đại hồ bên kia dãy Ural không? Bạn có thấy chàng điên Kotchei đang đóng đưa chiếc dù bằng giấy không? Bạn có thấy cái khung vòm của Trajan nổi lên đám khói của Á châu không? Bạn có thấy loài hải âu ở Nam

Bán cầu không? Bạn có thấy tuyết đang tan ở dãy Hy Mã Lạp Sơn không? Bạn có thấy dân Creek và dân Seminol đang đi vào cổng nghĩa trang không? Bạn có thấy bức bích họa ở miền thượng lưu sông Nile với những con ngỗng trời, những con dơi và những chiếc lồng lớn nuôi chim không? Bạn có thấy vòm trời kỳ diệu ở đầu cán gươm của Thập Tự Quân và những công dã tràng của họ không? Bạn có thấy căn chòi kỳ lạ của người da đỏ đang phun lửa ra không? Bạn có thấy vũng nước đá dơ cùng bộ xương của con la và chất hàn the lấp lánh không? Bạn có thấy mộ phần của Belshazzar hoặc con ma cà rồng đang sục sạo trong ngôi mộ đó không? Bạn có thấy những cửa sông do sông Colorado khơi ra không? Bạn có thấy con sứa biển đang nằm ngửa và những tế bào hợp lại để thành con vật đó không? Bạn có thấy đôi con

người của Alexander đang nổ ra không, hoặc những nỗi sầu muộn đọng lại trong đôi mắt đó? Bạn có thấy mực trong các bài văn châm biếm không?

Tôi sợ rằng, bạn chẳng thấy những điều đó đâu. Bạn chỉ thấy tượng thiên thần màu xanh bị nước đá làm cho giá buốt, cứng đờ. Bạn cũng chưa thấy bộ gong dù, vì bạn đâu có được chỉ bảo để sửa gong dù bao giờ đâu. Nhưng bạn chỉ thấy có vị thiên thần, và một cái đó của con ngựa. Và bạn có thể giữ lấy những hình ảnh đó, tất cả dành cho bạn đó. Giờ đây, thiên thần không bị những vết rỗ — chỉ có chấm sáng xanh lè chiếu vào cái bụng phệ và khung cửa tò vò gãy nát. Thiên thần đứng đó để dẫn bạn lên Thiên Đàng, ở đó tất cả là dấu cộng, chẳng có gì là dấu trừ. Thiên thần đó giống như hình vẽ bóng trên giấy (đưa lên ánh sáng sẽ lộ

ra), một bảo đảm cho cái viễn ảnh gạch sạch tội của bạn. Thiên thần cổ không có bướu. Chỉ có nghệ sĩ là có thôi. Thiên thần đứng đó để bỏ những cọng ngò tây vào đĩa trứng trắng của bạn, để thêu một bông hoa trên khuyết áo của bạn. Tôi có thể tẩy sạch những thần thoại ở bờm ngựa đi, tôi có thể chùi rửa mầu vàng ở Yangtze Kiang đi, tôi có thể tẩy ngày tháng trên cái người ngồi ở thuyền gondola, tôi có thể tẩy xác những đám mây, vứt bỏ những giấy bóng bọc các đóa hoa cùng ánh sáng xiên khoai... Nhưng tôi không thể tẩy xóa thiên thần. Thiên thần là đại danh họa của tôi.

TIỆM THỢ MAY

Mỗi ngày thường bắt đầu như thế này : “Hỏi vợ vẫn một chút về tiền thu, nhưng đừng có chửi hằn”. Họ là những đứa con hoang tính hay nhột, ta cần tránh xa như những chiếc r... thối. Lúc nào cũng có thể kéo nhau đi nhậu. Chúng ta đang ở đó, đối diện với Olcott, tiệm thợ may ở Đại lộ thứ V, mặc dầu chúng ta không ở Đại lộ đó. Một công ty gồm cha, con, người mẹ làm thủ quỹ.

Sáng nào cũng vào khoảng 8 giờ, phải

cuộc bộ từ phố Delancey qua Bowery tới Waldorf. Chả cần đi nhanh lắm, thế nào bạn cũng gặp lão già Bendix cũng đã ở tiệm may rồi, tay cầm con dao vạch vải gắt nặng lên vì chưa có thợ nào đến làm việc cả. Tại sao ta không bao giờ tới đó trước lão già được? Lão già có bướu Bendix. Lão chả phải làm gì cả, chuyên chạy từ tiệm may quần sang tiệm cắt sơ-mi, rồi sang tiệm kim hoàn. Những chiếc nhẫn của lão không bao giờ quá lỏng hoặc quá chặt, đồng hồ không bao giờ chạy chậm dù chỉ 25 giây, hoặc nhanh 30 giây. Lão dậy sớm cũng như bất cứ ai, kể cả gia đình ông bác sĩ bị bệnh sạn chữa mãi không khỏi. Nếu ta may cho lão một áo choàng vào tháng Tám thì khoảng tháng Mười, cụ đã chê là quá rộng thùng thình hoặc hẹp quá. Khi không thấy gì để chê, lão lộn áo trái ra để có cơ hặc anh thợ may quần là vụng quá, mà ăn giá cắt cổ,

tại tiệm H.W.Bendix là một gã thợ may khó tính, dễ cảm, kỳ cục, bủn xỉn, bất thường, vui đấy, buồn đấy, hà tiện, hay thay đổi, hiểm độc. Giờ đây khi nghĩ lại những sự việc đó, tôi hình dung ra một lão già đang ngồi ở bàn ngà ngà Lưu linh, nói bâng quơ :

– Cha chả! Không ai cười cả là ký gì. Sao mấy người trông buồn như đưa đám cả như thế này!

Tôi cảm thấy thương hại cho lão và cho tất cả những người thợ may đã phải bỏ dở tính ngu dốt của bọn có tiền. Nếu vạn nhất việc đó xảy ra cho bar Olcott bên kia đường và cho những tên khờ dại lão thâm nhặt vào tiệm đó, thì chỉ có Trời mới biết là cái gì sẽ xảy ra cho lão thôi. Chắc chắn là trong gia đình, lão không được ưa lắm. Mẹ tôi chưa bao giờ biết bỏ dở bọn giàu có. Bà chỉ biết cầu nhàu, ta

thán cùng với hơi men nồng nặc và bột khoai tây nhồi luộc để nguội. Bà thường làm chúng tôi bị kích thích vì tính hay lo của bà, đến độ tôi và em tôi không thể nuốt được nước miếng nữa. Em tôi quả là một đứa ngu đần vì nó hay chọc ông già hơn cả H.W.Bendix với những câu chuyện như là «ông Mục sư nào đó đang sắp sửa đi Âu châu... Mục sư nào đó đang sắp sửa mở sân quần vợt... Mục sư nào đó là cái lá đa...» ông già nói «Tại sao không là con c...».

Có ba người tên Bendix lặn — H.W., tính gắt như mẽ, A.F., người mà lão già hay chửi xéo, giống như người có tên trong sổ đặt hàng tên Albert, và R.N., người chỉ nghe tên mà chả thấy ló mặt đến tiệm bao giờ cả, vì chân cụt trong một trường hợp nào đó. Tuy nhiên ông ta vẫn ăn diện ra phết, mùa nào quần đó.

Tôi chưa bao giờ thấy R.N. bằng xương bằng thịt cả. Ông ta là một đề mục mà Buncheck đề cập tới một cách thật phần khởi và tiếp theo là một châu lade Đức khi ông ta đến thử quần mới. Ba anh em là những cừu địch muôn thuở. Khi có mặt nhau, họ chả nói gì về nhau cả. Nếu Albert, người tính tàng tàng, thích may những bộ gi-lê có chấm, mà tình cờ gặp một chiếc áo nào còn mắc trên móc với hàng chữ H.W. Bendix để thử, anh ta làu nhàu nói «Hôm nay là như mùa xuân hả nhỉ?» Nghi lắm, làm gì có cái người thật tên H.W. Bendix, thế mà thanh thiên, bạch nhật ạ, chúng tôi đâu đang may áo cho quí!

Trong ba anh em, thì tôi mến Albert nhất. Ông đứng tuổi rồi, xương của ông ta có thể giòn, dễ vỡ như thủy tinh. Lưng không như bất cự già nào, mặc dầu ông

ta biết là mình đang sửa soạn cuộn tròn lại để trở về lòng đất mẹ. Khi Albert tới là bạn biết liền vì cứ căn cứ vào những tiếng huyền não ở cầu thang là đúng phước: Một tiếng chửi thề lớn, rồi tiếp theo là một giọng than thở và một số tiền thưởng khá khi chiếc thang máy dừng lại đúng ở tầng lầu tiệm may. Nếu thang máy dừng lại chỉ sai chừng 1/4 phân mét thì đừng hòng có tiền thưởng và cụ Albert, xương giòn, lưng còng bỏ ra hàng giờ để chọn đúng những chiếc nút áo đơm vào bộ gi-lê có chấm mới nhất của cụ. (Khi Albert qua đời, tôi thừa tự tất cả những chiếc áo gi-lê của cụ, số áo này tôi mặc hết chiến tranh vẫn còn). Nếu có khi nào xảy ra — đó là chuyện cơm bữa — việc ông già cầm một chiếc kẹp nhỏ theo khi Albert tới thế là cả ngày chỉ thấy chuyện lộn xộn. Tôi nhớ những lúc Albert tức giận lão già đến độ cả ba ngày giờ không thấy mặt

hắn đầu nữa. Trong khi đó, những chiếc áo gi-lê nằm lẫn lóc đó đây trên những tấm danh thiếp và chẳng có chuyện gì khác ngoài chuyện cúc áo gi-lê, làm như thể không cần áo, chỉ cần nút áo thôi. Ít lâu sau khi Albert làm quen được với cái lối bất cần của lão già — họ đã làm quen với nhau được 27 năm rồi, Albert tặng tôi một chiếc nhẫn (ý chừng nói là biết nhẫn nhận) để cho chúng tôi biết là ông ta đã quen đi rồi. Và trước khi đưa cho, ông ta nói: «Tôi nghĩ rằng, tôi đến lúc 11 giờ thì tiện cho tôi nhưng bất tiện cho anh.» Câu nói có hai nghĩa. Một là : “Tôi nghĩ rằng anh sẽ mất tự nhiên khi tôi tới, thà tôi đi nhậu nhẹt với mấy bồ ruột ở quán cóc bên kia phố còn hay hơn.” Nó cũng có nghĩa: “Vào lúc 11 giờ tôi thiết tưởng sẽ ít nguy hiểm hơn để khỏi phải đụng độ với H.W.” Trong vòng 27 năm trời, chúng tôi đã may tới 1578 bộ đồ cho

ba anh em Bendix, họ đặt may thường lắm, nhiều khi chỉ gọi điện thoại tới. Khi Albert tạ thế, thì D.N. và H.W. đều mang băng tang trên tay áo ngoài bên trái hoặc trước ngực — nghĩa là những áo nào không phải màu đen, nhưng tuyệt nhiên chẳng bao giờ nói chuyện gì về người đã quá cố cả. Dĩ nhiên là R.N. đã hết sức xin lỗi vì đã không đi dự đám tang được lý do chân cụt. H.W. lại quá hà tiện lời nói và kiêu căng đến độ không cảm thấy khó chịu khi phải nói một lời xin lỗi.

Cứ khoảng 10 giờ là ông già thường có thói quen nhắm nháp ly rượu đầu tiên trong ngày. Tôi thường có thói đứng trên cửa sổ nhìn sang khách sạn bên kia đường dòm Sandusky khuôn những chiếc rượu lớn lên taxi. Khi không có rượu để khuôn thì Sandusky thường đứng trước cửa khách sạn, tay cặp đít,

cúi chào và rất niềm nở với khách khi họ ra ra vào vào Hotel qua những cánh cửa tự động. Sandusky đã từng niềm nở, cúi chào, kéo cửa, mở cửa khoảng mười hai năm rồi kể từ lần đầu tiên tôi tới tiệm may và đứng ở cửa sổ mặt tiền. Hắn là một người ăn nói nhỏ nhẹ, có bộ tóc tuyệt đẹp, khỏe như vâm. Hắn đã nâng nghệ thuật chào khách lên thành một nghệ thuật. Một lần tôi ngạc nhiên khi thấy hắn ta lên thang máy và mặc đồ may ở tiệm chúng tôi. Khi hết giờ hành nghề thì Sandusky quả là một người trưởng giả. Lúc này cái gu bình lặng, luôn xài đồ nỉ màu xám Oxford. Một tay biết xử sự đúng những lúc quan, hôn, tang, tế.

Sau khi chúng tôi biết nhau, ông biết là ông đã tìm thấy Chúa Jesu. Bằng một giọng nói êm đềm, ông nói, nhờ được Chúa tích cực giúp đỡ nên ông ta đã

xẻn ra được một số tiền để có được cái nường tựa trong lúc tuổi về già. Ông là người duy nhất tôi biết được là không có bảo hiểm sinh mạng trong thời bấy giờ. ông cho rằng, Chúa sẽ lo cho con cháu chúng ta như Ngài đã săn sóc cho chính ông ta vậy. Sandusky chẳng sợ gì cả, dù là cho trời sa đất sụp ngay trên đầu ông. Ông vẫn đinh ninh, xưa giờ Chúa vẫn lo cho con người không lẽ Chúa lại làm lơ sau khi Sandusky chết. Rồi một ngày kia khi ông hồi hưu, thật khó tìm được một người thay thế ông, chả ai đủ lợi khẩu, khéo nói như ông ta khi ghi hóa đơn, cũng chẳng ai có cái điệu chào điệu nghệ như Sandusky cả. Ông già lúc nào cũng quý mến Sandusky, cụ luôn luôn ép ông ta phải nhậ nhệch với cụ, nhưng Sandusky luôn từ chối rất lịch sự, khéo léo, cương quyết. Khách hàng của Olcott rất quý mến ông.

Cụ già thường khi giờ chúng bắt thường, cụ câu sườn khi không mời ai cùng đi nhậu, kể cả người như Sandusky. Thường thường là lúc quá trưa, khi công việc trong ngày chả ra sao cả, hoặc khi không có tiền thu, chỉ thấy những hóa đơn cũ. Có khi cả một tuần trôi qua mà chả có bóng một khách hàng nào, hoặc có người ló mặt đến là để la rầy, đòi sửa đồ lại, hoặc xin bớt tiền công may. Những việc như vậy làm lão bức bối, chụp vội lấy mũ lên đầu rồi đi nhậu. Thay vì sang dãy phố bên kia như thường lệ, cụ lại đi lang thang ăn một chút gì đó, rồi sà vào quán Breslin hay quán Broztell, đôi khi đi xa tới đường Ansonia, ở đó thần tượng của cụ là Julian Legree, người có cả một dãy phòng.

Julian chuyên mặc màu xám, bất cứ màu xám nào ta có thể tưởng tượng ra được và chỉ màu xám thôi. Ông ta có cái vẻ chán nản của một kịch gia người Anh, mặt đầy gân, một người hay la cà đó đây, bắt chuyện với những người chuyên bán len, buôn bán nước ngọt, hoặc bất cứ món gì. Chỉ nghe giọng nói của ông ta, người ta cũng đủ bu đến rồi. Nó có vẻ như diễn kịch, ấm cúng, ngọt ngào, sắc bén hài hước của người Anh để biến một tư tưởng rất thường thành một cái gì quan trọng. Julian không nói điều gì có thể ghi âm được, nhưng giọng nói của ông ta lại gây một ấn tượng đặc biệt với những người nghe. Thỉnh thoảng ông ta và lão già cùng đi lang thang lại bàn Corse Payton, một thần tượng của Brooklyn đó. Corse Payton là một nghệ sĩ cũng như McCarren là một chánh trị gia.

Những điều cụ già luận bàn lúc này luôn luôn là những cái gì thật bí nhiệm với tôi. Cả đời cụ chả bao giờ đọc một cuốn sách, hoặc xem một vở kịch kể từ ngày Bowery trình diễn ở Broadway. Tôi có thể thấy cụ đứng hàng giờ ở quầy cơm trưa miễn phí với Julian, người khoái trứng cá muối và món măng hầm ở quán Olcott ông ta ăn sạch trơn chả cần phải nhờ đến chó nữa. Họ bàn bạc với nhau về Shakespeare, hoặc Hamlet hay Lear, những kịch phẩm bất hủ, hoặc bàn bạc về Công trình của Bob Ingersoll. Cùng lúc đó, đằng sau bar có ba người Ái Nhĩ Lan mặt nặng trịch, những con người hạ tiện, hàng ngày cũng có thói hay la cà ở bar đó. Họ nghĩ một cách tự nhiên là, phải có một đặc ân mới được người ta gọi là Patsy O'Dowd, một trong những kẻ hoang đàng, miệng còn hôi sữa, con của một con điếm mới ra ràng. Nếu ta

hỏi O'Dowd rằng hắn có gì đáng khen không, hắn trề môi, lạnh lùng trả lời, chỉ mình bạn là người xứng đáng để «khắc» câu nói đó ra, rồi hắn cầm chiếc ly bạn đang uống lên, lấy khăn lau cho sạch, vì đó là công việc thường ngày của hắn. Người ta trả tiền hắn để hắn làm như vậy. Hắn càng chửi bần bao nhiêu, người ta càng quý hắn bấy nhiêu. Những thương gia ở tỉnh lên đạ quen thấy chiếc xe của họ được chùi sạch bằng khăn lụa, và sau khi lấy số xe gởi được nghe cái anh chàng thối miệng con hoang của một người Ái Nhĩ Lan gọi họ là những chàng trai hoang đàng vắt mũi chưa sạch, con của những con điểm... chửi cho vui.

Ông chủ của công ty thương mại phần thịnh này là một người hơi mập, có những bắp chân trướng giả, đầu như đầu sư tử. Lúc đi, bụng ông ta cứ phưỡn ra,

một xì rệu vang nhỏ giấu sẵn trong túi gi-lê. Ông ta thường có thói gác đầu một cách cứng cỏi kiêu kỳ với những thằng điên đang gật gù trong bar, trừ khi họ là những khách của Hotel, gặp trường hợp đó, ông dừng lại một chút, đưa ba ngón tay chuối mẩn nổi đường gân xanh ra, nhếch bộ ria, rồi quay phắt một vòng đông luân, ông ta là kẻ thù độc nhất của lão già. Lão già tự nhiên là không chịu nổi ông ta. Ông ta có cảm tưởng rằng Tom Moffat khi dễ lão. Khi Tom Moffat đến may quần áo là lão già phải tăng tiền công lên 10% hay 15% để đánh thuế tính kiêu kỳ của Moffat. Nhưng Tom Moffat, bẩm sinh đã là con người trưởng giả, ông ta không bao giờ trả giá và cũng chẳng bao giờ đích thân trả tiền hóa đơn. Ông ta chỉ bảo người kế toán của ông ta tìm ra sự khác biệt trong hóa đơn rồi người này trả tiền. Nếu có lúc phải may một

bộ đồ soọc, một bộ nỉ mới, hay một bộ đồ vía, ông ta đi ào ào vào tiệm với vẻ trịch thượng cố hữu, bụng phưỡn ra, râu nhếch nhếch, đôi giày bóng loáng, lộp cộp, rồi với một vẻ hơi khinh khi lãnh đạm, ông ta chào lão thợ may:

– Này, cụ còn lộn nữa không đấy?

Vừa nghe nói vậy là ông già đã nổi sùng lên, lấy một miếng ăn thừa hay bất cứ đồ gì trong tầm tay quăng vào kẻ thù Tom Moffat. Làm gì mà cứ nhai đi nhai lại hoài cái «sai lầm chút xíu» của chúng tôi. Rồi ông già không tự kiểm chế được nữa. Viên kế toán của cụ, cụ dặn luôn phải tăng thêm chiều dài 3cm ở hóa đơn, nhưng không may đúng như vậy. Cuối cùng lão đụng phải một vấn đề khó giải quyết. Một hôm vào chính Ngọ, sau khi ăn uống như thường lệ, sau khi đã thương lượng với những khách bán

len và ren tụ họp trong bar, cụ lừ lừ rút một tờ giấy trong cuốn sổ tính tiền của bar. Lão rút cây viết chì vỏ bạc đeo ở dây đồng hồ ra, ký tên vào tấm ngân phiếu, đưa cho Patsy O'Dowd và nói:

– Bảo Moffat phải ký những tấm chi phiếu này để trả tiền thay tôi.

Rồi ông ta lặng lẽ đi ra, mời thêm một số bạn thiết nữa, bảo nhà hàng dành riêng cho một bàn ăn và đãi bạn. Khi Adrian đưa cuốn sổ tính tiền, lão bình tĩnh nói:

– Đưa cây viết chì đây... Tôi trả cho tất cả những ông bạn này.

Khi thấy rằng ăn có bạn mới vui, cụ thường mời các bạn thân cùng dùng bữa trưa, và cứ nói đi nói lại với họ rằng:

– Nếu cái thằng chó đẻ Moffat không trả tiền công may áo, thì chúng ta ăn để hắn phải trả... ha... ha...

Nói rồi, cụ gọi ngay món chim câu hầm, hoặc món tôm hùm nấu kiểu New-burg, một chai rượu Moselle ngon, hoặc bất cứ loại vang nào mà tên bồi bàn gợi ý ra.

Kể cũng lạ, là Moffat xem như không thèm đếm xỉa tới chuyện đó. Ông ta vẫn cứ đặt may hàng lỗ quần áo như thường lệ, mùa nào áo đó cứ thế... cứ thế ông vẫn cứ tiếp tục cãi nhau hóa đơn và vụ này dễ giải quyết kể từ ngày rắc rối về vấn đề ký chi phiếu ở cái bar của lão già thợ may để trừ tiền công may áo. Thôi thì đủ thứ tiền: gọi điện thoại, chim câu hầm, tôm hùm, sâm-banh, dâu tươi, rượu Benedictine... Thật ra thì ông già ăn bậm vào số tiền ghi trên hóa đơn đặt may áo

nhiều đến độ Moffat không lấy áo ra kịp. Khi vừa đến đặt một bộ đồ nỉ thì lão già đã ăn hết hôm qua rồi.

Cuối cùng Moffat tỏ ý muốn kéo dài việc trả tiền. Phiếu đặt hàng ngừng lại. Một hôm, gặp tôi đứng ở cầu thang, cụ vỗ nhẹ vào vai tôi, mời tôi lên phòng riêng, khen tôi là một bạn trẻ nhạy cảm và nói rằng giữa tôi với cụ có thể cứ tiếp tục giao thiệp với nhau được, mà chả ai phiền ai. Nhìn vào chi phiếu trả tiền, tôi thấy cụ đã ăn bậm vào số tiền công may. Có lẽ tôi cũng đã ăn bậm vào một bộ áo dài tay hay jacket chi đó. Chúng tôi cùng bàn là có nên tiếp tục nhận sự bảo trợ khinh khi của Moffat nữa không, có nên để ông ta tiếp tục bới những sai lầm trong hóa đơn không. Tôi kẹp vào nách một mớ những tấm chi phiếu và hứa với cụ sẽ xem xét lại tất cả.

Ông cụ già rất đổi vui mừng vì công việc làm ăn vẫn trôi chảy, và cứ thế cả hàng bao nhiêu năm trường. Và dẫu vậy, Tom Moffat vẫn cứ đến đặt hàng, và chào ông già với lời chào cố hữu:

– Sao cụ còn tiếp tục tính nhăm nữa không đấy!

– Đây là loại vải xám Baratheia tuyệt đẹp tôi dành cho ông đây...

Moffat khẽ nhúu đôi lông mày, cười khẩy, đi đi lại lại như một con gà tây, đôi chân nhún nhảy tinh quái. Nửa giờ sau đó, ta lại thấy lão già đứng trong bar khoái hoạt nói:

– Lại ký cho lão Moffat trả một bữa cơm trừ vào tiền công một chiếc áo jacket. Tiện thể Julian, bác thích món gì nào, ta kêu luôn.

Như tôi đã nói, cứ chính Ngọ là lão có thói đi ăn; cơm trưa thì bạ đâu ăn đó và bữa ăn thường kéo dài tới bốn hoặc năm giờ chiều. Bồ bịch của lão trong những ngày đó tha hồ vui vẻ. Sau bữa ăn, bọn người đó lại khệnh khạng lên thang lầu, khạc nhổ, cười hô hố, má đỏ ửng lên, rồi ngồi vạt xuống những chiếc ghế bành lớn có để những ống nhổ kế bên. Ở đó có sẵn Pattee, người chuyên bán hàng tơ lụa, ren, cuộn chỉ, cúc áo, vải bố. Ông này là một người chậm chạp, thô kệch, giống như một con tàu bị bão táp quật nát, luôn luôn đi lại trong một tư thế thuyết dụ, ông ta tỏ vẻ mệt mỏi đến độ họa lắm mới nhếch mép được, nhưng khi hấn nhếch mép thì mọi người có cảm tưởng bị xóc bụng, hấn lăm bầm một mình nhất là về món bơ. Hấn khoái món bơ lắm, đẳng hạng là bơ Schmierkäse và Limburger, càng mềm càng tốt. Giữa chuyện bàn về

bơ, hắn còn xen vào chuyện về nhạc sĩ Schubert Heine, hoặc một trận đấu võ nào đó cứ y như hắn sắp đoạt giải vô địch tới nơi. Hoặc hắn hỏi mượn hộp quẹt, bật lên rồi ngồi trên ghế nói về cái mầu của ngọn lửa ra sao. Hắn không bao giờ nói «chào tạm biệt» hoặc «hẹn sẽ gặp lại», nhưng luôn luôn là tiếp nối câu chuyện bỏ dở hôm qua như thể không có sự gián đoạn của thời gian. Chín giờ sáng hay sáu giờ chiều, không thành vấn đề, hắn luôn đi lại trông có vẻ phấn khởi, vui vẻ, chậm rãi, lăm bằm một mình, đầu gục xuống, ren cạp nách, hơi thở sặc mùi rượu, mũi đỏ và nóng nhẫy, hắn lủi đi giữa phố xá đầy nhúc người, một túi bỏ đầy bơ Schmierkäse túi kia đầy bơ Limburger. Bước lên thang máy, vào nhà hắn lại nói giọng đều đều đủ thứ nào là về công việc làm ăn, sắp có vài thứ hàng vải mới, bơ đêm qua ngon tuyệt... ta có

thể nghĩ đến chuyện trả cuốn sách mới mượn hôm qua, hoặc trả tiền sớm để có hàng sớm, hoặc thà đi xem vài bức tranh bản thủy, hoặc nhờ người gái lưng giùm, nói chuyện tầm phào... còn hơn phí thì giờ với hắn, hoặc thà đội mũ lên đi nhậu với lão già còn hơn. Hắn ta vẫn cứ lầm bầm, càu nhàu, đợi lão già thợ may vì khi ông cụ về hắn ngẩng mặt lên đây về biết ơn. Ông cụ hỏi:

– Ferd, chào bác, bác vẫn mạnh chứ. Gặp bác thật là hân hạnh.

Bộ mặt phèn phẹt của Ferd nở ra trở thành cái nhếch mép, đáng yêu cởi mở, thoáng một giây rồi hắn sửa lên đến nỗi Tom Moffat đi qua ở dưới cũng nghe rõ:

– Cụ nên thanh toán sớm cho tôi những món tôi đã bán chịu cho cụ chứ.

Khi thang máy vừa xuống tới tầng dưới thì thằng nhỏ Rubin ở phòng sửa quần áo chạy ào ào vào, mắt hấn nhìn tôi một cách man dã rồi hỏi: «Bác có thích nghe cháu hát không?» Nó đã biết thừa là tôi thích, vì thế trở lại chiếc ghế dài, nhặt chiếc áo đang may dở lên, hấn cất cao cái giọng miền Cossack của nó lên. Nếu tình cờ gặp bé Rubin, ta có thể cho nó là một “thằng bé Do Thái bản thủ” và có lẽ nó thế thật, nhưng nó lại biết ca hát, khi bạn túng tiền nó biết mở hầu bao, khi bạn buồn nó là kẻ buồn hơn. Nếu bạn giẫm chân lên nó, nó nhổ bọt vào đôi giày của bạn, nếu bạn tỏ ý xin lỗi, nó sẽ chùi sạch nước bọt và đánh bóng giày lại cho bạn, hấn có thể ủi quần thẳng nếp như máy.

Ở phòng thử quần áo thì Rubin, Rapp và Chaimowitz là ba người nhỏ thó nhất.

Vào chính Ngọ, cả ba rút ra những miếng bánh mì to tổ bố không men của người Do Thái, đã được cẩn thận nhét đầy nào bơ ngọt, xà lách, cá mòi nướng. Trong khi ông già gọi nào là bò câu quay, rượu nho Rhine thì Bunchek, thợ cắt và ba ông thợ nhỏ thó ngồi trên những chiếc ghế dài ở phòng thử giữa những đồng quần áo, nói chuyện rất hăng và thật trịnh trọng nào là tiền thuê nhà, hoặc chứng ung thư tử cung của bà Chaimowitz. Bunchek là một hội viên tích cực của Phong trào Phục hồi Quốc gia Palestine. Hắn tin rằng người Do Thái thế tất phải có một tương lai hạnh phúc rất gần. Tuy nhiên, không bao giờ hắn nói được một tiếng cho đúng giống như là «áp bức». Ngoài việc say mê với Phong trào Phục hưng Quốc gia Palestine, Bunchek còn có cái khoái là thích một ngày kia sẽ may một chiếc áo cổ áo ôm siết vào cổ. Hầu

như khách hàng nào cũng vai tròn, bụng phệ, nhất là những tay chơi, suốt ngày chả có công việc gì hết, lỏng lỏng ở tiệm may áo sang tiệm quần chuyện gẫu, hết tiệm nữ trang sang tiệm trồng răng, tiệm thuốc tây... Có nhiều việc thay đổi xảy ra, cùng với thời gian quần áo cũng rách, mỗi mùa qua đi, lại phải xếp áo lại, chờ năm sau sẽ mặc, nhưng sang năm tới thì có người phì ra hai mươi ký hoặc sút đi hai mươi ký hoặc nước tiểu đường... quần áo lại phải sửa lại cả.

Rồi anh chàng Paul, có thể kiếm cả mười ngàn đô-la một năm, nhưng luôn thất nghiệp. Có hồi kiếm được việc làm, nhưng người ta chỉ trả chín ngàn đô-la một năm, hẳn không thèm chấp nhận đề nghị đó vì kiêu và đó là đề tài hẳn cầu nhàu lắm lắm suốt đi, rồi phải đi tìm

việc khác. Paul cảm thấy có bốn phần bảo trợ việc may cắt của ông già. Một khi hấn ra tay là y như công việc trôi chảy, chả có bao giờ có một chuyện rắc rối trong đầu óc hấn vì ông cụ rất chân thật. Nhưng lại phải cái tính hay mơ mộng. Cụ là người tiểu bang Indiana, tính tình dễ thương, như một con đường phẳng lì, êm ru, trải toàn mật ong, như thế cụ có phạm tội loạn luân đi nữa người ta cũng bỏ luôn cho cụ; một khi cụ chọn được một chiếc cà vạt hợp thời, chọn được cây can vừa ý, đôi găng tay thật hợp, đôi giày bóng rít lên, và dây lưng quần có một xỉ rượu whisky, thời tiết đừng ẩm ướt quá, hoặc quá ẩm đậm thì hình như có một suối ấm đầy tình thương yêu và hiểu biết, thông cảm luân lưu trong huyết quản đến độ những người bán ren, mặt dạn mày dày, ăn nói cục cằn, giờ gặp cụ cũng phải nói những lời êm dịu nhất.

Khi mọi việc an lành cả thì Paul cũng trở thành một người đàn ông hoàng như bất cứ ai ở vùng Đất Hứa của Thượng Đế. Hẳn cũng biết yêu như bất cứ ai. Và tôi chưa thấy ai có tài thuyết phục và gây cảm tình như vậy. Khi niềm tin đã dâng lên trong lòng hẳn thì chẳng ai dập tắt được.

Paul thường nói «Ta hãy bắt đầu từ chuyện Marcus Aurelius hoặc Epictetus rồi hãy tiếp gì thì tiếp.» Anh ta nói chẳng cần học tiếng Trung Hoa hoặc thổ ngữ miền Provençal. Hãy bắt đầu bằng việc suy tàn của đế quốc Rô-ma. Hồi đó tôi có tham vọng là làm sao Paul đồng ý được với tôi nhưng anh ta quả khó chiều. Anh ta chau mày khi tôi đưa cho anh cuốn “Zarathustra đã phán như vậy”. Anh ta cũng chau mày khi thấy tôi ngồi ở ghế dài tranh luận với mấy anh lùn đó về ý

nghĩa cuốn “Évolution créatrice”. Anh ta ghé thăm bọn Do Thái trên hết mọi sự. Khi Bunchek, viên thợ may lộ mặt ra, cổ quần cái thước dây, Paul tỏ ra rất lịch sự và nể lẫm. Anh ta biết là Bunchek khinh mình, nhưng vì ông ta là cánh tay mặt của lão già nên hẳn tăng bốc, khen ngợi hết lời. Vì vậy thỉnh thoảng Bunchek cũng nhận thấy Paul hơi khùng khùng, mặc dù lùn nhưng anh ta vẫn tỏ ra có một cái gì đặc biệt làm ai cũng phải quý mến.

Xét bề ngoài thì Paul quả là sự vui vẻ hiện thân. Nhưng nội tâm, anh là con người rất buồn khổ. Thỉnh thoảng bà xã anh ta thường mắt rướm rướm, chạy ào vào tiệm khấn khoản xin ông già khuyên nhủ Paul giùm. Hai vợ chồng thường đứng ở cạnh chiếc bàn trong kê sát cửa sổ nói chuyện nho nhỏ. Nàng rất đẹp,

người cao lớn, chân dài, cứ như tượng, giọng nói trầm ấm và như run run mỗi khi nói tới tên Paul. Tôi còn mừng tượng thấy ông già đặt tay lên vai nàng, trấn an nàng và hứa đủ thứ với nàng. Tôi biết nàng mến ông già lắm. Nàng thường đứng sát vào cụ, nhìn sâu vào mắt như thôi miên cụ. Đôi khi cụ chụp mũ vào rồi cùng xuống thang gác với vợ chồng Paul, điệu ử rữ như là đi đưa đám cả lượt. Thế rồi, Paul lại biệt dạng, không ai biết tìm tích đâu mà mò, khi anh ta đang nổi cơn vui chơi. Rồi một ngày nào đó, anh ta lại bỗng trở về, chán nản, hối hận xấu hổ và xin lỗi mọi người, đồng thời anh ta đưa mấy bộ đồ để giặt khô, tẩy sạch những vết ốỉ mưa và sửa lại một chút ở đầu gối.

Sau đó một chút, Paul lại nói thao thao bất tuyệt. Anh ta thường ngồi ở một chiếc ghế da sâu lòng, một tay cầm đôi

găng, chiếc cán cặp giữa đôi chân, bàn luận về Marcus Aurelius. Xem ra anh nói hay hơn khi mới rời bệnh viện, hoặc khi mới sửa mũi lại. Cách thức anh ta ngồi ở ghế bành làm tôi nghĩ rằng anh ta đến tiệm may chỉ vì không tìm thấy ở đâu một chỗ ngồi tiện nghi như vậy. Quả là một công việc mệt nhọc khi phải ngồi xuống hoặc đứng dậy khỏi ghế. Nhưng khi đã ngồi rồi, Paul xem ra rất thoải mái, vui vẻ, lời nói tuôn tràn như suối reo. Ông cụ có thể nghe Paul nói suốt ngày. Cụ thường nói Paul là người bẻm mép, nhờ cái lối nói không vấp vấp của Paul. Paul được coi như một người đáng yêu nhất của Đất Hứa, hơn nữa lúc nào lòng cũng phấn khởi. Khi Paul quá hồi vì đã đặt may một bộ đồ, cụ thường la anh ta và nói:

– Cái anh này, chẳng có gì anh coi là tốt cả! Xà!

Paul phải nhận rằng, giữa anh và cụ có một cái gì hợp tính nhau lắm. Chưa bao giờ tôi thấy hai người nhìn nhau trù mến như thế. Đôi khi họ nhìn nhau đến độ ứa nước mắt và chả ai tỏ ra ngượng ngùng khi thấy nước mắt chảy ra và có ai nhìn thấy thì cũng coi như pha. Tôi còn có thể nhận ra bộ mặt đầy tàn nhang, xấu xí, môi hơi dầy, hay khóc, nhếch lên của Paul, khi cụ già nhắc tới lần thứ một ngàn rằng anh ta quả là con người tốt. Paul không bao giờ nói cho cụ già biết những điều anh ta không hiểu, nhưng nói về những chuyện thường nhật, chàng bàn luận rất hăng hái, chàng nói rất êm ái, dịu dàng và cụ già xem ra hồn lìa xác để theo dõi chuyện của anh ta. Khi Paul đi rồi, cụ như kẻ mất hồn. Cụ sẽ chui vào một chỗ

kín ở sở làm, ngồi đó một mình nhìn vào dây học tử đầy những lá thư chưa trả lời và hóa đơn chưa trả tiền một cách buồn bã. Khi nhìn cụ trong tình trạng đó là tôi vội nhẹ nhàng xuống thang gác lui về nhà, qua phố Bowery, rồi đi học theo đó tới cầu Brooklyn, rồi đi qua một dãy những chiếc giường rẻ tiền dàn hàng từ Tòa Đô chính tới bến phà Fulton.

Nếu là một chiều hè, lối đi đầy những người chen vai thích cánh, tôi sẽ cố tìm xem trong đám đó có mấy người như Paul và tại sao họ lại thất bại ở đời như vậy, còn trong khi những người khác thành công thì lại thở hào hển như vậy. Tôi thấy lưng họ còng xuống, xương sườn vêu ra, gân xanh nổi hằn lên, bấu súng lên, bộ ngực rám nắng, bụng phì ra hoặc trở thành không hình dạng với năm tháng chất chồng. Vâng, tất cả những kẻ

bán hàng rong đó tôi đều biết cả, họ bán thiu, hôi hám, đứng bên họ như đứng bên thùng rác, rồi thân xác thì đủ mọi bệnh tật do sâu khổ và giàu sang gây ra. Khi nói về mình thì đầy giọng buồn mửa ra được, lúc nào cũng «tôi, tôi». Tôi và thân của tôi. Tôi và bệnh gút của tôi. Tôi và bệnh gan của tôi. Khi tôi nghĩ tới bệnh trĩ của Paul, nghĩ tới bệnh mũi của họ, nghĩ tới tình yêu mẩn và sự học hỏi phát xuất từ những vết thương nặng của họ, tôi nghĩ rằng Paul không phải con người của thời đại này, nhưng là bà con anh em của Moses Maimonides, một người dưới thời Moor đã dạy ta biết cách chữa trị kỳ lạ các bệnh “trĩ, mụn cóc, nhọt bọc...”

Những người cụ già quý lại thường chết non và đột ngột. Paul chết khi đi nghỉ ở bãi biển. Chàng bị chết đuối. Có người nói là anh ta bị thất tình. Vì có một

lần Cora lên thang gác, mặc bộ đồ tang rất đẹp, khóc lóc như mưa. Chưa bao giờ tôi lại thấy nàng đẹp như vậy, dáng người dong dỏng cao, đẹp như một pho tượng. Tôi còn nhớ rõ tấm khăn nhung bó sát vào mặt. Tôi còn nhớ rõ lúc hai vợ chồng Paul đứng sát nhau kể cửa sổ. Lúc này nàng khóc lóc thảm thiết, ông già lại chụp mũ lên, rồi lại cùng nàng đi xuống lầu. Một lúc sau, không hiểu cụt nghĩ sao, cụt cụt giục tôi tới thăm vợ Paul và chia buồn với nàng. Khi bấm chuông phòng của chị, tôi run bắn người lên. Tôi cứ mong là nàng lõa thể ra mở cửa, ngực có đeo một chiếc băng tang. Tôi đắm đuối vì sắc đẹp của nàng, với cặp mắt bồ câu, đắm đuối vì vẻ mơ màng và cái hương thơm của miền Indiana nàng đã ngụp lặn trong đó. Thế mà lại mặc bộ đồ cắt, bộ đồ tang rất đẹp bằng nhung đen, bó sát người. Đó là lần đầu tiên, đối diện

với một người đàn bà có tang, một người đàn bà khi khóc ngực như muốn xổ tung ra. Tôi chả biết nói gì với nàng cả, nhất là nói về Paul. Tôi ấp úng, ngập ngọng, khi nàng mời tôi ngồi bên cạnh nàng trên ghế tràng kỷ, tôi có cảm tưởng đang ngồi xuống ôm lấy nàng.

Nàng ngồi trên một chiếc ghế đầu nhỏ, ánh sáng chiếu mờ mờ, cái lưng to lớn của nàng chạm vào người tôi, ngực nàng cọ vào thái dương tôi, chúng tôi nói tất cả những chuyện về Paul, rằng anh ta tính nết thế nào, tốt ra sao, cuối cùng, tôi cúi xuống không nói gì cả, nâng áo nàng lên rờ vào người nàng. Tôi tiếp tục rờ vào người nàng, nàng thở dài sườn sượt, một chút khoái thú pha lẫn chút buồn thương vì chiếc áo tang còn sờ sờ ra đó, nàng nhắc đi nhắc lại:

– Em không ngờ anh như vậy... Em không bao giờ nghĩ là anh sẽ làm như vậy...

Nói xong, nàng cởi chiếc áo nhung đen ra, chiếc áo tang đẹp, cắt ngắn, nàng vúi đầu tôi xuống người nàng, nói là tôi hãy hôn nàng đi, hai tay mạnh khỏe của nàng ôm ghì lấy tôi, vừa rên rỉ, vừa khóc. Rồi nàng đứng dậy khóa thân đi loanh quanh trong phòng một lúc. Cuối cùng nàng quì xuống cạnh chiếc ghế đi-văng tôi, tôi đang ngồi duỗi dài ra, nàng nói:

– Anh có hứa với em là yêu em mãi mãi không? Anh hứa đi!

Tôi trả lời: Anh hứa – rồi một tay ôm ngang eo nàng, và tôi nghĩ “Không biết mình phải đợi đến bao giờ đây”.

Nàng khóc như mưa, như đứa trẻ,

rất chân thành, làm sao có thể nghĩ tới việc làm «tối hù» đó được. Nàng là con chim bị tên rồi.

Luôn luôn vui vẻ và tươi sáng! Cứ đều đều, mỗi mùa có một số người chết. Có khi là một cái chết lãng nhách như cái chết của Paul hay của Julian Legree, có khi một người chủ bar bị cà mũi vào chiếc đinh gỉ sét, hôm nay đang khỏe mạnh hăng hái, ngày mai đã ngã ra chết, cứ đều đều như vận hành bốn mùa, các con ó già cứ chết dần. Lúc đó chả phải làm gì cả, chỉ việc kẻ một vạch đỏ ở phần lề phải cuốn sổ hóa đơn và ghi «đã chết». Mỗi cái chết có thêm một chút việc, một bộ đồ chế mới, hoặc băng tang ở tay áo bên phải. Theo cụ già thì những ai đặt may băng tang là những kẻ đáng khi. Giống như máu đen được thay thế cho máu đỏ, máu mới. Máu mới! Đợt sống

mới! Đó là một trận chiến vàng lên khắp dọc đại lộ, ở đâu có bán những bộ đồ tơ lụa. Họ là những đợt sống mới, thôi thì đủ mặt: găng-tơ, cờ bịch, gian thương, đầu cơ tích trữ, những kịch sĩ mặt hạng, những kẻ chiếm giải... Hôm nay giàu sang, ngày mai nghèo kiết, không có óc liêm sĩ, lòng chân thành, hoặc một chút tinh thần trách nhiệm. Trong máu họ luôn luôn là có vi trùng hoa liễu. Từ Paris hoặc Monte Carlo trở về với những tấm bưu thiếp bản thủ, với những chuỗi hạch xanh cứng như đá nổi lên ở háng. Có người có những vết sừng tấy lên như thịt trều chiên.

Một người trong bọn họ là bá tước Carola von Eschenbach. Chàng kiếm được một số tiền mọn ở Hồ ly vọng, rồi

được tôn lên như một ngôi vương bá ở đó. Rồi đến cái thời vương bá bị ném trứng thối, thật là buồn cười. Và phải nói cho vương tước đó biết cái mặt trái của triều thiên. Lúc đó đầu ngài như đầu tử thần, mũi quần quần hách dịch, bước đi trông dễ giận, eo lưng mặc áo nịt, gầy nhom và hay cưỡng dâm như Martin Luther, khắc khổ, hay quạu, cuồng tín, mắt nhìn trơ tráo, khờ ngu như giai cấp Junker. Trước khi tới Hồ ly vọng, anh ta chỉ là một tên người Đức vô danh, bán lave ở Frankford. Cũng chẳng vương tước gì. Nhưng sau đó, khi anh ta bị đòi quật lên, hạ xuống, khi cái răng cửa bị gãy và bắn sâu vào cuống họng, một chiếc cổ chai vỡ đã rạch nát mặt thành vết sẹo sâu rồi sau đó khi anh ta học được cách phải đeo cà vạt đỏ ra sao, khước chiếc can thế nào, tĩa râu mép ngắn lên như Chaplin, thì anh ta trở thành một nhân vật. Rồi anh ta

đeo kiếng một mắt lên, tự xưng là Nam tước Carola von Eschenbach. Tất cả chắc hẳn sẽ diễn tiến tốt đẹp, nếu như anh ta không si mê một nữ diễn viên phụ tóc bạch kim bị bệnh hoa liễu đầy mình. Thế là đời anh ta tịch!

Có một hôm, anh ta mặc quần soọc, đi ghệt ngẩn lên thang máy, ve áo gài một bông hồng đỏ chói, kiếng một mắt dán vào mắt. Trông anh ta có vẻ vui vẻ, khoái hoạt, anh rút một tấm cạc in chữ rất nhỏ và đẹp ra. Tấm cạc in một chiếc áo nhà binh — theo như anh ta nói thì áo loại đó đã có trong gia phả suốt từ 900 năm nay. Anh ta gọi đó là «bảo vật của gia đình», ông cụ già rất hài lòng thấy trong sổ khách hàng của mình có cả Nam tước, đặc biệt lại trả tiền mặt. Mỗi lần thấy bá tước ào ào đi vào tiệm thật là vui, hai tay bá tước dắt hai con hầu, mỗi lần mỗi đôi

khác nhau. Vui hơn nữa là khi ông ta bảo mấy con hầu đó vào phòng thử giúp ông cởi quần, ông cắt nghĩa đó là tục lệ Âu châu. Dần dà, ông ta làm quen được với tất cả những khách hàng quen, hay dán mũi vào cửa tiệm để nhìn xem có gì lạ không. Ông ta chỉ cho họ cách thức ông hoàng Crown đi đứng làm sao, nằm ngồi thế nào, mỉm cười ra sao. Một hôm ông ta mang theo một cây sáo và thổi bài Loreli. Có lúc ông ta đeo đôi găng bằng da heo còn lởm chởm lông đến tiệm. Mỗi ngày đeo một huy hiệu mới ở ve áo, luôn luôn vui vẻ, khoái hoạt, hay pha trò. Ông ta quả là một kho tiểu lâm, có một vài câu chuyện hoàn toàn mới. Đúng là con người chịu chơi.

Một hôm, gọi riêng tôi ra, ông ta hỏi vay tôi có đúng mười xu thôi để trả tiền gửi xe. Ông ta nói không biết có đủ

tiền trả tiền may quần áo ở tiệm không, nhưng hy vọng tìm được một chân ở rạp chiếu bóng nhỏ Đại lộ IX, chuyên chơi piano. Trước khi cho tôi biết vậy, ông ta khóc. Chúng tôi đang ở phòng thử áo, may quá xong rồi! Tôi cho anh mượn chiếc mùi soa để chùi nước mắt. Anh nói, chán quá rồi không muốn đóng kịch mãi nữa. Anh ta sẽ đến thăm chúng tôi hàng ngày vì ở đây thân mật, ấm cúng, ghế ngồi tiện nghi. Anh ta hỏi tôi có thể bao một bữa cơm trưa không, đã ba ngày anh chỉ nhấm nháp cà phê và bánh ngọt thôi. Tôi dẫn anh ta tới một tiệm ăn Đức ở Đại lộ III vừa là tiệm bánh, vừa là tiệm ăn. Không khí ở đây làm anh xuống tinh thần mạnh. Anh ta không biết nói chuyện gì ngoài chuyện dĩ vãng ngày xưa, rất xa xưa, tiền chiến. Anh ta nói có lần muốn làm họa sĩ, rồi đột nhiên thế chiến xảy ra. Tôi nghe anh thật chăm chú, khi cơm

rồi, tôi đề nghị mời anh bữa chiều nữa và có thể là tôi sẽ giữ anh ta lại với chúng tôi. Anh tỏ vẻ rất cảm động và hứa chắc bảy giờ sẽ tới. Đúng nhé! Tốt lắm!

Trong bữa cơm gia đình, vợ tôi rất khoái nghe chuyện anh ta nói. Tôi tránh không động cập tới chuyện sa sút của anh. Chỉ nói anh ta là một Nam tước, Nam tước von Eschenbach, một người bạn của gia đình Charlie Chaplin. Vợ tôi — một trong những người vợ đầu tiên của tôi — tỏ ra rất hãnh diện được ngồi cạnh một Nam tước. Vì nàng theo đạo Chính thống, nên nàng cũng rất hiểu biết, không khó chịu gì về những câu chuyện liêu lĩnh của Nam tước cả. Nàng nói, những chuyện đó hay lắm chứ và có vẻ Tây phương lắm! Cuối cùng, rồi

cũng đến lúc phải đưa tất cả ra ánh sáng. Tôi cố gỡ mỗi chuyện dần dần, khéo léo. Nhưng làm sao nói về thứ bệnh hoa liễu một cách khéo léo bây giờ. Tôi gọi là bệnh hay lây, bệnh kín! Nhưng tiếng «hay lây» làm vợ tôi phát rùng mình. Nàng nhìn vào cái ly chỗ anh ta đã kể môi uống, rồi khấn khoản nhìn tôi như nói rằng “Tại sao anh mời một người như vậy để ngồi cùng bàn với vợ chồng mình?” Tôi thấy đã đến lúc cần đưa sự thật ra ánh sáng lập tức. “Ông Nam tước đây chỉ ở với vợ chồng mình chốc lát thôi. Ông ta thất nghiệp và cần tìm một chỗ nghỉ lưng tạm.” Thú thật tôi chưa bao giờ thấy thái độ của một người đàn bà nào lại thay đổi dễ sợ đến thế. Nàng nói:

– Anh bảo em phải làm việc đó sao? Thế còn con thì sao? Anh muốn tất cả chúng ta bị bệnh hoa liễu sao đây? Mình

ông ta bị rồi không đủ sao? Anh còn muốn con cũng bị lây nữa. Hích...

Ông Nam tức tở ra vô cùng bối rối vì cái tin động trời đó. Ông ta muốn đi ngay lập tức, nhưng tôi bảo cứ bình tâm. Tôi đã quá quen với cái cảnh này rồi. Tuy nhiên, anh ta tức giận lắm, ghen ngào, không uống cà phê được nữa. Tôi liền thoi vào lưng hắn, đến khi mặt hắn xanh như tàu lá. Đóa hoa hường ở ve áo rớt xuống đĩa ăn, trông cứ như cục máu anh ta vừa khạc ra. Tôi thấy quá xấu hổ vì vợ, tức điên lên thiếu điều bóp cổ nàng. Anh ta tức giận, ho khạc lung tung, tôi dẫn anh ta vào phòng tắm, bảo rửa mặt bằng nước lạnh. Vợ tôi theo hai chúng tôi vào phòng tắm, đứng trên trời nhìn anh ta rửa ráy. Khi anh ta rửa mặt xong, vợ tôi giặt cái khăn tay, mở toang cửa sổ phòng tắm, vụt ra ngoài. Cử chỉ đó làm tôi sôi

giận và bảo vợ tôi ra ngoài làm việc khác đi. Nhưng anh ta đã vội chen vào giữa chúng tôi:

– Thưa bà, bà có lòng tốt và Henry, ông bà đừng lo gì về điều đó cả. Tôi có mang theo kim tiêm và thuốc mỡ, tôi có cất trong cái hộp nhỏ dưới gầm chạn đó. Ông bà đừng đuổi tôi đi, tôi chả có chỗ nào nương tựa cả. Tôi là kẻ tuyệt vọng, cô độc. Trước kia anh chị tốt với tôi, sao giờ nỡ nhẫn tâm với tôi như vậy. Tôi có lỗi vì bị bệnh hoa liễu sao? Ai cũng có thể mắc bệnh được cả. Người mà. Anh chị sẽ biết là tôi sẽ trả ơn anh chị bội hậu. Tôi sẽ làm bất cứ công việc gì cho anh chị, như rửa chén, nấu ăn nữa...

Anh ta cứ lải nhải mãi như vậy, không lúc nào ngừng, sợ vợ tôi nói «không được». Sau khi nói một hồi, hứa hẹn đủ thứ, sau khi xin lỗi túi bụi, rồi quì

xuống định hôn tay vợ tôi, vợ tôi giật tay lại. Anh ta ngồi bệt xuống bên nhà cầu, trong bộ đồ soọc, chân đi ghệt, khóc như một đứa con nít. Thật là ghê gớm. Căn nhà tắm sạch sẽ, lát gạch men, cửa mở toang, ánh sáng ủa vào, rồi cái ông Nam tước chết tiệt này, trong bộ đồ soọc, đi ghệt ngắn, xương sống trệt đầy thuốc thủy ngân, tiếng khóc bật ra như tiếng xe lửa xuống dốc. Lúc đó, tôi chẳng biết phải làm gì. Cái cảnh một thằng đàn ông như vậy, ngồi khóc rưng rức trong nhà cầu, thật chịu không nổi. Lâu sau, tôi cũng quen đi. Lúc này, tôi mới thấy cái cảnh Rabelais phải thăm 250 con bệnh trong nhà thương một ngày nó thế nào.

Tuy nhiên, còn cái vấn đề khóc... Ít lâu nữa đứa con nhỏ của tôi cũng sẽ khóc chào đời, chắc chắn như vậy. Làm sao để dàn xếp đây. Tôi hy vọng có một phép lạ

xảy ra và hy vọng dạ dày vợ tôi cũng nổ tung ra như một trái dưa bở. Nàng vẫn chưa dần được sâu khổ, nàng nằm dài trên giường, ôm cái bầu đã 6, 7 tháng, òa lên khóc nữa... Có thể lúc đó, tôi sẽ nằm ở một phòng khác, cầm một cuốn sách dày cộm, đọc ngẫu nhiên. Tiếng khóc của vợ tôi làm tôi lại sực nhớ ra tiếng khóc của Nam tước Carola, mặc quần soọc, đi ghệt ngắn, mép lật áo có viền, ve áo có gắn đóa hồng sậm màu. Tiếng khóc nức nở của vợ tôi như một giọng nhạc. Nàng đang khóc một chút để gây cảm tình và chả có một chút gì gọi là tình cảm trong nhà này cả, chỉ thấy sâu khổ thêm. Nàng càng khóc, tôi càng trở thành điếc. Tôi như lắng nghe thấy tiếng sóng vỗ âm âm, oàm oạp vào bờ biển vào một đêm hè tiếng muỗi vo ve làm chìm mất tiếng biển gầm. Tuy nhiên, sau khi vươn mình khỏi cảnh sụp đổ này, và khi xóm giềng

không chịu nổi cảnh đó nữa, bỗng tôi nghe tiếng gõ cửa. Người mẹ già của nàng bước chậm chậm vào phòng ngủ của tôi, rướm rướm nước mắt, cụ nói tôi vào an ủi con gái cụ một chút. Tôi nói «Để mặc kệ nhà con. Khóc mãi rồi cũng thôi.» Nghe thấy vậy, vợ tôi thôi khóc một chút, nhưng nhẩy chồm khỏi giường, tức giận, tóc nàng xõa xuống rối bù, mắt sưng mọng lên, nàng lại nấc lên và khóc rồi dấm thùm thụp vào người tôi, rửa xả tôi tới độ tôi nổi sùng lên và bật cười. Thấy vậy, nàng lại nhẩy chơi chơi lên, như một người điên, khi dấm đã mỏi, tay đã buốt nàng hét lên “Đồ quỷ, đồ yêu!” rồi nàng bỏ đi như một con chó thối mệ. Sau đó, tôi cố vỗ về nàng, nói nhẹ nhàng với nàng, xốc nàng vào giường, rồi ném cho nàng cái gối ôm. Thật rõ cơ khổ. Tôi chưa thấy người đàn bà nào hay rên rĩ và nói liên lẹo như vợ tôi cả. Nàng thường nói

«Anh làm cho em tất cả những gì anh muốn đi!» Tôi muốn dựng nàng dậy, lôi nàng qua thăm vị mục sư, làm bất cứ cái gì rồi nàng lại vui lên như đứa trẻ hết giận hờn. Đó cũng tại cái bệnh trầm uất. Chúa phạt tôi, nếu tôi nói sai một lời. Vị mục sư thường hay nói vậy. (Chúa mà tôi thường nói trên đây, theo thánh Augustin là Đấng vô biên, ở khắp mọi nơi.)

Tuy nhiên, luôn luôn vui vẻ và tươi sáng! Nếu đó là thời tiền chiến, nếu hàn thử biểu xuống không độ, hoặc dưới không độ, nếu là ngày lễ Tạ ơn hoặc ngày Tết, hoặc Sinh nhật, hay bất cứ ngày lễ lạc nào, chúng tôi dễ dàng làm hòa với nhau, rồi lại tay trong tay đi phố cả gia đình, chúng tôi lại cùng với bao kẻ nông cuồng khác ào ào xuống phố. Gia đình lại vui lên. Có một điều lạ là dù có bao nhiêu tai họa đe dọa gia đình, tôi vẫn vui

như Tết. Vui bất kể gì cả, dù đã có nào là bệnh ung thư, sưng phù, thủy thũng, cứng gan, điên, ăn cắp vặt, ăn mày, kẻ gian, loạn luân, tê liệt, sán xơ mít, đẻ non, sinh ba, cuồng trí, nghiện rượu, gặp bao nhiêu người tù, thủy thủ, thợ may, thợ sửa đồng hồ, bệnh hồng chấn, ho gà, sưng màng óc, tai nghễnh ngãng, thổ tả, nói lắp, những kẻ mơ màng, chủ bar... và cuối cùng là cả cậu George và dì Melia, nhà xác và nhà thương điên. Một chàng thủy thủ vui vẻ ngồi cạnh cái bàn đầy đồ ăn ngon, nào củ cải đỏ, rau dền xanh, thịt heo quay, gà rô-ti, bơ, nước sốt Đức và nước tương màu đen vị chua, rau cần tây, ngỗng nhồi, đậu Hòa Lan, cà rốt, bông cải màu trắng tuyệt đẹp, nước sốt táo, trái vải miền Smyrna, chuối to, bánh quế, bánh ngọt hiệu Streussel Küchen, kẹo sô-cô-la nhân hồ đào, đủ loại trái bồ đào, trái bơ, trái hạnh nhân, bồ đào

hickory, lave nhẹ của Đức, bia hộp, rượu vang trắng và đỏ, sâm-banh, rượu porto, rượu mạnh, bơ nóng, pho mát, rượu nho bản xứ, rượu dâu, rượu lê, bánh tráng bằng gạo và bột sắn, hạt dẻ nướng, quýt, ô-liu, chanh muối, trứng cá cavia màu đen và đỏ, cá thu nướng khói, bánh ngọt làm bằng tròng trắng và đường, sô-cô-la thanh và viên, bánh bông lan có hạt hạnh nhân, trứng trắng đường và kem, xì gà đen dài ngắn đủ cỡ, xì gà Bull Durham và Long Tom và meerschaums, lõi bắp và tăm xỉa răng, không có tăm xỉa răng làm bữa răng qua một đêm thối lên, khăn bàn dài cả thước, có thêu bốn góc, ngọn lửa than hồng và những chiếc cửa sổ thoát hơi, mọi sự ở đời đều có trước mặt bạn trừ mỗi chén nước rửa tay (sau khi ăn tráng miệng) là thiếu.

Thời tiết lạnh tới không độ và tên khờ George, một tay bị ngựa cắn, mặc những đồ thừa của người đã chết. Thời tiết zéro độ và dì Melia tìm những con chim dì cất trong mũ. Zéro, zéro và dây kéo tàu rít lên ở bến tàu, đá băng nổi lênh bênh, những cuộn khói quện từ mũi tàu. Gió thổi 70 dặm giờ, hàng tấn hàng tấn tuyết rơi lả tả, mỗi bông tuyết như mang theo một con dao găm, những dòng tuyết nhỏ bám vào cửa kính như những đường xoắn ốc ngoài cửa sổ, gió gào lên, cửa kính rung động. Cậu Henry đang hát «Hoan hô đệ ngũ cộng hòa Đức.» Áo gi-lê của cậu phanh ra, dây đeo quần bỏ ra, thái dương hằn lên những đường gân xanh. Hoan hô đệ ngũ cộng hòa Đức.

Trên bực cao là cái bàn kê đánh bài, dưới thấp là chuồng bò nong nản mùi phân mới, ngựa hí trong chuồng, hí rồi dậm chân, bươi chân xuống sàn, thở phì phì, cái mùi hăng hăng của phân và nước đái ngựa, của cỏ khô, lúa mạch, của chiếc mền còn ẩm xì và phần khô, mùi lúa mạch quyện với mùi gỗ mục, mùi da ở yên cương ngựa và vỏ da bay tỏa lên và quyện lại như hương thơm trên đầu chúng tôi.

Cái bàn thì đứng trên những con ngựa, ngựa đứng trong nước đái nóng, thỉnh thoảng chúng chau mình, quất đuôi, đánh rắm, hí lên. Bếp rực lên như hồng ngọc, không khí xanh lên với khói. Chai lọ để dưới gầm bàn, trong tủ đựng chén và trong chậu rửa bát. Tên khờ George đang lấy một tay áo rộng gãi cổ, Martini, anh chàng vô dụng đang chơi

đại hồ cầm giả bằng chiếc máy quay đĩa, Carrie, vợ hắn đang đệm nhịp bằng thùng thiếc rượu bia. Trẻ con chơi ở chuồng bò, tay thối um lên. Ở dưới phố chỗ những căn nhà ổ chuột trẻ con đang làm một cái sân trượt tuyết. Khắp nơi đều một màu xanh lơ, với rét lạnh và tuyết. Dì Melia đang ngồi ở một góc lẩn hột. Cậu Ned đang sửa chiếc yên ngựa lại. Bà, ông nội, hai bà cố nội đang ngồi sát lại lò sưởi nói chuyện về chiến tranh Pháp Phổ. George dần mang gom những đồ vô dụng lại. Những người đàn bà đang ngồi sát lại với nhau, nói thì thầm, lười họ lú lại. Mọi sự đều hòa hợp với nhau như một trò chơi nát óc — những bộ mặt, tiếng nói, cử điệu, thân xác. Mỗi thứ quay chung quanh trục của mình. Máy hát đĩa lại quay lại, giọng hát to hơn và run run. Bỗng nhiên máy ngừng. Lẽ ra tôi không nên ở đó vì người ta đang

bàn chuyện bí mật với nhau. Nhưng tôi đã có mặt ở đó và đang nghe. Tôi nghe thấy nói rằng cô Maggie càng ngày càng mập ra, lão chủ phòng trà Flushing đã ngủ với em gái của cô ta vì thế tại sao thằng George lại khờ. Cô ta ngủ với bất cứ ai trừ với chồng. Tôi lại được biết cô ta hay dùng dây da đánh George như tử, sùi cả bọt mép ra. Mele ngồi ở một góc. Cô này lại là một trường hợp khác. Cô ta kỳ quái như một đứa trẻ con chẳng ai vượt được tính kỳ quái của cô ta. Thật cơ khổ vì Paul đã chết. Paul là chồng của Mele. Vâng, mọi sự đều êm đẹp cả, nếu người đàn bà từ Hambourg này không gặp Paul và làm hại cả đời Paul. Làm sao Paul đối đầu với một người đàn bà khôn lanh như vậy được: Một gái giang hồ lỗi đời. Cần phải có biện pháp gì với Mele. Cô ta ở đâu là nguy hiểm ở đó. Có một hôm, người ta thấy cô ta ngồi cạnh lò

sưởi. Bỗng nhiên lửa thấp ngọn xuống. Nói đại, nếu cô ta có ý nghĩ đốt nhà lên thì sao đây? Thật cũng tội nghiệp vì cô ta chẳng tìm đâu ra việc. Chỗ làm người ta tìm được giùm cho cô là một nhà tử tế. Mele lại trở thành con người lười biếng. Đối với Paul thì cô ta làm biếng được chứ còn đi làm...

Khi bước ra khỏi cửa, ta thấy không khí thật giá buốt và trong sáng. Khắp bầu trời chỉ thấy sao nhấp nhánh, tuyết trắng phau nằm rải trên lan can, các lối đi, các cửa sổ và hàng giậu. Tuyết trải bao la như một tấm thảm trắng phủ lên trái đất bản thủ, tội lỗi này. Không khí trong sạch và giá buốt mịn như da nai tơ. Những vì sao xanh biếc, từng lớp lại từng lớp chạy nhanh như những con linh dương. Một đêm đẹp, sâu thẳm, yên lặng như dưới lớp tuyết phủ đầy, có những trái tim đập

thôn thức, có những dòng máu Đức đang nóng rực tuôn chảy ra các ống cống để khóa miệng những đứa trẻ thơ đang đói lả, để rửa sạch tội ác và những xấu xa ghê tởm của thế trần. Đêm sâu thẳm, dòng sông đông đặc nước đá, những vì sao nhấp nháy, nhảy múa, lộn nhào như những con quay. Cả gia đình đi lết trên những đường phố thủng lỗ chỗ. Đi trên cái vỏ trắng tinh của Trái đất, để lại những vết chân đi. Gia đình người Đức già đó đã dùng cây Giáng sinh để quét tuyết. Nào cậu, nào mợ, cô dì, anh chị em, cha mẹ, ông bà nội. Cả gia đình ấm cúng và chuẩn choáng hơi men, không ai nghĩ về ai, cũng chẳng nghĩ rằng ngày mai mặt trời lại mọc, hoặc nghĩ tới những việc vặt phải làm, những lời dặn của bác sĩ, cũng chẳng nghĩ gì về những bốn phận phải làm lại càng làm cho đêm thâu trở nên linh thiêng lạ lùng với muôn vì sao

lấp lánh, gió than dài, các nhật quang lan trở nụ và mùi hăng hắc như nước đái quỉ bay khắp nơi.

Chẳng ai biết rằng Melia đang sắp sửa hoàn toàn mất trí, vì có lúc đi tới một góc đường, dì kiễng chân lên như một con tuần lộc và nói mình vừa cán được một mảnh trăng vàng. Rồi dì hét lên «Mặt trăng, mặt trăng!» rồi ngất đi như hồn lìa xác. Trăng vút đi với tốc độ 86 triệu dặm một phút. Ra mau, ra mau bắt lấy mặt trăng. Đó, đó, nó đó. Và không ai chạy nhanh để bắt dì lại được. Giờ tôi kể bạn nghe những gì bọn người khùng nói cho tôi nghe... Họ nói thế này «Này Henry, mai anh đưa bà ấy đi nhà thương điên giùm nhé. Đừng nói để bà biết là chúng tôi có thể trả tiền cho bà ấy được nhé.»

Được lắm! Luôn luôn vui vẻ và tươi

sáng! Sáng hôm sau, chúng tôi cùng leo lên chiếc xe vận tải rồi cùng lái về đồng quê chơi. Nếu Mele có hỏi chúng tôi đi đâu thì nói là đến thăm dì Monica. Nhưng Mele chẳng hỏi gì cả. Nàng ngồi sát bên tôi, yên lặng, thỉnh thoảng chỉ cho tôi xem những con bò cái, nàng thấy những con bò lông xanh lơ và xanh lá cây. Nàng biết cả tên từng con. Nàng hỏi tôi, ban ngày thì mặt trăng ra sao và chúng tôi có paté gan không?

Trong lúc đi đường, tôi khóc và không cầm lại được. Khi người ta đối xử quá tốt với nhau ta phải có khóa và chìa khóa. Khi người ta quá tốt cũng là một điều sai lầm. Thật ra Mele làm biếng lắm. Nàng bẩm sinh làm biếng. Nội trợ lại rất tồi. Nàng cũng không biết cách giữ chồng sao cả. Khi Paul chạy theo một cô nào ở Hambourg, Mele chỉ biết ngồi một xó rồi

khóc. Có người xui nàng phải làm một cái gì đó như hấn cho Paul một phát, gây sự âm lên, kiện để đòi tiền cấp dưỡng, Mele chỉ ngồi yên, rồi khóc, Ôm lấy đầu. Có chút trí thông minh nào cũng bay hết cả rồi. Nàng như một chiếc vớ rách bị đá lăn lóc, luôn luôn nằm ình ra không đứng lúc tí nào cả. Có một hôm Paul cầm dây thắt cổ. Mele chắc là hiểu việc gì sẽ xảy ra, nên nàng giờ đây mới mất trí. Hôm trước đó, có người thấy nàng ăn phần của mình, và ngồi cạnh lò sưởi hàng giờ. Giờ đây nàng rất bình tĩnh, gọi đúng tên từng con bò. Mặt trắng như thôi miên nàng. Nàng không sợ gì cả vì có tôi đi bên cạnh, nàng luôn tin tưởng ở tôi. Tôi là người nàng quý mến hơn cả. Tuy nhiên nàng cũng ngờ là nàng đối xử rất tốt với tôi. Những người khác thì thông minh nhưng tâm hồn lại xấu. Khi thấy cậu em họ Adolphe hay đưa Mele đi dạo

trên xe bò người ta đàm tiếu «Mele để ý tới thằng nhỏ!» Nhưng tôi nghĩ Mele nói chuyện một cách ngây thơ với cậu em họ như đang nói với tôi, tôi nghĩ rằng Mele có tính thật hồn nhiên, và nàng nghĩ ai cũng hồn nhiên như mình. Tôi nghĩ là Mele chả có ý thức gì về tội lỗi hoặc hối hận. Tôi ngờ rằng bẩm sinh Mele đã ngây thơ như thiên thần. Mele là một bà thánh.

Đôi khi nàng mất việc, người ta lại bảo tôi đến kiếm nàng. Mele không bao giờ biết đường về nhà cả. Tôi nhớ rõ nàng tỏ ra sung sướng mực nào khi nàng thấy tôi. Nàng nói một cách đơn sơ rằng nàng muốn tôi ở lại chơi với chúng tôi. Nhưng sao nàng có thể ở lại với chúng tôi được? Tôi vẫn tự hỏi mãi về điều đó. Làm sao người ta có thể để nàng ngồi yên mơ màng bên lò sưởi lúc nàng hứng

lên muốn như vậy! Làm sao được vì mọi người phải việc dù là thánh hay thiên thần! Làm sao những kẻ mất trí phải lấy đó làm gương sáng?

Giờ tôi nghĩ rằng, có lẽ chỗ tôi đang dẫn nàng tới là chỗ tốt nhất cho nàng vì nàng chẳng làm việc gì nữa. Tôi nghĩ rằng thà là vậy còn hơn. Quẹo vào con đường nhỏ, lát sỏi để tới chiếc cổng lớn, Mele thấy người khó chịu. Ngay cả một con chó đại cũng biết khi bị mang tới ao để dìm chết. Giờ thì Mele run sợ. Họ đang chờ chúng tôi ở cổng. Cổng mở ra. Mele đã ở trong cổng, tôi ở ngoài. Họ đang cố dỗ dành nàng. Giờ họ rất tử tế với nàng, nói rất dịu dàng với nàng. Nhưng Mele sợ hãi quá, nàng quay phắt đi và chạy về phía cổng. Tôi vẫn còn đứng đó. Nàng thò tay ra song cổng ôm ghì lấy tôi. Tôi hôn lên trán nàng. Thật âu yếm. Tôi gỡ

tay nàng ra. Họ lại đang bắt nàng lại. Tôi không chịu được cảnh đó. Tôi phải chạy đi. Tuy nhiên chưa đầy một phút, tôi đứng lại nhìn nàng trần trối. Đôi mắt nàng như lớn hẳn lên, mở tròn xoe, sâu thẳm như đêm đen, nhìn tôi một cách thật khó hiểu. Không có người điên nào có thể nhìn như nàng được. Không có kẻ khờ nào có thể nhìn được như vậy, ngoại trừ một thiên thần hay một vị thánh.

Tôi đã nói, Mele không phải là người nội trợ giỏi nhưng nàng biết làm mứt. Khi nghĩ tới điều đó bỗng tôi thấy một cái bình: đây là một thứ bột nhào làm bằng bánh mún (ngâm vào bột nước tiểu) cộng với thịt ngựa chặt thật nhỏ rồi hòa với nước xốt. Sau đó vê tròn trong lòng bàn tay. Cái phòng trà nàng cùng làm với Paul tới khi người đàn bà ở Hambourg tới, gần sát khúc quẹo Đại lộ El II, không

xa chùa Trung Hoa do Binh đoàn Salvation sử dụng mấy.

Khi tôi chạy ra cổng rồi, tôi lại dừng lại bên cạnh một bức tường cao, Ôm lấy mặt, dựa lưng vào tường, khóc nức nở như chưa từng bao giờ khóc như vậy. Trong khi đó, họ đang tắm cho Mele và mặc cho nàng một bộ quần áo thích hợp; họ rẽ ngồi ở giữa, chải bết xuống và thắt ngay lại thành một cái bím ngay sau ót. Như vậy để trông ai cũng giống ai. Tất cả đều có một vẻ điên khùng, mặc dầu chỉ một nửa khùng hoặc ba phần tư khùng. Khi bạn nói «làm ơn đưa giùm cây viết», họ trả lời «được» và đưa cho bạn cây chổi quét phòng. Nếu vô tình đá ra sàn, phải lau cho sạch. Bạn có thể khóc bao nhiêu tùy ý nhưng không được vi phạm nội qui của viện. Một nhà thương điên nào cũng phải có kỷ luật.

Tuần một lần Mele được phép tiếp khách. Các chị em nàng đã đến nhà thương điên thăm nàng từ 30 năm nay. Họ chán nơi đó lắm rồi. Khi còn nhỏ họ đã thường đến thăm người mẹ ở đảo Blackwell bà thường dặn phải chăm sóc cho Mele. Khi Mele đứng ở cổng đôi mắt tròn xoe, sáng rực lên, có lẽ tâm hồn nàng đã bay về dĩ vãng như những chuyến xe lửa tốc hành. Mọi vật như nháy múa trong tâm trí nàng. Mắt nàng vừa to vừa sáng tới độ họ đọc thấy ý nghĩ của nàng. Nàng mở to mắt vì sợ hãi và cũng là điều làm mắt nàng sáng đẹp lên như vậy. Bạn có thể điên được nếu nhìn sự vật một cách sáng suốt như vậy. Nếu bạn hơn người, bạn có thể giữ vững lập trường đó, người ta sẽ tin ở bạn, thề hứa là làm thế giới đảo lộn cùng với bạn. Nhưng nếu bạn chỉ hơn người một chút hoặc là một tên

tiểu tốt vô danh thì đừng có hòng những chuyện đó.

Vào những buổi sáng, chúng tôi thường đi dạo để tinh thần sảng khoái qua những con đường gỗ ghề phố Delancey tới phố Waldorf, nơi cụ già thường chiều chiều đi dạo với Julian Legree. Mỗi sáng tôi viết một cuốn sách mới trong lúc đi dạo từ phố Delancey tới Waldorf. Mỗi lễ cuốn sách có ghi chữ: Đảo của loạn luân. Mỗi sáng dậy là tôi lại phải lau dọn những gì tôi thổ mửa ra đêm trước và sửa mép áo lại. Tới tiệm thợ may, vẽ mặt râu rĩ, có lẽ để nhìn ra Tom Jordan đang ngồi ở phòng đợi chờ tẩy sạch những vết bẩn ở quần. Sau khi đã viết ba trăm sáu mươi chín trang về tính cách vô ích của

việc chào nhau buổi sáng, tôi không còn có được sự lễ độ thông thường nữa. Sáng nay tôi vừa viết hết cuốn sách thứ hai mươi ba về gia phả, viết như cua bò, đến cái phết cũng trông không rõ bởi vì viết bằng bút hết mực. Tôi, con của bác phó may, sắp sửa nói “chào buổi sang” với ông Mumford, người chuyên bán hàng len, dạ, đang mặc đồ lót đứng trước tấm gương. Mọi chi nhánh và lá cành của gia đình đang đu đưa trước mặt tôi: nổi bật lên làn sương mù màu đen của Elbe tôi thấy cái đảo loạn luân này đang nổi bông bệnh. Trên đảo có những cây sơn chi kỳ lạ, tôi thường lấy hoa cài lên ve áo mỗi ngày. Tôi sắp sửa nói «chào buổi sáng» với Tom Jones. Câu nói đang run rẩy ở lưỡi tôi. Tôi thấy một cây to vươn mình ra khỏi đám sương mù đen, trong hốc cây có một người đàn bà ở Hambourg ngồi đó, nàng ngồi gọn khít vào ghế.

Qua khe cửa tôi thấy bộ mặt xanh lè màu lá cây của nàng, đôi môi nàng mím chặt lại, lỗ mũi phập phồng. George khờ đang đi hết cửa này sang cửa khác cầm trong tay những tấm bưu thiếp, cánh tay hần bị ngựa cắn lìa ra, con ngựa cũng đã chết và chôn rồi, tay áo rộng bay dạt dờ trong gió. Khi người ta đã giết những tờ lịch ra trừ 6 tờ cuối cùng, George khờ bấm chuông, ria mép hần còn tuyết đọng, hần đứng ở bậc cửa, mũ cầm tay và «sữa lớn» «Chúc một lễ Giáng sinh vui vẻ». Đây là một cái cây kỳ quặc nhất mọc ra trong gia phả họ Elbe, vì cành nào cũng khô héo, lá màu trắng xóa. Đây là cái cây mỗi năm đều đều «sữa ra» câu «Chúc một lễ Giáng sinh vui vẻ». Mặc các tai ương và trăm ngàn thứ khổ ải: ung thư, thủy thũng, ăn trộm, gian xảo, tê liệt, sán xơ mít, nghẽn ngang, thổ tả, đau màng óc, kinh phong, đau gan... Tôi sắp sửa nói

«Chào buổi sáng». Tiếng đó run rẩy trên môi tôi. 23 cuốn sách viết về đời sống hằng ngày tả chân đến độ vô liêm sỉ, bìa sách được bọc bằng da dê tốt nhất, mỗi cuốn có một cái khóa và chìa khóa riêng. Đôi mắt vấy máu của Tom Jordan bệt ra trên mặt gương, đôi mắt rùng rùng như con ngựa chau mình lại đuổi ruồi. Anh chàng luôn luôn cởi quần hoặc mặc quần vào, luôn luôn gài nút cửa quần hoặc mở ra. Luôn luôn là có những vết dơ cần tẩy sạch, luôn luôn có vết mỡ trên quần áo. Dì Melia đang ngồi ở phòng lạnh, dưới bóng cây gia đình. Người mẹ đang tẩy sạch vết mưa tuần trước chưa tẩy hết. Ông cụ già đang liếc lưỡi dao cạo trên tấm da, nhưng người Do Thái đang từ chân cầu đi lên, ngày cứ ngăn lại, những chiếc dây kéo tàu đang hú ù ù và rọt rọt như ếch nghiêng răng, bến tàu ướt nhẹp những bánh kem. Mỗi trang sách viết

trên không trông như mắt càng dầy lên, giọng văn của những trang đó làm cho bầu không khí thêm phần u uất man rợ. Mưa đêm như tiếng gầm của sấm sét, dìu tôi lên lối đi của khách bộ hành trên một xa lộ không biết là dẫn về đâu. Vang bên tai luôn luôn có tiếng nói thật trong sáng như lưỡi gươm trần bảo ta cứ phải tiến thẳng không được quay gót trở về, hoặc đứng yên một chỗ.

Từ dưới chân cầu, bọn người hạ tiện mỗi lúc mỗi đi lên thật đông, giống như một căn bệnh sài cứ càng ngày càng làm lan rộng nỗi đau đớn, hay lây từ sông này tới sông khác suốt dọc dãy phố XIV. Có dòng mủ cứ luân lưu một cách khó thấy suốt từ đại dương này tới đại dương khác, chia đôi hẳn thế giới tốt đẹp ra khỏi thế giới hạ tiện, thế giới của bọn Do Thái mà tôi sắp biết qua kinh nghiệm sống.

Giữa dòng mủ này, từ con sông này tới con sông kia, có một bình hoa cắm đầy hoa sơn chi. Xa hơn nữa vào đệ tứ hoặc đệ tam nguyên đại, ở cái thời mà trâu bò không ăn cỏ là một thế giới đầy xảo quyết, trừu tượng, dựng đứng lên như những vách đá, và giữa lòng thế giới đó có chôn vùi một ngọn lửa cách mạng. Mỗi sáng khi đi qua làn ranh giới, ve áo cài một đóa sơn chi và một cuốn sách mới viết trong không khí, mỗi sáng tôi phải nhảy qua một cái hồ đầy những chất thổ mửa để tới cái đảo loạn luân đẹp đẽ, mỗi ngày bức vách tường lại cao ngất lên, những nét cửa sổ chạy dài ra như chiếc đường ray, nét lóng lánh của chúng còn sáng hơn những ánh phát ra từ những sợi tóc. Mỗi sáng cái hố càng mở hoác miệng ra một cách ghê sợ hơn.

Có lẽ, tôi sắp nói «chào buổi sáng»

với Tom, nhưng lời đó cứ thập thò trên môi. Cái buổi sáng mà tôi cứ bắt hụt hoài là buổi sáng gì vậy? Buổi sáng đó có tốt không, buổi sáng của mọi buổi sáng? Tôi đang mất khả năng phân biệt buổi sáng này ra khỏi buổi sáng kia. Trong cuốn sổ cái là thế giới của loài trâu đã biến mất thật nhanh; bên cạnh là những người thợ đang tán đinh hàn cái sườn của tòa nhà chọc trời. Những người Đông phương xảo quyết đi đôi giày nặng như chì, đang phác họa bản đồ thế giới ngày mai, một thế giới hoàn toàn làm bằng những sản phẩm, hàng hóa, hết thùng nọ chồng lên thùng kia y như nhà máy làm hộp giấy. Hôm nay ta còn dư thời giờ để dự đám táng của một cái chết mới nhất. Ngày mai có lẽ không đủ thời giờ vì kẻ chết sẽ bị xếp vào một xó và buồn rầu thay cho người nào nhỏ nước mắt xót thương. Đây là một buổi sáng thích hợp cho một cuộc

cách mạng, nếu ta có súng máy thay cho pháo. Sáng nay sẽ là một buổi sáng rực rỡ huy hoàng nếu sáng qua không phải là một cuộc thất bại rõ rệt. Quá khứ qua mau, cái hố sâu càng rộng mở. Ngày mai sẽ qua đi nữa, cũng như hôm qua vì vó ngựa ngày qua đã chạy mất hút, và con người có đôi giày nặng như chì làm sao đuổi kịp. Giữa cái tốt đẹp của buổi sớm tinh sương, có một dòng mủ xông ra mùi thối lợm của ngày hôm qua và làm độc cho ngày mai. Đây là một buổi sớm vô cùng hỗn độn, vì nó là chiếc dù rách thì chỉ một làn gió nhẹ cũng đủ làm nó rách bươm.

Cả đời tôi là một buổi sáng không tàn kéo dài ra mãi. Mỗi ngày tôi viết bằng ngòi viết kêu rột roạt. Mỗi ngày một thế giới mới lại được tạo dựng hoàn toàn biệt lập và hoàn bị, tôi đang ở giữa

những chòm sao, giống như một vị thần rất khờ ngu về mình, chả biết làm gì ngoài việc ca hát và tạo ra những thế giới mới. Trong khi đó, những thế giới cũ tan vụn ra. Thế giới cũ giống như căn phòng sửa quần áo trong đó quần áo được ủi thật thẳng, các vết bẩn được tẩy sạch hết và khuy cúc được đơm lại đàng hoàng. Luôn luôn có sự đổi mới, sửa chữa hoài, một tay áo cần cắt ngắn đi, cho cổ áo thấp xuống, cúc áo đơm xít lại, thay một đáy quần mới. Nhưng không bao giờ có một bộ áo hoàn toàn mới mẻ, không bao giờ có sự sáng tạo. Có một buổi sáng của vũ trụ bắt đầu từ lúc ngày mới bùng lên, và phòng thử quần áo luôn đầy rẫy những đồ phải sửa chữa lại. Đời tôi cứ trôi mãi như vậy chả khác gì người thợ may làm việc về đêm. Suốt đêm tôi nghe tiếng bàn ủi xèo xèo trên vải ướt. Cái vỏ cứng của

thế giới cũ bửa ra trên sàn nhà và mùi nó chua như dấm.

Những người ba tôi mến thương là những người yếu đuối và đáng yêu. Mỗi người trong bọn họ đi ra ngoài là y như những vì sao lấp lánh. Họ ra đi một cách yên tĩnh và thê thảm. Họ chẳng còn để lại vết tích gì ngoài những kỷ niệm của cái thời bùng sáng và vinh quang của họ. Giờ đây họ chảy ụa vào trong tôi như là con sông lớn đầy nhóc những vì sao rụng. Họ làm thành một dòng sông đen đang chảy xiết làm cho trục thế giới của tôi luôn ở tình trạng diễn biến. Vụt thoát ra ngoài cái vùng đen tối, vô biên, trải rộng ra của ban đêm là buổi sáng vô biên trong buổi tạo dựng. Mỗi buổi sáng con sông tràn bờ để lại những tay áo, ve áo và tất cả cái vỏ của thế giới đã chết nằm rải rác dọc theo bờ biển, nơi tôi đang đứng

nhìn đại dương của một buổi sáng đầu tiên sáng tạo.

Đứng trên bãi biển tôi thấy George khờ đang đứng dựa vào tường nhà tiệm lãnh tổng táng. Anh chàng đang đội một mũ lưỡi trai kỳ cục, cổ cồn và không có cà vạt, anh ta ngồi trên chiếc ghế dài cạnh chiếc quan tài, không buồn cũng không vui. Anh chàng ngồi đó êm thắm như một thiên thần bước ra từ một bức họa của người Do Thái. Người trong quan tài, xác còn tươi, mặc một bộ quần áo nhuộm muối và hồ tiêu cũ của George. Hắn có một cổ cồn, đeo cà vạt và đồng hồ đeo tay bỏ trong túi áo gi-lê. George bê người đó ra, cởi áo ra và khi George thay quần áo người đó rồi thì đặt nằm trên nước đá. Không muốn lấy cái đồng hồ, anh ta để đồng hồ trên nước đá cạnh xác chết. Người đàn ông

nằm trên nước đá có chiếc cổ cồn quần quanh cổ. Trời sắp tối, khi George bước ra khỏi tiệm lãnh tổng táng. Giờ anh ta đeo một cà vạt, mặc một bộ đồ mới. Anh ta đang dừng lại một tiệm tạp hóa mua một cuốn sách vui cười anh ta thấy đặt ở cửa tiệm. Đó là truyện của Joe Miller. Dì Melia cũng đứng ở đó chọn những các chúc mừng kiểu Valentine cho bà con. Dì mặc bộ đồng phục xám, tóc rẽ ngôi ở giữa. Dì viết rằng dì rất sung sướng với những người bạn mới quen, đồ ăn thì ngon. Dì muốn họ nhớ mãi món Fast-nacht, họ có thể gửi món đó bằng đường bưu điện không? Dì nói rằng có một vài cây dã yên thảo rất đẹp đang mọc quanh cái thùng rác để ngoài nhà bếp lớn. Dì nói là Chủ nhật rồi dì đi dạo thật xa, dì gặp vô số nai, thỏ và đà điểu. Dì nói bây giờ dì đã khá lắm, nhưng viết chữ cứ xấu hoai. Ai nấy đều tử tế với dì, dì có nhiều

việc phải làm. Dì muốn có món bánh Mardi Gras càng sớm càng tốt, gửi bằng đường hàng không càng hay hơn. Dì có hỏi ông Giám đốc làm cho dì ít bánh đó và mừng ngày sinh nhật của dì nhưng họ quên mất. Dì bảo gửi cho dì ít tờ báo, tạp chí vì dì muốn xem những mục rao vặt quảng cáo. Có một lần dì thấy một cái mũ ở tiệm Blomming Dale nhưng dì nghĩ là nó đã lỗi thời rồi. Họ có thể gửi cái mũ đó cùng với bánh Mardi Gras cho dì được không? Dì gửi lời cảm ơn tất cả vì đã gửi các chúc mừng lễ Giáng sinh vừa qua. Dì vẫn còn nhớ những tấm các đó nhất là những tấm các có vì sao bằng bạc. Ai cũng cho rằng các đó đẹp nhất. Dì nói dì sắp sửa đi ngủ và dì sẽ cầu nguyện cho tất cả những ai đối xử tốt với dì. Chiều trời đã nhò mặt người, luôn vào cũng giờ đó, tôi đứng nhìn mặt gương biển cả. Trời xuống tuyết, không nhanh cũng

không chậm, nhưng có một xác chết nằm trên nước đá, áo sơ-mi cổ cồn và nếu chỉ mình hấn cương dương vật được thì kể là một điều lạ... lạ quá! Trong hành lang tối đen dưới nhà, Tom Jordan đang đợi cụ già đi xuống. Anh ta mang theo hai cô bạn, một cô đang nịt chặt đôi vớ lại. Tom đang giúp cô ta một tay. Cũng vào giờ đó, lúc chạng vạng, bà Lawson đi vào nghĩa trang để nhìn một lần nữa ngôi mộ đứa con trai thân yêu. Bà nói — Jack, cậu con trai yêu quý của bà mới ba mươi hai tuổi đầu đã chết trong lần giao ban đầu tiên bảy năm trước đây. Họ nói con bà bị bệnh tim, nhưng sự thật vì cậu đã ăn nằm với những cô gái điếm đầy bệnh hoa liễu, đến nỗi xác cậu đầy mủ hút ra thối um như phần. Bà Lawson xem như không muốn nhớ những chuyện đó. Bà chỉ biết lo sao mộ con bà luôn sáng bóng như gương, bà luôn mang sẵn một tấm

da linh nai trong xác để lau mộ con bà cho bóng, mỗi chiều.

Cùng lúc nhọ nhem đó, cái xác cứng dơ vẫn nằm trơ trên nước đá, cụ già đang đứng ở phòng điện thoại tay cầm ống nghe, ông đang gọi để dặn là ông không dùng cơm trưa ở nhà, vì phải dẫn khách hàng đi ăn và sẽ về nhà muộn. Đừng có lo gì cả. George khờ đang lật cuốn sách vui cười của Joe Miller. Xa xa dưới đường phố về phía Mobile, người ta đang tập dượt vũ điệu St. Louis điệu Blues, trước mặt họ không có một nốt nhạc nào, người ta cũng sắp phát điên vì cứ phải nghe tái hồi bản nhạc đó. Rồi ai nấy cũng sắp sửa thành kẻ cuồng dâm, nghiện hút, xâm phạm tiết hạnh, be bét vì điệu nhạc mới thoát ra từ hơi nhựa đường. Chẳng

bao lâu nữa, chỗ nào cũng cùng một giờ cả, bằng cách vắn lại kim đồng hồ hoặc treo lơ lửng trên mặt đất bằng một khinh khí cầu. Đó là giờ các chủ tiệm ngồi vào bàn ăn của gia đình, mỗi người làm một việc khác nhau, người thì râu ria xồm xoàm, người thì khâu vá luôn tay. Vào giờ này, thật đẹp quá chừng vì ai làm gì tùy thích. Ái tình và sát nhân, cách nhau vài giờ đã khác hẳn. Ta như thấy tình yêu và cảnh sát nhân như cùng đến với chiều tà: những đứa hài nhi sẽ chui ra khỏi lòng mẹ, thịt đỏ hồng, để rồi sẽ mềm nhão, nhẹp ra trên thép gai, tiếng thét suốt đêm dài, nát ra như xương vụn từ đâu đó hàng ngàn dặm khắp đó đây. Các nàng trinh nữ có máu khoái nhạc Jazz, cú thúc đẩy những tên đàn ông ngu dại xây thêm những bin-đỉnh mới, đeo thêm xích chó vào cổ... Một mầm sống mới đang dâng lên trong lòng tôi: một

thế giới mới sắp khai nguyên, nhưng dù tôi có viết nhanh bao nhiêu thì thế giới cũ cũng không chết kịp được. Tôi lại nghe những tiếng súng máy mới và hàng triệu những bộ xương biết đi nát tan trong chốc lát, tôi thấy chó vô chủ chạy lung tung cuồng dại và chim câu đưa thư có những bức thư buộc ở chân.

Luôn luôn vui vẻ và tươi sáng! Dù là đi về phía Bắc tới phố Delancey hoặc về phía Nam hướng về con đường mù! Hai tay tôi sờ nhẹ vào thân thế giới, ruột nó đang bị cây tung lên, rồi xếp đặt lại, rồi lại tung ra, rồi lại khâu lại, cái cảm giác nóng hổi chỉ có những nhà giải phẫu mới biết, rồi những cảm giác khi sờ vào ung hột xoài, nhọt bọc, ung thư, mụn cóc, bثور thịt... Kim cặp và kim mổ nhọn, kéo, cây cỏ miễn nhiệt đới, thuốc độc, hơi độc đều chứa đựng cả bên trong và được lớp

da che đây thật kỹ lưỡng, cẩn thận. Tình yêu rĩ ra khỏi những ống lớn bị nứt như ga xì hơi, tình yêu ghê gớm với những chiếc găng đen, tình yêu nhai gặm, phì hơi ra, tình yêu ẩn hiện trong những thùng rượu và thổi lửa trong những căn nhà ổ chuột hết đêm này tới đêm kia. Những lão đàn ông đi qua cửa tiệm cha tôi sặc những mùi tình: người họ rùng rục, sặc mùi rượu, yếu đuối, lão đảo chả khác gì những chiếc du thuyền lão đảo, trai tơ, lướt qua tôi lúc trời về đêm và làm giấc mơ tôi thêm trong sáng. Đứng ở trung tâm Nữ Ước, tôi có thể nghe thấy tiếng lục lạc leng keng ở cổ bò, và hơi ng-hiêng đầu một chút, tôi nghe thấy giọng nhạc êm êm của Tử thần nghe kinh hãi, khò khè. Một làn gạch đỏ lại gạch dưới tên một người trong sổ cái và trên những cánh tay áo lại có một băng tang. Nghển cổ cao hơn một chút, tôi thấy tôi cao ngất

hơn cả tòa nhà chọc trời cao nhất, rồi nhìn xuống xem những vết bánh xe của tiến bộ, tàn tiến nhất để lại trên đời. Tôi thấy không có gì là quá khó khăn, chỉ có hơi phiền muộn và ưu tư một chút thôi, ở xứ tôi thôi thì đủ bệnh vô cơ và hữu cơ, kết nối thành một chuỗi dài hết tội ác này, tới tội ác kia. Cuộc đời như một cơn mê cuồng, vui vẻ mà tuổi hai mươi mốt của tôi đã sẵn sàng gỉ sét rồi.

Có lẽ khi tôi không còn trí nhớ nữa, tôi vẫn nhớ mãi cái đêm tôi mắc bệnh lậu và nhớ cái ông già dịch, sau khi no rượu, đã mang Tom Jordan vào ngủ chung giường. Cảnh này thật đẹp và cảm kích! Khỏi bệnh lậu và danh giá gia đình tưởng đã mất mà lấy lại được. Đứng ở đó nữa vì toàn thấy tiếng hò hét, om sòm mẹ cha đang quần thảo nhau trên sàn, chổi gậy bay tung. Đứng ở đó nữa trong

cái giá lạnh buổi sớm mai để nhìn cái cảnh Tom Jordan, chân quì miệng gởi xin lỗi như tể sao thế, mà cái con người theo đạo Luther, tâm hồn chai đá chẳng biết thế nào là thứ tha. Thật là cảm kích và đẹp đẽ khi đọc báo sớm mai thấy tin cũng vào giờ đó đêm qua, người ta đã bắt gặp vị mục sư trong một phòng tối với cậu con trai trần tồ hô ngồi trên đầu gối. Nhưng có chuyện nào cảm kích cho bằng chuyện hôm sau tôi xin phép được coi mắt một bà già đáng tuổi mẹ mình để xin bà làm vợ. Bà già cầm con dao thái bánh rượt tôi chạy trốn chết. Tôi nhớ khi thoát khỏi căn nhà đó, tôi dừng lại ở một kệ sách, cầm lấy một cuốn sách nhan đề «Nguyên ủy của Bi kịch». Thật là kỳ, đêm qua đã xảy ra cái gì cho cái chổi, con dao cắt bánh, bệnh lậu, ông mục sư bị bắt quả tang sôdomít, ung thư lan tràn... Tôi nghĩ rằng, mọi biến cố bi thiết trong

cuộc sống đều đã được ghi chép trong sách vở cả, và nghĩ rằng cái gì lướt qua mặt ngoài chỉ là cái gì rỗng tuếch, nhạt thếch như nước ốc. Tôi nghĩ rằng một cuốn sách hay là một phần bệnh hoạn của khối óc. Tôi không bao giờ nghĩ rằng cả thế giới có thể đồng loạt bị bệnh hoạn.

Đi lên lại đi xuống, tay cắp gói đồ, ta cứ nói rằng đó là một buổi sáng đẹp trời, các ống nhỏ đã được kỳ cọ bóng nhoáng. Tôi lăm băm khi bước vào bin-đỉnh Woolworth «Chào ông Thorndike. Sáng nay đẹp quá ông hỉ? Thưa ông Thorndike, ông có để ý đến áo quần không ạ?» Ông ta cảm ơn tôi rồi ném tấm cạc vào sọt rác. Chả có gì đáng nản. Tôi thử đi vào bin-đỉnh Express «Chào ông Hathaway, sáng này đẹp quá ông hỉ?» Ông Hathaway không cần một thợ may giỏi, ông đã có người thợ chuyên cắt áo quần cho ông

từ 35 năm nay rồi. Ông ta hơi càu nhàu và nghĩ rằng mình có lý, tôi lại lảm bảm xuống thang — một buổi sáng đẹp trời! Chả ai chối cãi điều đó, để khạc vị chua trong miệng ra, và cũng để xem cảnh bến tàu, tôi lại lang thang trên cầu tàu tạt qua thăm một người rất tầm thường tên Dyker. Dyker thì lúc nào cũng bận bịu tíu tít, chuyên ăn cơm dọn sẵn, và để trẻ đánh giầy cho bóng khi đang ăn. Ông ta bị một chứng bệnh thần kinh khi ông ta đang xào khan một con điểm, ông ta nói sẽ còm-măng chúng tôi một bộ đồ mầu muối tiêu, nên chúng tôi không tháng tháng thúc nợ ông nữa. Cô gái mới 16 trắng tròn, nhưng ông ta không muốn phá trinh cô ta. Vâng, tôi đáp! Ngoài ra, ông ta còn cơ vợ, ba con. Ngoài ra ông còn sắp bị đưa ra tòa ở Surrogate.

Khoảng 9 giờ sáng, tôi vội trở về Nữ Ước, tạt vào rạp Burlesk, ở đó người soát vé biết tôi. Ba dãy ghế đầu luôn luôn đầy nhóc những vị thẩm phán và những chính trị gia. Căn nhà tối om, Margie Pennetti đang đứng ở cầu thang tự động, mặc bộ đồ trắng lem luốc. Cô ta có cái... đó thật bự cả tỉnh chả ai bằng, chính cô ta cũng nhận như vậy. Sau suất hát, tôi đi loanh quanh vô chủ đích, dán mắt vào các rạp ciné, các tiệm mỹ phẩm của người Do Thái. Đứng một lúc ở máy xi-nê tự động giá vé một xu, tôi nghe tiếng ngư nữ phát ra từ máy hát. Đời sống như một tuần trăng mật dẫn ta tới nơi đầy kẹo sôcôla, bánh mứt. Bỏ một xu vào máy ciné tự động, tôi thấy người đàn bà đang cởi quần áo trên thảm cỏ, bỏ một xu vào lỗ, tôi lại vớ được một bộ răng giả. Thế giới được tạo thành bằng những phần mới mỗi buổi quá trưa. Những cái

gì bán thì đưa cho thợ giặt, những cái gì dùng thừa lọc ra đem bán ve chai.

Tôi xuống phố qua con đường mòn, qua những dãy hàng lang những khách sạn lớn, nếu thích tôi có thể ngồi đợi xuống hàng lang để xem người qua lại. Ai cũng trong tình trạng canh chừng. Sự việc đang xảy ra chung quanh. Sự căng thẳng đợi mong một cái gì xảy ra thật kỳ thú. Xe như mắc cửi ngược chiều nhau lướt qua mau, xe taxi bóp còi inh ỏi, xe cứu thương rú lên, thợ tán đinh đập búa nhức óc, các cậu bồi mặc áo rất sắc sỡ đang tìm những người nào nhầm tên. Trong phòng tắm ở dưới, người ta nối đuôi nhau chờ lượt tắm. Mọi vật như được dệt bằng những thứ xa xỉ nhất, hương thơm địa đàng, khoái thú. Chối nụ nẩy mầm thật dễ thương, bên lề đường, những đồng báo mới ra

lò, những tí lớn chạy tin những vụ sát nhân, hãm hiếp, cướp bóc, đốt phá, đình công, làm giả mạo, cách mạng. Người ta chen vai thích cánh xuống xe điện ngầm. Một người đàn bà đang đợi tôi ở Brooklyn. Người đó tuổi đáng làm mẹ tôi thế mà đang đợi tôi cưới bà làm vợ. Con trai bà bị bệnh sốt tê liệt nặng, làm bà suốt ngày lẫn quẩn bên giường con. Bà rón rén lên lầu làm tình, trong khi con bà ở phòng dưới ho như xé phổi. Ngoài ra, bà mới bị băng huyết, và tôi không muốn ngủ lại với bà bây giờ.

Giờ chen chúc! Đường hầm quả là một thiên đàng của tự do. Tôi ép sát vào một người đàn bà đến độ tôi cảm thấy cái rậm rạp của bà ta. Ép sát quá tới độ cái sự đời của tôi cắm ngay eo bà. Bà ta nhìn thẳng vào cái vết nhỏ ở mắt trái tôi. Nhờ lách người đi, tôi để thật sát cái đó...

vào eo bà. Xe lửa xóc lên, xóc xuống, eo bà ta lại càng cà dũ vào... đó. Rồi, dù có thừa người, bà ta vẫn cứ đứng ì xác ra đó, bà ta vẫn cứ ưỡn người ra và mắt bà vẫn nhìn vào vết mắt trái tội. Tới hành lang Borough, bà ta xuống xe, không thềm ngó mặt tôi. Tôi theo dính bà ta tới phố, thầm nghĩ bà ta có thể quay lại hoặc ít ra nói «chào ông», hoặc để tôi mua cho bà một bánh sôcôla lạnh vì tôi còn dư tiền mua mà. Nhưng không, bà ta mất hút như một mũi tên và không thềm quay mặt lại. Tôi không biết tại sao người ta có thể làm như vậy. Hàng triệu, hàng triệu người cứ hàng ngày đứng đó, không mặc áo ngoài để xào khan như vậy. Kết cuộc ra sao? Tắm gội? Kỳ cọ? Mười người thì đủ cả mười một đều lao mình xuống giường rồi “may tay” vậy.

Dầu sao, cứ vào buổi chiều, khi tôi đi lên đi xuống đường hầm thì cái khốn nạn đó cứ cứng đờ ra đến độ rách cả quần. Đám đông càng ngày càng đông. Bầu trời rực sáng với những ánh đèn quảng cáo, món nào cũng bảo đảm tuyệt hảo tăng sức khỏe, bền bỉ, ngon tuyệt, êm như ru, chống mưa, không thể bị phá hủy, mới nhất, không thể thiếu trong cuộc sống... nào ai có biết đâu rằng đời sống đã không thể chịu đựng được từ lâu vì làm gì có đời sống cơ chứ! Đúng giờ đó, cụ Henschke rời tiệm may tới câu lạc bộ chơi bài bên kia phố. Đó là một việc vặt cụ phải làm tới hai giờ sáng. Việc chả nhiều nhận gì — chỉ việc cầm mũ, áo của những khách trưởng giả treo lên mắc, bưng đồ uống, đổ những gạt tàn thuốc lá, cho quẹt vào hộp quẹt cho đầy.

Thật ra đó là một công việc vui vui vì phải để ý từng tí một. Khoảng nửa đêm, thì sửa soạn đồ uống cho những người trưởng giả đó, nếu họ muốn. Dĩ nhiên cũng phải dọn ống nhổ và chậu rửa mặt. Nhưng thường những người trưởng giả không xài những thứ đó. Luôn luôn phải tiếp thêm bơ và bánh ngọt để nhấp nháp, đôi khi cả những chén hạt mít rượu Porto. Thỉnh thoảng có cả thịt nguội. Dân trưởng giả chính hiệu thường hút những loại xì gà tốt nhất. Và thật ra đó là một công việc hết sức thích thú.

Tới giờ cơm chiều. Đa số các tiệm may đều đóng cửa. Có một số rất ít chủ tiệm không biết làm gì trong giờ rảnh rỗi đành giở lại những chồng sổ cũ để qua thời giờ trong khi chờ khách hàng tới lấy đồ. Họ cặp tay sau lưng đi đi lại lại. Mọi người đều đã đi cả, ngoại trừ ông chủ

tiệm, có khi ông thợ cắt và thợ sửa quần áo. Ông chủ miên man nghĩ không biết là ngân phiếu có đến đúng lúc không để trả tiền phở ông lẩm nhẩm «tại sao... ông đó... ừ phải... tại sao lại chắc rằng... vâng... tôi nghĩ rằng có lẽ cao hơn một chút thì hay hơn... vâng, vâng, bác nói đúng đấy ạ... Vâng, chúng tôi sẽ sửa bộ đồ đó lại trong vài hôm nữa là xong... vâng vâng... Ông Ất ông Giáp... gì đó vâng vâng vâng... đồ may xong rồi chưa ủi, còn treo trên mắc. Chốt cửa đã sẵn sàng để trên bàn. Chỉ còn đèn ở phòng thử là còn cháy. Bỗng tiếng chuông điện thoại reo lên. Ông cụ già bên kia đầu dây nói, cụ không thể đợi lâu được nữa phải đưa ngay bộ áo dạ cho cụ, bộ có nút mới cụ mới lựa chọn tuần rồi. Người thợ cắt chụp mũ lên đầu khoác áo mantô (manteau) vào rồi chạy bay xuống cầu thang để dự một cuộc họp của người Do Thái

ở Bronx. Còn lại một mình ông chủ tiệm may để đóng cửa tiệm và tắt tất cả những ngọn đèn nào quên chưa tắt. Rồi chính ông chủ tiệm cũng đích thân mang bộ đồ ông cụ mới gọi điện thoại mang tới, ông không nệ hà gì vì chính ông cũng muốn dàn xếp vài công chuyện vì không ai khôn khéo hơn. Không ai trông có vẻ giàu sang bằng ông chủ tiệm đi giao đồ cho ông Ất Giáp gì đó... Vui vẻ hợp thời trang, đôi giày bóng láng, tóc gội sạch, găng tay thơm phức, râu mép tỉa khéo... Chỉ khi bắt đầu ngồi ăn cơm chiều ông mới thấy lo lo, không biết ngày mai có hàng làm không, ngân phiếu có đến không. Có khi tới 10 giờ ông đã đi ngủ vì thấy buồn ngủ, nhưng khi đặt lưng xuống lại thao thức không ngủ được.

Đi bộ trên cầu Brooklyn... Phải chăng thế giới này, cái cảnh kẻ đi người lại

chen chúc, những bin-đỉnh sáng trưng ánh điện, đàn ông, đàn bà đi lướt qua? Tôi nhìn đôi môi họ mấp máy, đôi môi những người đàn ông, đàn bà đi qua tôi. Họ đang nói gì vậy — có một số người nói hăng hái lắm. Tôi đại ghét những người có vẻ mặt nghiêm nghị quá, trong khi tôi là thằng tồi hơn ai hết. Một đời sống. Sống có một đời: nhưng có hàng triệu hàng triệu lối sống. Tôi chả có gì để nói về đời tư tôi cả, chả có gì cả. Có lẽ tôi đã không có lòng can đảm. Tôi phải trở lại gặp Jane để dẫn cô đi phố với tôi và đến gặp ông Thorndike để đái vào mặt ông ta. Có lẽ tôi phải đứng ở Công viên Times đái một phát. Có lẽ tôi phải cầm khẩu súng sáu bắn tưới vào lũ đông, ông già đang hướng dẫn cuộc đời cho Reilles, người bạn nổi khổ của cụ. Tôi đi đi lại lại, mặt xanh mét vì giận dữ và ganh ghét. Khi tôi trở lại thì thấy bà già đang khóc

như muốn vỡ tim. Tôi ghét cái lối khóc như vậy lắm. Kẻ thì trộm cắp của tôi, kẻ thì phạt tôi. Làm sao tôi có thể đi sâu vào tâm hồn bà, an ủi bà và điều tôi muốn hơn cả là làm sao bóp nát tim bà? Đi dọc theo đường Bowery... và một bãi cỏ xanh đẹp vào lúc đó. Ma cô, đầu bếp, bọn ăn mày, ăn xin, chiêu đãi viên, kẻ cướp dân Tầu, bọn lưu dân Ý, bọn bợm nhậu. Ai nấy đều bù đầu đi tìm xem có cái gì cho vào lỗ miệng và một chỗ ngả lưng. Đi nữa, đi mãi và đi mãi. Năm nay tôi hai mốt tuổi, nước da trắng, sinh trưởng ở Nữ Ước, người to lớn, thông minh có thừa, giống tốt, không có tật xấu v.v... chả phạm một tội hình nào cả, trừ một tội bị sinh ra ở đây thôi.

Xưa kia, mọi người trong gia đình tôi đều phải làm việc bằng chân tay cả. Tôi là thằng con hoang, mồm miệng đỡ

chân tay giỏi, tâm hồn bản vô cùng. Một cái rác bồng bênh trong lũ đông; cả đời chỉ thấy may với vá, may đi may lại, may tái may hồi. Tối đến thì bật đèn lên, tắt đèn đi, tắt tắt, mở mở. Đôi khi đó là một sợi cao su, đôi khi là một miếng kẹo cao su. Có cái buồn là chẳng ai biết nỗi buồn hằn lên mặt tôi. Ngày ngày, người ta cứ lướt lướt qua nhau, mà chẳng ai nhận ra nhau cả. Đèn rung rinh nhẹ như những chiếc kim điện. Nguyên tử đang lao đầu vào ánh sáng và sức nóng. Một đám cháy đang tiếp tục bên dưới thủy tinh và không có gì bị cháy cả. Người ta vật gẫy xương mình, làm vỡ óc ra để sáng chế một cái máy mà đứa bé nít cũng sử dụng được. Nếu tôi thấy một đứa trẻ nào làm vỡ chiếc máy này, tôi sẽ đưa thêm cho nó cái búa và bảo đập nát đi! Đập nát đi!

Đập nát đi! Đập nát đi! Đó là điều

tôi muốn nói. Ông già đang đi dạo trên chiếc xe ngựa bốn bánh. Một người bạn nổi khố ngồi bên cụ và một lít quít-ky đeo ở lưng quần. Ngón tay tôi đang vẫy ra hiệu. 20 tuổi đầu rồi mà mỗi ngày mỗi tôi tệ đi, thật ghen ngào. Trong 20 năm trường chả thấy ai là kẻ chờ đợi tôi, chào đón tôi một cách đầm ấm. Những bạn thân giờ đây mỗi đứa mỗi phương xẻ nghé tan đàn. Quanh tôi chỉ thấy cảnh sắt đá, vô tình vây phủ, vĩa hè ngày càng trở nên cứng rắn hơn. Thế giới mới ăn gặm tôi tàn tạ. Chả bao lâu nữa, tôi cũng chẳng còn được cái tên nữa.

Có một lần tôi nghĩ rằng ở tiệm may này có dành riêng cho tôi những điều lạ lùng. Dẫu tôi không xây được lâu đài trong không, một lâu đài thuần bằng nước tiểu trắng cao ngất vượt mọi bin-đinh cao nhất, giữa những vật khả giác

và bất khả giác, như đặt tôi vào một thế giới của âm thanh mọi vật cứ theo nhau sụp đổ, nhưng trong thế giới đó, tôi có thể tránh được mọi phiền nhiễu, cao cả, linh thiêng, hết sức linh thiêng. Chính tôi, thằng con của bác phó may đã nghĩ tưởng ra chuyện đó. Tôi chỉ là một cái hạt của một cây vĩ đại vô cùng. Trong cái vỏ mong manh của cái hạt đó, tôi nghe được cả những rung chuyển tế vi nhất của Trái đất. Tôi là một phần của thân cây vĩ đại, một phần của quá khứ, với đỉnh cao và đường nét, và kiêu kỳ, kiêu căng. Khi rớt bịch xuống đất, và khi đã bị vùi nông một nắm, tôi nhớ ra tôi là ai, ở đâu mà đến. Giờ tôi đã bị lạc hướng, lạc mất rồi, bạn có nghe thấy không. Tôi đang gào thét, tru tréo. Bạn có nghe thấy không? Hãy tắt đèn đi. Đập nát những bóng điện đi! Giờ đây nghe tôi không? Bạn nói: anh nói to lên! To lên! Lạy Chúa

Ki-tô, Chúa nghe tôi không. Ngài có đùa giỡn với tôi không đó! Ngài có cầm, điếc, mù hay không? Tôi có phải lộn đầu xuống đất không?

Được! Tôi đang sửa soạn nhảy múa cho bạn coi. Anh em ơi, tôi là con quay, hãy để nó quay mãi, quay tít, không bao giờ ngừng. Hãy thí cho nó một đôi quần nỉ đặc biệt khi bạn đang dự cuộc vui. Và đừng quên nhé, chớ để tôi mặc quần trái. Bạn có nghe thấy tôi nói không? Nào chúng ta đi! Luôn luôn vui vẻ và tươi sáng!

HẮN

Hắn sống trong một căn vườn rậm rạp đầy lau lách và những cây có gai nhọn, những cây bách hương, bao bá: một thứ cảnh gây một ấn tượng buồn nôn với những hình kỷ hà kỳ quặc thường thấy nơi những lều của dân mọi Buxtehude. Ta đi qua căn nhà lâu có một người canh cổng rìa mép cong trông giống một nhân vật trong vở kịch Ouida. Họ sống ở tầng lầu ba trông giống như một chòi canh có những thanh cửa

sổ dọc có khắc hình những con chó xù và những con cừu mập mập. Trên nút nhận chuông thấy có ghi dòng chữ «Jabberwhorl Cronstadt, thi sĩ, nhạc sĩ, nhà thực vật học, nhà thiên văn, nhà ngôn ngữ học, nhà đại dương học, nhà sưu tập quần áo và cổ cồn cũ». Dưới hàng chữ đó viết thêm «Xin chùi chân và hỉ mũi!» Dưới nữa gài một bông hồng bé nhỏ lấy ở một áo cũ ra.

Tôi vẫn thường nói với Bey, một anh bạn thân rằng «Tất cả những cái đó toát ra một cái gì kỳ lạ. Có lẽ hấn lên cơn rồi đó không chừng». Sau khi nhấn nút chuông, chúng tôi nghe thấy tiếng trẻ khóc ré lên. Cuối cùng thấy Katya ra mở cửa, đứng đằng sau nàng là thằng bé Pinoc, người gầy nhom, tay cầm chiếc cà-rem. Pinoc nói: «Mời bác vào phòng khách, ông chủ còn đang thay đồ ra ngay bây giờ.» Tôi

hỏi: «Liệu có lâu không, vì tôi cũng chỗ quen biết mà.» Nàng nói: «Dạ, không lâu đâu vì đã mặc cả giờ rồi. Bác thế nào cũng được xem bài thơ mới nhất ba cháu mới làm để chỗ bàn lò sưởi kia.» Trong khi Bey cởi giấy ra, Pinoc cười hình hích và nói có gì mà lạ, đều cũ rích cũ ràng cả rồi. Bác có bao giờ đọc truyện một cô gái làm biếng đến độ lấy cuống chiếu xĩa răng chưa? Truyện đó ba cháu đọc cho cháu nghe ở một cuốn sách to và cũ lắm rồi. Trên lò sưởi chả thấy bài thơ nào cả, ngoài một lỗ những đồ lặt vặt nào là cuốn «Phân tích tâm trạng buồn», một vỏ chai rượu Pernod, cuốn «Biển khơi», một mẫu kẹo thuốc lá, kim gài đầu, một bản đồ thành phố, một ống tiêu bằng đất nung, cái máy cuộn thuốc lá, những thực đơn cũ, vài danh thiếp, giấy vệ sinh, hộp quẹt... gặp Cunt lúc 4 giờ... cái lăng kính... của Michelet, bệnh lao phế học...

Nếu lễ Phục sinh nhằm đúng ngày lễ các bà mẹ, để ý xem phản ứng của nước Anh cổ... từ máu huyết của ngài, sinh ra các người kế vị ngài...

Chiếc dương cầm kê ở một góc phòng, trên có để những chân nến bằng bạc, chiếc chìa khóa đen bị chó gặm. Cạnh đó vô số những cuốn album có dán ảnh nhạc sư Beethoven, Bach, Liszt, Chopin, những giấy bạc cũ sưu tập, bộ đồ đánh móng tay, quần cò, đá hoa cương và những đồng xèng. Lúc vui vẻ, Cronstadt sẽ mở tập nhạc có ghi chữ «Goya» chơi những bản nhạc viết gam Đô trưởng, ông ta có thể đờn bất cứ loại nhạc gì từ nhạc kịch, minuet, rondo, saraband, dạo nhạc, nhạc đuổi nhau, valse, nhịp đi, ông ta có thể chơi cả nhạc của Czerny, Prokofief hoặc Granados, cũng có khi bất thần sáng tác và huýt sáo

một bài điệu Provençal, nhưng phải gam Đô trưởng. Như vậy thì dù có bao nhiêu phẩm nhạc đen bị mất, dù con chó lông xù có được ăn hay không, dù nút chuông điện có hỏng, phòng tắm không nước, chân nệm đổ, thơ không sáng tác nổi, nước bị cúp, con ở có say mềm, bát chén không rửa, quần áo dơ dáy, thùng rác thối um, giường cũ ọp ẹp, hoa tàn, sữa ôi, chậu rửa bát đầy mỡ nhờn, giấy hoa trên tường phai màu, có mối nới cũ, tai họa có xảy tới, hôi miệng, tay cứng đờ, tuyết không tan, bàn đạp đàn hỏng... cũng chả sao cả, miễn là bài nhạc phải ở gam Đô trưởng và ta cũng có thói quen sống một cuộc đời Đô trưởng như vậy.

Bống cửa mở ra, nhưng là một con vật lông mượt, ria mép cứng, nét đi thật uyển chuyển: con mèo Mun. Con mèo đực, lông đen mượt, hai dịch hoàn lớn

nằm khuất dưới cái đuôi dễ thương. Nó đi đường bệ như một con báo đen, hai chân trước nó giơ lên được như con chó, vẻ nhìn thật cú vọ. Tiếng Cronstadt vọng qua cánh cửa. «Chờ tôi chút nghe, tôi đang bận đồ, hà hà.» Đến lượt Elas tới, cô ta đặt cái khay có những chiếc ly đỏ màu máu trên bàn lò sưởi. Con mèo cong đuôi lên, ngoeo ngoeo, cà cà vào người cô ta, rồi gù gù, rìa mũi nó có dính ít bụi tiêu cay, đầu mũi nhọn như đầu đạn. Súng sáu. Nó trườn mình ra mềm mại như con cá không xương. Nó cào cào xuống thảm, và quào giấy hoa dán tường, rồi nằm tròn lại, uốn cong như một triều thiên, giữ bụi ở đuôi và ở ria mép ra. Nó đứng mơ màng như làm thơ giữa sàn, hình như nó đang ngâm nga một bài hát gam Đô trưởng rất khoái trá. Đôi mắt đỏ ngầu như hòn bi ve, sắc bén, dữ tợn, rồi trở thành xanh lè, rồi mầu

nâu đất, xanh lơ nước sông Nile. Nó có vẻ lo lắng sợ sệt, hay chọc ghẹo, nó liếm rạt rạt và nháp nháp.

Giờ thì Anna vào, cô ta mang rượu cognac, hạt tiêu đỏ, rượu mạnh, một chai xốt. Có một đàn mèo con giống Temple cùng kéo vào với Anna, nào là con Lili, con Mina, con Kiukiu. Con nào cũng mèo đực cả, có cả con mẹ đi theo. Chúng lăn cù trên sàn nhà với những cái đầu bé nhỏ, nhăn nheo, vờn nhau một cách triu mến. Giờ đây thì chính thi sĩ xuất hiện và hỏi mấy giờ rồi, mặc dầu danh từ thời giờ là tiếng ông ta đả kích nặng nề, thời gian, bà con của tử thần. Tử thần là nghiệm số vô tỉ và thời gian là đồng loại. Lúc này là lúc đóng kịch, pha một chút dầu ô-liu vào rượu để dễ tiêu. Ông thi sĩ nói «Thời giờ, thời giờ, chip!» rồi ông ta cho ít tiêu đỏ vào rượu cognac.

Cái gì cũng có thì giờ của nó, mặc dầu tôi ít dùng tiếng thời giờ, vừa nghĩ thế, tôi nhìn cái đuôi con mèo Mun có buộc sợi chỉ, ông ta gãi lưng sồn sột và thêm rằng phòng tắm vừa mới được lát bạc xong.

Vào đó ta có thể thấy y hết hình phòng tắm trong cuốn *humanité*. Ông nói với Bey «ông bạn bánh trai quá» vừa nói xong, cửa lại mở và Jill đi vào, anh chàng mặc bộ quân phục Hy Lạp màu xanh sông Nile. Cronstadt nói «Bác có nghĩ rằng cô ta đẹp không?» Mọi sự bỗng trở nên đẹp ngay cả Jocatha sỗ sê chuyên thủ dâm bằng trái bồ đào, trái chanh hoặc trái vải. Thổi kèn lên và thọc léc cho vui. Cronstadt bị đau ở bụng vì bà vợ mỗi tháng cũng bị đau một lần đều đều như mặt trăng. Khi bị đau, ông ta nằm dài ra, dán cao vào bụng cho khỏi, nhưng không có gì khỏi đau được trừ

cognac và tiêu đỏ để làm cho bắp thịt dạ dày co bóp mạnh. Ông ta nói «Tôi gửi bạn ba lời thôi.» Khi con ngỗng đang được chiên trên chảo mỡ: kỳ quái, phù thũng, lao phế. Jill nói «Sao bác không ngồi xuống, ông ta đang lên cơn rồi đó!» Con mèo Lili đang nằm ườn trên tập nhạc 24 bài dạo nhạc. Cronstadt nói «Tôi đồn một bản nhanh» và mở nắp đập đàn ra và bắt đầu «plink, plank, plunk!» Ông nói «Tôi chơi theo lối trémolo (tiếng đàn run run), ông chụm ngón tay bàn tay phải lại rồi đánh mạnh vào chìa khóa Đô màu trắng ở giữa bìa sách cùng những cờ và bộ đánh móng tay cùng những hóa đơn chưa trả tiền, tay cứ run lên bần bật như người say rượu, ông nói «Kỹ thuật phải vậy!» Mắt ông bỗng xanh lè và lạnh như sương giá. Chỉ có một thứ có thể đi nhanh bằng ánh sáng đó là thiên thần. Cần phải 1000 năm ánh sáng mới tới

được hành tinh Uranus, ở đó chưa có người và cũng chẳng có ai tới đó được. Đây là tờ báo Chúa Nhật ở Mỹ gửi sang. Mấy bạn có biết người ta đọc báo Chúa Nhật thế nào không? Trước hết xem hình ảnh, rồi đến những truyện vui, tin tức thể thao, tạp chí, kịch trường, điểm sách và các tí lớn. Tin tức rút gọn, rao vặt. Ta hãy định nghĩa những tiếng ta dùng và ta sẽ chẳng bao giờ xài tiếng như là thời gian, cái chết, thế giới, linh hồn. Mỗi chữ đều có sai lầm và sai lầm càng lớn thì con gà hóa con vịt. Chỉ có thơ là một cái gì không khuyết điểm, miễn là ta biết mấy giờ rồi. Mỗi bài thơ là một cái mạng nhện, nhà thơ rút tơ chẳng mạng chung quanh mình đúng y theo sự tính toán theo kỹ hà học của mình. Nó luôn luôn trung thực vì nó tự trong mà ra, từ trung tâm mới ra tới ngoại vi... Điện thoại reo...«Pythagore đúng... Newton...

đúng... Einstein đúng...Jill nói «Anh trả lời điện thoại giùm đi.»«Alo! Vâng, đây là Cronstadt đây. Còn quí danh ông là gì ạ? Bimberg? Vâng. Tôi nghe, ông có nói được tiếng Anh không ạ? Vâng, tôi nói được... Gì ạ? Vâng. Dạ, có phòng tắm, nhà bếp và phòng rửa mặt nữa ạ... Dạ, toilette cũng thường thôi. Dạ, đâu phải. Ở phòng riêng biệt. Dạ, có lần ông đã dùng rồi ạ. Ông thích cái đó, bằng bạc hay bằng vàng lá? Cái gì ạ? Không, phòng toilette đó. Ở đây chỉ có một người di cư ở Munich tới. Tị nạn hả! Hitler! Hitler! Dạ hiểu! Dạ đúng đó ạ. Vâng, hắn ta có xăm hình chữ vạn màu xanh ở ngực... Cái gì ạ? Ông nghe rõ không ạ, nếu nói là áp-phe thì cũng như nói phải trả tiền mặt. Vâng! Công việc ở đây đều làm thế cả. Trả tiền mặt, phải trả tiền mặt. Người Pháp ít tin ở các ngân phiếu. Tuần rồi có người trả ngân phiếu 750 Frs. Ở một

ngân hàng Hoa Kỳ. Cái gì ạ? Vâng, nếu không thích người đó, tôi sẽ tìm cho ông một người khờ khờ. Dạ, bây giờ cũng hết rồi, nhưng chúng tôi có thể tìm cho ông được.Ồ chừng 100 Frs thôi. Có vô số phòng ở lâu ba. Cái gì ạ... không... không... không.Ồ đừng để những cái đó ở đó. Thưa ông Bimberg, ông vẫn nghe đấy ạ? Ông nên nhớ rằng bây giờ đang ở Pháp. Vâng, đúng vậy... Khi ở Rome lại khác, ông vẫn nghe rõ đấy chứ. Sáng mai ông vui lòng gọi lại cho tôi. Giờ tôi đang ăn trưa. Cái gì ạ? Vâng. Trả tiền mặt. Chào ông!»

Gác điện thoại lên ông nói:

– Anh thấy không, ngồi ở nhà mà chúng tôi làm việc ghê lắm. Địa ốc mà. Mấy bạn như sống trong thế giới thần tiên, các bạn nghĩ rằng văn chương là tất cả. Quý bạn ăn văn chương như trong

nhà này chúng tôi ăn thịt ngỗng vậy. Ủa, thịt ngỗng xong chưa nào. Anna! Cô đi đâu đó, chưa xong à. Bực, thật bực. Ba cô ả di cư. Tôi chả hiểu mấy cô đó ở đâu tới đây. Có người cho họ địa chỉ của chúng tôi. Mấy cô đều đẹp, khỏe mạnh, nhiệt thành, thịt chắc nịch. Ở Đức họ không có chỗ nào để ở cả. Einstein thì bận viết những bài thơ về ánh sáng. Còn mấy cô này muốn tìm việc làm để sinh nhai. Mấy bạn có biết ai cần người làm không, giới thiệu cho đi. Mấy cô đó đẹp, có học. Nhưng phải cả ba cô mới làm nổi bữa cơm. Katya thì khá hơn cả vì còn biết cả ủi quần áo. Cô Anna này hôm qua có mượn tôi chiếc máy chữ bảo là muốn đánh máy một bài thơ. Tôi nói tôi không mượn cô để cô làm thơ. Nhà này, nếu có thơ để làm thì phải là tôi. Còn cô phải học cách bếp núc, nội trợ, mạng vớ áo rách. Cô xem có vẻ buồn bực. Tôi nói «Anna,

cô nghe tôi đây. Cô đang sống trong thế giới tưởng tượng. Thế giới này chả cần bài thơ nào cả. Thế giới này cần bánh và bơ. Cô có thể sản xuất được thêm bánh và bơ không? Thế giới này chỉ muốn có vậy thôi. Cô hãy học thêm tiếng Pháp để giúp tôi việc văn phòng Địa ốc. Ủ, người ta phải sống chứ. Buồn cười thực. Nhưng thực tế nó như vậy đấy cô. Đời đã mãi như vậy rồi và đã mấy ai tin được như vậy đâu. Đời là để cho tương lai... cho hành tinh Uranus... còn lâu. Chẳng ai có thể thám hiểm được Uranus, thế nhưng ai cũng ham. Người ta phải có an cư mới lạc nghiệp, phải ăn bánh, ăn bơ. Để cho tương lai. Quá khứ là như vậy đó, tương lai cũng thế. Còn hiện tại? Một cái gì khác hẳn. Có một tiếng gọi là thời gian nhưng ta không đủ lực định nghĩa. Có một quá khứ và một tương lai, nhưng thời gian trôi qua như một dòng điện.

Hiện tại là một hoàn cảnh đầy tưởng tượng, một giấc mơ, như mơ. Tôi dành cho cô một lời: tôi sẽ biến cô thành hiện tại. Hãy viết một bài thơ về hiện tại.

Tôi bận quá... bù đầu vì địa ốc. Cần có thịt ngỗng và nước sốt ngon... Jill, anh nghe tôi đây. Anh có biết hôm qua tôi kiếm cái tiếng gì không?— Jim nói nhanh: Omoplate phải không?— Không phải. Đúng bắt đầu là Omo... omo...— Omphalos?— Không phải. Omo... omo...— À đúng rồi. Omphagia nghĩa là Thói hay ăn thịt sống. Đúng. Đúng.— Đúng tiếng đó, anh có thích nó không? Chả thích cũng phải thích. Thích thì nhớ lấy. Sao, mời anh uống rượu. Jill, anh có nhớ bữa rượu cocktail hồi nọ mình uống ở quán thẳng bồi câm không? Anh có thể tưởng tượng được rằng rượu trộn với đá không? Dầu sao tôi thấy anh luôn nghĩ rằng vẫn

chương là một cái gì thiết thân của anh. Không phải thế đâu. Đó chỉ là thuần văn chương, tôi cũng làm văn được, nếu tôi không bận chân vì mấy cái cô di cư này. Anh muốn biết hiện tại là gì phải không? Cứ nhìn vào cái cửa sổ kia. Không, kia kia. Đó, đó. Hàng ngày, họ ngồi ở cái bàn kê sát đó đánh bài — chỉ có hai người thôi. Nàng thì luôn mặc áo đỏ, còn chàng thì luôn làm chân đảo bài. Đó là hiện tại. Nếu thêm một tiếng nào khác thì có thể biến thành thể tiếp tục pháp...» Jill vụt nói Jesu lạy Chúa tôi, để tôi xem mấy cô này đang làm gì nào!— Đứng đứng. Mấy cô đang đợi đến giúp một tay đó. Mấy cô mới học được rằng đây mới là thế giới đích thực. Tôi muốn mấy cô đó phải hiểu vậy. Sau đó, tôi sẽ tìm việc cho các cô. Tôi thiếu gì việc. Trước hết, các cô phải biết nấu cơm cho tôi ăn đã. Elsa nói «Dạ thưa ông chủ, cơm đã sẵn sàng cả rồi ạ. Mời

quí ông vào trong ạ.»— Anna, Anna, em bung những chai này vào trong đặt lên bàn nhé. Anna nhìn Cronstadt một cách vô vọng «Sao cô đứng ì ra đó. Mấy cô đó chưa học tiếng Anh. Không biết giờ tôi phải xử sự với mấy cô đó thế nào? Anna, lại đây. Cô giúp họ một tay đi. Cô rót cho một ly đi, khờ quá!»

Phòng ăn đèn sáng dịu dịu. Trên bàn có một chân nến có chao đèn. Chúng tôi vừa vào bàn ăn, chuông điện thoại lại reo lên. Anna cầm ống nghe lên mang lại chỗ Cronstadt ngồi, ông quát lớn «Alô! Alô!» tay ông vịn về chiếc dây điện thoại, «Vâng, vâng, thưa bà, Cronstadt đây và quí danh của bà là gì ạ! Vâng ạ, có một phòng khách, nhà bếp, hai phòng ngủ, một phòng tắm, một nhà cầu, nhà trệt... Vâng, thưa bà... Dạ, không mắc đâu ạ. Không mắc chút nào cả. Ta có thể dàn

xếp được mà... Vậy à, tùy ý bà... mấy giờ ạ? Vâng, hân hạnh lắm. Sao ạ? Bà vừa nói gì? Dạ không? Trái lại thế. Vâng thật là một hân hạnh lớn lao... «Vâng, chào bà ạ.» Cúp điện thoại... «Dạ thưa bà có ngay. Bà có thích được gãi lưng, đấm bóp nữa ạ? Bà có dùng cà phê sữa không?» - Jill nói «Này bác, bà nào đó vậy? Sao anh có vẻ la bà ta dữ vậy. Vâng, thưa bà? Bà ta còn mượn ông đi mua đồ uống nữa hả?» Quay lại chúng tôi. «Mấy anh có thể tưởng tượng được không, hần ta dẫn một cô đào hát lại đây hôm qua lúc tôi đang tắm... đã từng làm điểm ở Casino Paris... cô ta đã từng chuốc rượu hần say mềm...» «Jill, anh nói sai cả rồi. Thế này này... Tôi có cho cô ta thuê một căn phòng đẹp lắm có một bồi phòng cầm và cô ta lại nói tôi chỉ giùm cho cô ta biết một bài thơ tiếng Pháp thật hay, tôi đã mang đưa cô xem và cô hứa sẽ in ra

bằng tiếng Bỉ.— Sao lại in bằng tiếng Bỉ vậy?— Vì cô ta người Bỉ.— Khi in bằng tiếng Bỉ thì có gì khác khi in bằng tiếng Pháp. Có thể là in ra được đó, nhưng chả ai thèm đọc.— Nhưng sau cô ta lại nói vậy, cô ta nói như không kịp nghĩ?— Sao không hỏi tôi. Có thể vì bài thơ đó hay, tôi nghĩ vậy. Tại sao lại thích in thơ?— Cũng chả biết nữa.— Xem xem! Cô ta chẳng tin tôi đâu!— Dĩ nhiên, tôi cũng chả tin cô ta. Nhưng có điều là nghệ sĩ, vũ nữ, hoặc cái gì dính dáng đến Pháp, mặc jupe lịch sự là tôi chém kỹ. Nhất là cái người thuê đó lại đòi in thơ của mình nữa!— Ấy đấy, chính là lý do tại sao tôi mở văn phòng địa ốc... Nào, ta đi ăn thôi... Xem xem mấy cô làm ăn sao đây. — «Ông ta hòa thêm ít rượu cognac và hồ tiêu đỏ. Jill nói, «Tôi nghĩ là đủ rồi bác. Jesu lạy Chúa tôi, hôm nay bác tiếp bao nhiêu người như vậy rồi.»— Kỳ cục

hả. Tôi vừa cho cô ta mượn nhà xong — trước lúc anh tới đây. Jill nói «Jesus lạy Chúa tôi, thịt ngỗng đâu rồi. Để tôi vào xem xem mấy cô làm sao đây?» Cronstadt nói: «Đừng bác ạ,» rồi ấn ông ta ngồi vào chỗ cũ, «ta cứ đợi chút nữa. Có lẽ thịt ngỗng sẽ không bao giờ được dọn lên đây chẳng. Nhưng chúng ta cứ đợi, cứ đợi... chờ đến khi nào đĩa xúp nhần trơn, đèn cây tắt lụn và màn cửa... Ta cứ tưởng tượng mình đang ngồi đây và có người đang xây tường bít chung quanh chúng ta... Ta ngồi chờ Elsa mang thịt ngỗng lên, chờ thời gian trôi qua, trời tối dần, và ta cứ ngồi đây hết ngày này sang ngày khác... Anh có thấy những cây nến này không? Ta ăn được chứ. Cả những bông hoa đàn ghita, ăn tuyệt. Ta ăn ghế, ăn tủ đựng chén bát, ăn đồng hồ báo thức, ăn mèo, ăn màn cửa, ăn hóa đơn, ăn bộ đồ ăn bằng bạc, ăn giấy dán tường, ăn

những con gián núp trong giấy. Chúng ta ăn phần chúng ta và ăn cái thai nhi mới mà Jill đã gởi trong bụng cô ta... Ta ăn thịt lẫn nhau...» Đúng lúc đó thì Pinoc bước vào để chào «Thưa ba con đi ngủ ạ!» Đầu bé cúi gằm xuống vẻ nhìn kỳ dị.

Jill nói «Sao cô em có chuyện gì, mà xem có vẻ lo lắng bối rối vậy?» Cô gái đáp «Em cũng chả biết nữa. Có một điều em muốn hỏi ông, nhưng rắc rối lắm. Em cũng không biết em định hỏi gì nữa...»- Cronstadt nói «Có gì mà rắc rối, cứ nói phăng ra xem sao nào. Em biết hấn mà. Cứ nói đại ra xem nào.»

Cô gái cúi gằm mặt, hơi liếc nhìn người cha một cách dè dặt, rồi bỗng nhiên òa lên «Cái gì vậy ba. Sao cha con mình ở đây hoài? Cha con mình không thể có một thế giới riêng biệt sao? Đây đâu phải là nơi độc nhất cha con mình

ở không? Đó là điều con muốn biết đó ba?»

Cronstadt hơi ngạc nhiên một chút, nhưng vẫn thản nhiên như không, uể oải nâng ly cognac, thêm hồ tiêu đỏ rồi trả lời cách mơ hồ. «Trước khi ba bắt buộc phải trả lời câu nói đó, thì con phải định nghĩa lời con nói đã.» Đúng lúc đó có tiếng huýt sáo vọng lên ở ngoài vườn. Cronstadt nói «Mowli đó, bảo nó lên đây.» Jill thò đầu ra cửa sổ nói vọng xuống «Lên đi.» — không có tiếng trả lời. Jill nói «Có lẽ hấn chuẩn rồi. Tôi không thấy hấn đâu cả.» Giờ thì có một giọng đàn bà vọng lên «Anh ấy say, trời ơi! Say quá!» Cronstadt hét lên «Bảo mang nó vào nhà đi. Bảo con vợ nó mang vào đi!» — Anh ấy nói con phải đưa về nhà bác... Vâng, về nhà bác... — Được không? — tiếng nói vọng lên ở ngoài vườn. Cronstadt nói «Bảo con

vợ nó đừng đánh mất cuốn Poud's Cantos của tao nghe không. Đừng có cho chúng nó lên đây... Trên này hết chỗ rồi. Chỉ còn đủ chỗ cho mấy cô Đức di cư thôi.— Jill về chỗ bàn nói «Làm như vậy không được bác ơi! »Cronstadt nói «Anh lầm rồi. Như vậy mới tốt cho chúng nó.»Jill nói «Bác say rồi. Cô Elsa ơi! Món thịt ngỗng đâu rồi!»— Ông ơi, đừng bận tâm làm gì. Đây là một trò đùa mà. Chúng cháu sắp sửa lại ngồi cả ở đây và cứ kéo dài hoài như vậy. Luật chơi là chặn lại ngày mai và hôm qua nhưng không bao giờ chặn lại ngày hôm nay. Có lẽ sẽ là một điều lạ, nếu anh cứ ngồi đây như vậy và anh thấy mình cứ nhỏ dần, nhỏ dần... tới khi chỉ còn là một mẩu tí xiu, lúc đó anh ta phải dùng một thứ kính đặc biệt mới nhìn thấy được. Lúc ấy ta chỉ là một cái chấm nhỏ trên khăn bàn và tôi sẽ nói — tỉ muội, tí muội... đâu rồi đâu rồi, ồ tí

mụi, tí tị tì ti, hạt bụi rớt trên trần ai. Jill nói «Jesu lạ Chúa tôi, Cronstadt, anh say rồi hả.» Lúc đó ông ta tỏ vẻ vui mừng hơn hở, mắt hấp ha hấp háy ra chiều hề hả. Jill nói «Ông đang dụ cơn một chút đó — vừa nói vừa ngược nhìn cái người mặc áo choàng.

Cronstadt nói «Điều cô ta nói đúng đó. Anh tưởng tôi là con người mâu thuẫn hả. Anh dùng những danh từ Mông cổ của anh, thế chủ động, thụ động, anh thấy tôi không phải là con người khó định nghĩa sao. Anh ta đã từng nói về nước Tàu. Đây là Tàu anh không thấy sao? Đây... đây là cái gì! Đưa tôi cái áo choàng, chà tôi lạnh quá, lạnh tới dưới không độ. Tôi biết anh ấm, nhưng tôi đang lạnh đây. Tôi thấy như có áo tuyết choàng lên người. Thật đó. Mọi việc cứ đều đều diễn tiến một cách êm ả, tiến

xỉa ra, nhà thuê được, di cư được định cư, dương cầm được gõ lên, ngỗng đang được chiên lên và chúng ta còn đang chờ gì nữa đây. Chờ một thời đại nước đá mới. Kể từ sáng mai bắt đầu thời đại đó. Anh cứ ra cửa sổ mà xem, mọi vật đang đông cứng lại. Chả còn vấn đề gì phải giải quyết, chả còn lịch sử, chả còn gì hết. Mọi sự đều ổn thỏa cả. Chúng ta cứ ngồi đây đợi Anna mang ngỗng quay lên rồi bỗng nhiên tuyết phủ lên toàn thân chúng ta. Tôi thấy lạnh quá sức, bánh cứng ngắt, bơ trắng lên, thịt ngỗng dài ra, tường thì trắng, trắng xóa, vị thiên thần bé nhỏ, phôi thai mà Jill đã gửi vào bụng cô nàng cũng đang đông cứng lại, đôi cánh trắng muốt tuyết giá, đôi môi se cứng lại. Mọi vật đều bình lặng, êm ả. Ta thử nói một cái gì ấm cúng xem sao. Ô, chân tôi cứng quá. Sử gia Herodote viết rằng khi chim phượng hoàng bố mà

chết thì chim con sẽ chôn trong một cái trứng khổng lồ làm bằng một dược lấy ở sa mạc Arabia, rồi đặt trong đền thờ Mặt trời ở Heliopolis. Anh có thích truyện đó không? Theo như Pliny thì mỗi lần nó chỉ đẻ mỗi một trứng và khi nó biết ngày giờ sắp tới thì nó làm ổ bằng cành cây bã đậu và nhũ hương rồi chết trong đó. Từ xác chết con phượng hoàng sinh ra một con sâu rồi biến hóa thành chim phượng hoàng. Từ đó phượng hoàng là biểu tượng của sự sống lại. Truyện đó thế nào, hay không? Tôi cần một cái gì nóng hơn. Đây là câu chuyện khác. Các thầy đạo sĩ ở Bulgarie gọi là những người đi trên than hồng. Họ múa nhảy giữa lò lửa vào ngày 21 tháng 5, ngày Đại hội mừng thánh Helena và Constantine. Họ nhảy múa trong lò than hồng tới khi mặt họ xanh lè và lúc đó họ nói tiên tri. Jill nói:

– Đốt những truyện đó đi, tôi chẳng thích.

Cronstadt:

– Tôi cũng vậy. Tôi thì tôi thích cái truyện con sâu có hồn bay trong tổ phượng hoàng ra để tái sinh. Jill cũng cho vào bụng cô nàng một con sâu đó... Nó đang phát triển, nảy nở. Chẳng ai làm dừng lại việc phát triển đó được. Hôm qua nó là con nòng nọc, ngày mai đây nó trở thành cây nho kim ngân: chẳng có thể nói nó sẽ trở thành cái gì... dù là tạm thời. Hằng ngày nó chết đi sống lại... Cứ dán tai vào bụng cô nàng mà nghe xem sao... Anh có thể nghe thấy những tiếng quẫy đuôi xôn xao, xào xào... không động cơ. Cô ta nhận một lúc hàng triệu những con nòng nọc vào bụng, chúng ngo ngoe, loanh quanh trong đó và chúng mong ước trở ra ngoài. Lao xao, lao xao.

Nếu anh dùng cái kim chọc thủng cái túi đó... Cứ tưởng tượng xem, hàng triệu, hàng triệu, những con sâu có hồn, chúng đông tới độ ta đếm không xuể. Đó là sự thật. Chả cần phải viết về nước Tàu. Hãy viết về cái đó. Về cái gì trong lòng anh, về những lao xao kỳ lạ đó, về các tình trùng, về bạch huyết cầu... về lỗ chân lông và bộ phận sinh dục... mỗi thứ là một bài thơ. Loài sữa là một bài thơ, một bài thơ tuyệt tác. Bọn chọc nó chỗ này, chỗ kia, nó trơn trượt đi, nó run run, chùn mình lại, nó có ruột già, ruột non, nó giống hình con sâu, nhưng lại là loại nhuyễn thể. Mowli ở dưới vẩy huyết sáo ra hiệu muốn thuê phòng, anh ta cũng là một bài thơ, một bài thơ có đôi tai to với khóe mắt ướt át, đưa tình, mập ú, tai voi, bụng xệ, đi như vịt bầu, miệng huyết sáo ghêu ngao, khệnh khà, khệnh khạng

khật khà khật khuỡng... Mowli... Mowli,
huýt sáo và phì phò...

Jill nói:

– Chà, ông này mất trí rồi!

Cronstadt:

– Anh lại nói bậy rồi. Tôi tỉnh táo lắm lắm. Đó là thứ trí khôn anh chưa hề tưởng tượng ra được. Anh nghĩ là một bài thơ phải bọc kỹ mà cất đi hẳn. Lúc anh viết thế đó thì còn đâu là thơ nữa. Thơ là hiện tại mà đâu anh có định nghĩa được. Anh sống bài thơ đó mà. Cái gì cũng là thơ cả, nếu thời gian ở đó. Anh đâu cần đáp tàu đi Trung Hoa mới viết được bài thơ. Bài thơ tuyệt tác, tôi đã từng sống là bồn rửa chén. Tôi đã nói với anh như vậy bao giờ chưa nhỉ? Thùng rượu có hai vôi, một vôi lạnh, một vôi nóng.

Vòi lạnh có một cuộn ống hết sức căng thẳng, nhờ một cái dây cao su cột vào đai của nó. Nóng thì sáng và khiêm tốn. Nóng lúc nào cũng nhỏ giọt ra. Những ngày thứ Ba và thứ Sáu trong tuần, người ta mang những thùng nước đó tới Giáo Đường Hồi Giáo ở đó có một bệnh viện chữa những vòi bị bệnh. Những ngày thứ Ba và Sáu. Lạnh phải làm mọi việc. Nó làm một mình như thủ dâm vậy. Nó là thế giới của nó. Nóng thì tỏ vẻ cầu nhàu gắt gỏng. Anh cẩn thận với Nóng kéo nó làm tróc da ra bây giờ “phải từ từ”. Có một lần Nóng và Lạnh cùng làm việc chung với nhau, nhưng họa lắm mí vậy. Những đêm thứ Bảy khi tôi châu rìa trong bồn rửa chén, tôi nghĩ rằng hai vòi này cùng cộng tác làm việc thì hay biết bao, không gì thú bằng việc hai vòi cùng làm việc chung trong bồn này. Không có gì bắt đầu, cũng chả có gì kết thúc.

Nóng là Alpha và Lạnh là Oméga, ngoài bất kể nhiệt độ Fahrenheit và Reaumur nào, qua những giây có nam châm cùng những đuôi sao chổi, qua cái nổi sôi sục của Mauna Loa vào ánh sáng khô của chị Hằng. Oméga lạnh chảy ra ngoài qua dòng nước Nóng vào vịnh biển Sargasso, chảy qua những túi, lỗ, qua loài cá voi, qua những vết rạn nứt trong vỏ địa cầu, chảy quanh các đảo trên biển cả, chảy xuống cõi âm ty, xương khô, mùn khô, vào bao noãn, vòi dẫn trứng và qua những thế giới chưa thành hình, thế giới nguyên sơ chưa từng được sinh ra và mất đi. Alpha nóng vọt ra thì Oméga âm làm việc không ngừng tạo chân, tay, tóc, mặt mũi, chén đĩa, rau cỏ, cá được rửa sạch, thất vọng, sâu muộn, ghét bỏ, yêu đương, ghen tuông, tội ác... vọt ra, nhả ra. Tôi Cronstadt và vợ tôi Jill, và sau chúng tôi là cả một đạo binh đứng vây quanh bốn

rửa chén. Những hạt rơi rớt qua lỗ cống, những cây nhỏ, trái cây xay, trứng cá, mì ống, nước bọt, đờm dãi, lá rau diếp, xúp cá sardine, nước xốt Worcestershire, bột bia, nước tiểu, vảy da, muối nhiên, bánh mì, thuốc lá nhai, phấn dôi mặt, bụi, mỡ, len, chỉ sợi, que diêm, những con sâu còn sống, bột mì bột sữa, dầu ăn, những hạt vút đi tung tóe đó đây mãi mãi ra đi rồi lại trở về kết thành những chất tổng hợp thuần khiết. Không ai có thể gọi tên, dán nhãn hiệu, phân tích, vẽ ra, chia ra được. Nóng và lạnh, âm và dương cứ như hai chân lý hiển nhiên không ai có thể xóa đi được. Bạn có thể xài nóng hoặc lạnh, hoặc âm ấm. Bạn có thể rửa chân hoặc súc miệng, bạn có thể rửa mắt khỏi cay xà bông hoặc rửa các cát bẩn ở rau diếp ra, bạn có thể dùng tắm trẻ sơ sinh, hoặc để lau chùi chân tay công đồ của người chết, bạn có thể làm bánh mì ủng ra hoặc

pha rượu thành loãng, những đồ vật đầu tiên và cuối cùng của một đời người.

Thuốc tẩy thần diệu. Tôi, Cronstadt, đã được nếm rượu trắng sinh bất tử. Tôi, con người của H_2O bị phân tích và tổng hợp lại của Nóng và Lạnh, của tất cả mọi thứ trung gian, cận bã, vỏ ngoài, những gì tế vi tinh tế nhất không bao giờ bị biến mất, của bộ xương không ăn khớp chặt chẽ với nhau, của những vết nước đá nứt rạn, của những ống nghiệm, của tinh trùng và nhân noãn hòa hợp tan hòa với nhau, rã rời nhau, của cái nắp bằng cao su và của vôi đồng, của âm thủy lổn nhổn tinh trùng, của lá xanh rau diếp, của ánh sáng đóng hộp... Tôi, Cronstadt ngồi bên bồn rửa chén, tâm hồn xao xuyến vẩn vơ, hân hoan, quả là một bài thơ hiện thân, một thi tiết, một bao noãn đang sôi sục, một bạch huyết cầu đã chết. Bồn rửa

chén, nơi tôi giải bày tâm sự, chỗ tôi rửa chân thật êm đềm, chỗ tôi bế đứa con đầu lòng, rửa gỉ mắt, chỗ tôi đã hát ngao vơ vẩn... Bây giờ tôi còn hát và tôi sẽ còn hát mãi mãi dù cống có bị tắc, bộ đồ ăn bằng bạc có bị gỉ sét, dù thời gian có trôi qua, tôi vẫn cứ mãi mãi sống trong hiện tại, đã qua. Ca lên. Lạnh, ca lên, hăng hái lên. Ca vang lên hồi Alpha và Oméga. Hát vang lên Hallelujah! Hát to, hát vang lên, hồi bốn rửa chén. Hát vang lên khi thế giới đang đắm chìm...» Hát to lên và rõ như con ngỗng đã chết và đã bị mổ xẻ trên chính chỗ chúng tôi đã làm thịt nó.

VÀO ĐỜI SỐNG ĐÊM

Trên chân giường là bóng cây thập giá. Có những chiếc xiềng ghì tôi vào chân giường, xiềng kêu lách cách, chiếc mỏ neo bỏ thấp xuống. Bỗng nhiên tôi thấy có tay ai đặt trên vai, rồi đập mạnh vào tôi. Nhìn ra thì đó là một bà già xấu xí, áo quần dơ dáy. Bà ta vào nhà người thợ hồ, rút ở ngăn kéo ra một khẩu súng lục. Có ba phòng kế tiếp nhau. Tôi đang nằm ở phòng giữa, có kê một tủ sách bằng gỗ quang dầu và một bàn phấn.

Bà già cởi áo dài ra đứng soi gương. Tay bà cầm hộp phấn và dôi vào nách, ngực và bắp vế. Rồi bà khóc òa lên như người điên. Cuối cùng bà lấy cái xịt nước hoa xịt vào tóc. Tóc bà đầy chuột. Tôi nhìn bà già đi lại loanh quanh, hình như bà bị hôn mê thần trí. Bà lại tú áo lần lượt đóng mở những ngăn kéo một cách máy móc, hình như bà quên một vật gì bà lại lấy phấn dôi vào nách, trên bàn phấn có chiếc đồng hồ quả quít bằng bạc có một dây dài. Cởi áo lót ra bà quàng đồng hồ vào cổ, dây dài tới bẹn. Có tiếng tích tích phát ra và màu bạc biến thành màu đen.

Kế bên là phòng khách, các thân hữu đã tề tựu đủ, ngồi thành hình bán nguyệt, họ chờ tôi nhập bọn. Họ ngồi cứng đờ, một đống như những cái ghế, cảm họ thay vì có mụn cơm, mụn nhọt lại thấy lún phún lông đuôi ngựa.

Mặc bộ đồ ngủ, tôi tung mình ra khỏi giường nhảy điệu King Kotschei, tay cầm cái dù, nhảy loạn. Họ nhìn tôi không ai nhếch mép. Tôi vẫy tay mời họ cùng nhảy quay tròn một vòng, rồi lấy tay cho vào miệng huýt còi như một con sáo. Chả ai tỏ vẻ tán thành hay không. Họ cứ ngồi đó thật trang trọng và vô cảm. Cuối cùng tôi khịt khịt như một con bò mộng, rồi nhảy nhẹ nhàng như một nàng tiên, rồi đi vênh vang như một con công, nhưng sức nhớ không có đuôi nên thôi. Còn một việc nữa là đọc kinh Koran theo tốc độ ánh sáng, sau đó những tin tức về thời tiết, đọc truyện Người cứu thủy binh và cuốn sách số học.

Bỗng nhiên bà già hoàn toàn khỏa thân vừa múa vừa lao tới, tay bà như bốc lửa; bỗng bà ta gõ vào cái dù, mọi người ồ lên. Từ cái dù từng bê ào ra một lũ rắn

hổ lao nhanh như ánh sáng, chúng quần quanh chân bàn, nằm gọn trong những liễn đựng xúp, nhào vào tủ áo, nằm ngệt cứng trong các ngăn kéo, chúng uốn mình ngo ngoe quanh những khung ảnh trên tường, quần quanh những chiếc màn cửa, chui vào những cái nệm, nằm vòng những chiếc nón của các bà, con nào con nấy phun phè phè. Tôi lấy đôi răn hổ quần quanh hai cánh tay, tôi đi về phía bà già mắt đầy sát khí. Từ miệng, tóc, âm hộ bà ta răn hổ tuôn ra ào ào, con nào con nấy phun phè phè như thể núi lửa đang phun ra. Giữa phòng bỗng mọc lên một khu rừng um tùm. Chúng tôi đứng giữa tổ răn hổ, thân thể như bị rã rời. Tôi lại thấy mình đang nằm trên chiếc giường đặt trong căn phòng rất đẹp. Ở sườn tôi mở ra một lỗ lớn không một giọt máu chảy ra. Tôi không thể nói tôi là ai nữa, từ đâu tới, tại sao lạc

vào nơi đây. Căn phòng rất hẹp, giường kê sát cửa. Tôi có cảm tưởng có người đương nhìn lên tôi qua khe cửa. Tôi sợ điếng người. Ngược mắt lên, quả tôi thấy người đang rình tôi ở khe cửa. Hắn đội mũ xám lệch, ria mép thưa thưa, quần áo sặc sỡ như bàn cờ dam. Hắn nói tên, địa chỉ, nghề nghiệp, tôi đang làm gì, sắp sửa đi đâu và v.v... Hắn nói một thôi một hồi những câu móc họng tôi không trả lời được, trước hết vì tôi không có lười, thứ nữa vì tôi không nhớ được là mình đang nói thứ tiếng gì. «Tại sao mi không nói?» Hắn căn vặn tôi, hắn cúi xuống tôi, cười gằn chế nhạo, rồi cầm cây roi mây chọc vào lỗ ở cạnh sườn tôi. Tôi lo quá đến độ tôi phải nói dù mình không có lười, không biết mình là ai và từ đâu tới. Tôi dùng hai tay định banh hàm ra, nhưng hai hàm răng cắn chặt vào nhau, thịt cầm tôi rụng ra như một miếng đất sét khô,

để trơ hàm răng trắng hếu. Hấn nói với giọng độc ác, tai quái «Nói đi!», lại cầm roi lên, chọc một lỗ khác xuyên qua cạnh sườn.

Tôi nằm tỉnh táo trong căn phòng tối đen lạnh lẽo. Giờ cái giường như chạm tới trần nhà. Tôi nghe thấy tiếng xe lửa chạy rần rần, tiếng xe lửa nhịp nhàng chuyển bánh trên đường rầy lạnh lẽo, tiếng xì hơi ngắn gọn, tắc nghẹn của đầu máy làm không khí như tan thành từng mảnh nhỏ với sương muối. Tôi cầm một mảnh thịt vừa ra ở cầm cứng như đất sét khô. Rằng tôi càng cắn chặt thêm với nhau. Tôi thở bằng những cái lỗ ở cạnh sườn, Từ cửa sổ, tôi có thể nhìn thấy cây cầu Montréal Qua làn sương mù, trông như những bộ xương cong, đèn pha như đang bay. Xe chạy lướt trên dòng sông đóng băng trông như một dải lửa đang

chạy. Tôi cũng nhìn thấy những cửa tiệm dọc hai bên dốc cầu sáng lên hình chiếc bánh nhân thịt, những chiếc bánh nhân thịt. Bỗng nhiên tôi sực nhớ một cái gì đó, à phải rồi, khi tôi đi qua biên giới, lính biên cảnh hỏi:

– Ông có gì khai báo không?

Tôi muốn khai:

– Tôi là thằng phản bội nhân loại.

Tôi nhớ việc đó xảy ra rõ rệt như tôi đang theo bèn gót một người đàn bà mặc váy xòe. Chung quanh chúng tôi đều có gương phản chiếu, có một lan can có thanh mỏng, lát với nhau, kỳ quái như một ảo giác. Tôi lại thấy cây cầu Montréal ở đằng xa, dưới cầu là những tảng băng, xe lửa đang chạy trên cầu. Lúc này người đàn bà nhìn nháo nhác xung quanh,

nhìn tôi, bà ta đeo một cái sọ người trên vai và trên vành xương lông mày của bà hằn lên một chữ “Tình dục” thật đậm. Tôi thấy mi mắt bà ta rưng rờ hằn ra và mở ra một cái lỗ sâu không đáy. Khi thoát khỏi tay, bà ta cố nhìn xem chữ gì viết trên chiếc xe đang chạy sát bên, nhưng chỉ đọc được vài chữ cuối vô nghĩa.

Theo thường lệ, tôi đứng ở cầu Brooklyn đợi chiếc xe vận tải rồi leo lên đi loanh quanh. Trong cái nóng nực buổi trưa hè, thành phố vươn mình lên như một con gầy miền Bắc Cực đang rũ tung những hoa phượng vĩ khắp đó đây. Mọi vật như rung rinh, ga đóng nghẹt lại trên trần nhà, khói bụi bay lững lờ. Giữa cảnh hỗn độn của các bin-đỉnh, tuồn ra luồng hơi người nóng nực quần và váy dính khít nhau. Nước triều dâng lên rửa sạch con đường cong queo và những nếp

gấp. Dưới cái ẩm ướt là vết chân những con amib trong mờ đang bám vào các tàu thuyền đang qua lại, những cẳng chân đẹp, khỏe như bọc trong giấy nhụa; các mạch máu trắng của chúng hẳn rõ qua lớp da thịt màu ngà. Thành phố hỗn hên đổ mồ hôi từ 5 giờ chiều. Từ nóc các nhà chọc trời tỏa lên làn khói mỏng như áo lông của Cléopatre. Không khí nặng trĩu, loài dơi bay chập choạng, xi măng mềm mủn ra, đường rầy xe lửa đẹp ra dưới các bánh xe vận tải khổng lồ. Đời sống được viết ra thành những hàng chữ lớn cao 12 bộ với chấm phết và chấm phết.

Cây cầu đu đưa trên cây cầu đầy dầu lửa ở dưới, những trái dưa lăn từ thung lũng Imperial lăn vào, rác rến đi xuống qua cửa Hỏa ngục, cầu tàu trống trơn, cột trên boong tàu lóng lánh, dây cáp ghi

chặt, cánh cửa tàu cốt kết. Ở cầu tàu rong rêu bong ra. Một làn sương mù ẩm ánh mặt trời trải trên thành phố như một ly mỡ, mờ mờ nhỏ xuống giữa những đôi chân trần, quanh những mắt cá chân mảnh dẻ. Một đồng lầy nhầy những cánh tay, cẳng chân, trắng lười liềm và thời tiết thay đổi, những trái cầu, trái chuối, trái chanh. Đồng hồ điểm 5 giờ xuyên qua cái vắng lặng êm ả của cảnh xế trưa, cây đà nhà bằng sắt trải ra một bóng mờ mờ. Bánh xe vận tải nặng nề lăn nghiêng nát những giấy vụn của lũ đông và để hằn lên những bánh xe.

Lúc ngồi xuống, tôi thấy một người quen đang đứng đằng sau sân ga cầm tờ báo. Chiếc mũ cói treo lưng lửng sau đầu, tay hằn để trên chiếc xe mô-tô. Sau tai hằn là dây mạng nhện giăng ra như dây đàn piano. Chiếc mũ dạ của hằn

nằm như một lát trứng mỏng trên đĩa rau dền xanh của vịnh biển. Tôi thấy tiếng nghiền răng ken két của hần. Dây cáp đang hú ù ù, cây cầu run lên sung sướng. Hai núm bằng cao su đệm dưới chiếc ghế để bớt tiếng động trước mặt tôi, ghế động xuống nghe bịch. Cảnh vật tiêu điều, lạnh lẽo, thiếu tiện nghi, thiếu thân mật, rời rạc, mơ hồ... không khác gì ta đọc báo buổi chiều cho người điếc nghe. Trong toàn cảnh khô cằn không có gì chứng tỏ có vết người, tiếng người cả. Chỉ có những hàng chữ lớn viết bằng phấn, mưa xuống xóa sạch đi hết. Chẳng khác gì cuộc hành trình trong sa mạc đầy gai góc và cây xương rồng trên chiếc xe vận tải. Giữa sa mạc có một nhà tắm có để con ngựa gỗ có hai thanh gỗ xuyên ngang. Cạnh đó là cái bàn lát thiếc. Có một người đàn bà đứng nhìn qua khung cửa sổ đầy mạng nhện. Cô ta đứng

ở sa mạc như một tượng long nãi, thân thể trắng bệch màu phiến muôn, vẫy tay chào từ biệt. Cô ta đứng cao hơn tôi một vai và một đầu, mông bụi vượt mức, cái gì cũng quá cỡ cả: tay, chân, bắp vế, mắt cá chân. Cô ta như con ngựa không có người cưỡi nên trở thành một suối thịt rã rời. Ngoài cái ê hề xác thịt của cô ta, thân xác cô ta hát lên như giọng sắt. Cô gái lòng tôi ước mơ, sao cô lại ở trong cái tổ như thế. Sao cô em đứng bên cửa sổ chết lặng như con kim tước, ngón chân em cứng ngắc, mỏ thì xanh lét. Trông nghiêng, em giống như chiếc rìu. Miệng em nhét đầy rau diếp. Có bao giờ anh nghĩ em tội nghiệp như vậy không? Hãy để anh xem đôi chân yêu quý của em, hãy để anh nghe hơi thở của em cười rúc rích, ì ộp.

Qua mạng nhện, tôi lại thấy những

con cào cào, những chiếc gai xương rồng, đang nhả ra mủ và phấn, những người cưỡi ngựa ngồi trên yên khum khum như lưng lạc đà. Sa mạc khô ráo như mẹ già, người thì sạm đen và gầy gò, xương sống khòm xuống, chân đầy những vết roi thúc ngựa. Ở trên đóa hoa xương rồng, thành phố lộn ngược và người gầy gò sạm đen chân đang lơ quơ trên trời. Tôi nắm chặt lấy đôi vú to đồ sộ, những móng chân xẻ đôi, cái đuôi có lông. Tôi ôm chặt lấy nàng trong thung lũng đầy bọt sủi lên dưới dòng nước bị tắc nghẽn, lượn vòng cùng với cát vàng trong khi thời giờ cứ trôi đi. Trong lúc buồn khổ ghê gớm, cát cứ dần dần đến lấp đầy lỗ xương tôi.

Một cái kéo cùn nằm trên cái bàn bọc kẽm bên cạnh tôi. Cánh tay nàng giơ ra dính liền với thân nàng. Cử động

cứng dơ của cánh tay nàng giống như cái giọng kêu thét khàn khàn buồn thảm của ngày tàn và dây buộc chúng tôi nối với nhau bằng sỏi. Đồng hồ chạy chậm lại, tiếng kêu rất yếu. Cái kéo cứ hoen gỉ dần, thần kinh căng thẳng, tóc dựng đứng lên, mạch máu nháy mạnh. Phải chi mọi nỗi buồn khổ đều chịu đựng được như lúc này? Đọc theo rìa cái kéo tôi cảm thấy nỗi buồn hoen gỉ của ngày tàn. Cái cử động vụng về của người được ăn no, của không gian sạch trơn, trời đầy sao trong cánh tay của người máy.

Tôi đứng giữa sa mạc đợi xe lửa. Trong tim tôi có một cái chuông nhỏ bằng thủy tinh, dưới đó có cây mẫu tử. Tôi chẳng còn lo ngại gì cả. Dù ở dưới lớp giá băng, tôi cũng thấy trái đất triển dương trong đêm tối.

Đứng dựa vào chiếc ghế da sang

trọng, tôi có cảm tưởng là đang đi xe lửa du lịch bên Đức. Tôi ngồi sát cửa sổ xem sách. Tôi nhận thấy có người nhìn qua vai tôi đọc ké. Đó là cuốn sách tôi viết ra mà có đoạn tôi rất thất vọng.

Nhưng danh từ chả có nghĩa gì cả, không hiểu được gì cả. Tới Darmstadt, chúng tôi xuống xe một lúc vì tàu đổi đầu máy. Mái tàu lợp kiếng, có những cột đen chống đỡ. Ánh nắng xuyên qua kính làm cuốn sách tôi nổi rõ ra. Khi để sách bên cạnh sườn tôi, tôi thấy cây mẩu tử trong tim đang nở hoa.

Ban đêm ở Đức khi ta lên xuống sân ga thường có người đến giải thích một cái gì đó cho ta. Những đầu xe lửa tròn, dài gặp nhau trong một đám mây hơi nước mù mịt âm thanh của tiếng nói xem ra như đi sâu vào đầu óc hơn bất cứ tiếng nói nào đó, như thể bánh bổ dưỡng

trí óc, ngon lành, dư vị nó hàng tháng sau vẫn còn giống như khi ta hút thuốc xong, thở khói ra đằng mũi rồi chiêu một ngụm nước. Cái tiếng «tốt» là tiếng âm thanh dài hơn cả. «Cái đó tốt», có người nào đã nói vậy và âm thanh «tốt» còn lục súc mãi trong đầu óc và trong bụng tôi như miếng chim trĩ quay thật béo bổ. Hiển nhiên đi xe lửa đêm khi mọi người trong xe đều buồn ngủ, trí óc ta đầy nhóc chuyện đời. Trí óc lang thang trong cái cảnh đô hội ồn ào, giống như những con ruồi mùa hè bu theo xe lửa. Bỗng nhiên tôi thấy mình ở bờ biển và không nhớ tại sao xe lửa dừng lại, hoặc lúc nó khởi hành. Bị dạt vào bãi biển giống như con sứa biển. Mọi vật đều bần thủ, xấu xí, mỏng như lớp keo dán giấy. Một đảo Conney của thần trí, những căn nhà giải trí đang chạy như bay, các kệ đầy ắp đồ sứ, búp bê, đồng hồ báo thức, bình phong.

Cửa tiệm nào cũng có ba trái cầu ở trên, trò chơi nào cũng có trái cầu cả. Những người Do Thái mặc áo mưa đi lang thang, người Nhật thì mỉm cười, không khí đầy mùi tỏi đậm thịt chiên thơm phức. Tiếng người nói bép xép léo xéo, lại có tiếng gào tiếp theo tiếng lì xì liên hồi, tiếng nổ lụp bụp, hơi thở khò khè liên tục rả ra từ những cái mũi lẹp nhẹp trong các quán rượu. Những tiếng nổ cây tung đêm sâu lên, những con sò đang nằm ườn, hậu môn xì ra làn xú khí. Cuộc chạy việt dã trong đêm ổ biển trông y như lúa mì đang ngã nghiêng. Mọi vật như đang trườn đi, sụm xuống, lấp lánh, rung rinh, đu đưa, gượng cười.

Còn đâu ấm nóng những ngày hè, khi lần đầu tiên tôi thấy trái đất như mặt tấm thảm cỏ xanh, đàn ông đàn bà đi đi lại lại như những con báo? Còn đâu giọng

nhạc êm dịu rì rào từ lòng đất đầy sinh lực dâng lên? Tôi phải đi đâu giờ vì chỗ nào cũng có cửa sập, những bộ xương trắng hếu, một thế giới lộn hết mặt trái ra ngoài? Tôi có cần đi dọc theo những dãy phố bán giấy bồi, những tấm giấy tôi có thể xuyên thủng và đốt rụi. Cả thế giới trở thành một cái gì hoang mang huyền bí do bọn thợ mộc ma quái đã dựng lên qua một đêm. Mọi sinh vật là một lời nói dối, giả mạo giấy bồi. Tôi đi dọc theo bờ đại dương, trên bãi những con sò đang nằm chờ một người tò mò tọc mạch nào đó mở banh ra. Trong huyền não, nỗi lo âu của họ vẫn tiếp diễn có ai hay. Những làn sóng dập dồn qui tụ họ lại, ánh sáng làm họ lóa mắt, sóng biển cuốn họ xuống sâu. Huyền não, ồn ào, những tiếng hỉ mũi, tiếng thở khò khè, những trái cầu nho nhỏ lăn tròn trên mặt phẳng đi vào những lỗ nhỏ đầy rẫy những vật cũ rích,

đồ sứ vỡ, ống nhổ, bình cắm hoa, búp bê nhồi bông. Những người Nhật mặt bóng nhẫy đang lau những cây cao su bằng giẻ ướt, người Arménie đang giã hành nhỏ ra, người Macédonie đang quăng thòng lọng bắt thú. Đàn ông, đàn bà, trẻ con đều mặc áo đi mưa và có bướu ở cổ, vẩy lung tung mũi dãi, bệnh đái đường, ho sù sụ, bệnh sưng màng óc. Mọi vật đều như lăn tròn, nhào lộn, quay tít, bắn tung ra, đu đưa, lúc lắc, sụm xuống... Tất cả đều được làm bằng đinh vít và bù loong. Vương quốc tinh thần là nỗi khổ của loài khỉ. Uy quyền tuyệt đối là sức mạnh của giấy, những con sò đang thiu thiu ngủ, những ngôi sao đang dần tắt. Mọi vật làm bằng nước giờ đang ngon giấc trong cái túi con linh cẩu. Bình minh trở về như một mái nhà bằng thủy tinh chụp lên trái đất. Biển trong như pha lê, ngủ một giấc thật bình lặng. Đêm không ra

đêm, ngày chẳng ra ngày, đó là một bình minh lướt nhẹ trên những làn sóng ngắn như đôi cánh loài hải âu. Những tiếng động vang đến tai tôi nghe như bị dồn ép, chặn lại, bóp nghẹt và như ta làm một cái gì trong lòng nước sâu. Tôi thấy nước triều rút xuống, những làn sóng vỗ dạt dào như không sợ bị nuốt đi. Tôi đi giữa những mảnh trái đất bị tan nát, nhưng chân tôi không bị nghiền nát. Trời không còn biên giới, không có sự phân rẽ giữa đất liền và biển cả.

Tôi chui trong những cống nước, đôi chân lướt nhẹ nhàng. Tôi không nghe, không thấy, không cảm thấy gì cả. Chung quanh tôi, tất cả đều là chân phúc, đêm êm, không chút phân ly. Hơi thở trắng như phấn của xe Plymouth làm khuấy động sườn địa chất. Đuôi nó như quần chặt lấy lục địa đang đổ vỡ. Trái đất nẫu

không thể lên tiếng, người ta thì tóc xanh màu lá cây rồi biến thành màu trắng sữa xộp. Cảnh tàn phá cuối cùng vào thành trì vô nhân bản, chẳng ai còn thiết tha hy vọng, thất vọng hoặc buồn sầu. Trái đất nâu, khi trời màu xanh cây thật sự không còn là khi trời hoặc cái gì ta xem được nữa. Bờ biển thật thanh bình, trang nghiêm, không sờ mó được đang tuồn ra luồng khí độc của một loài quỷ đang lơ lửng trên không như con rồng dữ. Tôi thấy như có những móng vuốt vô hình quắp chặt vào đá. Màu xanh cây nặng nề, chói choáng của đất bùn cấu bẩn, của lòng can đảm lứt thủng. Tôi mừng tượng thấy cái áo trùm đầu màu nâu của các vị tu sĩ, cùng với bộ tóc rối của họ, những móng chân sắc nhọn giấu kín dưới bộ quần áo nhậm của họ, len nâu đầy ghét gúa, những nỗi phiền muộn và trống trải tâm hồn. Tôi khát khao ghê

gớm để làm sao tới được miền địa cực, vùng đất bất thường giống như con cá sấu phơi nắng. Từ mi mắt nặng trĩu hấp háy của nó toát ra một sự lường gạt bình tĩnh và độc hại. Mồm nó mở ngoác ngáp ngáp trông như một ảo ảnh. Nó giống như biển và những người bị chìm trong lòng biển, xương cốt họ tạo thành những niềm hy vọng và những lâu đài trong mơ hỗn hợp lại thành Anh quốc.

Tâm trí tôi vô vọng, tìm lại những hoài niệm cũ rích, bởi vì những huyền thoại đã khắc sâu vào bia đá bị chôn vùi dưới những rừng núi. Dưới căn nhà chọc trời, cửa sổ treo đầy chả và thịt bò xay, hàng rào sắt quay thật nhanh, tôi bỗng nhớ lại những hoài niệm xưa. Tất cả những gì liên quan tới bến tàu, cầu tàu, ống khói, trục cất hàng, piston, bánh xe, dây thừng, cây cầu... tất cả những gì liên

quan tới đi du lịch, đói khát đều chòm dậy số sàng. Khi tới một ngã tư, phố xá nhộn nhịp trải dài ra như một bản đồ rải rác những lều che, tiệm rượu.

Sức nóng buổi trưa làm mặt bản đồ nhăn nheo. Đường phố uốn lượn rồi cụt lủn. Đâu có một ngôi sao hoen gỉ ghi lại dấu vết cũ, thì đầy ồn ào, huyên náo với những bin-đỉnh hình kim tự tháp, miệng đen ngòm, răng gãy hết. Có những mùi iot, ête, aldehyt foocmic, ammoniac, thiếc, xác ướp mới đổ khuôn bốc lên đó đây. Các tòa bin-đỉnh đang oằn xuống, mái rạn nứt và lún xuống, không khí nặng trĩu, chua chua, ngọt ngọt. Những lối đi vào bin-đỉnh lún thấp hơn cả mặt đường. Có tiếng kêu ộp oạp như éch vang lên. Một làn hơi ẩm, độc, bao bọc chung quanh như đầm lầy vây quanh nhà.

Khi về tới nhà, tôi thấy cha tôi đang

đứng ở cửa sổ cạo râu, không cạo râu thì đúng hơn, nhưng đang liếc dao cạo trên da, cho sắc. Trước đây, không bao giờ cha tôi thất hứa với tôi cả, nhưng bây giờ tôi hỏi thì cha tôi như người điếc. Lúc này tôi mới để ý tới chiếc dao cạo gỉ của người. Mỗi sáng khi uống cà phê tôi đều thấy lưỡi dao cạo sáng nhoáng. Con dao cạo Đức nằm bên cạnh tấm da liếc màu nâu, tuyết bám vào thành cửa sổ, lời nói của người nghe như cái gì hoen gỉ, tuyết đang tan. Những giọt sương long lanh trên cửa sổ nhòe dần ra nở mùi hôi cóc và đầm lầy. Người bảo tôi «mang cho ba những con loăng quăng cho cá vàng ăn.» Ba tôi thật nghèo. Tôi quơ tay không trên bàn giấy.

Một đêm lạnh cóng, có một cô gái điếm đang đi lang thang, gặp tôi, cô ta sà đến rồi lôi tôi vào một khách sạn. Khi lên

thang gác, tôi nhìn chăm chú vào cô ta. Cô ta trẻ, khỏe mạnh, và hay hơn cả là vô học. Cô ta chả biết tên một ông vua nào cả, cũng không biết nói tiếng mẹ đẻ cho đúng. Tuy nhiên, tôi nói với cô rằng cô hấp dẫn như mỡ nóng. Cô ta có vẻ khoái trá. «Việc chính là làm sao khỏi rét, nếu cần có một lớp áo bằng mỡ» — Cô ta cắt nghĩa vậy. Khi cô ta đã hút hết cốt tủy của tôi, cô ta kéo vải trải giường xuống thật nhanh nhẹn và cô bắt đầu lo việc riêng của cô. Căn phòng giống như một tổ chim ấm cúng. Trần như nhộng, cô ta chui vào chăn bông, đầu quặp lấy tay thu gọn vào háng. Cô ta trông như một trái cây xanh, đang chín. Bỗng nhiên cô ta nói một cách kịch cỡm kiểu Mỹ «Anh xem này, em có thể làm cái này, nhưng không thể làm cái đó.» Rồi cô ta bắt đầu làm cái đó. Cô ta thủ dâm. Đầu cô ta nhỏ, rậm tóc, mắt đờ đờ như mắt chó, giống

con quỷ trong bức tranh đất Palatinate nở hoa. Tôi ngỡ ngàng vì tính chất mâu thuẫn đó. Tôi ngồi trên một ghế đẩu: mỗi lần liếc nhìn nàng, tôi thấy mặt nàng có một vết nứt bằng sắt, sau kẽ nứt có người mang mặt nạ sắt nhìn tôi. Hết sức khôi hài vì hấn nhấp nháy với đôi mắt mù, đầy màng mộng. Nếu thật sự tay chân quấn chặt lấy nhau, nếu nàng là con rắn mình trơn trượt đang cuộn vòng thì tôi có thể nói đó chính là Alberta, vợ tôi, hoặc là vợ người khác, nhưng tôi nghĩ đó là Alberta. Tôi biết rõ cái khe của Alberta kết thành hình tam giác giữa đôi cẳng chân, và đó là cái khe tốt nhất trên đời. Đằng sau cái khe luôn luôn có một người đàn ông đeo mặt nạ bằng sắt.

Tôi chui trong những cống nước, đôi chân lướt nhẹ nhàng. Tôi không nghe, không thấy, không cảm thấy gì cả. Chung

quanh tôi, tất cả đều là chân phúc, đêm êm, không chút phân ly. Hơi thở trắng như phấn của xe Plymouth làm khuấy động sườn địa chất. Đuôi nó như quần chặt lấy lục địa đang đổ vỡ. Trái đất nâu không thể lên tiếng, người ta thì tóc xanh màu lá cây rồi biến thành màu trắng sữa xộp. Cảnh tàn phá cuối cùng vào thành trì vô nhân bản, chẳng ai còn thiết tha hy vọng, thất vọng hoặc buồn sầu. Trái đất nâu, khi trời màu xanh cây thật sự không còn là khi trời hoặc cái gì ta xem được nữa. Bờ biển thật thanh bình, trang nghiêm, không sờ mó được đang tuồn ra luồng khí độc của một loài quỷ đang lơ lửng trên không như con rồng dữ. Tôi thấy như có những móng vuốt vô hình quắp chặt vào đá. Màu xanh cây nặng nề, chuẩn choáng của đất bùn cấu bẩn, của lòng can đảm lứt trắng. Tôi mừng tượng thấy cái áo trùm đầu màu nâu của

các vị tu sĩ, cùng với bộ tóc rối của họ, những móng chân sắc nhọn giấu kín dưới bộ quần áo nhặm của họ, len lén đầy ghét gúa, những nỗi phiền muộn và trống trải tâm hồn. Tôi khát khao ghé gớm để làm sao tôi được miễn địa cực, vùng đất bất thường giống như con cá sấu phơi nắng. Từ mi mắt nặng trĩu hấp háy của nó toát ra một sự lường gạt bình tĩnh và độc hại. Mồm nó mở ngoác ngáp ngáp trông như một ảo ảnh. Nó giống như biển và những người bị chìm trong lòng biển, xương cốt họ tạo thành những niềm hy vọng và những lâu đài trong mơ hỗn hợp lại thành Anh quốc.

Tâm trí tôi vô vọng, tìm lại những hoài niệm cũ rích, bởi vì những huyền thoại đã khắc sâu vào bia đá bị chôn vùi dưới những rặng núi. Dưới căn nhà chọc trời, cửa sổ treo đầy chả và thịt bò xay,

hàng rào sắt quay thật nhanh, tôi bỗng nhớ lại những hoài niệm xưa. Tất cả những gì liên quan tới bến tàu, cầu tàu, ống khói, trục cất hàng, piston, bánh xe, dây thừng, cây cầu... tất cả những gì liên quan tới đi du lịch, đói khát đều chòm dậy sỗ sàng. Khi tới một ngã tư, phố xá nhộn nhịp trải dài ra như một bản đồ rải rác những lều che, tiệm rượu.

Sức nóng buổi trưa làm mặt bản đồ nhả nheo. Đường phố uốn lượn rồi cụt lủn. Đâu có một ngôi sao hoen gỉ ghi lại dấu vết cũ, thì đấy ồn ào, huyên náo với những bin-đỉnh hình kim tự tháp, miệng đen ngòm, răng gãy hết. Có những mùi iot, ête, aldehyt foocmic, ammoniac, thiếc, xác ướp mới đổ khuôn bốc lên đó đây. Các tòa bin-đỉnh đang oằn xuống, mái rạn nứt và lún xuống, không khí nặng trĩu, chua chua, ngọt ngọt. Những

lối đi vào bin-đỉnh lún thấp hơn cả mặt đường. Có tiếng kêu ộp oạp như ếch vang lên. Một làn hơi ẩm, độc, bao bọc chung quanh như đám lầy vây quanh nhà.

Khi về tới nhà, tôi thấy cha tôi đang đứng ở cửa sổ cạo râu, không cạo râu thì đúng hơn, nhưng đang liếc dao cạo trên da, cho sắc. Trước đây, không bao giờ cha tôi thất hứa với tôi cả, nhưng bây giờ tôi hỏi thì cha tôi như người điếc. Lúc này tôi mới để ý tới chiếc dao cạo gỉ của người. Mỗi sáng khi uống cà phê tôi đều thấy lưỡi dao cạo sáng nhoáng. Con dao cạo Đức nằm bên cạnh tấm da liếc màu nâu, tuyết bám vào thành cửa sổ, lời nói của người nghe như cái gì hoen gỉ, tuyết đang tan. Những giọt sương long lanh trên cửa sổ nhòe dần ra nổ mùi hôi cóc và đầm lầy. Người bảo tôi «mang cho ba những con loăng quăng cho cá vàng ăn.»

Ba tôi thật nghèo. Tôi quơ tay không trên bàn giấy.

Một đêm lạnh cóng, có một cô gái điếm đang đi lang thang, gặp tôi, cô ta sà đến rồi lôi tôi vào một khách sạn. Khi lên thang gác, tôi nhìn chăm chú vào cô ta. Cô ta trẻ, khỏe mạnh, và hay hơn cả là vô học. Cô ta chả biết tên một ông vua nào cả, cũng không biết nói tiếng mẹ đẻ cho đúng. Tuy nhiên, tôi nói với cô rằng cô hấp dẫn như mỡ nóng. Cô ta có vẻ khoái trá. “Việc chính là làm sao khỏi rét, nếu cần có một lớp áo bằng mỡ” — Cô ta cắt nghĩa vậy. Khi cô ta đã hút hết cốt tủy của tôi, cô ta kéo vải trải giường xuống thật nhanh nhẹn và cô bắt đầu lo việc riêng của cô. Căn phòng giống như một tổ chim ấm cúng. Trần như nhộng, cô ta chui vào chăn bông, đầu quặp lấy tay thu gọn vào háng. Cô ta trông như một

trái cây xanh, đang chín. Bỗng nhiên cô ta nói một cách kịch cớm kiểu Mỹ «Anh xem này, em có thể làm cái này, nhưng không thể làm cái đó.» Rồi cô ta bắt đầu làm cái đó. Cô ta thủ dâm. Đầu cô ta nhỏ, rậm tóc, mắt đờ đờ như mắt chó, giống con quỷ trong bức tranh đất Palatinate nở hoa. Tôi ngỡ ngàng vì tính chất mâu thuẫn đó. Tôi ngồi trên một ghế đẩu: mỗi lần liếc nhìn nàng, tôi thấy mặt nàng có một vết nứt bằng sắt, sau kẽ nứt có người mang mặt nạ sắt nhìn tôi. Hết sức khôi hài vì hân nhấp nháy với đôi mắt mù, đầy màng mòng. Nếu thật sự tay chân quấn chặt lấy nhau, nếu nàng là con rắn mình trơn trượt đang cuộn vòng thì tôi có thể nói đó chính là Alberta, vợ tôi, hoặc là vợ người khác, nhưng tôi nghĩ đó là Alberta. Tôi biết rõ cái khe của Alberta kết thành hình tam giác giữa đôi cẳng chân, và đó là cái khe tốt nhất trên đời. Đàng

sau cái khe luôn luôn có một người đàn ông đeo mặt nạ bằng sắt.

Khi đi vào con đường lạnh lẽo nghĩa trang, tôi thấy người ta đang đẩy những chiếc xe tang. Tôi reo lên vì vui mừng, sao mình đã sẵn sàng lột xác chưa đây? Tôi là con chiên, họ kéo tôi ra ngoài để biến thành con hổ vằn. Trong một bụi cây mọc giữa cảnh quang đấng, tôi đã được sinh ra với bộ lông trắng mềm. Tôi mới gặm cỏ được một thoáng trong cảnh bình an, thì có vuốt nhọn đặt lên tôi. Trong cảnh nắng quái chiều hôm, tôi nghe có tiếng thở phì phò sau cửa ván. Tôi chậm chậm đi qua nhà nhà, lắng nghe tiếng vỗ cánh nặng nề của máu. Rồi một đêm kia, khi choàng tỉnh dậy, đã thấy mình nằm trên chiếc ghế dài thô cứng giữa căn vườn giá lạnh phía

Nam. Nghe tiếng còi xe lửa thét lên, nhìn những con đường cát trắng chiếu sáng như những con đường nọ. Nếu tôi có đi đi lại lại, thế giới cũng chẳng buồn, vui gì cả. Tại Talla- hasse, lò sát sinh, họ sẽ móc ruột tôi ra. Hoặc trong một góc nào đó, chúng sẽ dùng móng vuốt bắn thiu móc ruột gan tôi ra, với chiếc dao cùn gỉ, chúng sẽ cắt hết tất cả những gì là tư riêng, linh thiêng cấm kỵ của tôi. Ở Tal- lahasse, chúng chọc lò ruột tôi ra, chúng lôi tôi qua phố và làm tôi có vẻ như cộp. Có lần đi qua phố lắng nghe tiếng tim đập qua những luồng ánh sáng vàng vọt lọt qua khe cửa. Giờ đây, trong lòng tôi có tiếng gào như ngày đại hội. Hai cạnh sườn thoát ra hàng triệu những tiếng kèn phong cầm. Tôi đi lang thang trên phố phường, lòng sầu muộn miên man cùng với cuộc vui đang từng bừng. Tôi cứ đi và hát lên những bài hát học lỏm được.

Một đứa nghèo kiết, vui vẻ, lười biếng lê gót trên mọi nẻo lề đường, đang bày ra cái cảnh hỗn tạp của da thịt con người.

Cạnh khu vườn làm theo hình tròn ốc, ở bin-đinh, tôi thấy một người đàn bà đang đi, nét khêu gợi vô cùng. Tôi nghe bà lẩm bẩm. Nghĩa trang? Chưa thấy họ đã làm cái gì ở nghĩa trang cả. Đi lách qua những thùng rượu nư mùi ẩm, sân nhà đầy nhóc trẻ con, tôi cứ miên man nghĩ tới lời nói của bà. Bà ta vội vàng đi dọc theo đường phố với những tư tưởng đen tối đó, cổ trần, chân đi chữ bát. Một mùi thơm ẩm nóng miền Nam bao phủ lấy tôi, tôi thấy tự nhiên khoan khoái, máu chảy mạnh như cánh vỗ của loài chim ưng. Điều họ đã làm cho đường phố cũng giống như điều Joseph đã làm cho dân Ai Cập. Họ đã làm gì cho một vùng đất có những bắp ngô chín vàng,

có những người da đỏ và hoẵng đen. Họ là ai, tôi chả xét. Tôi chỉ biết rằng họ đã chinh phục đất đai và làm đất vui ca lên, họ đã chiếm nghĩa địa và biến thành vùng đất mầu mỡ. Những hòn đá mộ đã được dời đi, chẳng còn một vòng hoa tang hay cây thập tự nào. Sát với nhà tôi nhà cửa mọc lên như bàn cờ đam vĩ đại, ánh nắng chan hòa, rơm khô chất thành núi. Đất sét trộn rơm màu đen, mỡ màng, những con la khỏe mạnh, nhả nãi đang dầm chân trong đất sét ướt, những luống cây đã cắt ngang trông như bơ mềm. Toàn nghĩa trang đang ca lên với những sản phẩm mầu mỡ, phong phú. Những ngọn lúa mì, đại mạch, tiêu mạch đang ca lên, nghĩa trang đang dâng lên với những thực phẩm, những con la đang quấy đuôi, những người da đỏ sạm đen đang hát thầm thì và tụng kinh, mồ hôi chảy lăn tròn xuống đôi bắp chân. Cả phố bây

giờ sống nhờ nguồn tiếp liệu phong phú của nghĩa địa xưa. Cửa ăn cho người, rơm khô cho bò ngựa rồi lại biến thành máy hơi nước, thành tiếng hát khiêu vũ. Ai có ngờ đâu dưới những phiến đá nghĩa trang, giờ lại dâng lên những điều khôn ngoan như vậy. Ai có nghĩ rằng xưa kia những người tu đạo Luther mập mạp lại đã gặt được một mùa gặt thịt xương rữa thối, giò bọ rúc rỉa? Giờ đây cái gì cũng trở thành yếu tố tạo phì nhiêu, kể cả đá mộ bia vỡ nát. Dưới lớp cỏ xanh mềm, những con ma cà rồng dâm ác đang huy hoàng trong vinh quang và quyền lực. Tôi chưa thấy một nghĩa địa nào trên thế giới lại phát triển như nghĩa địa này. Không đâu trên thế giới có nhiều phân bón tốt như vậy. Hỡi cây thập tự, ta ôm lấy ngươi. Còn đâu những bộ mặt xám ngoét, trắng bệch, những chiếc sọ Beethoven, những bộ xương bắt tréo nhau,

và những cẳng chân ống sậy. Tôi chỉ còn thấy ngô, khoai, những cây mây, tử đinh hương, tôi đã thấy những móng chân quen thuộc, lừa ngựa, loài nào giống nấy, chân bết nứt ra, đất nhét vào các khe. Tôi thấy những chiếc khăn tay màu đỏ, những chiếc áo sơ mi xanh, những chiếc nón thuộc địa rộng vành bóng nhẫy mồ hôi. Tôi nghe thấy tiếng ruồi đang vo ve, lười biếng. Không khí vang vang một niềm vui vô tư, vô ưu, những con bướm nhỏ chập chờn bay. Chẳng còn nghe tiếng chuông, tiếng kèn, tiếng chiêng, hoặc tiếng thắng xe rít lên nữa, chỉ nghe tiếng lừa đập móng chân cộp cộp, nước chảy rí rách, tiếng đàn guitar và harmonica, tiếng trống đập nhịp và tiếng chân nhịp theo điệu nhảy. Tôi nghe thấy tiếng cửa chớp được bỏ xuống, tiếng lừa kêu be be trong máng lúa. Cảm ơn Chúa Kitô, chẳng còn đâu những bộ mặt

xám ngoét nữa. Tôi thấy những cu-li da đen, những người đàn bà da đỏ, tôi thấy những bóng cây sôcôla, cây chanh, ôliu Địa Trung Hải, một thứ vàng màu da của dân Hawaii, tôi thấy mọi thứ bóng thánh giá rất tinh khiết, nhưng không có bóng nào trắng cả. Sọ và những đôi chân bắt tréo đã biến mất cùng với những nắm mồi, xương trắng của loài da trắng đã bày ra một mùa gặt phì nhiêu. Tôi thấy mọi vật đều có tên riêng, mọi hoài niệm đã biến mất, tôi điên lên vì sung sướng. Trong cánh đồng dập dờn cỏ xanh, tôi đi lướt qua những luống cỏ ứt sũng sương, bên phải bên trái tôi là những bắp cải mỡ màng, bánh xe ứt nhẹp bùn, những trái dâu tây bị nghiền nát, trái ô-liu bẹp nhẹp mùi chua chua. Trên những đôi xác chết, tôi đè dẹp chúng gí xuống cỏ xanh, tôi vừa đi vừa ban phép lành. Tôi đi lão đảo như thủy thủ say, chân ứt, tay khô nhìn

qua lúa mì, hưởng về một đám mây, mắt tôi nhìn vờ vẩn trên dòng sông, nhìn con tàu buồn hắc nô chở khảm, buồm trôi lơ đờ. Mặt trời đang tỏa ánh gắt gay, hút trọn hơi thở của dòng sông. Trên bờ sông xa hơn, thấy nổi bật những cọc nhọn, trên những chòi của người da đỏ có những cuộn khói lười biếng tỏa lên. Tôi thấy chiếc riu nhỏ của người da đỏ vút qua trong không gian với tiếng thét người quen thuộc. Tôi thấy những bộ mặt rạch, xâm hình những chuỗi hạt óng ánh, những cuộc khiêu vũ đi giày da nai của người da đỏ, những đôi vú bẹt, dài thòng và trẻ em da đỏ để bím tóc.

Các sắc dân da đỏ Delaware, Lackawanna, Monongahela, Mohawk, Shenandoah, Narragansett, Tuskegee, Oskaloosa, Kalamazoo, Seminole, Pawnee, Cherokee, Manitou, Blackfeet, Navaho:

giống như một đám mây đỏ vĩ đại, giống như cái chày bằng lửa đỏ, một thế giới sống ngoài vòng cương tỏa của pháp luật chúng ta đang điều hành trước mắt tôi. Tôi không còn thấy ai là người Lett, Croat, Finn, Dane, Swede nữa. Không còn những con lai, những người Ý di cư sang Mỹ, không còn người Trung Hoa, người Ái Nhĩ Lan, những kẻ hèn hạ, những kẻ hung bạo, không còn dân Do Thái. Tôi thấy những người Do Thái ngồi trong tổ của họ, mặt khô răn như da thuộc, sợ nhẵn nhúm không xương.

Lại một lần nữa, cái rìu lại lóe lên, những da sọ bay tung lên, xa xa ngoài sông đang lập lòe trôi một đám mây màu sáng rõ. Từ các sườn núi, từ các hang lớn, từ các đầm lầy miền Nam Mỹ đổ ra một dòng người toàn thân vậy máu. Từ dãy Sierra tới dãy Appalache, đất bốc hơi

màu máu giết người. Da sọ tôi bị lóc đi, vành tai treo lủng lẳng, chân tôi mất tiêu, hai cạnh sườn bị tên bắn găm lửa tủa. Tôi nằm lòi ruột trên khoảnh đất bên cạnh hàng giậu, tất cả chỉ còn là đồng lầy nhầy đầm máu, chỉ còn là da và thịt nhể nhại. Gió lửa qua ruột già nát bấy của tôi, hú lên như sáu chục tên da trắng cùng hú một lúc. Một ngọn lửa trắng, một tia nước đá xanh, một bó đuốc đang quậy trong ruột tôi. Tay tôi gãy lìa. Thân xác tôi là một nắm mồi, ma cà rồng đang nấp trong đó quạt súng máy ra. Mình tôi đầy những viên ngọc sáng lạnh. Tia nắng mặt trời tựa như hàng ngàn những chiếc lao nhọn xuyên qua người tôi, bảo ngọc tôi bốc lửa, dạ dày thét lên như xé vải. Đêm ngày, tôi mơ mơ màng màng chẳng hiểu gì cả, vòm thế giới như sụm đổ nổ tan. Trong ngọn lửa máu, tôi cảm thấy như có cái kẹp lạnh buốt kẹp cứng người, lưỡi

lửa quẩn kéo tôi đi qua cửa sông, một kẻ mù lòa, không ai giúp đỡ, ngộp thở, kinh sợ, thét lên với tình trạng bất lực, yếu đuối. Tôi nghe tiếng nước lạnh buốt róc rách chảy xa xa, tiếng chó sói tru dưới những rừng thông già, một chấm sáng le lói trong cánh rừng đen xanh, một chấm sáng mùa xuân, làm tuyết bản thêm, làm những dòng sông thêm đục ngầu. Một thứ tiếng róc rách ghen ngào, một thứ âm ti bình thản giống như thiên sứ xòe cánh bay dưới dạ cầu. Cống đầy những tuyết là tuyết. Trời mùa đông, mặt trời chiếu làn ánh sáng nhợt nhạt buổi trưa. Chùng vào một hay hai giờ chiều, mặt trời còn chiếu sáng, thì mọi vật đều biến thành nước, cái gì cũng chảy, nhỏ giọt và róc rách. Trong tôi, một làn nước lạnh làm tắc các hồi mạch của tôi. Một dòng nước trong xanh đang luân lưu trong tôi từ ngón chân tới kẽ tóc. Tôi hoàn toàn

trong tình trạng tan rã, vui đến nghen ngào.

Đi qua phố trên những chỗ bằng phẳng, một nguồn vui tươi xanh rục lên trong huyết quản, nhỏ bé, bị tắc nghẹn của tôi. Tuyết đang tan, cống nước đang trôi lập lờ. Phiền muộn và vui vẻ cùng tan đi, nhả ra thành nước và trôi vào cống lớn. Bỗng nhiên chuông bắt đầu nổi inh ỏi, những hồi chuông chiêu hồn man rợ, chát chát làm nát máu trong huyết quản tôi. Trong cảnh tuyết tan, một cảnh tàn sát đang diễn ra, những con ngựa Tàu thấp, lưng đeo lưng lẳng sọ người và những khúc xương màu trắng hếu. Trước mỗi căn nhà có hàng rào sắt mỗi cọc nhọn đều cắm những bông hoa xanh.

Trên con đường sâu nảo, bà mẹ yêu quái đi ngược gió, áo sổng bà phùng lên vai, đeo đầy sọ người. Chúng tôi vô cùng

khiếp sợ, chạy trốn đêm thâu, chăm chú đọc cuốn album ngoài có vẽ chiếc xương chéo và cái trán gồ. Mùi hôi thối từ cống rãnh xông lên, trong những bị cột chặt, những tiếng rần xì xì nghe ghê rợn. Những bông hoa màu xanh da trời có chấm như những con báo vẩy đầy máu. Trái đất nhuộm màu xanh, vàng, màu tủy xương, bụi xương trắng. Khắp nơi tuyết tan. Trong một góc cầu thang, một người cầm chiếc mũ nổi, áo xanh, quần cụt, râu bạc mọc chớm lởm. Vừa ấn nút điện, thì nhựa thuốc chảy ra, những trái chanh chín vàng, ngà voi...

Một trận gió sắc mùi nước đá quý và nhũ hương cuốn những cái lều bay tung lên không. Ánh sáng ban mai cứ tăng dần lên, cửa kiếng nhỏ giọt nước. Một người tóc dài tới chân đang bước chậm

chậm, một người tay cầm chiếc chong chóng quay phất rồi biến luôn. Một người không nghĩ gì cả, nhưng đi lầm lũi trong một đêm sáng sao tìm một chỗ trú và cắt bộ tóc rậm đi...

Chị Monica đang chơi guitar, áo mở toang, nơ buộc đầu bỏ lơ, hai bên tai đeo tòng teng, mặt chị đầy mồ hôi muối, mắt mờ đi, lơ đãng...

Con đường sâu muện cứ rộng mở thêm, có những đôi môi xám nguệch mấp máy, đôi cánh hải âu lơ lững, cổ nó dài ra, nghiêng... cả một bầu vật rừng xỏ lòng, la hét... đêm đẫm máu, đêm man rợ, các chân chim ó đều bị cắt cụt, các tháp chuông hát lên sâu muện, những bắp thịt oằn oại, các ngón chân bị treo đi, tóc bị lóc ra, răng gãy vụn, xương sống kêu răng rắc. Suốt đêm xương sườn gãy răng rắc. Hai lần bình minh ló dạng, rồi lại

lặn mất. Tuyết tan nhỏ thành giọt nước, không khí bốc hơi. Trên các đường phố, xe tang đi lại rầm rập, các bác tài ra roi quất ngựa chạy mau. Đông, Tây, Nam, Bắc vạn vật sôi nổi, la hét, lao lung... Sóng bạc đầu đầy bọt sóng quật lên bờ ào ạt. Nước triều gào thét dưới những tảng đá xanh. Trái đất quay nhanh hơn lên.

Ánh sáng quay cuồng để thoát ra cái cảnh hỗn loạn này.

Thoát ra cái cảnh hư vô tĩnh lặng và thiếu quân bình mãi mãi này.

... Cái vật điên khờ gọi là giấc ngủ cứ chạy đều như một chiếc đồng hồ lên dây tám ngày.^{***}Tới Paris, rời Paris, thì Paris vẫn luôn là Paris, nước Pháp vẫn là nước Pháp và nước Pháp lại là nước Trung Hoa. Tất cả những chuyện đó xem ra khó hiểu, nhưng nó cứ ám ảnh tôi hoài như

một bức tường dây trên thung lũng tôi thường hay dạo chơi. Trong bức tường đó, tôi có thể sống cuộc sống Trung Hoa của tôi một cách thanh bình. Tôi không phải là khách lãng du, cũng không phải là kẻ lang thang vô mục đích, nhưng tôi thấy như mình phải làm việc trong một đường hầm đen tối, phải bươi móc trong lòng đất để tìm ra nước uống và ánh sáng. Vì sống ở Mỹ châu, nên tôi không thể tin được rằng còn có một nơi khác trên thế giới mà con người thực sự sống ra con người. Vì hoàn cảnh mà tôi bó buộc trở thành một người Tàu sống trong quê hương tôi. Tôi đã làm nô lệ cho nàng tiên nâu, để có thể đương đầu với cảnh bản thủ của đời sống, mà tôi không được dự phần. Bình thản và tự nhiên như một cành cây khô rớt xuống dòng sông Mississippi rồi trôi vào đời sống Mỹ. Tôi nhớ mọi việc đã xảy ra cho tôi, nhưng

tôi chả muốn nhắc lại quá khứ, tôi chẳng ước muốn cũng chẳng luyến tiếc gì. Tôi chẳng khác gì một người thức dậy sau một giấc mơ dài. Tôi sinh ra và sống như một kẻ không được sinh ra, người không được sinh ra thì chết như một kẻ đã sinh ra. Cứ sinh ra rồi lại tái sinh hoài hoài. Sinh ra khi đang đi dạo phố, khi đang trong quán cà phê, trong khi nằm bên một kỹ nữ. Sinh ra rồi tái sinh hoài hoài. Phải làm không được chết một cách đơn giản, nhưng phải chết đi sống lại hoài. Cứ cảm như tôi đã được vào thiên đàng khi cánh cửa mở ra và dưới chân tôi là những lễ đường. Tại sao tôi lại học đi sớm thế? Tôi đi bằng chân nào vậy? Giờ tôi đang đi về nghĩa trang, dự đám táng của chính tôi. Tôi nghe tiếng xéng cuốc rộn ràng, và một đám mưa đất lục đục trên quan tài. Tôi hơi nhắm mắt lại, tôi như không có giờ để ngửi một đóa hoa, tôi như bị

ngộp trong đó khi người ta hạ huyết. Tôi lại sống trong tình trạng bất tử khác. Khi trở về và lìa xa trái đất, tôi thấy như luôn trong tình trạng báo động. Tôi đã để thân xác cho giòi bọ rúc rĩa và giữ tâm hồn trong trắng để hiến dâng cho Chúa.

Vào những buổi xế trưa, khi ngồi ở quán La Fourche, tôi bình tĩnh tự hỏi «Tôi từ đâu tới?» Lúc đêm xuống, hình như tôi lên du nguyệt điện rồi trở về. Tôi ngồi chỗ ngã tư đường mơ màng nghĩ về tất cả những gì được kể như riêng tư và bất hủ của tôi. Tôi khóc trong lade. Đêm đêm, khi trở về Clichy, tôi có cùng một cảm nghĩ đó. Bất cứ khi nào tôi trở lại quán La Fourche là y như thấy một con đường sáng dài hun hút tận chân trời, và trong tôi có vô số những cái tôi đang ngự trị. Tay trong tay, tôi cùng đi với những cái tôi đó trên những con đường có lần tôi

đã độc hành, mà tôi gọi là những bước đi vĩ đại quý giá của sự sống và sự chết. Tôi nói với những bạn đồng hành tôi tự tạo ra đó cũng đã nhiều như thế tôi nói với chính tôi là tôi đã vô cùng bất hạnh khi chờ được sống và chết có một lần ở trần gian và luôn luôn phải sống cô độc. Giờ thì tôi chẳng bao giờ cô độc nữa. Trong những nghịch cảnh tệ hại nhất, tôi vẫn luôn ở với Chúa.

Có một cái gì luẩn quẩn trên con đường từ công trường tới quán La Fourche làm cho những cuộc đi dạo có một cái ám ảnh gọi khêu kỳ thú bỗng bật dậy. Cầm bằng tôi vừa rời quán cà phê Wepler và vừa cầm cuốn sách «nghệ thuật viết văn và ý chí,» có lẽ tôi chỉ hiểu loạc choạc đôi ba dòng. Có lẽ cả một buổi chiều, tôi chỉ đọc có mỗi một trang sách. Có lẽ tôi không còn ở quán cà phê Wepler

cũng nên. Nhưng khi nghe nhạc cất lên, thân xác tôi như cất cánh tung bay. Và giờ, tôi đang ở chỗ nào nhỉ? Tại sao tôi lại ra ngoài và phải bó buộc đi dạo như vậy? Một cuộc dạo chơi ngắn ngủi 60 năm cuộc đời hoặc hoàn tất trong thoáng giờ một trang sách.

Lúc tôi vừa rời quán Wepler, tôi nghe có tiếng gì xì xào lạ lẫm. Chả cần quay lại nhìn tôi biết là thân xác tôi đang vội vã bắt kịp tôi. Đúng vào lúc đó, những ống hút phấn được xếp giăng ngang đường, những ống bằng cao su vắt ngang đường như là những con sâu to bò lổm ngổm. Những con sâu mập đó đang hút phấn ra khỏi các hầm cầu tiêu. Chính cảnh này gây cho tôi niềm lạc thú tinh thần và nhìn vào trắc diện của tôi. Tôi thấy mình đang cúi gò trên cuốn sách trong tiệm Wepler; tôi thấy một kỹ nữ ngồi sát

cạnh tôi đang đọc qua vai tôi, tôi cảm thấy hơi thở của cô ta trên cổ tôi. Cô ta đờn tôi ngược mắt lên, có lẽ để nhờ môi lửa điệu thuốc cô đang cầm trong tay. Cô sắp sửa hỏi tôi làm gì một mình ở đây và có buồn không. Cuốn sách viết về «nghệ thuật viết văn và ý chí» tôi đã mua đem vào tiệm cà phê đọc vì đọc trong tiệm cà phê ồn ào mới hay và đó cũng là cách để trị bệnh. Nhạc trong tiệm cà phê đông khách cũng hay và làm tăng cảm giác cô độc của ta lên. Tôi thấy đôi môi nàng kỹ nữ lẩm nhẩm trên vai tôi. Đôi môi hình trái tim, mềm như nhung. Đôi môi run lên khi hát những giọng cao và mơ màng như nai tơ bên bờ suối. Giờ tôi như đang ôm cứng lấy mình. Cái khoảng không gian nhỏ hẹp từ công trường Clichy tới tiệm cafe La Fourche, từ những lối đi tối om dọc khoảng đường có đầy nhóc gái điếm, giống như loài dơi bay ra ăn

đêm. Họ chạm vào tóc, tai, mắt tôi. Họ bám vào tôi bằng những móng vuốt sắc nhọn để hút tủy... Họ có mùi những cây sau trận mưa lớn suốt đêm họ ăn sương trong những ngõ hẻm. Họ gây ra những tiếng động nho nhỏ như tiếng vỏ cây nứt vỡ, những tiếng kêu ngu khờ, đầy quyền rũ làm xác thịt khóc thét lên. Họ ùa đến tôi như chấy rận có những chiếc vòi dài như các rễ cây bám vào chân lông tôi. Dĩ điểm, âm nhạc, lũ đông, những bức tường, đèn trên tường, phân, ống hút phân chạy đều một cách can đảm. Tất cả đều hợp thành một đám mây nước rồi tụ lại thành giọt mồ hôi lạnh buốt như thây ma.

Đêm nào cũng thế, khi tôi đi về phía quán cà phê La Fourche, tôi như phải so gươm với một ai đó. Đêm nào tôi cũng

như bị lột da và búa rìu quật tới tấp. Tôi về nhà, rũ rũ chảy rận khỏi quần áo và rửa máu bê bết trên người. Tôi đánh một giấc, ngáy thật to. Đó là cái mặt phải của tôi. Giữ cho thân thể êm ả và tâm hồn trong trắng.

Căn nhà tôi đang ở rùm xuống. Buồng nào cũng trống hoác. Nhà tôi chẳng khác nào một người xương gĩa ra hết vì bị lột da. Giấy dán tường rách tả tơi, giường không mền, bồn rửa mặt không có. Mỗi đêm trước khi vào nhà, tôi đứng lặng nhìn cảnh đó. Cảnh ghê tởm này ám ảnh tôi. Cuối cùng tại sao tôi không ghê tởm một chút thôi nhỉ? Mỗi người là một viện bảo tàng chứa những gì ghê tởm của nòi giống mình. Mỗi người thêm vào khu triển lãm mới cho viện bảo tàng. Cũng thế, mỗi đêm đứng trước căn nhà dột nát, tôi cố gắng

để nắm được ý nghĩa của nó. Cảnh bên trong căn nhà càng phơi bày ra tôi lại càng thương căn nhà tôi ở. Tôi thương nó, dù có chiếc bồn tiểu cũ nằm dưới gầm giường, chả ai dùng tới nữa.

Ở Hoa Kỳ, tôi đã sống trong nhiều căn nhà, nhưng nhớ là chưa thấy căn nào như vậy. Tôi phải nhớ rõ những gì đã xảy ra cho tôi và tôi đi phố cùng với những cái đó. Có lần tôi thuê chiếc xe ngựa cũ đi xuống Đại lộ IV. Lúc ấy vào xế trưa mùa thu, tôi đang đi qua những phố phường trong tỉnh tôi ở. Đàn ông đàn bà đang đi dạo trên lề đường: những con vật kỳ lạ, nửa người nửa ngợm. Đi đi lại lại trên đường phố, nửa điên nửa dại, răng thì trắng hếu, mắt lão liên. Đàn bà mặc quần áo thật đẹp, bà nào, cô ấy cười thật tươi. Đàn ông thỉnh thoảng nhếch mép cười, cứ như thế họ đang đi vào

hòm để gặp Chúa Cứu Thế. Mỉm cười như vậy suốt đời với cái nhìn láo liên, điên khờ, đi tiểu một cách ngang nhiên vào cống rãnh. Tôi cầm khẩu súng và khi tới con đường số 40, tôi nhả đạn. Chả ai để ý tới cả. Tôi bắn họ ngã ra bên phải, bên trái, nhưng lũ đông cũng chẳng thừa đi. Người sống đạp lên người chết mà đi, miệng vẫn cười tươi khoe bộ răng trắng ớn. Chính nụ cười trắng hếu này làm tôi nhớ đời tôi thấy lại cảnh tượng đó trong giấc ngủ. Khi tôi giơ tay ra để van xin nụ cười của George bay lơ lửng trên những nải chuối treo ở tiệm trái cây. Hoa Kỳ mỉm cười trên cảnh nghèo khổ. Điều đó đâu có đáng mỉm cười và tại sao mình lại mỉm cười khi đi lang thang trên chiếc xe thổ mộ. Cười lên, và thế giới sẽ cười với bạn. Cười lên bên cạnh người hấp hối để người ra đi yên lòng hơn. Cười lên. Chẳng bao giờ tắt lịm trên môi cả!

Vào một trưa thứ Năm, khi tôi đang đứng đối diện một người Âu châu xấu xí trong xe điện ngầm. Mặt hắn còn vương lại một vẻ đẹp đã bị tàn phá, như thể trái đất và hắn đã cùng dự vào cuộc dâu bể của vạn vật. Lịch sử của nòi giống họ đã in hằn trên khuôn mặt họ, da họ chẳng khác giấy giá thú ghi lại tất cả những diễn biến của nền văn minh. Những cuộc di cư hận thù, chém giết, chiến tranh của Âu châu: Tất cả đều để lại vết tích trên mặt họ. Họ không mỉm cười, mặt họ đã được sửa soạn kỹ rồi, những gì đã viết tên họ đều kết thành ngôn ngữ của giống nòi, tính tình, lịch sử. Tôi thấy trên mặt họ chiếc bản đồ Âu châu sắc sỡ, rách bươm. Một bản đồ có những đường dọc kẻ ngang vẽ đường xe lửa, đường tàu biển và đường hàng không, với những biên giới quốc gia, và những thành kiến không bao giờ xóa bỏ được. Chính những chỗ lồi lõm,

vòng vèo, những lỗ trống lớn chỉ thị biển cả và những đại hồ, những đường gầy chỉ thị các đảo, tất cả những chỗ trống lơ lửng có vẻ thần thoại lại là những bán đảo, tất cả những vết hằn và soi mòn chỉ thị những cuộc tranh chấp tiếp diễn mãi không ngừng, giữa con người và thực tại. Tôi vô cùng cảm kích khi nhìn vào chiếc bản đồ này, nhìn vào cái lục địa menh mông còn hơn ta tưởng, và trong thực tế đó không phải là lục địa nhưng chỉ là một phần của địa cầu mà nước đã cắt chia ra. Nếu không có chút kiến thức gì về địa lý, ta chẳng hiểu thế nào là cảnh bể dâu mà lục địa Âu châu đã từng hứng chịu với những mạng lưới sông ngòi, đại hồ và những vùng biển nay không còn nữa. Ta có thể thoáng nhìn thấy những cố gắng vĩ đại con người đã kinh qua bao nhiêu thời kỳ, và ta thấy đó không phải là những cố gắng luống công, vô ích. Hiện

nay ta còn nhận ra sự thay đổi ghê gớm về khí hậu tiếp theo việc đất nổi lên. Nếu với con mắt nhà họa địa đồ, khi nhìn vào tấm bản đồ này, ta có thể tưởng tượng ra được cái cảnh 50 hoặc 100.000 năm sau sẽ thay đổi thế nào.

Cứ thế, khi nhìn vào biển cả và đất liền tạo thành cái lục địa cho loài người, tôi thấy cái cảnh đổi thay kỳ lạ, quái gở, hết cái nọ đến cái kia, chứng kiến sự chiến đấu anh dũng của con người, tôi có thể vạch ra theo con đường quanh co dài dặc của sông ngòi sự mất sức mạnh, niềm tin, lòng can đảm, sự duyên dáng và làm cho tâm hồn dần dà mòn hao vì sầu khổ. Tôi có thể thấy rằng những biển cả được các biên giới tự nhiên giới hạn lại, trông chúng vẻ nặng nề và mong manh như những dợn sóng thay đổi bất kỳ. Tôi có thể cảm thấy chỗ nào thì thời tiết thay

đổi, chỗ nào là vùng phì nhiêu bây giờ nhưng mai sau sẽ khô cằn sỏi đá, và chỗ khác sỏi đá bây giờ nhưng mai sau lại nở hoa. Tôi tin chắc rằng với một bách phân nào đó, huyền thoại là một sự thật, và rồi con người sẽ tìm ra được những dây liên lạc thực sự đầy tình người, rằng những lỗi lầm quá khứ sẽ được sáng tỏ ra, và sự hờn giận cũng như những sự lầm lẫn là những điều ta cần xóa bỏ đi. Là người, nên ta có đầy đủ mọi yếu tố đã cấu thành trái đất, ta mang chúng đi khắp nơi với ta, cùng với sự thay đổi về địa chất và khí hậu. Trước mắt ta, bản đồ Âu châu đang thay đổi, không ai sẽ biết rằng tân lục địa sẽ bắt đầu ở đâu và kết thúc ở đâu.

Tôi đứng giữa cảnh thay đổi vĩ đại, quên cả tiếng mẹ đẻ và cũng không nói thứ tiếng mới. Tôi đang ở Trung Hoa và nói tiếng Trung Hoa. Ở đây, không có

một đồng hồ nào, chẳng có luật lệ gì cả. Căn cứ vào bản đồ thì tôi đang ở Paris, chiếu theo lịch sử, tôi đang ở thế kỷ 20. Tôi đang ở Trung Hoa và đang ngược dòng Dương Tử giang trên một con tàu Á-rập 200 tấn; thực phẩm tôi gom góp được là lấy ở rác rến của những tàu Mỹ thải đi. Tôi phải bỏ ra cả một ngày tròn để sửa soạn một bữa cơm hầm bà lằng, nhưng bữa ăn đó ngon tuyệt vì tôi có một dạ dày bằng sắt.

Những người Louvecienne đang đi vào... Dưới chân tôi là thung lũng sông Seine. Toàn cảnh Paris nổi bật lên như một cái nhìn thật gần. Tôi nhìn kinh đô Paris hết phố nọ sang phố kia, làng trong làng, pháo đài trong pháo đài. Giống như một gốc cây cổ thụ có bấu của một rừng già chơ vơ, oai hùng. Paris đứng giữa một cánh đồng mênh mông bên

dòng sông Seine. Nó đứng lì ở đó mãi, khi thì thu hẹp lại lúc bành trướng thêm ra, cái mới do cái cũ sinh ra, cái cũ suy vi và chết đi. Trải qua bao thời gian dâu bể, Paris vẫn đứng đó yếu điệu, ngọc ngà, một kinh thành linh thiêng, những con đường huyền diệu của nó lách dưới biển những mái nhà để thoát ra cánh đồng mênh mông.

Trong lúc thời gian vô vị trôi qua, tôi ngồi mơ màng với ly rượu khai vị. Trời lặng, mây yên. Tôi ngồi giữa cảnh náo nhiệt, an tâm nghe tiếng rạt rào của đời sống mới dâng lên giữa những cảnh suy vi quanh tôi. Chân tôi đụng phải một thân xác vĩnh cửu mà tôi không biết gọi tên là gì. Tôi đang cảm thông với toàn thể trái đất. Tôi đang nằm trong lòng thời gian và không có gì hất tôi ra khỏi cảnh thanh

bình trong lòng được. Một kẻ lang thang đã thấy hứng khởi hoạt động. Tôi ngồi giữa phố để làm một bản nhạc. Đó là bài tôi đã nghe từ hồi còn thơ dại, bài hát tôi đã quên mất trong thế giới mới và không thể nào nhớ lại được không khác gì một cành cây nhỏ rơi vào lòng đại dương. Đối với người phải bó buộc mơ màng với đôi mắt mở rộng, thì mọi cử động như đảo ngược cả, và tan ra như mảnh kiếng vạn hoa. Khi tôi trải qua cảnh ghê tởm của hiện tại, tôi tin rằng chỉ những ai can đảm nhắm mắt lại, coi cảnh ảo là cảnh có thật là có thể ảnh hưởng tới vận mệnh của mình. Một khi chạm trán với cảnh kinh tởm đó, tôi tin rằng mọi tài nguyên của nền văn minh hiện tại cũng không đủ để khám phá ra cái hạt cát nhỏ xíu cần thiết để đánh đổ những cảnh cũ rích ngày xưa, chính nó làm mất thế quân bình của thế giới ngày nay. Tôi tin

rằng chỉ cái kẻ mơ màng, không sợ sống, cũng không sợ chết mới có thể tìm ra cái may mắn vì ti đó gồm đủ sức mạnh rung chuyển vũ trụ thật chớp nhoáng. Không phải trong chốc lát mà ta tìm ra cái diễn tiến từ từ, khổ nhục và huy hoàng, hợp lý, tầm thường và cao cả của vạn sự vật. Tôi tin rằng toàn thể vũ trụ chứ không riêng gì trái đất, với tất cả mọi sinh vật, và vật chất cấu thành trong vũ trụ, trong tầm quan sát của ta hoặc vượt ngoài tầm quan sát của ta, trong tầm hiểu biết hoặc ngoài tầm hiểu biết của ta, đều thét lên vì đau khổ, điên cuồng. Tôi tin rằng, nếu một mai loài người khám phá được những phương tiện, nhờ đó ta có thể bay tới những tinh cầu xa xăm nhất, tới một thế giới mà theo sự tính toán của loài người, ánh sáng của nó chỉ tới trái đất khi chính trái đất tan rã — tôi tin rằng, nếu một mai ta đổ bộ những tinh cầu đó

thì chúng ta cũng lại gặp thấy nguyên cái cảnh ghê sợ, khốn cùng và điên khờ của loài người như hiện giờ. Tôi tin rằng, nếu ta hòa nhịp được với những bước đi của các tinh tú để tránh sự va chạm đổ vỡ thì chúng ta cũng hòa nhịp được với vận mệnh hiện nay đang điều khiển ở đây, ở đó, trên trái đất này cũng như trên những tinh cầu xa lắc xa lơ. Dù bất cứ nơi đâu, ta cũng không tài nào tránh khỏi cái định mệnh khắt khe đang kiểm chế mỗi người, mọi người, nhân loại, loài vật, cây cối, đất đai, sông ngòi, núi đồi...

Vào một đêm, khi không còn tên nào nữa để gọi cho sự vật, tôi đi về phía mút con đường và giống như người bị buộc chân đi hết tâm dây, tôi nháy qua cái hố chia biệt sự sống với cái chết. Khi nháy qua bên kia bức tường nghĩa địa, ở đó chiếc bồn tiểu bằng đá cuối cùng

còn đang róc rách, bỗng cả một thời thơ ấu của tôi dâng lên làm nghẹn họng như một khúc xương to. Tuy nhiên tôi đã vùng vẫy, chiến đấu như một thằng điên để thoát khỏi quá khứ. Cuối cùng quá khứ đã ca khúc khải hoàn. Cuối cùng tôi cũng nhận ra rằng tương lai là một cái gì giả tạo, một gương chiếu bản thủ, cát ở dưới đáy. Chiếc đồng hồ cát, một cái gì còn sót lại ở một chiếc lò lửa đã thiêu tàn. Cứ đi mãi, tôi tới trung tâm của Levallois-Perret, và đi ngang qua một người Á-rập đang đứng ở lối đi vào một ngõ hẻm đen tối. Hắn đứng trong một vòng cung ánh sáng tưởng chừng như đã bị hóa đá. Không có gì chứng tỏ hắn là người cả. Không có đòn bẩy, lò xo nào có thể hất tung hắn ra khỏi chỗ hắn đã đứng lì ở đó. Tôi càng đi lang thang hình ảnh hắn càng in sâu trong tiềm thức, hình ảnh một người Á-rập đứng

trên một hòn đá tảng trong vòng cung ánh sáng. Hình ảnh một người đàn ông và một người đàn bà khác đang đứng co ro ở đường phố — mặt thì có vẻ người nhưng đang bị hóa đá. Kể từ lần đầu tiên khi đi vào đời sống phố phường tôi chẳng thấy tôi thay đổi mấy may. Những điều tôi đã học được, đều là vô dụng và sai lầm. Giờ đây, tôi gạt bỏ cái bộ mặt sai lầm của trái đất. Từ cái đông ỏi mùa này, tôi đã sinh ra, rồi tôi sẽ chết ở đó không lối thoát, không Thiên đàng để tôi trú ẩn. Bàn cân ở mức thăng bằng. Chỉ còn một hạt cát nhỏ thôi, nhưng không đâu tìm ra nó. Tinh thần và ý chí thiếu sót cả. Tôi lại nghĩ tới cái vẻ lạ lùng và ghê gớm mà lần đầu tiên phố phường gọi ra cho tôi. Tôi còn nhớ căn nhà tôi ở, mặt nạ của nó, cùng là con quỷ ở trong đó cùng những sự huyền bí bao quanh nó. Tôi nhớ mọi sự việc đã xảy ra trong thời ấu thơ, cùng

với vẻ lạnh lùng, ánh hào quang vây phủ, những cảm giác của thân xác, mùi vị của ấu thơ. Tôi nhớ những ngày trong tuần lễ và những ông thần cai trị những ngày đó, cùng với số mệnh và những hương vị của mỗi vị thần. Mỗi ngày đều là một cái gì thật mới mẻ huy hoàng hoặc lại quá dài lê thê hoặc trống rỗng ghê gớm. Tôi nhớ căn nhà tôi đã xây cất lên cùng những vật liệu tạo thành căn nhà đó. Tôi nhớ những thay đổi của năm tháng với những kết cuộc có tính cách quyết liệt, ghê gớm giống như cuốn lịch mỗi ngày giở sang trang. Tôi cũng nhớ những giấc mơ ban đêm cũng như ban ngày. Từ khi đi qua người Á-rập, tôi đã đi qua một chặng đường dài vô tận, hoặc ít ra tôi có cảm tưởng là đang đi trên con đường dài vô tận. Tôi quên rằng có những sự việc như những nếp địa tầng, dù độ nghiêng thế nào đi nữa, thì tên Á-rập vẫn cứ đứng

trơ đó. Dù tôi có tiếp tục đi mãi thì tôi cũng vẫn đứng trơ đó hoài. Ở mỗi ngã tư đường, tôi sẽ gặp một bộ mặt người đứng ở một hòn đá ngăn đôi đường, một bộ mặt hướng về một lối đi đen tối, trên đầu hẳn có một vầng sáng tỏa rực rỡ.

Hôm nay, tôi không còn khao khát đi dạo đó đây nữa. Tôi và thằng tôi dính quện lấy nhau. Trời đứng yên, không khí yên tĩnh. Bên kia bức tường, các nhạc công đang hòa nhạc. Lại sống thêm một ngày trong cảnh thất bại. Tôi lẩm bẩm điều đó rồi đi tắt qua nghĩa trang vào phố Rue de Maistre, và đi vào trung tâm Paris. Những con đường phố ngoằn ngoèo ở Montmartre không khác gì một con dao kỳ lạ đâm máu. Tôi đang đi giữa máu, tim tôi bốc lửa. Ngày mai đây, tất cả những cái đó đều bị tận diệt, cả con người của tôi nữa. Bên kia bức tường,

quỷ sứ đang gào thét. Tim tôi càng bốc lửa hừng hực.

Trèo lên Montmartre, thánh An-tôn ở bên tôi, Diêm Vương một bên. Một người thì đứng trên đồi cao, rực rỡ màu trắng. Một kẻ trong hoàn cảnh đen tối rình rập. Trời đất quay cuồng, tôi trèo lên những mái nhà và ống khói cao ngêiu...

Chỗ phố Lepic quẹo trông cong như chiếc cặp tóc, lượn lên lượn xuống trông như nước lụt đã rút đi, để lại đất bồi. Những tiệm nhảy, bar, tửu quán, tất cả những bóng điện đêm đều mờ đi trước những núi đồ ăn được nằm ngổn ngang dưới chân đồi. Paris đang quét sơn lại tháp chuông của mình, đang hé môi cười, đang nhin miệng để chờ ăn bữa tiệc sắp tới. Thân xác tôi đang chuyển động trong môi trường của mình giống như một cuộc rước linh đình vẽ trong những

bích họa trong đền thờ Ai Cập, giống như truyện biến ngôn của dân Etruscan và như một buổi sáng vinh quang của đảo Crete. Mọi vật đều sinh động, vô số các sự vật khác biệt nhau, hơi ấm của thân xác con người, các chùm nho quện lại với nhau, mật ong đóng lại như kim cương. Các phố phường lướt trong bàn tay tôi. Tôi nắm gọn nước Pháp trong bàn tay. Tôi đang ở giữa cái tổ ong mật, tôi đang nằm trong bụng sôi ầm ầm của quái vật Sphinx. Tôi cùng với trái đất run rẩy với sức nặng sống động kỳ thú của nhân loại. Chúng qui chỉ thấy có thân xác là thật, còn ngoài ra chỉ là hoài nghi, thất vọng, ảo tưởng. Xác thịt là nền tảng cho cái gì không bị tiêu diệt.

Mặt trời đang lặn xuống dọc theo phố Orsel. Có lẽ mặt trời đang chìm

xuống thì phải, có lẽ chính đường phố đang thu mình nhỏ lại thành một tiền đường. Máu tôi đang chìm xuống cái sự giòn mỏng, lạnh lẽo của thần kinh. Trên mặt tiền rõ ràng chịt có một màng mỡ mỏng, một lớp màng của số phận, của bệnh điên. Rồi tất cả bỗng thay đổi thật nhanh, phố phường mở ngoác miệng ra trông như một giấc mơ của đá. Nhà thờ Sacré Coeur vụt đứng thẳng lên. Mỗi buổi trưa muện màu trắng nặng nề của nó như làm ta ngộp thở, buồn ngủ nặng trĩch giống như cái bụng mệt mỏi của người đàn bà mang thai. Trước sau, thấy máu là máu tuôn tràn, vành ngoài một lớp mỏng bao quanh, ở giữa uống cong lên và cứng như núm vú trinh nữ. Trên bờ dốc, hàng cây đứng nghiêng mình ra ngoài, cành lá sum suê ngã nghiêng lơ lờ trên một dòng nước vô hình đang lững lơ trôi qua dưới rễ. Có những mảnh trời

bám chặt vào đỉnh cây, giống như những nắm bông gòn nhuộm màu xanh, lớp lớp chồng lên nhau. Đất xanh rải rác những vụn bánh cùng với những con chó ghê, những con vật ăn thịt đồng loại nhảy xổ ra như từ túi bụng con kangaroo nhảy ra.

Từ bộ xương của vị tử đạo — những bộ xương vẫn còn vụn vẹo đau đớn trong cơn hấp hối, những cẳng chân êm như lụa bắt treo thành thập tự, có lẽ là những cẳng chân của những con điếm, của những người đẹp đã chết. Toàn thể căn biệt thự gỗ nhô ra với da trắng bệch của nó, những thạch nhũ nặng nề rủ xuống Paris với định mệnh thuyết của Moorish. Đêm vẫn xuống đều, đêm của những đại lộ vùng trời hực đỏ như lửa địa ngục, từ phố Clichy tới Barbès là một bức họa những huyết mộ mở toang. Đêm Par-

is êm đềm giống như những bậc thang lát cao su và giống như loài ma cà rồng nhoẻn cười giữa bậc thang. Suốt dọc chân đồi, các bồn tiểu cứ róc rách, lỗ cống tắc đầy bánh mì nhão. Cứ vào ban đêm, nhà thờ Sacré Coeur mới đứng bật nổi lên với vẻ duyên dáng của nó. Rồi từ cái vẻ trắng nặng nề của da nó, hơi ẩm từ đá bốc ra đọng thành nước chảy xuống hòa với máu. Đêm và Paris trải ra dòng máu trắng bệch. Thời gian lăn tròn trên dương cầm, mặt trăng kêu vang lên, trí óc ta căng thẳng. Đêm đến như một ống phóng bị lộn nhào, những đóa hoa đẹp đẽ của trí óc, những cây trường thọ mạ vàng, những cây thuốc phiện trắng xóa đã nhào thành nước dãi lê thê. Trên ngọn đồi Montmartre dưới một tấm vải màu xanh da trời, những con ngựa lớn bằng đá gặm sột soạt, móng chân chúng đập xuống đất rung lên. Địa cầu lăn tròn trên

con đường êm như nhung của những đại lộ. Càng ngày nó càng lẫn nhanh, trong khi đó các nhạc công ở vòng ngoài đang lên dây dờn. Tôi lại nghe điệu nhạc của vũ khúc ác quỷ với thuốc độc, đạn trái phá, của tim hực lửa gào thét trong đêm đen.

Vào một đêm xuân, trên đồi cao, một mình tôi cô độc trong thân xác cá voi, tôi lộn ngược đầu xuống, mắt căng mọng máu, tóc trắng như bông. Cái thân xác khổng lồ của con cá voi và cái thân xác bé nhỏ con người cứ mục dần, nát dần giống như chiếc bào thai nằm dãi ánh mặt trời thiêu. Người và chảy rận: một cuộc diễn tiến liên tục hướng về đồng giòi. Đây là mùa xuân mà Chúa Cứu Thế đã ca vang lên, bọt biển tím dẫm chua đưa lên miệng ngài và loài cóc nhái ó la, múa nhảy. Không có vết tích gì của gỉ sét,

buồn phiền. Đầu ngoẹo xuống giữa ngực trong tư thế mơ màng, đầy thất vọng đen tối, quá khứ dần dần chìm mất đi, hình ảnh múa nhẩy, kết chặt lại với nhau. Trong bụng nào cũng có tiếng vó ngựa sắt giậm mạnh. Mọi nắm mồ có tiếng rít của đạn đại bác, rồi từ đó chui ra cây vạn thọ. Người và ngựa giờ đây cùng cử động trong một thân xác, cánh tay mềm mại, móng chân ngựa chẻ đôi. Ngựa càng ngày đến càng đông, bồm dộng ngược, mắt đỏ lử. Xuân đang về trong đêm thâu với những tiếng gầm thét, cùng với những tiếng ngựa hí, lỗ mũi chúng phì hơi.

Lên phố Caulain Court, trên cầu nghĩa địa, một làn mưa xuân đang rơi nhẹ. Dưới chân tôi những nhà nguyện nhỏ quét vôi trắng trong đó người chết được chôn. Một vùng bóng gây những cầu thang tỏa xuống, cỏ đang chui ra khỏi

đất, xanh hơn ban ngày. Xa hơn, tôi gặp một người đàn ông và một người đàn bà. Người đàn bà đội mũ dạ, tay cầm chiếc dù gấp. Khi tôi đi lại gần bà ta, tôi nghe bà nói «Đó là một bộ đồ lót.» Tôi bấm mạnh vào tai. Chà, đó là một thứ quần áo lót đặc biệt và chẳng bao lâu, lớp lót bằng da thú cũng bay hết luôn. Giờ đây, tôi mới hiểu tại sao cái dù lại mở ra. Bà ta hét lên «Bộ đồ lót!» tiếp đó bà lại cụp dù lại. Tôi nói «Không phải đâu, cô bạn!»

Cảnh đó làm tôi sung sướng lạ thường, không phải vì tôi thấy bà ta kẹp ông ta bằng cái dù, nhưng vì tôi đã quên ý nghĩa của chữ «bộ đồ lót.» Tôi nhìn sang bên phải và thấy con đường dẫn tới thành phố Paris. Ta có thể biết hết mọi ngõ ngách của Paris. Nhưng một khi ta đã quên chỗ ta đang ở trong khi trời mưa nhè nhẹ, bỗng nhiên trong cảnh phiêu

bồng vô chủ đích, ta đi tới một con đường ta đã từng đi qua. Chính con đường này ta thấy một người nằm trên vỉa hè dang tay ra như vừa được gỡ xuống khỏi thập tự. Chả có ai bên cạnh hấn cả để xem là hấn còn sống hay đã chết. Hấn nằm ngửa, tay dang, bất động. Khi lại gần hấn, tôi biết là hấn chưa chết, hấn đang thở một cách nặng nhọc, một dải nhựa thuốc lá nhều dài trên mép. Tôi bỏ đi và tiếp tục bát phở, nhưng vừa đi được một chút, bỗng có tiếng cười giòn tan vang dội vào tai. Bỗng nhiên cửa ra vào một tiệm đẩy nhóc người vào ra và các mặt tiền hàng khác cũng nhúc nhúc người. Cả phố bỗng náo nhiệt. Đàn ông, đàn bà tay chống nạnh, nước mắt chảy dài trên má. Tôi lách nhìn qua đám đông đang bu lại cái người nằm dài ở lề đường. Tôi không thể hiểu được lý do tại sao bỗng mọi người đều chú ý và có một cái vẻ hài

hước như vậy. Cuối cùng tôi rẽ đám đông đi sát vào người nằm đó. Hắn vẫn nằm yên như vậy. Có một con chó đứng bên hắn ngoáy đuôi vui mừng. Mũi nó sục vào chiếc áo mở phanh của hắn ta. Đó là lý do tại sao mọi người đều cười rộ. Tôi cũng ráng cười thật to, nhưng không được. Tôi bỗng thấy buồn da diết, như chưa bao giờ buồn như vậy trong đời tôi.

Khi đang đi trên đường phố, bỗng nhiên tôi nhớ lại cảnh tượng đó. Đứng ở mặt tiền một tiệm bán thịt bên kia đường, có tấm vải sọc che nắng. Tôi đi trên lề đường ướt và gặp một người nằm dang tay ra như vậy. Tôi lại gần để nhìn kỹ hơn. Cũng đúng là thằng cha đó, chỉ khác một điều là bây giờ áo hắn mở toang ra và hắn đã chết. Tôi cúi xuống thật sát để xem là hắn thực sự chết chưa. Tôi biết chắc hắn chết rồi và tôi lại đứng dậy tiếp

tục đi. Tôi dừng lại ở góc phố một chút. Tôi đang đợi gì đây? Tôi kiễng chân lên, hy vọng lại được nghe một tràng cười nữa mà tôi đã nhớ một cách rất sống động. Không thấy một bóng người nào cả. Cả phố chỉ mình tôi và cái xác chết đó nằm vật ra trước tiệm thịt. Có lẽ đó chỉ là giấc mơ. Tôi nhìn vào bảng tên đường phố, để xem có cái tên nào mình biết không. Tôi sờ bức tường bên cạnh, xé rách một chút giấy ở tờ cáo thị dán trên đó, rồi lấy cái ghim ghim lại ném xuống cống. Nó trôi đi ngay và rơi vào một vũng nước bắn óng ánh. Xem ra tôi không phải là mơ, và tôi thấy sợ hãi hết sức. Nếu không mơ thì chắc là mình cũng điên rồi! Nhưng có một điều nếu tôi điên thì tôi cũng chẳng có thể chứng minh được rằng mình tỉnh hoặc mơ. Tôi lại nghĩ rằng, cần chi chứng minh với lại không chứng minh. Tôi là người độc nhất biết chuyện đó và nghi

ngờ chuyện đó. Càng nghĩ về chuyện đó, tôi càng biết chắc rằng điều làm tôi khổ sở không phải vì là tôi điên hay mơ màng nhưng chính vì cái người nằm dang tay ra đó là chính tôi, hay không phải nữa, chẳng biết. Nếu thật sự ta có thể rời bỏ thân xác trong giấc mơ hoặc trong cái chết, hoặc ta có thể rời bỏ thân xác mãi mãi để đi lang thang hoài trong cảnh không xác thân, không bầu vú vào đâu, không tên, tâm hồn lâng lâng, lãnh đạm với tất cả, một linh hồn bất tử, không bị hủy diệt như Thượng Đế — ai trả lời chính xác được đây?

Thân xác tôi — những nơi nó biết thấy đều lạ lẫm và chẳng liên quan gì đến tôi cả. Thần Ajax cầm tóc tôi lôi đi qua những đường phố và những nơi xa lạ... Quebec, Chula Vita, Darmstad, Browns-

ville, Suresnes, Monte Carlo, Czernowitz, Canrsie, Carcassonne, Cologne, Clichy, Cracow, Budapest, Avignon, Vienne, Prague, Marseilles, London, Montréal, Colorado Springs, Imperial City, Jacksonville, Cheyenne, Omaha, Tucson, Blue Earth, Tallahassee, Charnonix, Greenpoint, Parasite Point... Aix la Chapelle... Bonn, Nuremberg, Hanover, Hanoi, Honolulu, Seatie, Indianapolis... (tác giả kê ra có hơn hai trăm thủ đô trên thế giới...) Ở mỗi nơi này đều có một cái gì xảy ra cho tôi một cái gì thật ghê gớm. Mỗi nơi tôi đều để lại một xác chết nằm thẳng cẳng, tay dang rộng. Mỗi lần cúi nhìn con người tôi để biết rõ là xác tôi còn sống, và chắc rằng đó chính là xác mình, tôi lại tiếp tục đi, cứ thế! Tôi vẫn còn đi, còn sống động, nhưng khi mưa bắt đầu rơi và khi tôi bắt đầu đi lang thang vô chủ đích, tôi nghe thấy tiếng những xác

chết đó rơi lộp bộp trên đường tôi đi. Tôi tự hỏi — rồi còn gì nữa đây? Ta có thể nghĩ rằng thân xác ta chịu đựng đến một mức nào đó, nhưng lại không có. Thân xác lơ lửng trên cao đau đớn biết rằng tất cả đều bị tàn tạ, trừ lại ít móng chân, tay, móng tóc và cái mầm sống bất diệt sẽ còn lại mãi. Vì thế, dù ta có chết thực sự đi nữa hoặc bị quên lãng thì ta vẫn còn một phần bé nhỏ của ta còn mọc lên, tiếp nối cái đã qua, cái đang chết.

Tôi đứng dưới nắng gắt gay một buổi xế trưa ngoài một sân ga bé nhỏ ở Louveciennes, một phần bé nhỏ của tôi còn sống động và đang nảy mầm. Người ta nói rằng đó là giờ mà các bản báo cáo đi qua không gian — trên không gian. Trong quán cà phê nhỏ bên kia nhà ga có giấu một cái máy, máy phát ra một lời nói. Tiếng nói đầy vẻ điên khờ nói rằng

— Đây là đài Điện Thoại Liên Mỹ American Tel... và tiếng Pháp cũng nói như vậy, mà nghe có vẻ khờ hơn. Bỗng nhiên giống như Jacob khi leo lên chiếc thang bằng vàng có tiếng nói từ Trời phán ra. Giống như một suối nước nóng vọt lên từ vùng đất trơ trọi, toàn thể phong cảnh nước Mỹ tuôn ào ra: American Tel, Atlantic and Pacific, Standard Oil, United Cigars, Father John, Uneeda Biscuit, Seaboard Airline, Sapolio, Nick Carter, Trixie Friganza, Foxy Grandpa, Tom Sharkey... (tác giả kê ra hơn năm trăm tên các thương cuộc, công ty, hãng kỹ nghệ, thương mại hàng không... nghĩa là mọi vẻ mọi mặt của Hoa Kỳ...)

Mọi cái gì là Mỹ đều ào ào đi tới. Tên nào cũng có hàng ngàn chi tiết thân mật ghép vào đời tôi. Bọn người Pháp đi qua tôi ngoài phố tưởng tôi là một cuốn tự

diễn các tên gọi. Mỗi tên có một đời sống và một xác chết. Khi tôi đang đi phố với một vẻ sung sướng, có con ếch nào biết tôi như vậy không? Nó có biết rằng tôi đang đi lang thang trong bốn bức tường nước Trung Hoa? Tôi chẳng lộ một vẻ gì đặc biệt trên mặt, không có gì là vui vẻ, hy vọng, đau đớn, thất vọng. Tôi đi phố mắt lơ đãng như một tên cu-li. Tôi thấy đất trụt xuống, nhà cửa bị tàn phá, gia đình nát tan. Mỗi thành phố tôi đi qua đều như giết tôi, cảnh khốn cùng quá mênh mông và sự đau khổ thật vô tận. Tôi lê gót từ thành phố này sang thành phố khác, để lại đằng sau cả một lô những xác chết và những cái thừa dư cặn bã của tôi. Nhưng cái thằng tôi vẫn cứ tiếp tục đi và đi mãi. Và nghe có một cái gì nhức nhối đang dâng lên trong da thịt...

Tôi lại đi qua khu phố 14. Tôi gặp

thần tượng của tôi Eddie Carney, anh chàng tôi đã lâu không gặp kể từ ngày tôi rời bỏ xóm giếng ngày xưa. Anh ta người dong dỏng, đẹp trai kiểu dân Ái Nhĩ Lan. Tôi mê anh ta cả tâm hồn lẫn thể xác. Có ba phố North First, Fillmore Place và Driggs Avenue. Những phố này làm thành biên giới của một thế giới đặc biệt. Bên kia là Thule, Ultima Thule. Kể từ thời San Juan Hill, Free Silver, Pinocchio, Uneededa. Trong vùng biển không xa chợ Wallabout bao nhiêu có những tàu chiến bỏ neo. Một con đường trải nhựa gần một chợ nhỏ có thể đi xe đạp để tới Coney Island và trở về. Ở mỗi bục hàng của Sweet Caporals có một bức ảnh đôi khi của một nữ minh tinh, đôi khi của một người vô địch, đôi khi là một lá cờ. Paul Sauer thường có thói quen gọi món dưa cải. Cũng vào buổi chiều Lester Reardon hãnh diện như một ông hoàng đi

qua tiệm bánh. Phía Nam là nhà của các ông luật sư, vật lý gia, chính trị gia, kịch gia, lính cứu hỏa, âm quách, nhà thờ Tin Lành, phong-ten nước. Phía Bắc là nhà máy thép, nhà bác sĩ thú y, nghĩa trang, trường học, ty cảnh sát, nhà xác, lò thịt, những bồn chứa hơi đốt, chợ cá, câu lạc bộ Dân chủ. Có ba người đáng sợ: Ông già Ramsay — cây vả trong Phúc âm. George Denton, người bán hàng rong và Doc Martin nhà diệt rệp. Có nhiều hạng người ta khó phân biệt: làm hề, đào đất, điên khùng, những nhà tu huyền bí, lao lực, tác phong kỳ bí, khùng khùng, say sưa, nói dối, giả hình, dĩ điểm, bạo dâm, sự hãi, khúm núm, những kẻ gây tội ác, ông thánh ông hoàng. Jim bắt chước loài khỉ, Bet là người không tốt, Joe làm trai mà yếu điệu như đàn bà, Stanley là người bạn đầu tiên của tôi. Hấn tính mèo rừng. Hấn chỉ biết mỗi luật roi da ông già hấn

để ở tiệm hớt tóc. Khi bị ông già quát cho, hắn khóc âm ỉ. Trong thế giới này, cái gì cũng được làm ở chốn thanh thiên bạch nhật cả. Khi Silberstein, anh chàng thợ may mất trí nằm ở lề đường trước nhà anh ta, người ta để mặc hắn như vậy rồi đặt chiếc áo gi-lê sọc lên người anh ta. Giáo sư Martin, vua giết rệp, vừa trở về sau một bữa tiệc, túi ông có hai cái dải bằng tơ thò lên. Stanley vút những dây đó xuống cống. Hắn nghĩ là trông khờ quá đi. Dưới cái tiệm sơn bên kia đường, Maine đang đứng dựa tường nguyên rửa cuộc đời chó má. Lính cứu hỏa tới xịt nước vào anh ta. Ông già hắn nghiền rượu gọi Cảnh sát tới và cảnh sát đã đến đập cho ông ta một trận nên thân. Trong lúc đó Carren đang đái bạn một chậu sâm-banh trong bar. Suốt matinée đã văn và cả mari sến, gái điếm ở quán Bum đang đứng chật ních ở phòng sau với các

bạn trai thủy thủ. Denton khùng đang lái xe ngựa ngoài phố, tay cầm chiếc roi, tay cầm cuốn Kinh Thánh. Hắn cất cao cái giọng khàn khàn như la lên: «Dù các con có làm một sự gì cho người rớt hết trong anh em con, thì cũng như làm cho cha.» Hoặc một vài câu đại loại. Bà Gorman đang đứng ở cửa ra vào, quần áo bẩn thỉu, trông bà ta nửa khôn nửa khờ, luôn miệng lẩm bẩm. «Chắc! Chắc! Chắc!» Bà ta là hội viên của nhà thờ Father Carroll ở vùng phía Bắc “Chào cha ạ! Sáng nay đẹp quá cha hả?”

Cứ mỗi buổi chiều sau bữa ăn, tôi lại nhớ đến bọn nhạc sĩ và những vũ điệu của họ. Carl và tôi cùng nhau sửa soạn bữa nhậu, những món thật ngon: củ cải đỏ, ô-liu ngâm, cà, cá sardine, pho-mát, bánh mì không men, chuối, xốt táo, một cặp rượu nho Alger 14°. Ngoài trời không

khí ẩm cúng thanh tĩnh. Chúng tôi vừa ăn vừa hút thuốc thật thỏa mãn, hần ta vừa ăn vừa ngủ gục. Bữa ăn thật ngon dưới ánh đèn màu. Hai chúng tôi ngồi yên lặng. Chung quanh nhà có một bầu không khí thanh tĩnh bình lặng. Chiều nào cũng vậy, sau khi ngồi yên lặng một chút, phòng như tối thui anh ta bắt đầu kể chuyện về mình nhất là chuyện quá khứ. Có một nỗi buồn mênh mang lan tỏa, không diễn ra thành lời giống như một thứ âm nhạc dâng lên từ rượu nho Alger, từ củ cải đỏ, từ ô-liu ngâm. Hần nói với bà mẹ, về những đứa con bà sắp sinh hạ, rồi nói về hần, về anh chị em hần, về đồng bào ruột thịt, khi chiến tranh xảy ra, người ta bảo hần bắn bỏ những người đó, nhưng hần làm sao bắn nổi, rồi nhà tù, nhà thương điên, rồi chiến tranh kết liễu, hần lại được tự do như con chim trời tung cánh. Không biết tại sao

câu chuyện cứ miên man mãi như vậy, tôi cũng chẳng nhớ nữa. Chúng tôi bàn về chuyện bà góa vui vẻ, về Linder, về Pratter ở Vienna rồi bỗng nhiên chúng tôi đề cập tới chiến tranh Nga-Nhật, rồi bàn về Trung Hoa, về một nhân vật Claude Farrere đã nói tới trong cuốn *La Bataille*. Có vài câu chuyện về Trung Hoa như ghi ấn tượng thật sâu trong lòng hấn, rồi quanh quẩn hấn lại nói về người mẹ, lòng mẹ, cuộc chiến tranh xảy ra, sự tự do, rồi cứ thế hấn đi sâu vào quá khứ. Tôi cứ sợ mang hấn trở về quá khứ.

Tự do như con chim. Tôi tưởng tượng khi nghe hấn nói thấy cửa nhà tù mở ra, người ta chạy xô ra ngoài, tất cả đều tự do và chiến tranh kết liễu. Khi cánh cửa nhà tù rộng mở, tôi lại đi phố, bạn Stanley lại ngồi cạnh tôi trên thềm nhà, cùng chia nhau mẩu bánh chua.

Nhìn ra xa xa là nhà thờ Cha Carroll. Chiều dâng lên, hồi chuông chiều ngân nga. Chúng tôi ngồi đầu mặt vào nhau, buồn buồn khó tả. Hồi chiến tranh kết liễu, chúng tôi đã ngồi với nhau ở Clichy giữa bóng đêm vây phủ. Hắn ta nghĩ về mẹ, tôi nghĩ lung tung. Hắn vẫn nói hoài: «Tao chả muốn đi đánh nhau. Chán thấy mẹ! Tao mới có mười tám tuổi đời mà.» Lúc đó, chiếc máy hát vừa bắt đầu chơi bản nhạc The Merry Widow điệu Valse. Bên ngoài mọi vật đều bình lặng như hồi tiền chiến. Stanley đang tâm sự với tôi ngoài thêm của câu chuyện về Thượng Đế và người Công giáo. Carl ném một củ cải vào bóng tối. Hắn nói «Dù có nghèo khổ thế nào chẳng nữa, ta cần phải sống.» Anh ta lại thò tay lấy một củ cải khác ném đi. «Được sống, chẳng có gì đẹp bằng.» Nói xong, hắn lại nhón một miếng củ cải ném vào miệng, như thể

xác nhận rằng hắn đang tự do như con chim trời. Giờ đây, toàn thể phổ xá cũng đều tự do như loài chim. Tôi thấy những chàng trai đang đợi đến phiên được đem ra chiến trường để chết trong bom đạn, hoặc lưỡi lê. Những chàng trai đó như là Tom, Syvester, Martin, Paul, Carney, Lester, Maine, Borowski, Piroso, Maloney... Những chàng trai từ miền Bắc, những chàng trai từ miền Nam đều biến thành một đồng bầy nhầy, ruột gan họ tung tóe trên thép gai, tòng teng trên ngọn cây. Chẳng có người nào trong bọn họ được trừ ra cả. Kể cả đại vĩ nhân Lester Reardon. Cả một quá khứ đã xóa mờ. Còn sống được tự do như chim trời là đẹp rồi. Cổng nhà tù đã mở và tôi có thể đi đó đi đây tùy thích. Nhưng Carney đâu rồi? Stanley đâu rồi?

Đây là mùa Xuân mà Chúa Jesu đã

ngợi ca. Bọn lý hình đưa dấm chua mật đẳng lên miệng Ngài, bọn sâu bọ lên làm người đang múa nhảy. Trong lòng nhân gian đều quặn đau xé ruột, trong mọi nắm mồ vang lên tiếng gào thét của đạn bom. Cả một bầu thiên thần sa đọa rơi từ trời xuống như sa mù. Toàn thể trái đất này đã trở thành một vết thương chảy máu mãi không ngời. Khi tiếng kèn tặn thể nổi lên chẳng khác gì ta bấm vào cái nút: khi người đầu tiên ngã xuống chân hấn đạp vào người kế tiếp và người kế tiếp, kế tiếp... và cứ thế mãi. Cả một dãy người nằm xuống quanh trái đất từ Nữ Ước tới Nagasaki, từ Bắc Cực tới Nam Cực. Khi con người ngã xuống, hấn sẽ đẩy con voi té xuống, rồi cứ thế dây chuyền con voi đẩy con bò cái, bò cái đẩy con ngựa, con ngựa đẩy con la... và cứ thế, tất cả đều nằm vạt cả xuống. Kẻ trước người sau giống như dây lính

bằng chì bị gạt đổ tuốt lượt. Thành phố này là cả một trái bom nổ tung. Sẽ chẳng còn có một cọng cỏ nào mọc lên. Liều thuốc độc giết chết tất cả không làm ai sống nổi. Chỉ còn Yên lặng, Tĩnh mịch và Đêm sâu, không còn một tiếng rên than. Bóng tối êm đềm bao phủ như cả một đại dương màu đen.

BỌN HỀ

Đứng trong một cái bar, nhìn một gái điếm người Anh có bộ răng giả, bỗng nhiên tôi nghĩ tới câu “Đừng nhổ lên sàn nhà.” Nó đến với tôi như là một giấc mơ. “Đừng nhổ lên sàn nhà.” Lúc đó là ở bar Freddie, đường Pigalle, và một người đàn ông ngón tay búp măng, mặc sơ-mi lụa trắng, tay đang xòe ra rì rầm nói chuyện rồi nói “Good Bye Mexico!” Cô gái nói rằng việc chả nhiều nhận gì nhưng cứ lai rai. Cô ta làm việc

ở Đài phát thanh Big Broadcast, cô đang bị đau chân và đau miệng. Cô ta cứ đi đi lại lại phòng rửa mặt tung cái rèm bằng hạt cườm. Chiếc thụ cầm chùng dây, lúc nào cô cũng có vẻ hơi say sưa và cố gắng tỏ ra như một mệnh phụ. Tôi có một bức thư của một người Hà Lan gửi cho nhét trong túi. Anh ta mới từ Sofia trở về. Thư viết: «Đêm thứ Bảy, tao cứ mong được mày ngồi bên cạnh (ở đâu, không thấy nói). Có điều tao có thể viết cho mày là bây giờ là lần mới rời bỏ cuộc sống ồn ào ở Nữu Ước, tao đã sống một cách bình thản, êm ả tại thành phố Scheveningen.»

Tôi đã đọc lá thư suốt một buổi chiều, nhưng khi cô gái điếm người Anh mở miệng ra tôi thấy cả một hàm răng rụng hết trơn của nàng, cái câu nói «Đừng có nhổ lên sàn nhà» bỗng nhiên hiện trước mắt tôi. Anh chàng người Hòa Lan và

tôi đang cùng nhau đi dạo trong xóm Do Thái. Hắn ta mặc đồng phục thông tin viên. Tin tức hắn đã gửi hết và cả buổi chiều hắn rỗi rãi. Chúng tôi cùng đi về phía Café Royal để gọi vài ly bia, cho thanh thản cuộc đời. Tôi đã cho hắn ngồi với tôi vì hắn là tớ, tôi là chủ, ngoài ra hết giờ làm hắn muốn làm gì thì làm.

Hai chúng tôi cùng đi bộ dọc theo đại lộ thứ II, hướng về phía Bắc. Bỗng tôi thấy một cửa tiệm có chiếc đèn ống hình thập tự và có dòng chữ «Ai tin ta, sẽ được sống đời.» Chúng tôi bước vào thấy một người đứng ở sà-n nói «Cô Powell, cô đã sửa soạn bài hát xong chưa. Nào, mời anh chị em, một người sẽ hát thử bài đó. Vâng! Ca vịnh số 73. Sau cuộc hội họp này, chúng ta sẽ đi thăm người chị em đáng kính của chúng ta, bà Blanchard.

Giờ chúng ta tất cả hãy đứng lên hát ca vịnh số 73.

Chúa đã đặt chân tôi lên xe miễn đất cao hơn. Khi hát được một lúc, tôi thấy một người leo lên tháp chuông quét vôi tháp chuông lại rồi vẽ dòng chữ tôi vừa hát khỏi miệng «Chúa đã đặt chân tôi lên miễn đất cao.» Ngoài ra còn khẩu hiệu «Chúa là Chúa chiền tôi, tôi không còn thiếu chi.» Có một cái bảng nổi bật nhất đặt trên sàn nhà là bảng «Đừng nhổ xuống sàn.» Mọi người đều ca vang ca vịnh số 73, để mừng tháp chuông mới. Chúng tôi đứng ở chỗ cao hơn nên thấy rõ cái bảng để chỗ thánh thư «Đừng nhổ xuống sàn.» Chị Powell đang nhấn các phím phong cầm. Trông chị thật thanh khiết, đầy ơn thiên sung. Người đứng trên bục cao hát to hơn mọi người và mặc dầu ông ta thuộc lòng lời ca, ông vẫn

nhìn vào cuốn Thánh Ca. ông ta trông chả khác gì anh thợ rèn thay thế cho mục sư, nhà nghề. Tiếng ông ta rất to và đượm phần hăng hái. Ông cố gắng trong lúc hát để thôi thúc mọi người cùng bày tỏ niềm tin. Thỉnh thoảng có giọng the thé vang lên «Tôi ca ngợi Chúa vì ơn cứu độ và ơn quan phòng của Ngài.»

Amen! Sáng danh Chúa. Hallelujah! Ông thợ rèn gào lên. «Đến đây, ai trong anh em sẽ tuyên hứa? Nào ông bạn Eaton, ông bạn có muốn tuyên hứa không?» Eaton đứng dậy, lúng túng nói «Ngài đã cứu chuộc tôi bằng một kho tàng vô giá.» Amen. Amen. Hallelujah. Chị Powell đang lấy khăn tay lau tay một cách hết sức siêu nhiên. Lau xong chị nhìn bức tường đối diện một cách thật mơ màng. Trông chị cứ y như Chúa đã nhập vào rồi. Rất sốt sắng.

Eaton vừa tuyên hứa xong, ngồi khoanh cánh yên lặng, ông thợ rèn cắt nghĩa rằng. Chính Chúa đã lấy máu của Ngài cứu chuộc Eaton. Máu Chúa đã đổ ra trên thập giá trên núi Calvary, ông ta lại muốn có một người tuyên hứa nữa. «Có bạn nào muốn xin tuyên hứa nữa. Nào. Xin mời!» Trong một thoáng, ông ta cắt nghĩa rằng, lát nữa đây, anh em chúng ta sẽ cùng đi thăm chị Blanchard vì con chị vừa qua đời đêm qua. Nào, có vị nào muốn tuyên hứa. Nào. Xin mời!»

Có một giọng nói run run:

– Thưa quý anh chị, thật ra tôi chưa muốn tuyên hứa, nhưng có một câu Kinh Thánh tôi rất thích đó là câu trích thư thánh Paul gửi giáo hữu Colossius: “Hãy đứng lên và nhìn xem sự cứu rỗi của Chúa.” Vậy thì chúng ta hãy đứng yên, yên lặng và cố nghĩ về Chúa. Hãy

thử xem sao. Hãy quì xuống và cố nghĩ về Ngài. Cố lắng nghe Ngài nói. Anh chị em thân mến, câu nói trích ở Colossius 3 tôi rất thích “Hãy đứng lên và nhìn xem sự cứu rỗi của Chúa.” Hãy lắng nghe. Lắng nghe! Sáng danh Chúa. Hallelujah!

Ông ta lau mặt rồi nói:

– Chị Powell, chị đã sẵn sàng đệm đàn cho một bài hát khác chưa? Trước khi đi thăm con chị Blanchard lần cuối, ta hãy hát Thánh Vịnh “Chúa Jêsu là bạn hữu tôi.» Tôi tin rằng, anh chị em đã thuộc lòng bài đó cả rồi. Anh chị em thân mến, nếu chúng ta không được tắm gội trong máu Chiên Thiên Chúa, chúng ta sẽ không được cứu thoát. Chúng ta đừng đuổi Chúa ra ngoài. Biết đâu, đêm nay, chúng ta phải đi gặp Ngài... đêm nay, chúng ta hãy sẵn sàng đón nhận Ngài ngay từ giờ phút này. Nào, ta cùng

ca ngợi Chúa «Chúa Jêsu là bạn hữu tôi...
Ca vịnh số 97. Chúng ta hãy cùng đứng
lên hát vang bài Thánh Vịnh số 97 trước
khi đến thăm con trai chị Blanchard lần
chót.

Mọi sự đã xong xuôi, nào chúng ta
cùng đi thăm con trai chị Blanchard lần
chót. Tất cả chúng ta, bốn đạo Colossius,
Pharisieu, giọng bổng, giọng trầm... tất
cả cùng đi thăm một lần cuối. Tôi không
biết cái thằng Hà Lan khờ khi đã nhậ
nhệ rồi phản ứng thế nào. Nào, chúng ta
cùng nhau đích thân thăm chị Blanchard.
Người Juku hay là Kalik, ca vịnh số 73
và Đùng nhổ xuống sàn. Này, Pritchard,
anh tắt hết đèn đi chứ. Chị Powell sửa
soạn sẵn một bài hát nhé. Chào Mexico.
Chúng tôi cùng đi thăm chị Blanchard.
Cùng đi để đặt chân lên miền đất cao
hơn.

Đây có một chiếc mũ bỏ quên, kia là cặp kiếng. Què quặt, sổ mũi, ho đàm, sốt sắng, khô khan, có nhiều chảy rận, diên khờ... tất cả đều đi xuống để sơn lại cây thập cho đẹp hơn. Tất cả là bạn Chúa Jêsu. Tất cả đều đứng yên để nhìn xem sự cứu độ của Chúa. Anh Eaton đi thu những chiếc mũ bỏ quên, chị Powell lau những bãi nước miếng nhổ trên tường. Tất cả đều được chuộc lại bằng giá mua một miếng xì gà ngon. Giờ đây, Scheveningen yên lặng, bình tĩnh như kẻ mất cảm giác. Mọi thư tín đã gửi đi hết. Để cất giữ tro than người chết đáng quý này, chúng tôi đã có một vài cái khám xây vào tường để đặt bình đựng tro. Con chị Blanchard đang nằm trong nước đá, ngón tay đang xùi ra. Phần mộ đã dành một chỗ cho cả gia đình, họ hàng nằm bên nhau trong một căn nhà tuyết trắng vừa cao và khô

trên mặt tuyết trắng. Nước và khí ẩm không lọt vào được.

Đi về phía Công viên quốc gia mùa đông trong một chiếc taxi màu vàng. Sự bình tĩnh của Scheveningen đã làm tôi xúc cảm. Thở tin như âm nhạc khắp nơi vang lên bài ca Tôn Vinh Chúa vì ơn cứu độ của Ngài. Khắp nơi tuyết phủ giăng đầy. Hầy như cái cửa sổ đã quá cũ kỹ này, ta cần bỏ quách đi. Sáng danh Chúa. Hallelujah!

Người ta che giấu sự nghèo nàn trong những bộ áo lông. Tắm hơi, tắm kiểu Nga, tắm kiểu Sita... tắm không kỳ cọ. Clara lại nói «Tình yêu kiểu Paris.» Quỷ thần của Jacob Gordin lén theo những con vật hút máu người. Thánh đường St Martin trông vui tươi màu cánh gián, hoa hoét khắp nơi. Moskowitz đang

đánh não bạt và làm cho căn hàng của Tolstoi vui hẳn lên. Căn hàng chuyên đồ nhậu. Cả trái đất để sổ ruột ra ngoài để làm thành mọt cóc, bấu, mụn nhọt, tóc bạc, bấu cổ. Nhà thương nhận bệnh miễn phí. Tất cả những kẻ nào khổ đau, yếu đuối, gánh nặng chock lở đầy người, thối miệng, hoạn thư, thủy thũng... nên nhớ rằng của bệnh viện lúc nào cũng rộng mở miễn phí. Hãy đến mau! Hãy đến! Hãy đến hỏi những con người giả dối, những kẻ Pharisiêu. Hãy đến để các người được chữa lành bệnh khỏi phải đưa đi nhà xác. Hãy đến đêm nay. Chúa Giêsu muốn các bạn tới. Đến mau lên kéo quá muộn. Chúng tôi sẽ đóng cửa đúng 19 giờ 15.

Cleo đêm nào cũng nhảy múa. Cleo, một vị thần được các chư thần quý mến. Má ơi, con về đây, má ơi, con muốn

được cứu thoát. Con đang lên thang dây má. Sáng danh Chúa. Colossius 3. Mẹ của tất cả các vị thánh, giờ đây con ở trên trời. Con đang đứng cùng dãy người xếp theo hình chữ Z. Vị mục sư đang đứng ở bậc thềm nhà thờ cầm mảnh gỗ viết «Cấm đậu xe ở đây.» Những thầy ký đang ngồi ở quầy bán vé hát mớ tới sông Shannon. Phim thời sự Pathé chạy rẹt rẹt. Các thầy đang từ từ leo lên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn để cầu nguyện cho mọi người từ khắp nơi trên thế giới sáng ra thức dậy sẽ bắt đầu một ngày mới với những tư tưởng trong sạch, tử tế, can đảm. Cả thế giới hiện ra trước mắt. St Moritz, các kịch sĩ Hy Lạp, vua Oedipus, những con chó Tàu, bão lốc, người đẹp bơi lội... Tâm hồn tôi thanh thoát. Nếu tôi có một ly lave, một khẩu bánh mì xăng-uych, thịt heo băm, tôi sẽ là bạn thiết của Chúa Jêsu. Dẫu sao màn đêm cũng đã kéo lên

rồi Shakespeare có lý: Kịch là cuộc đời.

Và bây giờ, kính thưa quý vị khán giả, màn đã kéo lên rồi, chúng tôi xin trình bày một show hay nhất, nhanh nhất chưa hề được trình diễn ở Tây bán cầu. Kính thưa quý vị, màn đã kéo lên rồi và, những cảnh chúng tôi trình diễn ở đây thì gần như là phần trên bụng, phần bụng, và phần bụng dưới. Những chỗ được lựa chọn này thật đặc biệt. Giá vé vào cửa chín mươi tám đô-la, chưa bao giờ được trình diễn ở Mỹ cả. Minsky, vua trình diễn người Do Thái đã du nhập lối trình diễn này để đặc biệt trình diễn ở Rue de la Paix. Đây là một show đẹp nhất, nhanh nhất Nữ Uớc. Giờ đây, trong khi chờ người soát vé còn đang làm công việc xịt nước tẩy uế rạp, chúng tôi đưa quý ông bà xem một số carte postale của Pháp, cái nào cũng đảm bảo là đặc biệt. Mỗi tấm

bưu thiếp lại kèm theo tấm kiếng hiển vi của Nhật chế tạo ở Zurich. Thưa quý ông, đây là show hay nhất. Minsky, vua trình diễn người Do Thái cũng phải công nhận như vậy. Màn đang kéo lên... Trong bóng tối, những người dẫn chỗ ngồi đang xịt thuốc rệp vào trong các kẽ ghế, kẽ cửa. Ngoài kia, những người Do Thái nghèo khổ, mặc áo lông đi bán hộp quẹt dạo và dây giày. Ngoài kia trông giống như trường Vosges hoặc hội chợ Haymarket, hoặc Covent Garden... Màn đã kéo lên: một mùi thơm kẹo cao su hiệu Wrigley's Spearmint, mỗi miếng một thỏi vuông. Màn đã kéo lên và chỉ chừa một phần thân thể, phần còn lại sẽ nói nhiều hơn. Cuộc sống tháng 12: yêu đương là ngọn lửa đỏ, nhưng bụng đói mèm. Minsky đang mơ màng trong quầy bán vé hát, chân anh đang đặt lên một miền đất cao hơn. Các kịch sĩ Oberammergau đang diễn ở một

nơi nào đó. Những con chó Tàu đang được tắm, xúc nước hoa, đeo dải xanh ở cổ để trình diễn. Chị Blanchard đang ngồi ở ghế xích đu, bụng chình ình. Tuổi đến, thân xác tàn tạ. Bệnh sán khí có thể chữa được. Nhìn từ lò sưởi ta có thể thấy cái cảnh đẹp để bất tận đúng như Cezanne đã họa: nào những bình đựng than gỉ sét, những chiếc mở hộp hoen gỉ, những chiếc xe đẩy trẻ em gãy vụn, những thùng tắm bằng thiếc, những nồi súp de bằng đồng thau, bánh bích qui bị chuột gặm nằm trong những bọc giấy nhựa. Đây là một vở tuồng trình diễn nhanh nhất, hay nhất ở phố Rue de la Paix. Ta có thể chọn một trong hai điều: một là nhìn xuống cái chiều sâu đen tối, hai là nhìn lên cao quanh ánh sáng mặt trời, niềm hy vọng pháp phối trên những ngọn cờ, những niềm hy vọng nguyên sơ trong sáng. Hỡi người, hãy đứng lên và

nhìn xem sự cứu rỗi của Chúa. Cleo đêm nay nhẩy múa hát ca và suốt cả tuần lễ đều đều như vậy. Giá vé rẻ mạt, hơn cả giá tiền chôn cất thông thường. Tử thần đến từ tứ phía Cleo đang tới. Vị thần đáng yêu hơn mọi vị thần, hoàng hậu của chiếc ghế điện.

Giờ đây chỉ còn là sự bình lặng của Scheveningen ngụ trị, giống như bệnh vô cảm giác. Màn đã kéo lên. Colossius-ba. Cleo bước ra khỏi bóng đêm, bụng nó đầy những hơi cồng rãnh hôi hám. Sáng danh. Sáng danh. Tôi đang trèo lên thang gác. Vượt ra khỏi bóng đêm là cây cầu Brooklyn vĩ đại, cũ kỹ, một giấc mơ tê mê dưới ánh trăng khuya và bọt nước. Một điệu nhạc trầm buồn rên rĩ miên man rên xiết trong các phiếm đàn. Một tia sáng của ngọc thạch, một tia lửa đập chồn của dầu lửa. Đêm lạnh buốt, nhưng

hoàng hậu thì không một mảnh vải che thân, đang múa nhảy trên đồng thanh lạnh của ghế điện. Cleo, người được các người Do Thái quý yêu, đang nhảy múa trên đầu những món chân đã sơn màu. Mắt của nàng đảo điên, tay đẩy máu. Nàng đã múa nhảy suốt một đêm lạnh để được trả một món tiền xứng đáng. Nàng sẽ nhảy múa suốt tuần này để mở đường cho những cây cầu bằng bạch kim. Hỡi người, đằng sau giọng hát thở than, đằng sau cái hệ thống thập nhị phân và đường hàng không Seaboard có hoàng hậu của Tammany Hall đứng đó. Hoàng hậu đứng chân không, bụng bà đầy hơi thối cống rãnh, lỗ rốn của bà lòi lên như một câu thơ ru hồn. Cleo, hoàng hậu thuần khiết nhất, hơn cả nhựa đường thuần khiết, ấm hơn là giọng hát ấm nóng nhất, tình nhân của các thân mình đang nhảy múa trên các ghế điện bằng thạch ma.

Vào bình minh, hoàng hậu sẽ nhổ neo đi Singapore, Mozambique, Rangoon. Con thuyền của Ngài sẽ bỏ neo ở cống rãnh nước bên đường. Các nô lệ của bà nhung nhúc chí rận. Suốt cả đêm thâu bà nhảy theo bài ca Cứu Rỗi. Tất cả chúng ta cùng đi xuống phòng Vệ Sinh dành cho đàn ông ở một khoảng đất trống cao hơn. Chỗ đó thấy khỏe khoắn, khô ráo và gợi cảm như một nghĩa trang.

Ta cứ tưởng tượng giờ đây màn đêm đã hạ rồi và đó là một ngày đẹp trời, ở đây hương thơm lành, và mùi sò từ bãi biển xông lên. Ta cứ bước đi dọc bờ Đại Tây Dương trong bộ áo bằng xi măng, chân đi guốc gót vàng và tai nghe tiếng gào của Chop Suey. Đại lộ Trắng đầy những bugi xe hơi. Những trạm xe đã mở cửa. Bạn gắng ngồi xuống, đừng làm mất nếp quần. Hãy ngồi phệt lên nhựa

đường và hãy để các con công mỗ vào họng các bạn. Cống rãnh chảy đầy rượu sâm-banh. Chỉ có cái mùi độc nhất đưa hơi sò từ bãi biển vào. Đó là một ngày đẹp đầy hương thơm lành, các radio đều mở nhất loạt. Bạn hãy đeo lưng lẳng một chiếc bên cạnh sườn, rồi mở đài Manila hoặc Honolulu, khi bạn đang đi. Bạn có thể thêm nước đá vào ly đá lạnh hoặc cả hai trái cật đều bị cắt đi một lúc. Nếu bạn bị chứng cứng hàm, thì có thể cho một ống vào ruột cùng và tưởng tượng là mình đang ăn. Đòi hỏi cái gì cũng chẳng được. Đó là một ngày đẹp trời, đầy hương thơm lành và mùi sò từ bãi biển xông lên. Tại sao vậy? Vì Mỹ Châu là một xứ vĩ đại nhất Trời đã dựng nên, nếu bạn không thích xứ đó thì cứ việc trở về bản quán. Chẳng có gì Hoa Kỳ sẽ làm cho bạn ở trên đời này cả, nếu bạn đòi hỏi Hoa Kỳ phải xử với bạn như một người. Bạn có thể

ngồi trên chiếc ghế điện và trong khi sắp sửa xử bạn, bạn có thể ung dung đọc về cuộc xử bạn ra sao. Bạn có thể nhìn thấy chính bạn đang ngồi ở ghế điện trong khi chờ giờ hành quyết.

Một cuộc trình diễn suốt sáng chí tối. Một cuộc trình diễn nhanh nhất, sạch nhất thế giới. Nó quá nhanh quá rõ đến độ làm bạn thất vọng và cô độc.

Tôi trở về đứng trên cây cầu Brooklyn, ngồi trên tuyết đối diện với căn nhà tôi đã sinh ra. Một nỗi cô độc ghê gớm, vỡ tim xâm chiếm tôi. Tôi chưa thấy tôi đứng ở bar Freddie đường Pigalle. Tôi không trông thấy con đi người Anh bộ rãnh cửa rụng hết. Chỉ là cảnh tuyết trắng phau nổi bật căn nhà nhỏ tôi đã sinh ra tại đó. Trong căn nhà đó, tôi đã

mơ thành một nhạc sĩ.

Ngồi trước căn nhà tôi chào đời, tôi thấy mình là kẻ tuyệt đối độc nhất. Tôi thuộc về một ban Đại Hòa Tấu nhưng chưa có bản nhạc nào viết cho ban đó chơi cả. Bản nào cũng lạc điệu cả, kể cả bản Parsifal. Cái bản Parsifal giờ đây cũng giống như một tai nạn nhỏ, nhưng nó còn có được giọng nhạc đúng. Lòng yêu thích âm nhạc của tôi, sự cô đơn kịch côm của tôi đối với Mỹ quốc cũng vậy...

Một đêm đang đứng ở hành lang rạp Métropolitan Opéra House. Nhà đã bán rồi và tôi đang đứng ở chỗ ba dãy nhà sau đường rầy xe lửa. Chỉ có thể trông thấy một phần nhỏ của sân khấu nhưng phải dài cổ ra mà nhìn. Tuy nhiên tôi nghe thấy được bản nhạc Parsifal của Wagner, một bản nhạc tôi nghe đĩa đã quen. Có những màn kịch thật là buồn chán, buồn

chán hơn bất cứ nhạc kịch nào. Nhưng cũng có những màn thật là siêu vời tuyệt diệu trong lúc đó tôi bị chen dẹp như con cá sardine thì có một điều bất tiện là tôi bị... cứng lên. Người đàn bà tôi đang đẩy ép có lẽ cũng đang du theo điệu nhạc của Holy Grail. Cả hai chúng tôi cùng nổi hứng nên càng ép cứng vào nhau như đôi cá sardine. Lúc tạm nghỉ người đàn bà rời chỗ và đi xuống hành lang. Tôi đứng ở chỗ cũ và nghĩ rằng bà ta sẽ trở lại với tôi. Lúc nhạc bắt đầu lại, bà ta lại trở về chỗ cũ, y như thể chúng tôi là đôi vợ chồng và không gì tốt đẹp như vậy cả. Suốt cả màn cuối cùng chúng tôi cùng sung sướng vô biên. Cảnh đó thật đẹp tuyệt vời gần giống với Boccaccio hơn là Dante nhưng tuyệt diệu và cao vời thì như nhau.

Ngồi trong tuyết trước căn nhà tôi chào đời, tôi nhớ sự việc đó một cách thật sống động. Không biết tại sao lại như vậy, có lẽ cảnh này có liên hệ với cái cảnh cô độc đến độ kỳ quái trống rỗng và bi thiết với tuyết trắng phau với cảnh thiếu màu sắc và âm nhạc. Khi ngồi xe nhanh quá người ta dễ buồn ngủ. Người ta bắt đầu bằng những rung cảm tuyết vời nhưng kết thúc bằng một nỗi chán đời ghê gớm.

Thí dụ, những trưa thứ Bảy, người ta lai rai ở quán Bill Woodruff. Cả một buổi xế trưa mà tốn mất có 50 xu. Vui thật! Tối đến Bill Woodruff lại có nhạc kịch, mình lại có cái thú nhìn người đàn bà bên kia sân có thói quen cời đồ trong bóng tối. Cuộc tổ chức nhạc kịch này thường làm cho vợ lão cần nhằn. Để tỏ bộ giận dữ, bà ta thường mặc bộ đồ rách

mưởi. Vợ ông là một người đàn bà lãnh cảm, con của một người đàn bà dữ dằn thường khi hấn đuổi tổng vợ ra ngoài để tìm đến một người bạn trai rồi hấn nói:

– Này thử xem con mẹ đó nó lạnh đến thế nào. Cứ như là nước đá băng ấy thôi! Chán bỏ mẹ!

Vì thế, bà ta thường đi một vòng để mỗi người ôm rờ bà ta một chút làm bà ta ấm lên. Đôi vợ chồng kỳ lạ. Đôi khi ta có cảm tưởng là họ yêu nhau tha thiết. Bà ta luôn làm ông ta đau khổ, nhưng lúc nào cũng kề kề bên cạnh, ông ta thường nói «Mỗi tháng tôi chỉ được ngủ với nó có mỗi một lần — khi nào tôi cảm thấy vui.» Quen nói như vậy trước mặt bà ta, nhưng bà ta cũng chẳng thấy khó chịu gì, bà ta có lối cười trừ, làm như thể chẳng có gì quan trọng.

Nếu chỉ bị lạnh lòng không thôi thì cũng đỡ, bà ta còn có cái thói tham lam. Lúc nào cũng thấy kêu rên thiếu tiền, luôn cần nhần thiếu thốn khi muốn sắm sửa thứ gì. Việc đó làm ông chồng nổi nóng, cái đó cũng dễ hiểu vì ông ta thì bê tha hoang đàng. Tuy nhiên, một hôm ông ta bỗng có một ý tưởng đặc biệt và nói với vợ «Bà muốn có thêm tiền phải không? Được, chả có gì khó, tôi sẽ cho bà tiền, thì trước hết bà phải cho tôi, lâu lâu... với bà một chút chút. (Không bao giờ một người bê tha hoang đàng làm tình với một người đàn bà vì thương người đó). Lạ thật, kể từ đó, mỗi lần ngủ với chồng, bà ta cứ ôm riết lấy ông ta như thỏ. Ông ta lấy làm lạ lắm. Có lẽ bà ta thích cứ thế mãi sao đây. Và dần dần nhờ cách đó, ông ta đã biến một người vợ lạnh lòng thành một người vợ hay hứng tình vì mỗi lần ngủ xong, ông ta

phải để lại cho bà ta một món tiền, như là để hối lộ.

Trong khi đó, bạn bè và xóm giềng khám phá ra rằng vợ của Bill Woodruff lại không bị lãnh cảm như mọi người tưởng. Bà ta lang chạ lung tung hết Tom đến Dick, rồi Harry. Không hiểu tại sao ông ta lại để cho vợ làm như vậy. Bà ta làm như thể thách thức ông ta vậy. Lúc đầu thì coi như không có gì xảy ra. Và dù bà ta bẩm sinh bị lãnh âm hay không cũng chẳng sao và cho tới khi ông khám phá ra rằng bà ta sinh ra để làm khổ ông ta cho tới khi ông xuống lỗ.

Tuy nhiên Bill Woodruff là một con người tinh đời. Tuy mang tiếng là bê tha tầm thường thế nhưng lúc cần thì cũng tinh ranh ra phết. Khi biết sự thể ông ta miệng kín như bình. Cứ y như chả biết gì cả. Rồi một đêm, sự việc đã đi quá xa

ông ta thức trắng đêm để đợi bà ta, một việc ông ta ít khi làm, vì ông thì hay dậy sớm, bà thì hay về muộn. Tuy nhiên, đêm nay ông đợi bà đến khi bà đi ào vào nhà; mặt vui vẻ, tỉnh táo, sáng láng lên hơn mọi ngày, lạnh như thường lệ, ông dấm dẳng hỏi «Đêm nay bà ở đâu?» Bà ta cố giữ vẻ điềm nhiên, ông ta nói «Cởi đồ ra và lên giường.» Câu nói đó làm bà ta khó chịu và tỏ ra không thích như vậy. «Bà không thích tôi đi phố chứ! Được rồi. Tuy nhiên lúc này tôi muốn sưởi bà ấm lên một chút — ông to tiếng — Nói đoạn, ông ta chồm dậy trối gô vợ vào chân giường, nhét giẻ vào miệng và đi lấy một lưỡi dao cạo. Vào trong bếp, ông ta lấy một chai mù tạc, cầm dây liếc dao cạo quất vào mặt vợ tiếp đó ông ta sát mù tạc vào các vết roi và nói «Tao làm như vậy để cho mày ấm nóng suốt đêm nay.» Nói xong, ông ta bắt vợ xoạc cẳng ra. Giờ

tao sẽ trả tiền cho mày như thường lệ!
Rồi lấy tờ giấy bạc, ông ta vừa nhét ở túi áo ra đút vào... bà ta.

... Đó là tất cả chuyện về Bill Woodruff, mặc dầu khi tôi nghĩ về chuyện đó, tôi muốn đào sâu thêm một chút vào tâm hồn để hiểu tại sao ông ta lại có thể can đảm để bà ta cắn đôi sừng tổ bố trên đầu.

Mục đích của tất cả những chuyện đó là gì. Để minh chứng cái còn chưa được chứng minh gọi là: Một nghệ sĩ đại danh là người chinh phục được con người lãng mạn trong nội tâm mình.

TGC viết tắt là thuốc giết chuột... Bạn hỏi? Thế là nghĩa lý gì?... Tuy nhiên, cứ đến lúc phải đi thăm dì Mele ở nhà bà cụ nội lúc ăn cơm, bà vừa để chai rượu ra giữa bàn ăn và nói «Dì Mele lúc nào cũng

thích uống rượu Kümmel.» Khi đến lượt bà mẹ đến dì Mele cũng lại nói «Con có thích uống rượu Kümmel không?» Mele lắc đầu và nói rượu Kümmel nào, tôi chả thấy rượu nào là Kümmel cả, và tại sao tôi lại cho là dì điên và tôi đã biếu dì rượu Kümmel. Mele sẽ có cảm giác nào khi mấy giọt Kümmel trôi qua cổ họng vì dì ngớ ngẩn tới độ ăn cả phân của mình! Nếu là một ngày hanh nắng. Stanley, bạn tôi, được ông cậu, người chuyên thầu đám táng, sai chôn một đứa bé chết trong bụng mẹ ở nghĩa trang. Chúng tôi sẽ thuê một chiếc phà tới đảo Staten, chờ tới khi nào chỉ còn thấy tượng thần Tự Do chỉ còn ở xa xa mạn tàu thể thì chúng tôi vớt tòm xác chết xuống biển. Nếu là một ngày mưa, chúng tôi sẽ đi một hướng khác và vớt xác xuống cống nước. Một ngày như vậy được kể là ngày đại hội của bảy chuột cống. Vì chúng

được thi nhau bò lên một cái thế giới cao hơn. Hồi đó, việc chôn cất một đứa trẻ chết trong bụng mẹ như vậy tốn mất 10 đô-la. Sau khi lái xe thổ mộ về, chúng tôi thường nhắm nháp vài ly lave và đó là một thú vị tình thâm.

Tôi đã kể những việc làm tôi nổi bật vào lúc đầu. Bạn đang ở vào thời khai thiên lập địa, trong một căn vườn đã được ngăn từng khu vực. Bầu trời dồn cục lại như những cồn cát, không phải chỉ có một nhưng có cả hàng triệu mảnh trôi. Vở các hành tinh đều có khắc một con mắt người, một con mắt không bao giờ chớp hoặc lim dim cả. Bạn sắp viết một cuốn sách ghi lại mọi nỗi vui buồn, đặt tên là “Tổng luận về vô thức.” Bạn sẽ bọc bằng bìa da trắng, chữ vàng. Nó có thể là câu chuyện đời bạn không lời giải thích. Ai cũng ham đọc cả vì nó chứa tất

cả sự thật, tuyệt đối là thật không có gì giả dối. Đây là câu chuyện làm bạn cười phá lên khi đang ngủ say, làm trào nước mắt khi bạn đang trong phòng khiêu vũ. Rồi bỗng nhiên bạn nhận ra rằng chung quanh bạn chả ai hiểu được tài năng của bạn cả. Họ sẽ cười và khóc ra sao khi họ được đọc tất cả những điều bạn viết là thật cả, sự thật tuyệt đối của đáy lòng bạn. Cuốn sách sẽ làm cho người đọc cười và khóc như chưa bao giờ đã khóc và cười như vậy. Ngay trang đầu, cuốn sách đã là một cái gì mới lạ nổi bật nhất: cuốn sách bìa trắng chữ vàng. Cuốn sách có ghi rất nhiều câu thơ làm bạn thích thú vô cùng. Sau cuốn này thì mới kể tới cuốn Kinh Thánh, kinh Koran và tất cả những sách thánh của Đông phương. Tất cả những cuốn sách này đã được viết từ thuở khai thiên, lập địa. Giờ đây, tôi xin kể mặt kỹ thuật và lai lịch của cuốn

sách... Khi mở sách này ra, bạn sẽ nghĩ thấy ngay cái mùi nước mũi kỳ dị trên các tấm hình. Hóa phẩm chẳng có một cái nhìn viễn ảnh gì là đúng cả. Ngay ở đầu là một bức tự họa, tác giả mặc một quần bó sát đứng nghiêng. Mắt đeo kính cận thị nặng, hiệu Toric gọng số U-31. Lúc bình thường, tác giả nhìn mắt không rất cận thị đến độ các vật nhìn gần như là giấc mơ tất cả. Nhờ kỹ thuật mơ như vậy, hần bật mí được tất cả cái vỏ bề ngoài hay chết của hần và đi tới chỗ nắm được con người sẽ là của hần và những tính nết đang hình thành. Giờ đây chỉ còn khía cạnh vô định của bản chất hần là thấy rõ rệt. Nhờ cách đè nén những chủ thể thấy được, hần đã đi sâu vào cái ngai thiêng của thói quen điên điên khùng khùng của hần và hần bơi lội trong đó một cách vô cùng khoái trá... trong vũng bùn lầy nhơ nhớp của cái tôi

thật sự của hấn. Nhưng bạn sẽ hỏi, thế ý nghĩa hình con chim bên tay trái hấn là gì? Nó có nghĩa thế này: con chim biểu tượng cho cái gì siêu hình, đó là giống thiên cưu từ thời đệ tứ đại. Lưng nó có một lỗ nhỏ phát ra những giọng ca riu rít nói về bản chất sự vật. Về hình thù, thì giống chim đó đã mất giống từ lâu rồi, nhưng người ta còn lấy nó làm vật tượng trưng rất phù hợp. Người Đức đã bắt tử hóa nó trên những chiếc đồng hồ treo. Ở Thái Lan, người ta đã đúc hình nó trên những đồng tiền hồi Vương triều thứ 23. Nếu nhìn kỹ, ta thấy đôi cánh nó bị què, vì trong cảnh gần như tê bại vì giấc mơ, nó chả cần bay, nhưng chỉ cần tưởng rằng nó đang bay. Hai bên mỏ nó trông lộn xộn như chiếc bạc đạn đặc biệt bị mất khi nó đang bay qua sa mạc Gobi. Con chim hoàn toàn không dâm ô và chả bao giờ ta thấy nó nằm ổ cả. Nó

để chỉ một cái trứng cỡ hạt để để khỏi mất giống. Khi đói, nó ăn chất tuyệt đối, nó không phải như chim quạ chỉ ăn xác chết. Nó luôn luôn thiên cư và mặc dầu đôi cánh bé nhỏ, nó luôn bay trên những con đường vĩ đại tưởng tượng. Điều này đã rõ rồi, giờ ta sang một cái gì ta thấy tác giả đeo lưng lẳng ở khuỷu tay trái. Thành thật thì cái này hơi khó cắt nghĩa vì đó là hình ảnh của một vẻ đẹp tuyệt vời làm trí óc ta rung động. Trước hết, ta thấy dù nó có tiếp xúc với khuỷu tay, nhưng lại không treo đúng ở khuỷu tay. Nó nằm giữa cánh tay, nghĩa là nó là một biểu tượng hơn là một ý niệm chính xác. Con số viết trên đó tượng trưng với một câu châm ngôn. Con số này luôn nằm ở dưới các khuôn nhạc. Như thứ toán học không thể lượng được. Con số này làm ta nhớ lại dạng thức về cơ thể, hình thức kiến trúc của nó cũng tuyệt vời như luận

lý học. Hiểu được điểm này rồi, tôi xin thêm rằng cái hình chóp nón ở phía sau có thể có ý nghĩa như vậy: sự làm biếng. Đó không phải là thứ làm biếng thông thường như lý thuyết của Pauline, nhưng là thứ làm biếng định kỳ, do ảnh hưởng của sự khoái lạc đem lại. Có thể cái quăng trên hình chóp nón không phải là chiếc đĩa sắt của môn liệng đĩa, hoặc cái phao nhưng là chỉ có tính cách biểu thức nghĩa là một thứ ảo tượng biểu trưng cho cái vòng vây quanh Hải Vương Tinh.

Giờ đây, bạn đọc thân mến, tôi muốn bạn hãy sẵn sàng hỏi tôi câu nữa trước khi tôi xếp bức vẽ đó vào mục D thay cho Dã Yên Thảo. Có ai có điều chi minh xác trước khi ta nhìn vào bộ mặt chết đáng yêu này, một lần nữa? Tôi có nghe thấy ai đang nói hoặc nghe tiếng giày lộp cộp không? Hình như tôi nghe

như có ai muốn hỏi điều gì? Có người hỏi tôi phải chăng cái bóng dáng nhỏ nhỏ ở chân trời là một người có vóc nhỏ phải không? Đúng không? — Anh Eaton, có phải anh hỏi thế phải không? Anh Eaton đâu có biết. Anh nói có thể đúng có thể không. Vậy thì anh đúng và anh sai. Eaton à. Sai, bởi vì theo luật cấm đồ thể nọ không cho phép ta nói cái gì đã biết lại bảo là không biết; sai, bởi vì cái phương trình ghi bằng một ngôi sao nhỏ, trong khi điểm ghi lại ở chỗ vô cực. Đúng, vì tất cả những điểm này đều sai, không chắc, phải sửa lại, vì chưa đủ yếu tố quyết định. Eaton ơi, anh thấy ở chân trời là một người có dáng vóc nhỏ hay là một chiếc mũ bị vò ra. Đó là hình ảnh của một thói quen. Nó thu hẹp lại để trở thành lớn lao. Khi thói quen che mờ cả vầng trăng thì con người càng ngày càng mất hình ảnh đích thực của mình Khi đã

dàn giải ra khắp nơi Rồi thì nó còn gì gọi là bóng ảnh nữa. Và nó sẽ đứng ở thứ 49 của bài về chưa được viết và sẽ tan hút trong lửa lạnh. Có thể lúc ấy sẽ chả còn gì là điên khùng, quá trớn mọi sự đều đã thăng bằng. Thân xác lột hết da. Cơ quan trong cơ thể lộ liễu hết. Có lẽ rồi lại có biến khi bạn phải xếp lại ruột gan theo đúng vị thế của chúng. Bình minh dâng lên trong nội tạng. Không cần có luận lý và tiên đoán nữa. Có thể là một Trời Mới, Đất Mới. Con người sẽ được xá tội. Ghi chữ T thay chữ THIÊN ĐỊNH.

SA MẠC NGƯỜI

Cứ tưởng tượng trong tay bạn chẳng có gì ngoài Định Mệnh. Bạn ngồi trong lòng mẹ để giết thời giờ hoặc thời giờ giết bạn. Bạn ngồi và ca lên bài tân ca vạn vật ngoài tầm tay bạn. Luôn luôn ở ngoài tầm tay...

Lúc thành phố đáng yêu nhất là lúc lưỡi hái của thần Chết ra tay. Ở đô thị người ta sống như bất cần thiên nhiên, chỉ cần hơi điện tủ lạnh và những bức tường ngăn âm thanh. Nhà cửa chẳng khác gì những cái hộp chống lên nhau. Đường phố len lỏi giữa những

bức tường khô ráo với những móng tay sơn bóng, áo lông phơ phất trên nền trời chập chùng. Từ đáy những quan tài ta thấy mọc lên những đóa hoa giả do bưu điện gửi tới. Dưới dòng sông, có những nén vàng nằm yên. Một sa mạc đầy mica và tiếng chuông điện thoại reo vang vang.

Vào sẩm tối, khi thần Chết vận xương răng rắc, lũ đông đi lại dầy đặc, khuỷu tay đụng cùi chỏ, mỗi người là một thể giới cô độc, ngực chạm ngực, đẩy nhau vào bức tường của ích kỷ, phản kháng, cô độc, ép nhau như cá mòi, tất cả đều tìm một lối sống riêng cho mình. Khi sẩm tối, lúc đám đông chan hòa ánh điện, cả mặt trái thành phố như vùng đứng dậy nhất tề, xô đẩy những cửa ngăn rùm xuống hết. Trong cảnh tán loạn đó, có một con người trừu tượng rẽ đám đông mà đi. Hắn vô cùng ích kỷ và nằm tròn trong

cái vỏ ốc đơn độc của hần. Người ta gọi hần là «con người của chiều sâu,» hoặc là đơn nhất tính. Ai cũng tự cho mình là chẳng biết, chẳng nhớ gì cả ngoại trừ «con người chiều sâu» của mình, nhưng cái đó cũng thật sâu thăm thẳm như những vì sao xa tít mù trên không gian. Đây khắp không gian và thời gian là cái cảnh đơn độc vô cùng. Danh hiệu đó cứ lan tỏa mãi mãi và trở thành một cái gì trường tồn vĩnh cửu: Thượng Đế. Trong đám đông, đi không ai nghe tiếng động, trong cảnh xô bồ tán loạn, người cô độc đó là một nỗi kinh hoàng nhất trần gian: Thượng Đế. Thượng Đế chói sáng như một vì sao trên vòm trời lương tâm của con người: Thượng Đế của những con trâu, của những con tuần lộc, của con người... của...

Không bao giờ Thượng Đế hiện hữu

trong một đám đông vô thần như vậy. Không bao giờ Thượng Đế lại hiện hữu trong cái cảnh sầm tối, khi xương sống rung lên vì những điện tín báo ai tín, với những bài ca yêu đương luôn trong mọi thứ thần kinh phát ra từ các radio ở những cửa tiệm trên đường Broadway. Radio đập chát với máy phóng thanh và máy quay đĩa, ampli. Không bao giờ con người lại thấm thía nỗi cô đơn trong cái đám đông lũ lượt như thế. Con người của thành phố bị bao vây vì chính những phát minh của mình. Con người bị chìm trong cảnh đông nhất mênh mang. Cái thành trì đầy mạng nhện chằng của con người cô độc được xây lên trong mê tách ra khỏi cái thành trì cô độc thiếu tình thương của lũ đông. Chỗ trú ẩn cuối cùng này không một lối thoát, ngoại trừ đường lên trời. Từ đó ta bay về Trời, ghi lại những vết tích trên không trung.

Sống đời ở dưới lòng đất, những con sâu róm dần dà mọc cánh bay. Mất hút, không nhìn, không nghe, ngủ, nếm được, nó bay nhào về cõi Vô Tri. Bay mãi. Bay mãi. Bay tới bất cứ nơi nào trong vũ trụ: Thổ Tinh, Hải Vương Tinh, Vega... không cần biết là đi tới đâu, miễn đi khỏi trái đất là được. Cao lên trên không xanh với những tiếng nổ lộp bộp ở đằng sau. Con sâu thiên thần đó bay như điên. Nó uống và ăn ngược đầu, ngủ cũng ngược đầu luôn. Làm gì cũng ngược cả. Với tốc độ nhanh nhất, thân thể nó nhẹ hơn không khí. Ở một nhịp độ tối đa, nó là một giấc mơ. Một mình trong không xanh, nó tung cánh hướng về Thượng Đế với tiếng kêu vù vù. Chuyến bay cuối cùng. Giấc mơ cuối cùng của sự sanh đẻ trước khi dạ con bị chọc thủng.

Giờ đây, đâu là kẻ đã vùng ra khỏi

cơn ác mộng vô tận để vụt ra ánh sáng. Ai là kẻ đứng trên mặt đất với bộ phổi xếp lép, miệng ngậm con dao, mắt như nổ ra? Đớn đau vì phiền muộn và hấp hối, nó đứng kinh hoàng giữa dòng nước chảy xiết, bại hoại của thế giới. Mắt đỏ ngầu máu, hắn nhìn cái thế giới này có vẻ huy hoàng biết bao. Cái thế giới của loài người đầy tươi sáng và đẫm máu xiết bao. Nhìn xem kìa, hắn đang ngồi trên xe trượt tuyết lăn tròn, chân cụt, mắt lòi ra hết. Bạn có nghe hắn đang đàn không? Hắn đang đàn «Bài Ca Tình Bác Ái,» khi hắn đang lướt trên xe trượt tuyết bé nhỏ. Ở quán cà phê, một mình với giấc mơ, súng lục giấu dưới tim, có một người khách đang ngồi, một kẻ thất tình. Khách đã đi hết rồi còn mình hắn. Hắn cô độc với nỗi cô độc của hắn. Khẩu súng lục im lặng. Bên cạnh hắn có một con chó và một khúc xương. Con chó không cần ăn

xương. Chó cũng cô độc. Ánh nắng ủa tràn vào cửa sổ, chiếu sáng trên cái sọ màu tím của kẻ bị tình phụ. Mặt hăn tái mét, cắt không một giọt máu.

Mùa đông cuộc đời đẹp xiết bao. Mặt trời tái mét và các thiên sứ bay về trời với tiếng pháo nổ lộp bộp. Ta cứ đi thật nhẹ nhàng và suy tư qua các phố. Vận động trường mở toang và ta thấy những hình nhân mới được làm bằng các ống khói bếp và các ống tròn chuyển động theo các lược đồ. Hình nhân mới này không thể bị tàn tạ vì các bộ phận có thể thay thế được. Những con người mới này không có mắt, mũi, tai, miệng, không đầu gối và bàn chân. Những con người không biết cách mạng và nổi loạn là gì cả. Phố phường vui vẻ và đông đúc xiết bao. Trên cửa hầm rượu, Jack và Ripper đang đứng xoay một cái trục, vị linh mục

đang lên tòa giảng... bị cưỡng lên thùng cả quần. Các chương lý đang đi tay khệ nệ những bìa đựng giấy dây cộm, còi xe hơi bóp hết cỡ. Con người đang say sưa với niềm tự do mới được thành lập. Một cảnh tượng vô tận của máy điện báo ghi âm, những người không bàn tay điều khiển các hình trụ; trụ nhà máy chạy suốt đêm ngày để sản xuất thêm nào là laptop, xúc xích, nào là giày đeo quần, cúc áo, lưỡi lê, than đốt, nha phiến tẻ, những chiếc rìu sắc hơn, những chiếc súng lục tự động hơn.

Tôi không thể nghĩ rằng có một ngày nào khác lại đẹp hơn cái ngày đó giữa thế kỷ hai mươi, khi mặt trời úa héo, có một người bé nhỏ ngồi trên xe trượt tuyết thối sáo «Bài Ca Tình Bác Ái.» Ngày đó chiếu sáng trong lòng tôi với làn ánh sáng nhợt nhạt, như thể tôi là con người buồn nhất

trên đời mà tôi vẫn không muốn là bỏ trái đất.

Cuộc thiên cư vĩ đại, cuộc bay cuối cùng về trời tới đô thị linh thiêng. Nhìn xuống, tôi thấy trái đất mềm như bông và rất đáng yêu. Trái đất không người. Trừ tuyệt hết mọi kẻ săn Thượng Đế, trừ tuyệt hết mọi cảnh trụy lạc dâm ô. Người Mẹ của mọi sinh vật quay cuồng một cách đáng yêu, và uy hùng. Trái đất không còn biết Chúa, không còn biết tình bác ái và tình yêu thương. Trái đất là một tử cung vừa sáng tạo vừa phá hủy.

Loài người không thuộc về trái đất nhưng thuộc về Thượng Đế. Hãy dẫn hân về với Thượng Đế trong cảnh trần truồng, trụy lạc, rách nát, chia rẽ, cô độc hơn là cái hổ thẹn. Tuy nhiên hôm nay, một chút Tiến Bộ và Phát Minh đã cùng tôi đang lên đỉnh núi cao. Mai đây, con người vẫn

minh trên trái đất sẽ chết vì thuốc độc và gươm giáo, súng đạn. Nhưng hôm nay, bạn còn có thể tắm gội trong tình yêu thương kỳ diệu của Thượng Đế. Hôm nay đây, vẫn còn phòng ca nhạc, giấc mơ, ảo tưởng. Chỉ còn năm phút cuối cùng. Một giấc mơ, một bài luân xướng khúc, không có đoạn chót. Mọi nốt nhạc chết đi như những miếng thịt treo trên móc câu, một chứng hoại thư mà âm điệu bị chìm trong vũng mủ thối. Một lần nữa, cơ thể cảm thấy trong vòng tay thần Chết, đang sung sướng run người. Một niềm phấn khởi vượt lên cơn hấp hối của một người chết vì đê nhất khoái và đê tam khoái là một. Cái xoáy nước! Mọi vật bị hút vào đó và chìm luôn trong đó. Cái man rợ chưa từng thấy trên đời, bắt đầu quấy cái đuôi lung tung và khắp mọi ngõ ngách trong những mê lộ và giờ đây nó tiến tới trung tâm tử điểm, quay

tít và tóe ra những tia lửa xuyên vào mọi ngõ ngách tâm hồn. Cứ quay cuồng hoài hủy như ma cà rồng xoi hết vòng bụng, thùng chứa rượu, xương sườn, da, máu, các mô, tinh thần, trái tim... tất cả đều bị tiêu ma chẳng còn sót một cái gì cả.

Đây là đô thị và đây là âm nhạc. Một dòng sông bất tận của thói lãng mạn thoát ra từ cái hộp đen nho nhỏ, có những con cá sấu khóc. Tất cả đều hướng đi lên phía đỉnh núi. Tất cả đều tiến lên từng bậc. Từ căn nhà uy quyền, Thượng Đế đổ tràn xuống phố những âm nhạc và âm nhạc. Chính Thượng Đế vắn nhạc lên mỗi chiều chúng ta quên vắn. Có vài người trong chúng tôi được Chúa ban cho mẫu bánh, có người được chiếc bích qui Rolls Royce. Tất cả đều hướng về các lối đi ra, bánh đóng đầy trong các hộp. Cái gì làm cho tất cả chân chúng tôi cùng hợp lại để

hưởng tới cảnh cao siêu, tươi sáng. Phải chăng đó là bản «Bài Ca Bác Ái» mà Ba Vua Phương Đông đã được nghe trong máng cỏ. Một người không chân, mắt mù đang ngồi trên xe trượt tuyết nho nhỏ thổi sáo Bài Ca Bác Ái. Chiếc xe lăn bánh qua Đô Thành linh thiêng. Chính Bản Ca Bác Ái đã đổ ra hàng triệu những hộp nho nhỏ từng đợt lại từng đợt, đến nỗi những người anh em da màu của đồng bé nhỏ mãi tận Phi Luật Tân cũng được nghe. Chính Bài Ca Bác Ái tuyệt vời này đã tăng sức mạnh cho chúng ta để xây lên những tòa nhà cao ngất, hạ thủy những chiến hạm lớn nhất và bắc những cây cầu qua những con sông rộng nhất. Chính Bài Ca Bác Ái này đã ban cho chúng ta lòng can đảm để giết hàng triệu người tức khắc bằng cách chỉ bấm vào một cái nút. Bài ca này cũng cho ta có nghị lực để cưỡng đoạt trái đất và làm

cho mọi sự vật thành trần trụi.

Đi lên đỉnh núi, tôi khảo cứu những góc cạnh cứng ngắc của những bin-đinh, mà mai đây sẽ đổ rùm trong khói lửa ngất trời. Tôi khảo cứu chương trình hòa bình của chúng ta kết thúc bằng một trận bão đạn, mưa bom. Tôi khảo thấy trong các cửa tiệm lấp lánh đầy những sáng chế tối tân để mai đây thành vô dụng. Tôi khảo thấy bộ mặt rách nát vì lao nhọc, đau khổ và dạ dày lép kẹp của bạn. Tôi khảo cứu con người cá nhân của anh và thấy anh thối tha quá mức. Anh thối tha như Thượng Đế với tình yêu đầy xót thương và sự khôn ngoan của Ngài. Thượng Đế, đáng ăn thịt người! Thượng Đế, loài cá mập đang bơi cùng với những loại ký sinh!

Ta nên nhớ chính Thượng Đế mỗi buổi sáng đã vặn radiolên. Chính Thượng

Đế đã làm mắt ta ngợp trong ánh sáng chói lòa. Không bao lâu, chúng ta sẽ về với Thượng Đế và nằm gọn trong lòng Ngài, cùng tụ họp với nhau trong niềm hạnh phúc đời đời với Ngôi Lời và bình đẳng trước Pháp Luật. Đó tất cả cũng nhờ tình yêu, một tình yêu bao la vĩ đại mà bên cạnh đó thì máy phát điện mạnh nhất cũng chỉ như tiếng muỗi vo ve.

Giờ đây, tôi tạm biệt bạn cùng với đô thành linh thiêng của bạn. Giờ đây tôi ngồi trên đỉnh núi để chờ 10.000 năm khác trong khi bạn chiến đấu để vượt lên vùng ánh sáng... Chiều nay, tôi chúc bạn làm sao cho ánh sáng dịu bớt đi, và bạn sẽ làm cho các máy phóng thanh câm họng hết. Chiều nay, tôi muốn ngồi suy ngẫm trong bình an và thanh tĩnh. Tôi muốn quên đi trong giây lát rằng bạn đang hung hăng trong căn nhà bé nhỏ của bạn.

Ngày mai đây, bạn có thể thực hiện công việc tàn phá chính thế giới của bạn. Ngày mai, bạn sẽ ca hát trên Thiên Đàng bên trên những cảnh tàn phá đang bốc khói của chính cái Thành Đô trần gian của bạn. Nhưng đêm nay, tôi muốn nghĩ tới một con người, một kẻ cô độc, không có tên gọi, không có quê hương, một con người mà tôi kính trọng bởi vì người đó là một cái gì tuyệt đối, độc đặc, không có gì là giống với bạn cả đó là chính – THĂNG TÔI. Đêm nay, tôi muốn suy tư về cái con người của tôi là gì.

LOUVECIENNES, CLICHY;
VILLA SEURAT 1934-35.

SÀI-GÒN VIỆT-NAM.
MÙA THU 1971
Biệt Thự: QUỲNH-DAO

